

BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý, THAM VẤN CHÍNH SÁCH CỦA DỰ ÁN NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân

Ngày 31/12/2025, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 2835/QĐ-TTg ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10. Theo đó, tại STT 27 Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này, giao Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan trình Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế TNCN (TNCN). Thực hiện Quyết định, ngày 26/3/2025, Bộ Tài chính đã có công văn số 3715/BTC-CST gửi xin ý kiến về dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế TNCN.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến

Các cơ quan, tổ chức được gửi lấy ý kiến theo công văn số 3715/BTC-CST bao gồm các Bộ ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân (UBND) các tỉnh, thành phố, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, đồng thời cũng đã đăng dự thảo trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi của nhân dân.

Đến ngày 29/5/2026, Bộ Tài chính đã nhận được 71 văn bản tham gia ý kiến (11/17 Bộ, cơ quan ngang Bộ; Đài tiếng nói Việt Nam; Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Đài truyền hình Việt Nam; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; 24/34 địa phương, 27 Hiệp hội, hội, doanh nghiệp, tổ chức và các ý kiến trên Cổng Thông tin điện tử Chính phủ), trong đó: 16 đơn vị nhất trí hoàn toàn.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh			
	Nguyễn Văn Hùng (Email: nhung16062003@gmail.com, Tầng 18, Tòa tháp Hòa Bình, Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội)	Đề xuất sửa thành: Gộp chung cả Điều 1 và Điều 2 thành: Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và Đối tượng áp dụng, trong đó khoản 1 sẽ quy định về phạm vi điều chỉnh và khoản 2 sẽ quy định về đối tượng áp dụng. Đề xuất gộp Điều 1 và Điều 2 là phù hợp nhằm tinh gọn cấu trúc văn bản, tránh phân tán nội dung và tăng tính logic, dễ theo dõi. Việc quy định tại cùng một điều với hai khoản riêng biệt (khoản 1 về phạm vi điều chỉnh, khoản 2 về đối tượng áp dụng) cũng phù hợp với kỹ thuật lập pháp và thông lệ theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025, đồng thời giúp người đọc nhanh chóng xác định phạm vi và đối tượng điều chỉnh của Nghị định.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định gửi xin kiến. Quy định như tại dự thảo Nghị định đảm bảo tách bạch hai nội dung là: về phạm vi điều chỉnh và về đối tượng áp dụng Nghị định. Quy định này cũng đảm bảo thống nhất với các văn bản quy phạm pháp luật về thuế khác có liên quan.
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (công văn số 2897/NHNN-TCKT ngày 14/4/2026)	Theo phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định 2835/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 về việc ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10, Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì soạn thảo Nghị định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNCN (khoản 4 Điều 2; điểm c khoản 2, điểm d khoản 10, khoản 11 Điều 3). Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định để đảm bảo quy định đầy đủ nội dung đã được phân công.	Tiếp thu ý kiến tham gia, cơ quan soạn thảo đã thực hiện rà soát, hoàn thiện lại phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định để đảm bảo quy định đầy đủ nội dung đã được phân công tại Quyết định 2835/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với các quy định tại Luật thuế TNCN số 109/2025/QH15.
Điều 2. Đối tượng áp dụng			

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 3. Người nộp thuế			
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (công văn số 2897/NHNN-TCKT ngày 14/4/2026)	Khoản 1 Điều 3: Đề nghị cân nhắc không quy định lại nội dung đã được quy định tại Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Nội dung này phù hợp với phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định, trong đó đã quy định cụ thể hơn về việc xác định người nộp thuế tại Điều 4 và Điều 5. Việc quy định như dự thảo Nghị định sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế trong việc thực hiện, không phải cùng lúc tra cứu nhiều văn bản khác nhau.
Điều 4. Cá nhân cư trú			
	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (công văn số 3749/BNNMT-KHTC ngày 10/4/2026)	Đề nghị quy định cơ chế cho phép các chuyên gia nước ngoài sang làm việc theo các Hiệp định quốc tế, chương trình, dự án ODA và các nguồn viện trợ khác được đăng ký tư cách “<i>cá nhân cư trú</i>” ngay từ thời điểm bắt đầu làm việc tại Việt Nam nếu căn cứ trên Hợp đồng chuyên gia hoặc Văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổng thời gian làm việc dự kiến trong năm đạt từ 183 ngày trở lên (không phân biệt làm việc liên tục hay ngắt quãng). Lý do: Có các dự án thường thuê chuyên gia tư vấn theo đợt huy động rải rác trong năm, nếu máy móc áp dụng việc đếm ngày thực tế có mặt, trong những tháng đầu chuyên gia sẽ bị khấu trừ 20% (thuế suất cho cá nhân không cư trú), việc này gây khó khăn cho công tác quyết toán, hoàn thuế sau này khi họ đủ 183 ngày.	Dự thảo Nghị định đã thể hiện được nội dung góp ý. Do đó, đề nghị giữ như dự thảo Nghị định đã gửi xin ý kiến.
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (công văn số 2897/NHNN-TCKT ngày 14/4/2026)	Khoản 2 Điều 4: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định về “nơi ở thường xuyên” tại dự thảo Nghị định, đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Cư trú về “chỗ ở hợp pháp”, “nơi ở hiện	Nội dung tại dự thảo Nghị định phù hợp với Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 và cơ bản kế thừa các quy định hiện hành

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	14/4/2026)	tại” (Điều 2) và điều kiện đăng ký thường trú (Điều 20).	đã được thực hiện ổn định trong thời gian qua và không phát sinh vướng mắc.
	Bộ Xây dựng (công văn số 5960/BXD-KHTC ngày 22/4/2026)	Dự thảo Nghị định quy định tiêu chí xác định cá nhân cư trú là có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên hoặc có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định áp dụng đối với cá nhân là phi công, tiếp viên hàng không, thuyền viên và người lao động làm việc lưu động quốc tế trong lĩnh vực vận tải - là các đối tượng có tính chất công việc đặc thù, thường xuyên di chuyển giữa nhiều quốc gia - nhằm bảo đảm phù hợp thực tiễn, tránh phát sinh đánh thuế trùng và hạn chế tranh chấp quốc tế.	Dự thảo Nghị định đã quy định tiêu chí xác định cá nhân cư trú. Đối với các nước mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế thì được trừ số thuế thu nhập cá nhân đã nộp tại nước ngoài vào số thuế thu nhập cá nhân phải nộp ở Việt Nam theo quy định của Hiệp định.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (công văn số 2278/THO-NVDTTPC ngày 07/4/2026)	Tại điểm b khoản 2 Điều 4 Dự thảo quy định: <i>“Điều 4. Cá nhân cư trú</i> ... <i>2. Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam theo một trong hai trường hợp sau:</i> ... <i>b) Có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nhà ở, với thời hạn của các hợp đồng thuê từ 183 ngày trở lên trong năm tính thuế, cụ thể như sau:</i> <i>Cá nhân chưa hoặc không có nơi ở thường xuyên theo hướng dẫn tại điểm a khoản này nhưng có tổng số ngày thuê nhà để ở theo các hợp đồng thuê từ 183 ngày trở lên trong năm tính thuế cũng được xác định là cá nhân cư trú, kể cả trường hợp thuê nhà ở nhiều nơi. Nhà thuê để ở bao gồm cả trường hợp ở khách sạn, ở nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ, ở nơi làm việc, ở trụ sở cơ quan không phân biệt cá nhân tự thuê hay người sử dụng lao động thuê cho người lao động.”</i> Vướng mắc:	Nội dung tại dự thảo Nghị định phù hợp với Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 và cơ bản kế thừa các quy định hiện hành đã thực hiện ổn định thời gian qua và không phát sinh vướng mắc. Do đó, cơ quan soạn thảo đề nghị giữ như quy định tại dự thảo Nghị định đã gửi xin ý kiến.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Dự thảo liệt kê “<i>nhà thuê để ở bao gồm khách sạn, nhà nghỉ...</i>” nhưng không đi kèm tiêu chí kiểm soát, tiêu chí hồ sơ, chứng từ cụ thể. Cơ quan Thuế không có căn cứ thực tế để xác định cá nhân có thực sự lưu trú tại các cơ sở ngắn hạn này từ 183 ngày trở lên hay không nếu không gắn với dữ liệu khai báo tạm trú. Đối với trường hợp người sử dụng lao động (tổ chức) thuê nhà dài hạn (hợp đồng trên 183 ngày) cho nhiều chuyên gia luân phiên sang Việt Nam công tác. Thực tế, dựa trên dữ liệu xuất nhập cảnh, mỗi chuyên gia chỉ lưu trú tại Việt Nam một thời gian ngắn (ví dụ vài tuần). Nếu cơ quan Thuế chỉ căn cứ vào “hợp đồng thuê nhà của tổ chức” để ấn định tất cả các chuyên gia luân phiên này đều là cá nhân cư trú thì sẽ không phản ánh đúng bản chất lưu trú thực tế, dẫn đến xung đột với Hiệp định tránh đánh thuế hai lần. Do đó đề nghị sửa đổi bổ sung như sau: “Điều 4. Xác định cá nhân cư trú ... 2. Nơi ở thường xuyên quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm một trong hai trường hợp sau: ... “b) Có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nhà ở, với thời hạn của các hợp đồng thuê từ 183 ngày trở lên trong năm tính thuế. Việc xác định nhà thuê để ở căn cứ vào hợp đồng thuê nhà và thông tin đăng ký tạm trú theo quy định của pháp luật. Trường hợp tổ chức, người sử dụng lao động thuê nhà cho người lao động, địa điểm này chỉ được tính là nơi ở thường xuyên của cá nhân nếu hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng chỉ đích danh cá nhân đó sử dụng và cá nhân có dữ liệu khai báo tạm trú hoặc thời gian lưu trú thực tế tại Việt Nam (căn cứ theo chứng thực của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh) từ 183 ngày trở lên.	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>Trường hợp cá nhân được xác định là cá nhân cư trú của Việt Nam theo quy định tại Điều này nhưng đồng thời là đối tượng cư trú của quốc gia, vùng lãnh thổ khác theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần mà Việt Nam là thành viên, việc xác định trạng thái cư trú thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Hiệp định.”</i>	
	Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (công văn số 1506/NAN-NVDTTPC ngày 07/4/2026)	Tại điểm b khoản 2 Điều 4 Dự thảo Nghị định đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu lại nội dung: cộng dồn số ngày lưu trú tại khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ để xét điều kiện cư trú đối với người nước ngoài. Lý do: Việc quy định như trên sẽ tạo rủi ro pháp lý, vừa tạo gánh nặng theo dõi cho cơ quan quản lý, vừa tạo áp lực cho người nộp thuế phải có đầy đủ hồ sơ chứng minh.	Dự thảo Nghị định đã thể hiện được nội dung góp ý, cụ thể tại điểm b khoản 2, Điều 4 đã quy định: b) Có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nhà ở, với thời hạn của các hợp đồng thuê từ 183 ngày trở lên trong năm tính thuế, cụ thể như sau: Cá nhân chưa hoặc không có nơi ở thường xuyên theo hướng dẫn tại điểm a khoản này nhưng có tổng số ngày thuê nhà để ở theo các hợp đồng thuê từ 183 ngày trở lên trong năm tính thuế cũng được xác định là cá nhân cư trú, kể cả trường hợp thuê nhà ở nhiều nơi. Nhà thuê để ở bao gồm cả trường hợp ở khách sạn, ở nhà khách, nhà nghỉ, nhà trọ, ở nơi làm việc, ở trụ sở cơ quan không phân biệt cá nhân tự thuê hay người sử dụng lao động thuê cho người lao động.
	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS (công văn số 160/2026/CV-VPS ngày 03/4/2026)	Đề xuất xây dựng cơ chế phối hợp, liên thông dữ liệu giữa cơ quan thuế, cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan quản lý dữ liệu cư trú để đảm bảo được việc thực hiện xác định cá nhân cư trú chính xác, tránh trường hợp các Bên lập hợp đồng không trung thực. Thực tiễn hiện nay vẫn còn nhiều khó khăn khi áp dụng quy định này để xác định cá nhân cư trú đặc biệt là đối với các tổ chức, doanh	Nội dung này thuộc phạm vi pháp luật về quản lý thuế.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		ng nghiệp có lao động nước ngoài. Việc xác định một cá nhân là cư trú hay không cư trú ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định căn cứ tính thuế. Do đó, Dự thảo đã làm rõ và quy định chi tiết về khái niệm này để các doanh nghiệp có thể xác định cụ thể thể nào là “<i>cá nhân cư trú</i>”. Cụ thể: - Quy định này đã chi tiết và cụ thể hơn so với Luật Thuế TNCN cũ, khắc phục được hạn chế trong việc xác định “<i>183 ngày</i>” và “<i>nơi ở thường xuyên</i>” theo quy định cũ. - Ví dụ: Chỉ cần có hợp đồng thuê nhà từ 183 ngày trở lên hoặc tổng số ngày của các hợp đồng thuê nhà từ 183 ngày trở lên, không quan tâm số ngày ở trên thực tế. - Phải chứng minh cụ thể việc cư trú không thường xuyên ở Việt Nam nếu không muốn bị áp thuế theo đối tượng cá nhân cư trú.	
	Công ty Cổ phần Tư vấn EY Việt Nam (công văn số 2026/0428/EY-TNCN ngày 28/4/2026)	Trên thực tế, khi làm thủ tục xuất nhập cảnh, ngoài quầy đăng ký thủ công có dấu đến và đi của cơ quan xuất nhập cảnh, người nước ngoài, nếu đáp ứng đủ điều kiện hoặc người Việt Nam có hộ chiếu gắn chip đều nhập cảnh hoặc xuất cảnh qua cổng kiểm soát tự động (autogate). Do vậy, hộ chiếu sẽ không có dấu xuất, nhập cảnh. Chúng tôi kiến nghị bổ sung để bao quát hơn các giấy tờ chứng minh sự hiện diện của cá nhân như sau: <i>Ngày đến và ngày đi được căn cứ vào chứng thực của cơ quan xuất nhập cảnh trên hộ chiếu, giấy thông hành hoặc các tài liệu khác (vé máy bay, thẻ lên máy bay-boarding card v.v...) liên quan tới mục đích nhập cảnh, xuất cảnh của cá nhân khi đến và khi rời Việt Nam.</i>	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể: Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam. Trong đó, đối với cá nhân nhập cảnh, xuất cảnh, ngày đến được tính là một ngày, ngày đi được tính là một ngày, trường hợp nhập cảnh và xuất cảnh trong cùng một ngày thì được tính chung là một ngày cư trú. Ngày đến và ngày đi được căn cứ vào chứng thực của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh trên hộ chiếu, giấy thông hành hoặc các tài liệu liên quan tới mục đích nhập cảnh, xuất cảnh của cá nhân khi đến và khi rời Việt

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Nam. Cá nhân có mặt tại Việt Nam theo quy định tại khoản này là sự hiện diện của cá nhân đó trên lãnh thổ Việt Nam.
	Hiệp hội thương mại Mỹ tại Việt Nam (công văn ngày 18/05/2026)	Trên thực tế, nhiều quốc gia đã áp dụng hệ thống xuất nhập cảnh tự động và không thực hiện đóng dấu xuất/nhập cảnh vào hộ chiếu (entry/exit stamp), dẫn đến khó khăn trong việc xác định chính xác số ngày hiện diện chỉ dựa trên hộ chiếu. Để bảo đảm tính khả thi trong thực tế và giảm gánh nặng hành chính cho người nộp thuế và doanh nghiệp, đề nghị sửa đổi Khoản 1 và Khoản 3, Điều 4 của Dự thảo để làm rõ phương pháp xác định số ngày cư trú trong các trường hợp này, đồng thời hướng dẫn cụ thể và cho phép sử dụng các tài liệu thay thế như dữ liệu xuất nhập cảnh, lịch sử di chuyển hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.	Nội dung này cơ quan soạn thảo đã nghiên cứu tiếp thu và giải trình ở trên.
	Thái Mạnh Cường (Email: cuong.thaimanh@gmail.com Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	(1) Tại dự thảo đang quy định: <i>“2. Phạm vi xác định thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập</i> <i>a) Đối với cá nhân cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.</i> <i>b) Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.”</i> Đề nghị bổ sung quy định xác định nơi phát sinh thu nhập (trong hay ngoài lãnh thổ Việt Nam) đối với trường hợp: <i>thu nhập phát sinh từ hoạt động được thực hiện tại nước ngoài nhưng do doanh nghiệp Việt Nam chi trả.</i> Doanh nghiệp Việt Nam tiến hành đầu tư, kinh doanh tại nước ngoài (như cung ứng dịch vụ tư vấn, môi giới, xây dựng...) có thể phát	Nội dung tại dự thảo Nghị định phù hợp với quy định tại Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 cơ bản kế thừa các quy định hiện hành đã thực hiện ổn định trong thời gian qua.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		sinh việc sử dụng lao động người nước ngoài (nước bản địa) hoặc sử dụng lao động Việt Nam (được cử đi làm việc ngắn hạn, dài hạn). Thu nhập mà các lao động này nhận được phát sinh từ hoạt động kinh doanh tại nước ngoài nhưng được chi trả bởi doanh nghiệp Việt Nam. Dự thảo chưa quy định rõ đây là thu nhập phát sinh trong hay ngoài lãnh thổ Việt Nam, dẫn tới vướng mắc trong tính và khấu trừ thuế. (2) Tại dự thảo đang quy định: <i>“2. Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam theo một trong hai trường hợp sau:</i> <i>a) Có nơi ở đăng ký thường trú cụ thể như sau:</i> <i>Đối với công dân Việt Nam: là nơi ở cá nhân sinh sống thường xuyên, ổn định không có thời hạn tại một chỗ ở nhất định và đã đăng ký thường trú theo quy định của pháp luật về cư trú.”</i> Đề nghị bổ sung phần in đậm như sau: <i>“Đối với công dân Việt Nam: là nơi ở cá nhân sinh sống thường xuyên, ổn định không có thời hạn tại một chỗ ở nhất định tại Việt Nam và đã đăng ký thường trú theo quy định của pháp luật về cư trú.”</i> Đề đảm bảo rõ ràng và loại trừ trường hợp công dân Việt Nam ra nước ngoài để làm việc và ở nước ngoài trong thời gian dài (như cử đi làm việc tại văn phòng đại diện, chi nhánh tại nước ngoài của doanh nghiệp).	
	Trần Diệp Hương (Vinhomes Smart City, Tây Mỗ, Hà Nội); email: trandiephuong2001@gmail.com; số điện thoại: 0934566222) - Gửi qua Cổng	Điều 4, điểm 1: Hiện nay, Việt Nam đang áp dụng hình thức auto-gate tại sân bay cho cá nhân người nước ngoài (NNN) khi xuất cảnh, nhập cảnh ở Việt Nam. Khi cá nhân dùng auto gate thì không có dấu xuất nhập cảnh trên hộ chiếu, gây khó khăn cho cá nhân/đơn vị khi đếm số ngày cư trú ở Việt Nam. Đề nghị ban soạn thảo bổ sung cách tính ngày khi người nước ngoài xuất nhập cảnh bằng hình thức auto-	Tiếp thu ý kiến tham gia và thể hiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể tại Điều 4 quy định: 1. Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong một năm dương lịch hoặc trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam. Trong đó, đối với cá

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thông tin điện tử Chính phủ	gate. Điều 4, điểm 2a: Hiện nay, NNN được phép sở hữu nhà ở theo Luật Nhà ở 2023. Trong trường hợp NNN sở hữu nhà ở thì có được coi là cá nhân cư trú hay không? Đề nghị ban soạn thảo cân nhắc và đưa vào quy định trong Nghị định.	nhân nhập cảnh, xuất cảnh, ngày đến được tính là một ngày, ngày đi được tính là một ngày, trường hợp nhập cảnh và xuất cảnh trong cùng một ngày thì được tính chung là một ngày cư trú. Ngày đến và ngày đi được căn cứ vào chứng thực của cơ quan quản lý xuất nhập cảnh trên hộ chiếu, giấy thông hành hoặc các tài liệu liên quan tới mục đích nhập cảnh, xuất cảnh của cá nhân khi đến và khi rời Việt Nam. Nội dung này đã được quy định cụ thể tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định, cụ thể: 3. Trường hợp cá nhân có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều này nhưng thực tế có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày trong năm tính thuế mà cá nhân không chứng minh được là cá nhân cư trú của nước nào thì cá nhân đó là cá nhân cư trú tại Việt Nam. Việc chứng minh là đối tượng cư trú của nước khác được căn cứ vào Giấy chứng nhận cư trú. Trường hợp cá nhân thuộc nước hoặc vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế với Việt Nam không có quy định cấp Giấy chứng nhận cư trú thì cá nhân cung cấp bản chụp Hộ chiếu để chứng minh thời gian cư trú.
Điều 5. Cá nhân không cư trú			

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 6. Thu nhập chịu thuế			
	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (công văn số 5018/DON-NVDTPC ngày 07/4/2026)	So với quy định trước đây, dự thảo Nghị định đã bổ sung khoản 3 quy định về việc áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần. Tuy nhiên, phạm vi xác định thu nhập chịu thuế của cá nhân không cư trú là “<i>thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập</i>” được quy định tại điểm b khoản 2 nêu trên hiện không rõ ràng, dẫn đến khó khăn trong quá trình xác định nghĩa vụ thuế TNCN đối với cá nhân không cư trú. Ví dụ: Đối với trường hợp cá nhân không cư trú phát sinh thu nhập tại Việt Nam và đề nghị áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, thì quy định tại điểm b khoản 2 là căn cứ ban đầu để xác định thu nhập có thuộc diện chịu thuế tại Việt Nam trước khi xem xét áp dụng Hiệp định. Trong khi đó, khoản 3 chỉ quy định việc áp dụng Hiệp định sau khi đã xác định có phát sinh thu nhập chịu thuế. Do đó, việc chưa làm rõ phạm vi xác định thu nhập chịu thuế tại điểm b khoản 2 dẫn đến khó khăn trong việc xác định nghĩa vụ thuế TNCN đối với cá nhân không cư trú. Trên thực tế, tại địa bàn tỉnh Đồng Nai phát sinh trường hợp: Cá nhân không cư trú là lao động của nhà thầu nước ngoài được cử sang Việt Nam để thực hiện công việc cho nhà thầu nước ngoài theo Hợp đồng dịch vụ ký giữa nhà thầu nước ngoài và doanh nghiệp tại Việt Nam. Tiền lương, tiền công của cá nhân do nhà thầu nước ngoài chi trả. Vướng mắc thực tế phát sinh: nếu xác định đây là thu nhập chịu thuế TNCN phát sinh tại Việt Nam theo quy định nêu trên thì sẽ dẫn đến: - Phát sinh thủ tục đề nghị áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai	Việc xác định thu nhập của người nộp thuế quy định tại điểm b, khoản 2 sẽ được căn cứ vào hồ sơ, chứng từ thực tế và quy định tại Hiệp định thuế. Nội dung tại dự thảo Nghị định được kế thừa từ quy định hiện hành, do đó, nghị giữ như dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		lần (và thuộc đối tượng hưởng Hiệp định do đáp ứng quy định tại Điều 31 Thông tư 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính); - Gia tăng thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp và cơ quan thuế. Quan điểm của Thuế tỉnh Đồng Nai cho rằng trường hợp nêu trên không thuộc trường hợp thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú phát sinh thu nhập chịu thuế tại Việt Nam theo quy định nêu trên. <u>Kiến nghị</u>: Để đảm bảo thống nhất trong thực hiện, đề nghị hướng dẫn cụ thể tiêu chí xác định “<i>thu nhập phát sinh tại Việt Nam</i>” đối với cá nhân không cư trú, trong đó phân định rõ trường hợp cá nhân không cư trú thực hiện dịch vụ thay mặt nhà thầu nước ngoài theo hợp đồng dịch vụ ký với doanh nghiệp Việt Nam có thuộc diện thu nhập chịu thuế TNCN tại Việt Nam hay không.	
	Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG	Về khoản 3 Điều 6 Đối với các nước mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế thì thực hiện theo quy định của Hiệp định. Luật và dự thảo Nghị định về thuế TNCN hiện chưa có chính sách khấu trừ số thuế đã nộp tại nước ngoài quy định riêng theo nội luật mà chỉ tham chiếu đến Hiệp định. Về mặt thủ tục, hiện chỉ có thủ tục khấu trừ theo Hiệp định được quy định tại Luật quản lý thuế. Việc này dẫn đến các hệ quả: - Đối với các nước chưa có Hiệp định với Việt Nam hoặc Hiệp định chưa có hiệu lực (VD: Mỹ), số thuế đã nộp tại nước ngoài không được khấu trừ, dẫn đến gánh nặng bị đánh trùng thuế cho người nộp thuế. Trên thực tế, để tránh việc bị đánh thuế hai lần trên cùng một khoản thu nhập, một số trường hợp cá nhân tự loại trừ khoản thu nhập	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định đã gửi xin ý kiến. Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 không quy định cá nhân cư trú có thu nhập phát sinh tại nước ngoài đã tính và nộp thuế TNCN theo quy định của nước ngoài thì được trừ số thuế đã nộp ở nước ngoài. Để đảm bảo ý nghĩa đối với các nước đã ký Hiệp định thì thực hiện theo Hiệp định, nếu tại nội luật quy định đối với cả các nước chưa ký Hiệp định mà cũng được trừ số thuế đã nộp tại nước kia dẫn đến không khuyến khích ký kết các Hiệp định thuế.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đã đóng thuế ở nước ngoài khỏi tờ khai thuế ở Việt Nam, dẫn đến thất thu thuế. Việc này cũng làm giảm sức hút về mặt lao động và đầu tư từ các quốc gia này. - Một điểm đáng lưu ý, khoản thuế đã nộp tại nước ngoài hiện không được coi là một khoản khấu trừ khỏi thu nhập chịu thuế tại Việt Nam của cá nhân cư trú do không nằm trong danh mục các khoản khấu trừ theo quy định của Luật (bao gồm giảm trừ gia cảnh, các khoản bảo hiểm bắt buộc, các khoản đóng góp từ thiện nhân đạo, các khoản chi phí y tế/giáo dục... Do vậy, trong trường hợp không có Hiệp định để áp dụng, khoản thu nhập tại nước ngoài vẫn thuộc phạm vi chịu thuế cho đối tượng cá nhân cư trú thuế những khoản thuế tương ứng đã nộp tại nước ngoài hoàn toàn không có cơ sở luật để thực hiện khấu trừ <u>Đề xuất:</u> (i) Sửa đổi khoản 3 Điều 6 về chính sách khấu trừ thuế đối với thu nhập phát sinh tại nước ngoài và đã nộp thuế tại nước ngoài. Cụ thể: đề nghị bổ sung cơ chế mở: cho phép áp dụng song song cả Hiệp định và nội luật (trường hợp không có Hiệp định). (ii) Bổ sung thủ tục khấu trừ thuế theo nội luật tương ứng trong Luật quản lý thuế để người nộp thuế có cơ sở áp dụng: tờ khai quyết toán kèm Giấy xác nhận số thuế đã nộp tại nước ngoài do cơ quan thuế nước ngoài cấp. Trong trường hợp cơ quan thuế nước ngoài không có cơ chế cấp Giấy xác nhận số thuế đã nộp, có thể sử dụng Giấy xác nhận số thuế đã khấu trừ và đã nộp của cơ quan chi trả thu nhập, hoặc chứng từ nộp tiền thuế ở nước ngoài trong trường hợp người nộp thuế tự kê khai và nộp thuế.	
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (công văn số 2897/NHNN-TCKT ngày	Về thu thuế TNCN đối với thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vàng miếng (trừ các trường hợp các nhân mua, bán vàng vì mục đích tiết kiệm, cất trữ, không nhằm mục đích kinh doanh, phù hợp với tập	Tại Khoản 10 Điều 3 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 có quy định: “ <i>Chính phủ quy định ngưỡng giá trị vàng miếng</i>

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	14/4/2026)	quán mua vàng tích trữ của người dân). Lý do: Tại Thông báo số 211-TB/VPTW ngày 30/5/2025 của Văn phòng Ban chấp hành trung ương thông báo Kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại buổi làm việc với Ban chính sách, chiến lược trung ương về cơ chế, chính sách quản lý hiệu quả thị trường vàng, đồng chí Tổng Bí thư đã có ý kiến chỉ đạo về một số yêu cầu đối với quan điểm, mục tiêu, các nhiệm vụ, giải pháp cho thời gian tới như sau: “ (2) Nghiên cứu, áp dụng thuế đối với giao dịch mua bán vàng để nâng cao tính minh bạch của thị trường, khả năng theo dõi thị trường của cơ quan quản lý và hạn chế mua bán vàng vì mục đích đầu cơ...”. Luật thuế TNCN số 109/2025/QH15 ngày 10/12/2025 đã quy định thu thuế đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng vàng miếng với thuế suất 0,1 % trên giá chuyển nhượng từng lần; <u>giao Chính phủ quy định ngưỡng giá trị vàng miếng chịu thuế, thời điểm áp dụng thu và điều chỉnh thuế suất.</u> Tuy nhiên, qua rà soát hồ sơ dự án Nghị định hướng dẫn Luật thuế TNCN, chưa có quy định hướng dẫn về thu thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng vàng miếng này. Việc hướng dẫn quy định này là cần thiết để thể chế hóa chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền nhằm minh bạch hóa và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với thị trường vàng, đặc biệt trong bối cảnh hiện nay giá vàng trong nước biến động tương đối phức tạp do ảnh hưởng bởi giá vàng quốc tế, tiềm ẩn rủi ro đầu cơ, tích trữ.	<i>chịu thuế, thời điểm áp dụng thu và điều chỉnh thuế suất thuế TNCN đối với chuyển nhượng vàng miếng phù hợp với lộ trình quản lý thị trường vàng”.</i> Quy định này đảm bảo Chính phủ có cơ sở pháp lý quyết định việc thu thuế và các nội dung cụ thể như ngưỡng chịu thuế, điều chỉnh thuế suất khi các điều kiện về quản lý thị trường vàng đáp ứng yêu cầu của công tác thu và quản lý thu. Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước cũng đang phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng Đề án thành lập sàn giao dịch vàng để báo cáo Chính phủ. Sau khi Đề án này được Chính phủ thông qua thì các Bộ, ngành mới có căn cứ hoàn thiện các quy định có liên quan đến việc quản lý thị trường vàng. Khi có các quy định này thì mới có căn cứ trình Chính phủ về việc áp dụng chính sách thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng vàng của cá nhân. Do vậy, tại dự thảo Nghị định chưa quy định chi tiết về việc thu thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vàng miếng.
	Nguyễn Văn Hùng (Email: nhung16062003@gmail.com, Tầng 18, Tòa tháp Hòa Bình, Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội)	Tại Khoản 10 Điều 3 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 có quy định: “<i>Chính phủ quy định ngưỡng giá trị vàng miếng chịu thuế, thời điểm áp dụng thu và điều chỉnh thuế suất thuế TNCN đối với chuyển nhượng vàng miếng phù hợp với lộ trình quản lý thị trường vàng</i>”. Ngoài ra, Luật cũng quy định thuế TNCN đối với thu nhập khác của	Về kiến nghị này, cơ quan soạn thảo đã giải trình ở trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		cá nhân không cư trú khi chuyển nhượng vàng miếng được xác định bằng giá chuyển nhượng nhân với thuế suất 0,1% Trong kết luận thanh tra các ngân hàng, công ty kinh doanh vàng của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vào tháng 5.2025 có đề cập vấn đề này. Cụ thể, kết luận nhắc đến việc một số khách hàng cá nhân có thực hiện hoạt động mua bán vàng miếng với ngân hàng, tần suất giao dịch liên tục nhiều lần trong ngày, trong tháng và đạt doanh số mua bán lên đến hàng ngàn tỉ đồng mỗi năm. Hoạt động này có dấu hiệu mang tính chất kinh doanh trong khi theo Nghị định số 24/2012, pháp luật không quy định việc cấp giấy phép kinh doanh mua bán vàng miếng cho cá nhân. Tuy nhiên, cá nhân vẫn được phép mua bán vàng miếng tại hoặc với các tổ chức được NHNN cấp giấy phép. Việc cá nhân mua bán vàng miếng với mục đích tìm kiếm lợi nhuận được pháp luật cho phép, phù hợp với khái niệm "kinh doanh" được quy định trong Luật Doanh nghiệp. Từ đó, kết luận thanh tra đặt vấn đề liệu hoạt động mua bán vàng miếng của cá nhân có thuộc diện chịu thuế TNCN theo quy định của luật Thuế TNCN hay không? Đề nghị Ban soạn thảo nghiên cứu đề quy định hướng dẫn thu thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vàng miếng như thế nào. Hiện nay, tôi hiểu rằng cơ quan quản lý đang nghiên cứu thành lập sàn giao dịch vàng nên cũng có thể khi sàn đi vào hoạt động sẽ áp dụng thu thuế TNCN trong chuyển nhượng giao dịch.	
	Trần Diệp Hương (Vinhomes Smart City, Tây Mỗ, Hà Nội); email: trandiephuong2001@gmail.com; số điện thoại: 0934566222) - Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính phủ	Điều 6, điểm 2a: dự thảo quy định về thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam đối với cá nhân cư trú. Quy định này dễ gây hiểu nhầm khi thực hiện. Ví dụ NNN tháng 1, 2 đã hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi sang Việt Nam. Trong năm từ tháng 3 đến tháng 12 là cá nhân cư trú tại Việt Nam. Khi NNN thực hiện quyết toán thuế TNCN, cán bộ thuế đều yêu cầu tổng hợp cả thu nhập ở nước ngoài để tính thuế (thu nhập	Dự thảo Nghị định đã thể hiện được nội dung góp ý, cụ thể tại khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị định đã quy định như sau: 2. Phạm vi xác định thu nhập chịu thuế của cá nhân cư trú và không cư trú được quy định như sau: a) Đối với cá nhân cư trú, thu nhập chịu

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		toàn cầu). Đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định chỉ tính thuế TNCN đối với thu nhập phát sinh cho công việc tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.	thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập; b) Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập. 3. Đối với các nước mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế thì thực hiện theo quy định của Hiệp định.
Điều 7. Thu nhập từ kinh doanh			
	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (công văn số 0685/LĐTM-PC ngày 16/04/2026)	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh và hành nghề độc lập (Điều 7) Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Dự thảo “<i>thu nhập nhận được từ hoạt động quản lý đại lý bảo hiểm</i>” được xem là thu nhập từ tiền lương, tiền công. Trong khi đó, khoản 2 Điều 7 Dự thảo quy định “<i>thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập của cá nhân có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề và có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật</i>” là thu nhập từ kinh doanh. Thực tế, các quản lý đại lý đăng ký kết hợp đồng với doanh nghiệp bảo hiểm theo hai hình thức: cá nhân hoặc cá nhân kinh doanh. Theo quy định trên, hoạt động quản lý bảo hiểm được xác định cứng là thu nhập từ tiền lương, tiền công. Điều này là chưa phù hợp trong trường hợp cá nhân thực hiện hoạt động quản lý bảo hiểm có đăng ký kinh doanh. Để đảm bảo phù hợp với thực tiễn, đề nghị điều chỉnh quy định theo hướng cho phép các quản lý đại lý bảo hiểm được lựa chọn	Tại dự thảo Nghị định đã thể hiện được nội dung góp ý. Căn cứ nội dung của hợp đồng giữa doanh nghiệp bảo hiểm và cá nhân để xác định thu nhập từ kinh doanh hay thu nhập từ tiền lương, tiền công.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		phương thức áp dụng thuế theo một trong hai loại: thu nhập từ kinh doanh đối với cá nhân đăng ký kinh doanh hoặc thu nhập từ tiền lương, tiền công đối với trường hợp cá nhân không đăng ký kinh doanh.	
	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (công văn 195/HHNH-PLNV ngày 14/4/2026)	Khoản 2 Điều 7 Dự thảo quy định: “ 2. <i>Thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập của cá nhân có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề và có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật</i>”. Việc cá nhân hành nghề độc lập mà không phải đăng ký kinh doanh được quy định trong nhiều luật chuyên ngành (ví dụ như cá nhân hành nghề độc lập thiết kế quy hoạch xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, giám sát khảo sát xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình theo Điều 158 Luật Xây dựng...). Do đó, đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét, chỉnh sửa Dự thảo theo hướng: “2. <i>Thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập của cá nhân có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề và có đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật trừ trường hợp không phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.</i>”	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ như tại dự thảo Nghị định gửi ý kiến. Khoản 1 Điều 7 dự thảo Nghị định đã bao quát các trường hợp xác định là thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật.
	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Nguyên Ngọc (Tầng 15, tòa nhà Century - khu đô thị Times City, số 458 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Hà Nội); email: congtynguyennngoc.ketoan@gmail.com; số điện thoại: 0888275006 - Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính Phủ Trần Quốc Đạt (Đông Ngạc,	Đề xuất: Sửa đổi Khoản 2, Điều 7, Dự thảo Nghị định theo hướng bổ sung quy định cho phép trường hợp các cá nhân nước ngoài/không cư trú cung cấp dịch vụ tại Việt Nam thì không cần có đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật Việt Nam, chỉ cần có chứng chỉ hành nghề/đăng ký kinh doanh theo quy định của nước sở tại. Lý do: Bối cảnh hiện nay, ngày càng có nhiều trường hợp cá nhân nước ngoài/không cư trú đến cung cấp dịch vụ ngắn hạn cho các tổ chức, cá nhân Việt Nam (ví dụ: dịch vụ đầu bếp, thể thao, nghệ sĩ, v.v.). Các cá nhân này có chứng chỉ hành nghề và đăng ký kinh doanh theo quy định của nước sở tại, nhưng chỉ thực hiện dịch vụ ngắn ngày tại Việt Nam, dẫn đến không thể thực hiện được các thủ tục về đăng ký	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nội dung này như tại dự thảo Nghị định đã gửi xin ý kiến. Tại khoản 1 Điều 7 đã quy định bao quát thu nhập từ kinh doanh bao gồm “Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật”

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Hà Nội); email: datquoctran.vn@gmail.com; số điện thoại: 0983198695 - Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính Phủ	kinh doanh hay đăng ký thuế tại Việt Nam. Thông thường trường hợp này đều bị khấu trừ thuế theo diện “ <i>tiền lương, tiền công</i> ” thay vì thu nhập từ kinh doanh. Đề xuất này của Chúng tôi giúp đảm bảo quyền lợi và phản ánh đúng bản chất thu nhập của cá nhân, góp phần tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, thu hút được nhân tài.	
	Hiệp hội bất động sản Việt Nam (công văn số 23/CV-HHBĐSVN ngày 17/4/2026)	Đề xuất: sửa đổi “2. Thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập của cá nhân có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề và được kinh doanh theo quy định của pháp luật.” Lý do: Việc có đăng ký kinh doanh hay không phụ thuộc vào quy định của pháp luật đối với từng loại hình kinh doanh, chủ thể kinh doanh. Do đó, Nghị định về thuế mà quy định “có đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật” là quy định không đúng lĩnh vực về thuế, mà sang quy định về thủ tục kinh doanh của pháp luật doanh nghiệp, đầu tư.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định ý kiến. Tại khoản 1 Điều 7 đã quy định bao quát thu nhập từ kinh doanh bao gồm “Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật”
	Tổng công ty Bảo hiểm PVI (công văn số 674/PVIBH-TCKT ngày 07/5/2026)	Xem xét và bổ sung vào điểm 3 Điều 7 của Dự thảo Nghị định, cụ thể: Cụm câu trong dự thảo: “3. Thu nhập từ hoạt động đại lý, kể cả đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, đại lý bán hàng đa cấp”. Cụm câu đề xuất chỉnh sửa: “3. Thu nhập từ hoạt động đại lý, kể cả đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, đại lý bán hàng đa cấp và các khoản thù lao từ cơ quan nhà nước do thực hiện hoạt động thu hộ, chi hộ các cơ quan nhà nước”.	Pháp luật thuế TNCN giai đoạn trước và sau 2026 đều quy định tiền thù lao nhận được của cá nhân là thu nhập từ tiền lương, tiền công. Do đó, trường hợp cá nhân nhận được khoản thù lao từ hoạt động thu hộ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thực hiện kê khai và nộp thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công theo quy định. Về kiến nghị bổ sung “Các khoản thù lao từ cơ quan nhà nước do thực hiện hoạt động thu hộ, chi hộ các cơ quan nhà nước” vào thu nhập từ kinh doanh là chưa phù hợp với bản chất khoản thu nhập và quy định của pháp luật về thuế TNCN từ

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			trước đến nay.
Điều 8. Thu nhập từ tiền lương, tiền công			
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (công văn số 1785/BVHTTDL-PC ngày 06/4/2026)	Tên Điều 8 “<i>Thu nhập từ tiền lương, tiền công</i>” tuy nhiên tại khoản 2 quy định “2. <i>Tiền thù lao, các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền</i>” và điểm a khoản 2 “a) <i>Tiền tham gia biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao...</i>”, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát để bảo đảm các nội dung trình bày trong Điều 8 phù hợp với tên điều. Đồng thời rà soát để có quy định không tính vào thu nhập chịu thuế đối với tiền chế độ dinh dưỡng, chế độ đặc thù chăm sóc bảo đảm sức khỏe và sinh lý của phụ nữ. Điểm a khoản 2 đề nghị bổ sung cụm từ “<i>không bao gồm thu nhập từ thực hiện đề tài, dự án, đề án thực hiện nhiệm vụ KHCN và đổi mới sáng tạo</i>” ngay sau cụm từ “<i>Tiền tham gia đề tài, dự án, đề án</i>” để phù hợp với Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Nội dung tại dự thảo Nghị định phù hợp với quy định của Luật Thuế TNCN. Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định nội dung quy định không tính vào thu nhập chịu thuế khoản: Tiền chế độ dinh dưỡng, chế độ đặc thù chăm sóc bảo đảm sức khỏe và sinh lý phụ nữ trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định, lý do: Tại Điều 35 dự thảo Nghị định đã quy định về miễn thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.
	Bộ Y tế (công văn 2401/BYT-KHTC ngày 06/4/2026)	Về thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế (Điều 8 dự thảo): Đề nghị nghiên cứu, bổ sung các khoản phụ cấp đặc thù của ngành y tế (như: phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp trực 24/24 giờ, phụ cấp phẫu thuật, thủ thuật, phụ cấp độc hại, nguy hiểm) vào danh mục thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN. Lý do: Căn cứ định hướng tại điểm 3.1 Mục 3 Phần II Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về cải	Tại dự thảo Nghị định đã có quy định phụ cấp đặc thù ngành, nghề là khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN, cụ thể tại điểm n đã quy định: n) Phụ cấp đặc thù ngành, nghề. Các khoản phụ cấp, trợ cấp không tính vào thu nhập chịu thuế quy định tại khoản

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		cách chính sách tiền lương, việc xây dựng chính sách tiền lương phải phù hợp với đặc thù ngành y tế. Đồng thời, Nghị quyết số 99/2023/QH15 của Quốc hội đã yêu cầu có cơ chế, chính sách đặc thù nhằm thu hút, đãi ngộ và giữ chân nhân lực y tế. Việc không tính thuế TNCN đối với các khoản phụ cấp đặc thù nêu trên là cần thiết nhằm bảo đảm tính đồng bộ của chính sách, tránh làm giảm hiệu quả của các chính sách đãi ngộ đối với nhân lực y tế.	này phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định theo pháp luật về ưu đãi người có công, quốc phòng, an ninh, ngoại giao, lao động, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục – đào tạo và pháp luật liên quan khác. Trường hợp khoản phụ cấp, trợ cấp nhận được cao hơn mức phụ cấp, trợ cấp quy định thì phần vượt phải tính vào thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân của cá nhân, trừ quy định tại điểm h khoản này.
	Bộ Khoa học và Công nghệ (công văn số 2616/BKHCN-KHTC ngày 09/4/2026)	Điểm a khoản 2 Điều 8 Đề nghị không quy định lại hoặc mở rộng khái niệm “<i>tiền tham gia đề tài, dự án, đề án</i>”, mà dẫn chiếu trực tiếp đến hệ thống phân loại nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP để bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật.	Nội dung này kế thừa quy định hiện hành, phân biệt với quy định về miễn thuế TNCN tại Điều 35 dự thảo Nghị định.
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (công văn số 2897/NHNN-TCKT ngày 14/4/2026)	Về việc bổ sung vào danh mục thu nhập miễn thuế hoặc không tính vào thu nhập chịu thuế đối với khoản tiền hỗ trợ người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng trong cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (gồm các tổ chức chính trị-xã hội) từ trung ương đến cấp xã và lực lượng vũ trang (quân đội, công an, cơ yếu). Lý do: + Nghị định 179/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định về mức hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng chỉ quy định mức hỗ trợ (5.000.000 đồng/tháng) được trả cùng kỳ lương hằng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội và bảo	Tại dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể: Các khoản phụ cấp, trợ cấp không tính vào thu nhập chịu thuế phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định theo quy định của pháp luật. Đối với các khoản tiền hỗ trợ và các khoản có tính chất tiền lương, tiền công thường xuyên mà người lao động nhận được từ người sử dụng lao động được tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hiểm y tế mà không quy định về nghĩa vụ thuế. + Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật thuế TNCN nhưng chưa có nội dung quy định về mức hỗ trợ nêu trên. + Để khuyến khích, động viên và giữ người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng trong cơ quan, tổ chức nêu trên, tránh tình trạng tổng thu nhập tăng nhưng thực chất phần tăng thêm lại bị khấu trừ bởi thuế TNCN.	
		Điểm a khoản 4 Điều 8 Dự thảo về các khoản tiền thưởng không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN: Chính phủ đã ban hành Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang. Tại Điều 4 Nghị định 73/2024/NĐ-CP quy định chế độ tiền thưởng dùng để thưởng đột xuất theo thành tích công tác và thưởng định kỳ hàng năm theo kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành công việc của từng người hưởng lương, Quỹ tiền thưởng hằng năm này nằm ngoài quỹ khen thưởng quy định của Luật thi đua khen thưởng. Để động viên, khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, đề nghị xem xét bổ sung tại điểm a khoản 4 Điều 8 Dự thảo việc không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN đối với “<i>tiền thưởng đột xuất theo thành tích công tác và thưởng định kỳ hàng năm theo kết quả đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành công việc theo quy định về chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang</i>”.	Tại điểm a khoản 4 Điều 8 dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể về các khoản tiền thưởng không tính vào thu nhập chịu thuế các khoản thu nhập: “a) Các khoản tiền thưởng kèm theo các danh hiệu được Nhà nước phong tặng; tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng; tiền thưởng kèm theo giải thưởng quốc gia, giải thưởng quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận; tiền thưởng về cải tiến kỹ thuật, sáng chế, phát minh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận; tiền thưởng về việc phát hiện, khai báo hành vi vi phạm pháp luật với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;”. Theo đó, đề nghị giữ như dự thảo Nghị định.
		Điểm đ khoản 4 Điều 8: Đề nghị chỉnh sửa như sau: “<i>Các khoản nhận được ngoài tiền lương, tiền công do tham gia, phục vụ hoạt động Đảng, đoàn, Quốc hội hoặc công tác xây dựng pháp luật theo</i>	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến. Quy định này tại dự thảo Nghị định

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, Nghị quyết, các báo cáo Chính trị; ... ”</i>	kế thừa quy định hiện hành đang được thực hiện ổn định và không có vướng mắc. Đồng thời, tại khoản 4 Điều 29 Luật Thuế TNCN số 109/2025/NĐ-CP đã quy định: “<i>Trường hợp có quy định khác nhau về ưu đãi thuế giữa Luật này với Luật Thủ đô, nghị quyết của Quốc hội và giải pháp quy định tại điểm h khoản 8 Điều 10 của Luật Tổ chức Chính phủ thì áp dụng theo Luật Thủ đô, nghị quyết của Quốc hội và giải pháp quy định tại điểm h khoản 8 Điều 10 của Luật Tổ chức Chính phủ. Trường hợp quy định tại Luật này ưu đãi hơn thì người nộp thuế được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi có lợi nhất.</i>”
	Bộ Xây dựng (công văn số 5960/BXD-KHTC ngày 22/4/2026)	Khoản 2 Điều 8 đề nghị sửa đổi, bổ sung: + Quy định “<i>Tiền thù lao, các khoản lợi ích cá nhân bằng tiền hoặc không bằng tiền mà cá nhân nhận được từ tổ chức, cá nhân bao gồm cả người sử dụng lao động chi trả dưới mọi hình thức (<u>trừ các khoản thù lao, các khoản lợi ích cá nhân sau thuế đã được tổ chức, cá nhân chi trả thuế thu nhập và thỏa thuận ghi trong hợp đồng</u>)</i>”. Lý do đảm bảo việc tránh đánh thuế trùng hai lần cho cùng một khoản thu nhập phát sinh.	Dự thảo Nghị định đã thể hiện được nội dung góp ý tại Điều 46.
		Điểm g khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị định: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét sửa đổi, bổ sung như sau: “g) <u>Phần vượt quá 1,2 triệu đồng/người/tháng của khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa do người sử dụng lao động chi cho người lao động...</u>”	Dự thảo Nghị định đã thể hiện được như nội dung góp ý, cụ thể: g) Khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa do người sử dụng lao động chi cho người lao động vượt quá 1,2 triệu đồng/người/tháng. Trường hợp người

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Lý do: để phù hợp với nội dung tại dự thảo Tờ trình, nếu khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa do người sử dụng lao động chi cho người lao động vượt quá 1,2 triệu đồng/người/tháng thì mới tính thuế TNCN và chỉ tính trên phần vượt quá, do vậy đề nghị sửa đổi để quy định được rõ hơn.	sử dụng lao động tổ chức bữa ăn giữa ca, ăn trưa cho người lao động dưới các hình thức như trực tiếp nấu ăn, mua suất ăn, cấp phiếu ăn thì không tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân.
		Đối với các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế quy định tại khoản 4 Điều 8: đề nghị bổ sung nguyên tắc cá nhân thụ hưởng không phải cung cấp hóa đơn, chứng từ chi tiết khi quyết toán thuế thu nhập cá nhân; căn cứ để cơ quan thuế loại trừ các khoản thu nhập này là Danh mục hoặc Bảng kê quyết toán kinh phí đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt tại đơn vị chi trả ngân sách.	Theo pháp luật về quản lý thuế thì người nộp thuế có trách nhiệm tự tính, tự kê khai, tự nộp, tự chịu trách nhiệm về số thuế phải nộp. Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công do tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập khấu trừ thuế trước khi chi trả cho cá nhân.
	Bộ Công an (công văn số 6821/ANKT-TCĐT ngày 21/4/2026)	Tại điểm d khoản 2 Điều 8 quy định liệt kê các khoản phí hội viên. Tuy nhiên, tại điểm b khoản 2 Điều 3 -Luật thuế TNCN chỉ quy định mang tính nguyên tắc về các “ <i>khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền</i> ” mà không liệt kê cụ thể hoặc loại trừ các khoản như dự thảo. Việc quy định như dự thảo có thể làm thay đổi phạm vi thu nhập chịu thuế; đồng thời “ <i>không ghi tên cá nhân</i> ” chưa phản ánh đúng bản chất nghĩa vụ thuế do trên thực tế vẫn có thể xác định được đối tượng thụ hưởng hoặc quy đổi thành lợi ích cá nhân. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát, cân nhắc chỉnh lý theo hướng quy định theo bản chất lợi ích kinh tế mà cá nhân nhận được; chỉ loại trừ đối với khoản chi không xác định được người thụ hưởng và không mang lại lợi ích trực tiếp cho cá nhân.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định do đây là các quy định kế thừa các quy định hiện hành đã thực hiện ổn định không phát sinh vướng mắc trong thời gian qua.
		Đối với nội dung tại điểm h khoản 2 Điều 8 không được quy định cụ thể trong Luật Thuế TNCN, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại cơ sở pháp lý của việc quy định tỷ lệ (15%), cần thuyết minh cơ sở đề xuất và cân nhắc tính hợp pháp của việc quy định mức trần tại dự thảo	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Nghị định.	
	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (công văn số 0685/LĐTM-PC ngày 16/04/2026)	- <i>Phí hội viên và các khoản chi phí dịch vụ khác</i> Điểm d khoản 2 Điều 8 Dự thảo quy định “phí hội viên và các khoản chi phí dịch vụ khác <i>phục vụ cho cá nhân</i> để chăm sóc sức khỏe, vui chơi, thể thao, giải trí, thẩm mỹ trừ trường hợp các dịch vụ này <i>được sử dụng chung</i>, không ghi tên cá nhân hoặc nhóm cá nhân sử dụng không tính vào thu nhập chịu thuế” được xem là lợi ích cá nhân nhận được và được tính vào thu nhập từ tiền lương, tiền công. Quy định này chưa rõ ràng và sẽ khó thực hiện trên thực tế, cụ thể: + Các lợi ích ở trên mang tính chất phúc lợi, chăm sóc đời sống tinh thần cho người lao động, không phản ánh bản chất tiền lương, tiền công. Việc xác định các phúc lợi này vào khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công là chưa phù hợp và ảnh hưởng đến lợi ích của người lao động. + Việc phân biệt giữa “sử dụng riêng cho cá nhân” và “sử dụng chung” theo phản ánh của doanh nghiệp, trên thực tế khá phức tạp, chưa rõ ràng, có thể dẫn đến cách áp dụng khác nhau của cơ quan thuế và tăng rủi ro cho doanh nghiệp. Từ những phân tích trên, <u>đề nghị</u> cân nhắc bỏ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Dự thảo.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định và có chỉnh sửa một số câu chữ cho rõ nghĩa và đây cũng là quy định kế thừa quy định hiện hành đang được thực hiện ổn định thời gian qua. Trường hợp, khoản lợi ích được xác định là lợi ích chung, không cụ thể cho một cá nhân nào thì không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động (chính sách ưu đãi cho người lao động).
		- <i>Tiền nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo</i> Điểm h khoản 2 Điều 8 Dự thảo quy định “trường hợp tiền thuê nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) do người sử dụng lao động thuê và trả thay thì tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân theo số thực tế trả thay nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế của cá nhân phát sinh tại đơn vị chưa bao gồm tiền thuê nhà, điện nước và dịch vụ kèm theo (nếu có)”. Người sử dụng lao động trả tiền thuê nhà cho người lao động được xem là một trong	Đây là quy định được kế thừa từ quy định hiện hành, đã được thực hiện ổn định thời gian qua. Việc quy định tỷ lệ như dự thảo Nghị định đã đảm bảo hài hòa được lợi ích giữa các chủ thể có liên quan, thể hiện sự chia sẻ của nhà nước với người nộp thuế khi nhận được sự hỗ trợ của người sử dụng lao động về nhà ở. Theo đó,

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		những phúc lợi, nhằm thu hút nhân lực chất lượng cao. Khoản chi phí này cũng là các chi phí phục vụ điều kiện làm việc và sinh hoạt tối thiểu của người lao động. Để đảm bảo quyền lợi cho người lao động cũng như tạo ra chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng, doanh nghiệp <u>đề nghị</u> xem xét lại mức khống chế 15%, có thể hạ xuống tỷ lệ 10%.	đề nghị giữ như dự thảo Nghị định.
		<i>- Khoản tiền học phí</i> Điểm g khoản 4 Điều 8 Dự thảo quy định các khoản thu nhập không mang tính chất tiền lương, tiền công không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN gồm: “khoản tiền học phí cho con của người lao động nước ngoài học tại Việt Nam, con của người lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài học tại nước ngoài theo bậc học từ mầm non đến trung học phổ thông do người sử dụng lao động trả thay cho người lao động”. Theo phản ánh, trong thực tiễn một số doanh nghiệp thực hiện chi trả thay cho người lao động nước ngoài khoản học phí cho con (bao gồm cả các khoản thu khác có tên gọi khác nhau nhưng gắn trực tiếp với chương trình học theo quy định của cơ sở giáo dục) và xác định đây là khoản thu nhập không chịu thuế TNCN, đồng thời được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình thanh tra, kiểm tra thuế, cơ quan thuế có quan điểm khác nhau về việc xác định phạm vi các khoản chi này, dẫn đến rủi ro về thuế và thiếu nhất quán trong áp dụng pháp luật. Quy định trên vẫn chưa đủ rõ ràng về các khoản được xem là “học phí”, <u>đề nghị</u> quy định rõ hơn (có thể quy định theo hướng, học phí là các khoản thu bắt buộc theo quy định của cơ sở giáo dục liên quan trực tiếp đến việc học tập của học sinh: học phí chính khóa, các khoản phí nhập học, khoản đóng góp bắt buộc cho nhà trường, ... không bao gồm các khoản chi mang tính tự nguyện hoặc không liên quan trực	Nội dung này kế thừa quy định hiện hành. Việc xác định khoản thu nào được xác định là khoản thu học phí sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tiếp đến chương trình học theo quy định của cơ sở giáo dục).	
		- <i>Khoản tiền mua bảo hiểm không bắt buộc</i> Điểm h khoản 4 Điều 8 Dự thảo quy định các khoản thu nhập không mang tính chất tiền lương, tiền công không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN là “khoản tiền mua bảo hiểm không bắt buộc mà không có tích lũy về phí bảo hiểm bao gồm cả các sản phẩm sức khỏe, bảo hiểm tử kỳ (không bao gồm sản phẩm bảo hiểm tử kỳ có hoàn phí) mà người tham gia bảo hiểm không nhận được tiền phí tích lũy từ việc tham gia bảo hiểm, ngoài khoản tiền bảo hiểm hoặc bồi thường theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm trả”. Quy định này mới chỉ xác định tính chất của khoản thu nhập (bảo hiểm không bắt buộc, không có tích lũy) nhưng chưa làm rõ chủ thể được được bảo hiểm là ai. Trên thực tế, người được bảo hiểm không chỉ giới hạn ở người lao động mà còn có thể bao gồm người thân của người lao động như vợ/chồng, con, cha, mẹ ... Việc thiếu rõ ràng trong quy định có thể tạo cách hiểu không thống nhất trên thực tế. Doanh nghiệp đề nghị sửa đổi quy định trên theo hướng “h) <i>Khoản tiền mua bảo hiểm không bắt buộc và không có tích lũy về phí bảo hiểm bao gồm cả các sản phẩm sức khỏe, bảo hiểm tử kỳ (không bao gồm sản phẩm bảo hiểm tử kỳ có hoàn phí) mà người tham gia bảo hiểm bên mua bảo hiểm (người lao động) không nhận được tiền phí tích lũy từ việc tham gia bảo hiểm, ngoài khoản tiền bảo hiểm hoặc bồi thường theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm trả; bao gồm trường hợp người được bảo hiểm không phải là bên mua bảo hiểm phù hợp với quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.</i>”.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Đây là lợi ích không tính vào tiền lương, tiền công của người lao động nên đối tượng thụ hưởng là người lao động.
	Ủy ban nhân dân thành phố	Đề nghị chỉnh lý nội dung tại điểm g, khoản 2, Điều 8 (trang 5) dự	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nội dung

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Huế (công văn số 587/HUE-CNTK ngày 06/4/2026)	thảo Nghị định về việc áp dụng các mức giới hạn phụ cấp, trợ cấp miễn thuế, cụ thể: Mức trần tiền ăn ca 1,2 triệu đồng/tháng có thể khá thấp so với chi phí sinh hoạt tại các thành phố lớn vào năm 2026. Thay vì ấn định con số tuyệt đối trong Nghị định, đề nghị giao cho Bộ Tài chính hướng dẫn điều chỉnh linh hoạt theo từng thời kỳ, hoặc gắn với một chỉ số kinh tế cụ thể để đảm bảo quyền lợi cho người lao động.	này như tại dự thảo Nghị định. Quy định khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa do người sử dụng lao động chi cho người lao động vượt quá 1.200.000 đồng/người/tháng mới tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của cá nhân tại dự thảo Nghị định được tính toán căn cứ sự biến động chi tiêu bình quân, thu nhập bình quân bình quân xã hội và biến động của chỉ số CPI và có tính đến dự báo cho một số năm tiếp theo. Trường hợp người sử dụng lao động tổ chức bữa ăn giữa ca, ăn trưa cho người lao động dưới các hình thức như trực tiếp nấu ăn, mua suất ăn, cấp phiếu ăn thì không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của cá nhân như hiện hành (miễn thuế).
	Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (công văn số 1721/HPH-NVDTPC ngày 03/4/2026)	Tại điểm h khoản 2 quy định: <i>“h) Tiền nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có); ... Trường hợp tiền thuê nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) người sử dụng lao động thuê và trả thay thì tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân theo số thực tế trả thay nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế của cá nhân phát sinh tại đơn vị chưa bao gồm tiền thuê nhà, điện nước và dịch vụ kèm theo (nếu có). ”</i> Thuế thành phố Hải Phòng đề xuất sửa thành <i>“... Trường hợp tiền thuê nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) người sử dụng lao động thuê và trả thay thì tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân theo số thực tế trả thay nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế của cá nhân phát sinh tại đơn vị (không phân biệt nơi trả các khoản tiền này) chưa bao gồm tiền thuê nhà, điện nước và</i>	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo nội dung này theo hướng: <i>“Trường hợp tiền thuê nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) do người sử dụng lao động thuê và trả thay thì tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân theo số thực tế trả thay nhưng không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế của người lao động phát sinh tại đơn vị chưa bao gồm tiền thuê nhà, điện nước và dịch vụ kèm theo (nếu có)”</i>.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>dịch vụ kèm theo (nếu có). ”</i> Lý do: Để áp dụng cho một số trường hợp thu nhập tại doanh nghiệp Việt Nam chi trả thấp, tuy nhiên cá nhân còn được phía Công ty mẹ chi trả thu nhập ngoài Việt Nam nữa, phần tiền nhà sẽ được so sánh với 15% tổng thu nhập chịu thuế của cá nhân phát sinh tại đơn vị bao gồm cả thu nhập Công ty mẹ chi trả thu nhập ngoài Việt Nam.	
		Tại điểm g khoản 3 Điều 8 dự thảo, Thuế thành phố Hải Phòng đề xuất sửa cụm từ “phu nhân/phu quân” thành “Vợ/chồng”.	Đề nghị giữ như dự thảo Nghị định để phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành. Nghị định số 08/2019/NĐ-CP quy định một số chế độ đối với thành viên cơ quan Việt Nam ở nước ngoài đã quy định cụ thể về nội dung này.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (công văn số 1416/QNI-NVDPTC ngày 08/4/2026)	Tại khoản 3 Điều 8 quy định các khoản phụ cấp, trợ cấp, thu nhập khác không tính vào thu nhập từ tiền lương, tiền công: Đề nghị làm rõ các khoản phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực. Lý do: Việc quy định cụ thể các khoản phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực sẽ tạo hành lang pháp lý rõ ràng, giúp cơ quan thuế và người nộp thuế dễ dàng thực hiện.	Phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực thuộc quy định của pháp luật chuyên ngành, không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật thuế TNCN.
		Tại điểm c khoản 4 Điều 8 quy định các khoản thu nhập không mang tính chất tiền lương, tiền công không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN: <i>“4. Các khoản thu nhập không mang tính chất tiền lương, tiền công không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN gồm:</i> ... <i>b) Khoản tiền nhận được theo chế độ liên quan đến sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức Đảng, đoàn thể; phương tiện phục vụ đưa đón người lao động từ nơi ở đến nơi làm việc, từ nơi làm việc về quê</i>	Tại dự thảo Nghị định đã bao quát trường hợp này. Cụ thể, tại điểm c khoản 4 Điều 8 dự thảo Nghị định đã quy định: Khoản tiền nhận được theo chế độ liên quan đến sử dụng phương tiện đi lại trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức Đảng, đoàn thể; phương tiện phục vụ đưa đón người lao động từ nơi ở đến nơi làm việc, từ nơi làm việc về quê

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>động từ nơi ở đến nơi làm việc, từ nơi làm việc về quê đón tết và ngược lại theo quy chế của đơn vị.”</i> Lý do: hàng năm, nhiều doanh nghiệp tổ chức các chương trình đưa đón công nhân khó khăn từ nơi làm việc về quê đón Tết an toàn. Do đó, để hỗ trợ người lao động, đề nghị bổ sung khoản chi phương tiện phục vụ đưa đón người lao động từ nơi làm việc về quê đón tết và ngược lại không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.	đón tết và ngược lại theo quy chế của đơn vị không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (công văn số 4819/UBND-KTTH ngày 10/4/2026)	Tại điểm e khoản 3 Điều 8 dự thảo Nghị định đề nghị sửa đổi, bổ sung: “<i>e) Phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực, phụ cấp đặc biệt</i>” Lý do: Khoản phụ cấp đặc biệt đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang làm việc ở các địa bàn đảo xa đất liền và vùng biên giới có điều kiện sinh hoạt đặc biệt khó khăn thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2005/TT-BNV ngày 05/01/2005 của Bộ Nội vụ (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 24/2025/TT-BNV ngày 24/12/2025 của Bộ Nội vụ). Tuy nhiên, khoản phụ cấp này hiện nay vẫn được tính vào thu nhập chịu thuế TNCN. Việc tính thuế đối với khoản phụ cấp nêu trên làm giảm ý nghĩa và giá trị thực tế của chính sách đãi ngộ từ Đảng và Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang đang công tác tại vùng địa bàn khó khăn. Về bản chất, khoản phụ cấp này có tính chất tương đồng với phụ cấp khu vực (khoản đang được miễn thuế TNCN theo quy định của pháp luật về thuế).	Tại điểm c và điểm đ khoản 3 Điều 8 dự thảo Nghị định đã thể hiện được ý kiến góp ý, cụ thể: “c) Trợ cấp, phụ cấp quốc phòng, an ninh; trợ cấp, phụ cấp đối với lực lượng vũ trang; đ) Phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực;” là các khoản phụ cấp, trợ cấp không tính vào thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công của người lao động.
	Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG	- Về điểm h khoản 2: <i>Tiền nhà ở, điện, nước và các dịch vụ</i> kèm theo (nếu có); Trường hợp người lao động được hưởng lợi ích từ nhà ở do người sử dụng lao động xây cho người lao động sử dụng khi làm việc thì không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động đối với khoản lợi ích này, bao gồm cả tiền điện, nước và các dịch vụ kèm	Tại dự thảo Nghị định đã quy định: Trường hợp người lao động được hưởng lợi ích từ nhà ở do người sử dụng lao động xây cho người lao động sử dụng khi làm việc thì không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động đối với khoản

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		theo (nếu có). Điểm h khoản 2: Việc miễn thuế đối với nhà ở do người sử dụng lao động xây cho người lao động ở có bao gồm trường hợp ở tại trụ sở làm việc không? Nếu có, đề nghị làm rõ.	lợi ích này, bao gồm cả tiền điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có), bao gồm trường hợp ở tại trụ sở làm việc nếu phù hợp với pháp luật liên quan.
		- Về điểm h khoản 3 – khoản trợ cấp được loại trừ khỏi thu nhập chịu thuế bao gồm: <i>“h) Trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi, trợ cấp do suy giảm khả năng lao động, trợ cấp hưu trí một lần, trợ cấp tuất hàng tháng, và các khoản trợ cấp khác theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;”</i> Các khoản trợ cấp được loại trừ khỏi thu nhập chịu thuế nêu ở điểm h khoản 3 là các khoản trợ cấp được trả từ quỹ bảo hiểm xã hội hay bao gồm cả các khoản trợ cấp do người sử dụng lao động chi trả? Đề nghị làm rõ.	Tại dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể: Các khoản phụ cấp, trợ cấp không tính vào thu nhập chịu thuế quy định tại khoản này phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định theo quy định của pháp luật.
		Về khoản 4: <i>“4. Các khoản thu nhập không mang tính chất tiền lương, tiền công không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN gồm:</i> <i>e) Khoản tiền mua vé máy bay do người sử dụng lao động trả thay (hoặc thanh toán) cho người lao động là người nước ngoài, người lao động là người Việt Nam làm việc ở nước ngoài về phép mỗi năm một lần từ Việt Nam đến quốc gia người nước ngoài mang quốc tịch hoặc quốc gia nơi gia đình người nước ngoài sinh sống và ngược lại, quốc gia nơi người Việt Nam đang làm việc về Việt Nam và ngược lại”</i> Quy định trong Dự thảo Luật chưa có hướng dẫn cụ thể về khoản tiền mua vé máy bay do NSDLĐ trả thay (hoặc thanh toán) cho NLĐ khi bắt đầu/kết thúc nhiệm kỳ làm việc. Trên thực tế, khoản chi này để phục vụ cho mục đích của doanh nghiệp, không cho lợi ích của cá nhân. Để tránh tình trạng áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nội dung này như tại dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến. Tại dự thảo Nghị định đã có quy định không tính vào thu nhập chịu thuế các khoản thanh toán mà người sử dụng lao động trả cho nhà cung cấp hoặc cho người lao động để phục vụ việc điều động, luân chuyển, đi công tác của người lao động theo quy định tại quyết định hoặc văn bản điều động, luân chuyển, cử người lao động đi công tác, quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ hoặc hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động và có hóa đơn, chứng từ theo quy định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thuế và người nộp thuế, chúng tôi đề xuất cần quy định rõ việc không tính thuế đối với khoản thu nhập này. Đề xuất: Bổ sung mục n vào Khoản 4, Điều 8: <i>“n) Khoản tiền mua vé máy bay do người sử dụng lao động trả thay (hoặc thanh toán) cho người lao động là người nước ngoài, người lao động là người Việt Nam làm việc ở nước ngoài khi bắt đầu nhiệm kỳ hoặc khi về nước kết thúc nhiệm kỳ đến quốc gia người nước ngoài mang quốc tịch, quốc gia nơi người Việt Nam đang làm việc về Việt Nam và ngược lại”</i>	
	Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (công văn số 66/2026/CV-SSIAM.PC ngày 03/4/2026)	Thu nhập từ tiền lương, tiền công quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Thuế TNCN bao gồm: <i>“2. Tiền thù lao, các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền mà cá nhân nhận được từ tổ chức, cá nhân bao gồm cả người sử dụng lao động chi trả dưới mọi hình thức:</i> <i>e) Khoản tiền do người sử dụng lao động đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động vượt quá mức 3 triệu đồng/người/tháng”</i> <u>Đề xuất:</u> - Đề nghị tăng mức giảm trừ thuế TNCN đối với khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ do đây cũng là các khoản bổ sung nguồn an sinh cho NLD. Mức giảm trừ đề xuất: <i>Phương án 1:</i> tăng lên 5 triệu đồng bằng mức đang tính vào chi phí của doanh nghiệp theo Nghị Định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. <i>Phương án 2:</i> không cố định mà mức đóng vào quỹ bảo hiểm hưu	Tại dự thảo Nghị định đã điều chỉnh mức không chế khoản đóng góp tham gia quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động từ mức 01 triệu đồng/tháng/người hiện hành lên mức 03 triệu đồng/tháng/người (tăng thêm 02 triệu đồng), đảm bảo phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và biến động của các chỉ số kinh tế vĩ mô thời gian vừa qua cũng như dự kiến thời gian tới, tương đồng với mức tăng chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản đóng góp của doanh nghiệp cho người lao động tại Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ, đảm bảo phù hợp với sự biến động về mức sống dân cư, thu nhập bình quân đầu người trong giai đoạn vừa qua.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trí bổ sung của của NLĐ và/hoặc NSDLĐ bằng 6% của mức lương tháng tối đa đóng BHXH (mức lương tháng tối đa đóng BHXH hiện nay là bằng 20 lần mức lương cơ sở) và cả 2 khoản này đều được miễn thuế TNCN. Lý do: Mức giảm trừ cố định 03 triệu đồng/người/tháng sẽ bị bào mòn theo lạm phát qua thời gian, dẫn đến giá trị tích lũy thực tế trong quỹ hưu trí bổ sung không đủ bổ sung cho lương hưu từ BHXH bắt buộc. Với phương án 1: mức 5 triệu/tháng/người là bằng mức được tính vào chi phí của doanh nghiệp theo Nghị Định 320/2025/NĐ-CP. Với phương án 2: 6% tính trên cơ sở mức 3 triệu đồng của dự thảo = 6% của 20 lần mức lương cơ sở dự kiến tăng (2.530.000VNĐ) từ 01/7/2026 Hiện nay khoản đóng góp bảo hiểm xã hội của NLĐ và NSDLĐ đóng cho NLĐ đều đang được miễn thuế TNCN. Do đó, cùng với mục đích an sinh xã hội, chúng tôi đề nghị khoản đóng góp bảo hiểm hưu trí bổ sung được áp dụng miễn thuế như bảo hiểm xã hội bắt buộc. Việc gắn mức giảm trừ với mức lương cơ sở sẽ đảm bảo mức đóng góp được điều chỉnh tự động, giúp quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung thực sự phát huy vai trò trang trải các chi phí an sinh tuổi già như dịch vụ chăm sóc dài hạn, viện dưỡng lão và các nhu cầu y tế khác, <u>Đề xuất:</u> Đề nghị tách bạch mức giảm trừ cho từng khoản tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung hoặc mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện hoặc mua bảo hiểm nhân thọ. Điểm đ khoản 4 Điều 10 Nghị định 320/2025/NĐ-CP quy định mức đóng góp được tính vào chi phí của doanh nghiệp là phần chi đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung hoặc quỹ có tính chất an sinh xã hội...	Theo đó, đề nghị giữ như dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (công văn 195/HHNH-PLNV ngày 14/4/2026)	Điểm c Khoản 2 Điều 8 Dự thảo quy định: “<i>c) Tiền thù lao nhận được từ cung cấp dịch vụ của cá nhân không đăng ký kinh doanh, kể cả có hay không có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề;</i>” Đề phù hợp và thống nhất với các quy định pháp luật khác cho trường hợp cá nhân kinh doanh cung cấp dịch vụ không phải đăng ký kinh doanh (như đã nêu tại mục 1 Công văn này), đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét, chỉnh sửa Dự thảo theo hướng: “<i>c) Tiền thù lao nhận được từ cung cấp dịch vụ của cá nhân không đăng ký kinh doanh trong trường hợp không phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể cả có hay không có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề</i>”	Tiếp thu ý kiến tham gia, dự thảo Nghị định đã hoàn thiện lại nội dung này. Cụ thể, tại điểm c, khoản 2 Điều 8 đã được hoàn thiện lại như sau: “c) Tiền thù lao nhận được từ cung cấp dịch vụ của cá nhân không đăng ký kinh doanh, không đăng ký thuế cho hoạt động kinh doanh, kể cả có hay không có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề”.
		Điểm d, Khoản 2 Điều 8 Dự thảo quy định: “<i>2. Tiền thù lao, các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền mà cá nhân nhận được từ tổ chức, cá nhân, bao gồm cả người sử dụng lao động chi trả dưới mọi hình thức:d) Phí hội viên và các khoản phí dịch vụ khác phục vụ cho cá nhân để chăm sóc sức khỏe, vui chơi, thể thao, giải trí, thẩm mỹ trừ trường hợp các dịch vụ này được sử dụng chung, không ghi tên cá nhân hoặc nhóm cá nhân sử dụng thì không tính vào thu nhập chịu thuế</i>” Doanh nghiệp thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, chi hỗ trợ du lịch, nghỉ mát là một chính sách phúc lợi của doanh nghiệp dành cho người lao động. Thực tế, để có thể cung cấp các dịch vụ khám sức khỏe, nghỉ mát thì các đơn vị cung cấp phải có danh sách chi tiết cá nhân tham gia, do đó việc quy định các dịch vụ này yêu cầu “<i>không ghi tên cá nhân hoặc nhóm cá nhân sử dụng</i>” là không thể áp dụng trong thực tế. Do đó, đề nghị sửa đổi bổ sung điểm d, khoản 2 Điều 08 dự thảo Nghị định theo hướng: “<i>d) Phí hội viên và các khoản phí dịch vụ khác phục vụ cho cá nhân để chăm sóc sức khỏe, vui chơi, thể thao, giải trí, thẩm mỹ trừ trường hợp: Các dịch vụ</i>	Dự thảo Nghị định đã thể hiện được nội dung góp ý, cụ thể: d) Phí hội viên và các khoản chi phí dịch vụ khác phục vụ cho cá nhân để chăm sóc sức khỏe, vui chơi, thể thao, giải trí, thẩm mỹ. Trường hợp các dịch vụ này được sử dụng chung, không ghi tên cá nhân hoặc nhóm cá nhân sử dụng tại phiếu hoặc thẻ hội viên thì không tính vào thu nhập chịu thuế.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>này được sử dụng chung, không ghi tên cá nhân hoặc nhóm cá nhân sử dụng thì không tính vào thu nhập chịu thuế; Các khoản chi khám sức khỏe định kỳ, chi nghỉ mát do tổ chức, cá nhân trả thu nhập tổ chức thực hiện theo hóa đơn, chứng từ thực tế và mức chi được quy định trong quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ hoặc hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và phù hợp với việc xác định chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp."</i>	
		Điểm e, Khoản 2 điều 08 Dự thảo quy định: “<i>e) Khoản tiền do người sử dụng lao động đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động vượt quá mức 3 triệu đồng/người/tháng</i>” Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 Nghị định 88/2016/NĐ-CP về chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện (hết hiệu lực 10/05/2026) và điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định 85/2026/NĐ-CP về bảo hiểm hưu trí bổ sung (hiệu lực 10/05/2026), khi người lao động tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung có quyền “<i>được trừ khoản đóng góp bảo hiểm hưu trí bổ sung vào thu nhập trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương tiền công theo mức quy định của pháp luật về thuế TNCN</i>”. Tuy nhiên, hiện tại các quy định của pháp luật về thuế TNCN chưa có quy định về “<i>bảo hiểm hưu trí bổ sung tự nguyện</i>”, doanh nghiệp gặp khó khăn vướng mắc khi xác định thu nhập chịu thuế TNCN của người lao động. Để đảm bảo nhất quán giữa các quy định của pháp luật, đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung Dự thảo theo hướng: “<i>e) Khoản tiền do người sử dụng lao động đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí bổ sung tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động vượt quá mức 3 triệu đồng/người/tháng</i>”.	Nội dung quy định tại dự thảo Nghị định phù hợp với quy định tại Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Điểm g Khoản 2 Điều 08 Dự thảo quy định: “<i>Khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa do người sử dụng lao động chi cho người lao động vượt quá 1,2 triệu đồng/người/tháng. Trường hợp người sử dụng lao động tổ chức bữa ăn giữa ca, ăn trưa cho người lao động dưới các hình thức như trực tiếp nấu ăn, mua suất ăn, cấp phiếu ăn thì không tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân; ”</i> Mức chỉ tiêu bình quân xã hội hàng năm đều thay đổi theo biến động kinh tế, xã hội và chỉ số CPI, việc ấn định mức 1,2 triệu đồng/người/tháng khi xác định thu nhập chịu thuế đối với các khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa do người sử dụng lao động chi trả vượt mức là chưa phù hợp theo biến động giá cả thị trường, chỉ phí chỉ tiêu hàng năm. Để kịp thời điều chỉnh mức chi phí ăn ca phù hợp với biến động giá cả hàng năm, đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung Dự thảo theo hướng: “<i>Khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa do người sử dụng lao động chi cho người lao động vượt quá 1,2 triệu đồng/người/tháng...<u>Định kỳ hàng năm, căn cứ theo chỉ số CPI công bố, giao Bộ Tài chính điều chỉnh quy định về mức tiền vượt mức làm căn cứ xác định thu nhập chịu thuế đối với các khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa</u>”.</i>	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nội dung như tại dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến. Nội dung này thuộc thẩm quyền của Chính phủ và trong trường hợp cần thiết, Chính phủ sẽ điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.
		Điểm i Khoản 2 Điều 8 Dự thảo quy định: “<i>...2i, Các khoản thưởng bằng tiền hoặc không bằng tiền, bao gồm cả thưởng bằng chứng khoán, thưởng từ cuộc thi, sự kiện do người sử dụng lao động tổ chức cho người lao động. Đối với các khoản thưởng không bằng tiền, việc quy đổi được thực hiện theo Điều 17 của Nghị định này”.</i> Điều 12 Dự thảo quy định: “<i>...2. Trúng thưởng trong các hình thức khuyến mại khi tham gia mua bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Luật Thương mại...4. Trúng thưởng trong các trò chơi, cuộc thi có thưởng và các hình thức trúng thưởng khác, trừ trúng thưởng trong casino và khoản tiền thưởng quy định tại điểm i khoản 2 Điều 8 Nghị định này”</i>	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nội dung này như tại dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến. Việc xác định thu nhập chịu thuế sẽ căn cứ bản chất của từng khoản thu nhập.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Hiện nay với đặc thù ngân hàng thì các nhân viên ngân hàng đồng thời cũng là khách hàng sử dụng dịch vụ của ngân hàng. Theo đó, tổ chức các chương trình trúng thưởng thuộc về chương trình khuyến mại cho nhân viên ngân hàng - đồng thời là khách hàng, nhằm mục đích quảng bá sản phẩm, khuyến khích khách hàng tiêu dùng sản phẩm của ngân hàng cũng như tri ân khách hàng thân thiết. Hoạt động này không có bản chất là khoản thu nhập từ tiền lương tiền công, do đó cần quy định chỉ khấu trừ cho thu nhập từ trúng thưởng đúng bản chất của thu nhập. Đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét sửa đổi Điều 8 và Điều 12 theo hướng "2i, Các khoản thưởng bằng tiền hoặc không bằng tiền, bao gồm cả thưởng bằng chứng khoán, thưởng từ cuộc thi, sự kiện do người sử dụng lao động tổ chức cho người lao động (<u>trừ trường hợp tổ chức cuộc thi, sự kiện cho người lao động đồng thời là khách hàng; trường hợp tổ chức cuộc thi, sự kiện cho tập thể, không xác định đích danh được cá nhân nhận thưởng</u>)."	
		Khoản 4 Điều 8 Dự thảo: Doanh nghiệp có phát sinh các khoản chi cho người lao động và người thân của người lao động từ Quỹ Công đoàn, phù hợp quy định tài chính của Công đoàn như "<i>tổ chức hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch cho người lao động; động viên, khen thưởng người lao động, con của người lao động có thành tích trong học tập, công tác...</i>". Do đó, để thống nhất trong việc chấp hành quy định, đảm bảo quyền lợi cho người lao động và các đơn vị chỉ trả thu nhập/cá nhân người lao động có căn cứ loại trừ các khoản thu nhập nhận được từ Quỹ công đoàn ra khỏi thu nhập chịu thuế TNCN khi quyết toán thuế TNCN, đề nghị Cơ quan soạn thảo bổ sung quy định tại khoản 4 Điều 8 Dự thảo theo hướng: "<u>4. Các khoản thu nhập không mang tính chất tiền lương, tiền công không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN bao</u>	Cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến tham gia và thể hiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể đã bổ sung tại điểm n: n) Tiền và lợi ích nhận được từ nguồn tài chính công đoàn không mang tính chất tiền lương, tiền công theo quy định của Luật công đoàn;

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<u>gồm:...n) Các khoản chi, hỗ trợ từ Quỹ Công đoàn cho người lao động, người phụ thuộc của người lao động đáp ứng các nhiệm vụ quy định việc quản lý, sử dụng tài chính công đoàn theo pháp luật về Công đoàn, tài chính công đoàn."</u>	
	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Nguyên Ngọc (Tầng 15, tòa nhà Century - khu đô thị Times City, số 458 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Hà Nội); email: congtynguyenngoc.ketoan@gmail.com; số điện thoại: 0888275006 - Qua Cổng thông tin điện tử Chính Phủ Trần Quốc Đạt (Đông Ngạc, Hà Nội); email: datquoctran.vn@gmail.com; số điện thoại: 0983198695 - Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính Phủ	Đề xuất: Sửa đổi điểm h khoản 2 Điều 8, Dự thảo Nghị định theo hướng miễn thuế đối với toàn bộ tiền nhà ở, điện nước mà người sử dụng lao động thuê và trả thay cho người lao động theo thực tế phát sinh, có đầy đủ hồ sơ chứng từ; hoặc giảm mức không tiền nhà chịu thuế còn 05-10% (trên tổng thu nhập chịu thuế) thay vì 15% như hiện tại. Lý do: (1) Đảm bảo phản ánh đúng bản chất thu nhập và chi phí thực tế: đây là chi phí phục vụ điều kiện làm việc và sinh hoạt tối thiểu của người lao động (2) Phù hợp với mặt bằng giá thị trường và biến động chi phí sinh hoạt, đặc biệt tại các đô thị lớn (3) Tăng tính cạnh tranh trong thu hút nhân lực chất lượng cao (4) Giảm gánh nặng tuân thủ, giúp đơn giản hóa việc xác định thu nhập chịu thuế. Phù hợp với chủ trương cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Đây cũng là lợi ích của người lao động được hưởng từ người sử dụng lao động. Trường hợp người sử dụng lao động trả thay khoản tiền thuê nhà điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) thì tính vào thu nhập chịu thuế theo số thực tế trả thay, tuy nhiên để hỗ trợ cho người lao động tại dự thảo Nghị định tiếp tục kế thừa quy định hiện hành là mức tính vào thu nhập chịu thuế đối với khoản này tối đa không vượt quá 15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh tại đơn vị.
	Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)	Kiến nghị sửa đổi điểm g, khoản 4 Điều 8 như sau: Điều 8. Thu nhập từ tiền lương, tiền công Thu nhập từ tiền lương, tiền công quy định tại khoản 2, Điều 3 Luật thuế TNCN bao gồm: 4. Các khoản <u>thu nhập</u> không mang tính chất tiền lương, tiền công không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN gồm: g) Khoản tiền học phí cho con của người lao động nước ngoài học	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nội dung như tại dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến. Nội dung này tại dự thảo Nghị định kế thừa quy định hiện hành tại Nghị định và Thông tư về thuế TNCN thực hiện ổn định trong nhiều năm, không phát sinh vướng mắc trong quá trình thực hiện. Quy định này cũng đảm bảo bình đẳng

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tại Việt Nam, con của người lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài học tại nước ngoài theo bậc học từ mầm non đến trung học phổ thông do người sử dụng lao động trả thay cho người lao động. Lý do Quy định của pháp luật về thuế TNCN đánh thuế dựa trên nguyên tắc cư trú và loại hình thu nhập, không phân biệt người nộp thuế là cá nhân có quốc tịch Việt Nam hay không. Quy định như dự thảo vô hình chung tạo ra sự phân biệt đối xử giữa người lao động có quốc tịch Việt Nam và người lao động nước ngoài trong khi trên thực tế, người lao động Việt Nam thường có thu nhập thấp hơn người lao động nước ngoài.	giữa người nước ngoài làm việc tại Việt Nam và người Việt Nam làm việc tại nước ngoài trong trường hợp con của người lao động bắt buộc phải học ở các trường quốc tế để có thể tiếp tục chuyển tiếp ở các bậc học khi người nước ngoài không còn làm việc tại Việt Nam hay người Việt Nam làm việc ở nước ngoài.
	Công ty TNHH Tư vấn Thuế Deloitte Việt Nam	Đề nghị sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 8: <i>“d) Phí hội viên và các khoản chi phí dịch vụ khác phục vụ cho cá nhân để chăm sóc sức khỏe, vui chơi, thể thao, giải trí, thẩm mỹ trừ trường hợp các dịch vụ này được sử dụng chung, không ghi tên cá nhân hoặc nhóm cá nhân sử dụng thì không tính vào thu nhập chịu thuế.</i> <i>Các trường hợp cụ thể như sau:</i> - Khoản phí hội viên (như thẻ hội viên sân golf, sân quần vợt, thẻ sinh hoạt câu lạc bộ văn hóa nghệ thuật, thẻ dực thể thao...) nếu thẻ có ghi đích danh cá nhân hoặc nhóm cá nhân sử dụng. Trường hợp thẻ được sử dụng chung, không ghi tên cá nhân hoặc nhóm cá nhân sử dụng thì không tính vào thu nhập chịu thuế. - Khoản chi dịch vụ khác phục vụ cho cá nhân trong hoạt động chăm sóc sức khỏe, vui chơi, giải trí thẩm mỹ... nếu nội dung chi trả trên hợp đồng và hóa đơn ghi rõ tên cá nhân được hưởng. Trường hợp nội dung chi trả phí dịch vụ trên hợp đồng và hóa đơn không ghi tên cá nhân được hưởng mà ghi chung cho tập thể người lao động	Tiếp thu ý kiến tham gia, cơ quan soạn thảo đã thể hiện tại dự thảo Nghị định theo hướng: Phí hội viên và các khoản chi phí dịch vụ khác phục vụ cho cá nhân để chăm sóc sức khỏe, vui chơi, thể thao, giải trí, thẩm mỹ trừ trường hợp các dịch vụ này được sử dụng chung, không ghi tên cá nhân hoặc nhóm cá nhân sử dụng tại phiếu/thẻ hội viên thì không tính vào thu nhập chịu thuế.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>thì không tính vào thu nhập chịu thuế.”</i> Theo quy định tại điểm đ.3, Khoản 2, Điều 2, Thông tư 111/2013/TT-BTC: <i>“đ.3) Phí hội viên và các khoản chi dịch vụ khác phục vụ cho cá nhân theo yêu cầu như: chăm sóc sức khỏe, vui chơi, thể thao, giải trí, thẩm mỹ, cụ thể như sau:</i> <i>đ.3.1) Khoản phí hội viên (như thẻ hội viên sân golf, sân quần vợt, thẻ sinh hoạt câu lạc bộ văn hóa nghệ thuật, thẻ dực thể thao...) nếu thẻ có ghi đích danh cá nhân hoặc nhóm cá nhân sử dụng. Trường hợp thẻ được sử dụng chung, không ghi tên cá nhân hoặc nhóm cá nhân sử dụng thì không tính vào thu nhập chịu thuế.</i> <i>đ.3.2) Khoản chi dịch vụ khác phục vụ cho cá nhân trong hoạt động chăm sóc sức khỏe, vui chơi, giải trí thẩm mỹ... nếu nội dung chi trả ghi rõ tên cá nhân được hưởng. Trường hợp nội dung chi trả phí dịch vụ không ghi tên cá nhân được hưởng mà chi chung cho tập thể người lao động thì không tính vào thu nhập chịu thuế.”</i> Theo quan sát của chúng tôi, hiện nay nhiều tổ chức và cá nhân vẫn gặp khó khăn trong việc xác định “nội dung chi trả ghi rõ tên cá nhân được hưởng”. Điều này dẫn đến sự khác biệt trong cách hiểu và áp dụng giữa các cơ quan thuế địa phương. Ví dụ cụ thể, đối với khoản chi tổ chức du lịch, nghỉ mát cho toàn bộ nhân viên, nội dung trên hợp đồng dịch vụ và hóa đơn thường chỉ thể hiện chi phí cho tập thể người lao động mà không ghi rõ tên từng cá nhân thụ hưởng. Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn cần lưu trữ danh sách chi tiết người tham gia nhằm phục vụ công tác tổ chức và quản lý. Trên thực tế, tồn tại hai quan điểm xử lý khác nhau: - Quan điểm thứ nhất cho rằng danh sách chi tiết người tham gia đồng nghĩa với việc “<i>nội dung chi trả ghi rõ tên cá nhân được</i>	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>hưởng</i>”, từ đó khoản chi này cần được phân bổ và tính vào thu nhập chịu thuế của người lao động; - Ngược lại, quan điểm thứ hai cho rằng cần căn cứ vào nội dung thể hiện trên hợp đồng và hóa đơn. Theo đó, nếu các chứng từ này không ghi rõ tên cá nhân thụ hưởng thì khoản chi không thuộc diện tính vào thu nhập chịu thuế. Sự thiếu rõ ràng này có thể dẫn đến cách áp dụng không thống nhất và gây khó khăn cho người nộp thuế trong việc xác định nghĩa vụ thuế đối với các khoản chi liên quan. Chúng tôi đề nghị Ban soạn thảo xem xét, hướng dẫn và làm rõ hơn nội hàm của cụm từ “<i>được sử dụng chung, không ghi tên cá nhân hoặc nhóm cá nhân sử dụng</i>”, nhằm thiết lập cơ sở pháp lý minh bạch và nhất quán, qua đó hỗ trợ người nộp thuế xác định và áp dụng đúng cách xử lý thuế đối với các khoản phí và chi phí liên quan. Theo đó, chúng tôi đề xuất quy định này được làm rõ theo hướng đánh giá dựa trên bản chất của khoản chi, tức là khoản chi phục vụ mục đích sử dụng chung, không nhằm phục vụ lợi ích của cá nhân hoặc nhóm cá nhân cụ thể, và được thể hiện rõ về mục đích cũng như đối tượng sử dụng trên hợp đồng và hóa đơn, thì không tính vào thu nhập chịu thuế. Cách tiếp cận này sẽ góp phần đảm bảo việc xử lý thuế một cách nhất quán và phản ánh đúng bản chất giao dịch.	
		Đề nghị sửa đổi điểm g khoản 2 Điều 8: <i>“g) Khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa do người sử dụng lao động chi cho người lao động vượt quá 1,2 triệu đồng/người/tháng. Trường hợp người sử dụng lao động tổ chức bữa ăn giữa ca, ăn trưa cho người lao động dưới các hình thức như trực tiếp nấu ăn, mua suất ăn, cấp phiếu ăn thì không tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân.</i> <i>Căn cứ biến động của giá cả, thu nhập, Chính Phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định hạn mức tiền ăn ca không chịu thuế</i>	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nội dung như tại dự thảo Nghị định. Việc quy định khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa do người sử dụng lao động chi cho người lao động vượt quá 1.200.000 đồng/người/tháng mới tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của cá nhân được tính toán căn cứ sự biến động chi tiêu bình quân, thu nhập bình quân

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>phù hợp với tình hình kinh tế- xã hội trong từng thời kỳ.”</i> Chúng tôi thấy rằng Ban soạn thảo đề xuất khoản chi tiền ăn giữa ca, ăn trưa có mức trần 1,2 triệu đồng/người/tháng khi xác định thu nhập chịu thuế của người lao động là hợp lý tại thời điểm hiện tại. Như được trình bày tại Tờ trình Dự thảo Nghị định, chúng tôi hiểu rằng mức tiền ăn trưa, ăn giữa ca đang được Ban soạn thảo đề xuất trên cơ sở tham chiếu số liệu của Cục Thống kê về biến động chi tiêu bình quân, thu nhập bình quân của xã hội, cũng như chỉ số giá tiêu dùng (CPI) từ năm 2016 đến nay, đồng thời có xét đến yếu tố dự báo cho các năm tiếp theo. Tuy nhiên, việc quy định một mức cố định trong Nghị định, trong khi các yếu tố kinh tế - xã hội nêu trên có tính biến động theo thời gian, có thể làm giảm tính linh hoạt của chính sách. Trên thực tế, cơ chế cập nhật các khoản định mức cố định thường không kịp thời so với diễn biến của thị trường, dẫn đến việc các chính sách thuế không còn phản ánh đúng thực tế khi điều kiện kinh tế xã hội thay đổi. Chúng tôi đề xuất Ban soạn thảo bổ sung cơ chế điều chỉnh mức trần tiền ăn giữa ca theo biến động của giá cả, nhằm đảm bảo mức quy định luôn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và phản ánh kịp thời diễn biến thực tế của thị trường.	bình quân xã hội và biến động của chỉ số CPI và có tính đến dự báo cho một số năm tiếp theo. Trường hợp người sử dụng lao động tổ chức bữa ăn giữa ca, ăn trưa cho người lao động dưới các hình thức như trực tiếp nấu ăn, mua suất ăn, cấp phiếu ăn thì không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của cá nhân như hiện hành (được miễn thuế).
		Đề nghị sửa đổi điểm m khoản 3 Điều 8: <i>“m) Trợ cấp một lần đối với cá nhân khi chuyển công tác đến vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hỗ trợ một lần đối với cán bộ, công chức làm công tác về chủ quyền biển đảo theo quy định của pháp luật. Trợ cấp chuyển vùng một lần đối với người nước ngoài đến cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, người Việt Nam cư trú dài hạn ở nước ngoài về Việt Nam làm việc;</i> <i>Riêng trợ cấp chuyển vùng một lần đối với người nước ngoài đến</i>	Để đảm bảo áp dụng thống nhất đối với doanh nghiệp và các tổ chức khác, tại dự thảo Nghị định hoàn thiện như sau: Riêng trợ cấp chuyển vùng một lần đối với người nước ngoài đến cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, người Việt Nam cư trú dài hạn ở nước ngoài về Việt Nam làm việc được trừ theo mức ghi tại quyết định hoặc văn bản điều động,

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>cur trú tại Việt Nam, người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài được trừ theo mức ghi tại hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể, một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động hoặc văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử người sang làm việc tại Việt Nam (đối với trường hợp người nước ngoài được điều chuyển hoặc di chuyển trong nội bộ Tập đoàn, giữa công ty mẹ với công ty con); Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn.”</i> Điều 10 Khoản 8 Nghị định 320/2025/NĐ-CP, hướng dẫn và thi hành luật thuế TNDN có hiệu lực từ ngày 15/12/2025 và áp dụng từ kỳ tính thuế TNDN năm 2025: Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: <i>Hợp đồng lao động hoặc văn bản của doanh nghiệp nước ngoài cử người sang làm việc tại Việt Nam (đối với trường hợp người nước ngoài được điều chuyển hoặc di chuyển trong nội bộ Tập đoàn, giữa công ty mẹ với công ty con); Thỏa ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn.</i> Theo quy định hiện hành tại Thông tư 111/2013, khoản trợ cấp chuyển vùng một lần không được tính vào thu nhập chịu thuế của người lao động nếu mức hưởng được quy định tại hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động tập thể. Tuy nhiên, trên thực tế, khoản trợ cấp này có thể được quy định tại nhiều loại hồ sơ khác nhau, bao gồm hợp đồng lao động; thư phái cử; thỏa ước lao động tập thể; quy chế tài chính; quy chế lương, thưởng hoặc các quy định nội bộ hợp pháp của doanh nghiệp. Chúng tôi hiểu rằng mục tiêu của quy định là nhằm đảm bảo	luân chuyển, quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ hoặc hợp đồng lao động hoặc thỏa ước lao động.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		khoản trợ cấp chuyển vùng một lần được xác định rõ về mức hưởng trong các văn bản có tính pháp lý, qua đó phản ánh đúng bản chất là khoản chi do tổ chức chi trả nhằm hỗ trợ người lao động ổn định cuộc sống khi chuyển đến làm việc tại địa điểm ngoài quốc gia cư trú thường xuyên. Tuy nhiên, việc giới hạn chỉ căn cứ tại 02 loại tài liệu nêu trên sẽ gây khó khăn trong thực tiễn áp dụng cho cả tổ chức chi trả và người lao động trong việc xác định khoản chi được loại trừ, mặc dù khoản chi vẫn đáp ứng đầy đủ về bản chất kinh tế và mục đích nêu trên. Chúng tôi đề xuất Ban soạn thảo cân nhắc xem xét việc bổ sung các tài liệu, hồ sơ cho khoản trợ cấp chuyển vùng một lần tương tự như quy định tại Điều 10- khoản 8- Nghị định 320 như đã nêu trên đây, đảm bảo sự đồng nhất trong cách thức quản lý và thực hiện giữa thuế TNDN và thuế TNCN.	
		Đề nghị sửa tên khoản 4 Điều 8 như sau: “<i>Các khoản thu nhập không mang tính chất tiền lương, tiền công không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN</i>” Tại Dự thảo Nghị định, mặc dù Khoản 4 được quy định trong Điều 8 về thu nhập từ tiền lương, tiền công, nội dung lại đề cập đến các khoản thu nhập không mang tính chất tiền lương, tiền công không tính vào thu nhập chịu thuế. Theo đó, cách diễn giải này có thể dẫn đến sự thiếu nhất quán và gây khó khăn trong việc áp dụng trên thực tế. Chúng tôi đề xuất Ban soạn thảo cân nhắc bỏ cụm từ “không mang tính chất tiền lương, tiền công”, nhằm đảm bảo quy định phản ánh nhất quán và chính xác bản chất tiền lương, tiền công của các khoản thu nhập được đề cập tại Khoản 4, Điều 8 của Dự thảo Nghị định.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nội dung như tại dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến. Khoản 4 Điều 8 quy định các khoản không tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân là các khoản chi mang tính đặc thù, không mang tính chất tiền lương, tiền công. Nội dung này kế thừa các quy định hiện hành thực hiện ổn định trong thời gian qua.
		Đề nghị sửa điểm h khoản 4 Điều 8:	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>“h) Khoản tiền mua bảo hiểm không bắt buộc và không có tích lũy về phí bảo hiểm bao gồm các sản phẩm sức khỏe, bảo hiểm tử kỳ (không bao gồm sản phẩm bảo hiểm tử kỳ có hoàn phí) mà người tham gia bảo hiểm không nhận được tiền phí tích lũy từ việc tham gia bảo hiểm, ngoài khoản tiền bảo hiểm hoặc bồi thường theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm trả;</i> <i>Trường hợp mua bảo hiểm không bắt buộc và không có tích lũy về phí bảo hiểm của các doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam nhưng được phép bán bảo hiểm tại Việt Nam thì cũng không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN quy định tại điểm này.”</i> Chúng tôi hiểu rằng quy định tại Dự thảo Nghị định về nội dung này về cơ bản được kế thừa từ quy định hiện hành. Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng, các tổ chức chi trả thu nhập vẫn gặp khó khăn khi xác định liệu các doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam có đáp ứng tiêu chí “được phép bán bảo hiểm tại Việt Nam” hay không, đặc biệt trong trường hợp mua các sản phẩm bảo hiểm không bắt buộc và không có yếu tố tích lũy phí của các tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài. Nhằm tạo cơ sở rõ ràng để người nộp thuế có thể đánh giá và xác định cách xử lý thuế đối với khoản tiền mua bảo hiểm không bắt buộc và không có tích lũy về phí bảo hiểm của các doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, chúng tôi đề xuất Ban soạn thảo xem xét loại bỏ cụm từ “được phép bán bảo hiểm tại Việt Nam”, trên cơ sở bản chất của loại hình bảo hiểm này là không bắt buộc và không mang tính tích lũy phí.	nội dung như tại dự thảo Nghị định, lý do: Việc các doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam nhưng được phép bán bảo hiểm tại Việt Nam theo thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo hiểm.
	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (công văn số	<u>Đề xuất đối với điểm e, điểm g khoản 2 Điều 8:</u> (i) Bổ sung quy định về việc điều chỉnh các mức chặn trên tại	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định, lý do:

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	398A/2026/CV-SSI.TGD ngày 03/4/2026)	khoản 2 Điều 8 theo tình hình kinh tế - xã hội, lạm phát hoặc theo các chỉ số giá tiêu dùng do Tổng cục Thống kê công bố để có cơ chế thay đổi cũng như phù hợp với thực tế chi tiêu của người lao động. (ii) Đề xuất nâng mức trần tiền ăn: + Nâng mức trần tiền ăn lên ít nhất 1.800.000 đồng/người/tháng để bắt kịp thực tế giá cả đô thị năm 2026. + Nâng mức trần hoặc áp dụng cơ chế điều chỉnh mức trần tự động theo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) định kỳ 2 năm một lần, tránh tình trạng quy định lạc hậu nhanh như lịch sử các mức trần trước đây. (iii) Đề nghị làm rõ trong trường hợp người sử dụng lao động tổ chức bữa ăn giữa ca, ăn trưa cho người lao động theo quy định tại câu cuối của g khoản 2 Điều 8 thì có bị phụ thuộc hạn mức 1,2 triệu đồng/người/tháng không và có được áp dụng cả hai hình thức này không? (iv) Trong trường hợp Công ty áp dụng cả 2 hình thức thì thu nhập tính thuế được quy định như thế nào? Lý do: - Bổ sung cơ chế điều chỉnh theo tình hình kinh tế, lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng. Tránh lạc hậu sau vài năm và tăng tính linh hoạt, phù hợp thực tế chi tiêu người lao động. - Mức trần 1,2 triệu đồng/tháng chưa phản ánh thực tế chi phí ăn uống tại các đô thị lớn năm 2026. Tại Hà Nội và TP.HCM, suất ăn văn phòng phổ biến hiện ở mức 50.000-80.000 đồng/ngày, tương đương 1.100.000 -1.760.000 đồng/tháng (22 ngày làm việc). Với mức 1.200.000 đồng nhiều doanh nghiệp dù chi tiền ăn ở mức tối thiểu cũng đã vượt ngưỡng và phải tính thuế, gây khó khăn cho cả doanh nghiệp lẫn người lao động.	Việc quy định khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa do người sử dụng lao động chi cho người lao động vượt quá 1.200.000 đồng/người/tháng mới tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của cá nhân được tính toán căn cứ sự biến động chi tiêu bình quân, thu nhập bình quân bình quân xã hội và biến động của chỉ số CPI và có tính đến dự báo cho một số năm tiếp theo. Trường hợp người sử dụng lao động tổ chức bữa ăn giữa ca, ăn trưa cho người lao động dưới các hình thức như trực tiếp nấu ăn, mua suất ăn, cấp phiếu ăn thì không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của cá nhân như hiện hành (được miễn thuế).
		<u>Đề xuất đối với điểm i khoản 2 Điều 8:</u>	Dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết:

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Thưởng bằng chứng khoán ở đây được hiểu là người sử dụng lao động thưởng cho người lao động chứng khoán và không thu tiền của NLD?	Các khoản thưởng bằng tiền hoặc không bằng tiền, bao gồm cả thưởng bằng chứng khoán, thưởng từ cuộc thi, sự kiện do người sử dụng lao động tổ chức cho người lao động. Đối với các khoản thưởng không bằng tiền, việc quy đổi được thực hiện theo Điều 17 của Nghị định này.
		<u>Đề xuất đối với điểm e khoản 2 Điều 8:</u> - Đề nghị tăng mức giảm trừ thuế TNCN đối với khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ do đây cũng là các khoản bổ sung nguồn an sinh cho người lao động (“NLD”). Mức giảm trừ đề xuất: Phương án 1: tăng lên 5 triệu đồng bằng mức đang tính vào chi phí của doanh nghiệp theo Nghị Định 320/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Phương án 2: không cố định mà mức đóng vào quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung của của NLD và/hoặc NSDLĐ bằng 6% của mức lương tháng tối đa đóng BHXH (mức lương tháng tối đa đóng BHXH hiện nay là bằng 20 lần mức lương cơ sở) và cả 2 khoản này đều được miễn thuế TNCN. - Đề nghị tách bạch mức giảm trừ cho từng khoản tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung hoặc mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện hoặc mua bảo hiểm nhân thọ Lý do: - Mức giảm trừ cố định 03 triệu đồng/người/tháng sẽ bị bào mòn theo lạm phát qua thời gian, dẫn đến giá trị tích lũy thực tế trong quỹ hưu trí bổ sung không đủ bổ sung cho lương hưu từ BHXH bắt buộc. Với phương án 1: mức 5 triệu/tháng/người là bằng mức được tính	Quy định tại dự thảo Nghị định đảm bảo phù hợp với sự biến động về mức sống dân cư, thu nhập bình quân đầu người trong giai đoạn vừa qua.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		vào chi phí của doanh nghiệp theo Nghị Định 320/2025/NĐ-CP. Với phương án 2: 6% tính trên cơ sở mức 3 triệu đồng của dự thảo = 6% của 20 lần mức lương cơ sở dự kiến tăng từ 1/7/2026 (2.530.000VNĐ) Hiện nay khoản đóng góp bảo hiểm xã hội của NLD và NSDLĐ đóng cho NLD đều đang được miễn thuế TNCN. Do đó, cùng với mục đích an sinh xã hội, chúng tôi đề nghị khoản đóng góp bảo hiểm hưu trí bổ sung được áp dụng miễn thuế như bảo hiểm xã hội bắt buộc. Việc gắn mức giảm trừ với mức lương cơ sở sẽ đảm bảo mức đóng góp được điều chỉnh tự động, giúp quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung thực sự phát huy vai trò trang trải các chi phí an sinh tuổi già như: dịch vụ chăm sóc dài hạn, viện dưỡng lão, và các nhu cầu y tế khác. - Điểm d khoản 4 Điều 10 Nghị Định 320/2025/NĐ-CP quy định mức đóng góp được tính vào chi phí của doanh nghiệp là phần chi đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung hoặc quỹ có tính chất an sinh xã hội...	
	VAMA - Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (công văn 041401/2026/VAMA ngày 14/4/2026)	<u>Đề xuất:</u> Nâng mức khoán chi tiền ăn giữa ca không tính vào thu nhập chịu thuế lên tối thiểu 80.000 đồng/ngày công thực tế. Phương pháp tính: Tổng tiền ăn miễn thuế = [Mức khoán theo ngày] x [Số ngày làm việc thực tế trong tháng]. Lý do: Phù hợp biến động giá cả: Mức 1,2 triệu đồng/tháng (tương đương khoảng 46.000 đồng/bữa) hiện đã lạc hậu so với chi số giá thực phẩm tại các đô thị lớn. Đề đảm bảo dinh dưỡng và tái tạo sức lao động cho công nhân ngành kỹ thuật cao, mức 80.000 đồng là con số tối thiểu cần thiết.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định, lý do: Việc quy định khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa do người sử dụng lao động chi cho người lao động vượt quá 1.200.000 đồng/người/tháng mới tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của cá nhân được tính toán căn cứ sự biến động chi tiêu bình quân, thu nhập bình quân bình quân xã hội và biến động của chỉ số CPI và có tính đến dự báo cho một số năm tiếp theo. Trường hợp người sử dụng lao động tổ chức bữa

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Tính công bằng: Cách tính theo ngày công thực tế đảm bảo quyền lợi cho người lao động tăng ca, làm thêm giờ hoặc làm việc trong môi trường độc hại cần bổ sung dinh dưỡng, tránh việc "cào bằng" giữa người làm hành chính và công nhân trực tiếp sản xuất. Cải cách hành chính: Đề nghị cho phép tự động trừ khoản này khi quyết toán thuế nếu doanh nghiệp không tổ chức bếp ăn tập trung, giảm bớt gánh nặng chứng từ cho doanh nghiệp.	ăn giữa ca, ăn trưa cho người lao động dưới các hình thức như trực tiếp nấu ăn, mua suất ăn, cấp phiếu ăn thì không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của cá nhân như hiện hành (được miễn thuế).
		<u>Đề xuất:</u> Nâng mức miễn thuế lên 10 triệu đồng/năm (hoặc 5 triệu đồng/vụ Thu-Đông và Xuân-Hè) và cho phép tự động trừ khoản này khi quyết toán thuế nếu doanh nghiệp không may đồng phục cho nhân viên. Lý do: Đặc thù ngành nghề: Trong ngành ô tô, trang phục bảo hộ lao động có yêu cầu khắt khe về chất liệu (chống cháy, chống tĩnh điện, độ bền cao). Chi phí may sắm thực tế cho các loại trang phục chuyên dụng này đã tăng gấp đôi trong 10 năm qua. Khuyến khích an toàn lao động: Việc nâng mức miễn thuế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị bảo hộ tốt hơn cho người lao động mà không làm tăng gánh nặng thuế cho họ. Cải cách hành chính: Đề nghị cho phép tự động trừ khoản này khi quyết toán thuế nếu doanh nghiệp không may đồng phục cho nhân viên, giảm bớt gánh nặng chứng từ cho doanh nghiệp.	Việc xác định khoản chi được trừ vào thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi trang phục cho người lao động sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.
	Công ty Cổ phần Tư vấn EY Việt Nam (công văn số 2026/0428/EY-TNCN ngày 28/4/2026)	Theo quy định của Luật Lao động, người sử dụng lao động có trách nhiệm trả phụ cấp độc hại, nguy hiểm tại Thông tư 07/2005/TT-BNV ngày 5/1/2025 của Bộ Nội Vụ và chi bồi dưỡng bằng hiện vật tại Thông tư 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (Thông tư 24 còn hiệu lực) Chúng tôi kiến nghị bổ sung như sau đối với điểm d khoản 3 Điều	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định như sau: d) Phụ cấp độc hại, nguy hiểm, bồi dưỡng bằng hiện vật đối với những ngành, nghề hoặc công việc ở nơi làm việc có yếu tố độc hại, nguy hiểm.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		8 <i>“Phụ cấp độc hại, nguy hiểm và bồi dưỡng hiện vật theo quy định của pháp luật lao động đối với những ngành, nghề hoặc công việc ở nơi làm việc có yếu tố độc hại, nguy hiểm”</i>	
		Trên thực tế, khoản tiền vé máy bay tại điểm e khoản 4 Điều 8 hay tiền học phí tại điểm g khoản 4 Điều 8 do người sử dụng lao động trả thay cho người lao động có thể được thanh toán bằng 2 hình thức: (i) người sử dụng lao động trả trực tiếp cho nhà cung cấp hoặc trường học; hoặc (ii) người lao động trả trước, sau đó, người sử dụng lao động bồi hoàn hay thanh toán lại chi phí cho người lao động. Để thống nhất cách thức chi trả đối với chi phí người sử dụng trả cho người lao động, chúng tôi đề xuất bổ sung như sau đối với điểm e, g khoản 4 Điều 8 (e) Khoản tiền mua vé máy bay do <i>người sử dụng lao động trả thay (hoặc thanh toán)</i> cho người lao động là người nước ngoài, người lao động là người Việt Nam làm việc ở nước ngoài về phép mỗi năm một lần từ Việt Nam đến quốc gia người nước ngoài mang quốc tịch hoặc quốc gia nơi gia đình người nước ngoài sinh sống và ngược lại; (g) Khoản tiền học phí cho của người lao động nước ngoài học tại Việt Nam, con người lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài học tại nước ngoài theo bậc học từ mầm non đến trung học phổ thông <i>do người sử dụng lao động trả thay (hoặc thanh toán)</i> cho người lao động	Tiếp thu ý kiến tham gia và thể hiện tại dự thảo Nghị định như sau: e) Khoản tiền mua vé máy bay do người sử dụng lao động trả thay (hoặc thanh toán) cho người lao động là người nước ngoài, người lao động là người Việt Nam làm việc ở nước ngoài về phép mỗi năm một lần từ Việt Nam đến quốc gia người nước ngoài mang quốc tịch hoặc quốc gia nơi gia đình người nước ngoài sinh sống và ngược lại, quốc gia nơi người Việt Nam đang làm việc về Việt Nam và ngược lại; g) Khoản tiền học phí cho con của người lao động nước ngoài học tại Việt Nam, con của người lao động Việt Nam đang làm việc ở nước ngoài học tại nước ngoài theo bậc học từ mầm non đến trung học phổ thông do người sử dụng lao động trả thay (hoặc thanh toán) cho người lao động;
	Hiệp hội bất động sản Việt Nam (công văn số 23/CV-HHBĐSVN ngày 17/4/2026)	Đề xuất: Sửa đổi Khoản 2h, Điều 8, Dự thảo Nghị định theo hướng miễn thuế đối với toàn bộ tiền nhà ở, điện nước mà người sử dụng lao động thuê và trả thay cho người lao động theo thực tế phát	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nội dung như tại dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến. Đây là quy định kế thừa quy định hiện

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		sinh, có đầy đủ hồ sơ chứng từ; hoặc giảm mức khống tiền nhà chịu thuế còn 05-10% (trên tổng thu nhập chịu thuế) thay vì 15% như hiện tại. Lý do: (1) Đảm bảo phản ánh đúng bản chất thu nhập và chi phí thực tế: đây là chi phí phục vụ điều kiện làm việc và sinh hoạt tối thiểu của người lao động (2) Phù hợp với mặt bằng giá thị trường và biến động chi phí sinh hoạt, đặc biệt tại các đô thị lớn (3) Tăng tính cạnh tranh trong thu hút nhân lực chất lượng cao (4) Giảm gánh nặng tuân thủ, giúp đơn giản hóa việc xác định thu nhập chịu thuế. Phù hợp với chủ trương cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ doanh nghiệp	hành và đã thực hiện ổn định trong thời gian qua.
	Hiệp hội Thương mại Mỹ tại Việt Nam (công văn ngày 18/05/2026)	Căn cứ quy định tại Điều 103 Bộ luật Lao động 2019: “<i>Chế độ nâng lương, nâng bậc, phụ cấp, trợ cấp và các chế độ khuyến khích đối với người lao động được thỏa thuận trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc quy định của người sử dụng lao động</i>”, khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa (bao gồm tiền bữa ăn giữa ca, ăn trưa hoặc bữa ăn bằng hiện vật) do người sử dụng lao động chi cho người lao động, như một chế độ khuyến khích, được thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể hoặc quy định của người sử dụng lao động (ví dụ như quy chế nội bộ của doanh nghiệp). Trong bối cảnh đó, việc áp dụng một mức trần cố định cho tiền ăn giữa ca, ăn trưa theo Dự thảo Nghị định cho mục đích tính thuế TNCN có thể chưa phản ánh đầy đủ tính linh hoạt mà pháp luật lao động cho phép.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nội dung như tại dự thảo Nghị định. Việc quy định khoản tiền ăn giữa ca, ăn trưa do người sử dụng lao động chi cho người lao động vượt quá 1.200.000 đồng/người/tháng mới tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của cá nhân được tính toán căn cứ sự biến động chi tiêu bình quân, thu nhập bình quân bình quân xã hội và biến động của chỉ số CPI và có tính đến dự báo cho một số năm tiếp theo. Trường hợp người sử dụng lao động tổ chức bữa ăn giữa ca, ăn trưa cho người lao động dưới các hình thức như trực tiếp nấu ăn, mua suất ăn, cấp phiếu ăn thì không tính vào thu nhập chịu thuế TNCN của cá nhân như hiện hành (được

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			miễn thuế).
		Về điểm i khoản 2 Điều 8, đề xuất thiết lập một ngưỡng miễn thuế thu nhập cá nhân cho khoản thưởng bằng tiền hoặc không bằng tiền này. Kiến nghị cần quy định việc miễn thuế đối với các quà tặng hoặc quà trúng thưởng có giá trị nhỏ (ví dụ như pin sạc dự phòng, tai nghe, dù, ly uống nước, và các vật phẩm tương tự), giúp doanh nghiệp giảm thiểu chi phí thực thi và quản lý. Các khoản thưởng bằng tiền và không bằng tiền do người sử dụng lao động chỉ trả liên quan đến các trò chơi hoặc cuộc thi do doanh nghiệp tổ chức được đề xuất là thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công nếu có giá trị vượt quá 1,5 triệu đồng.	Việc đề xuất ngưỡng tính thuế trong trường hợp này không có cơ sở và cũng không có ý nghĩa vì đây là khoản thưởng bằng tiền hoặc không bằng tiền.
		Đề nghị sửa đổi điểm k khoản 2 Điều 8: <i>“k) Các khoản lợi ích khác mà người sử dụng lao động chỉ cho người lao động bao gồm: chi cho các ngày nghỉ, lễ; các khoản chi để thuê các dịch vụ tư vấn, dịch vụ làm thủ tục về thuế cho đích danh một hoặc một nhóm cá nhân; chi thuê người giúp việc gia đình, lái xe, người làm các công việc khác trong gia đình theo hợp đồng.”</i> Đề xuất áp dụng miễn thuế thu nhập cá nhân đối với các lợi ích bằng hiện vật liên quan đến dịch vụ tư vấn dành cho người lao động nước ngoài, kể cả trong trường hợp xác định được người thụ hưởng, do việc điều động lao động nước ngoài là nhu cầu kinh doanh và mang lại lợi ích cho quốc gia tiếp nhận. Việc miễn thuế này cần được bổ sung nhằm giúp đảm bảo việc tuân thủ nghĩa vụ thuế của người lao động nước ngoài. Đề xuất miễn thuế TNCN liên quan đến khoản lợi ích là khoản chi của người sử dụng lao động để thuê các dịch vụ tư vấn cung cấp cho người lao động nước ngoài.	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể: k) Các khoản lợi ích khác mà người sử dụng lao động chỉ cho người lao động bao gồm: chi trong các ngày nghỉ, lễ; các khoản chi để thuê các dịch vụ tư vấn, dịch vụ làm thủ tục về thuế cho đích danh một hoặc một nhóm cá nhân; chi thuê người giúp việc gia đình, lái xe, người làm các công việc khác trong gia đình theo hợp đồng.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Về điểm l khoản 3 Điều 8 Pháp luật về thuế không có định nghĩa cụ thể về “cư trú dài hạn”. Do đó, cách hiểu về “cư trú dài hạn” có thể khác nhau giữa Doanh nghiệp và các cơ quan nhà nước. Để bảo đảm áp dụng thống nhất và rõ ràng, đề nghị bổ sung định nghĩa và/hoặc điều kiện cụ thể về “cư trú dài hạn” và hướng dẫn hồ sơ chứng minh tương ứng.	Nội dung kế thừa quy định hiện hành và được thực hiện ổn định trong thời gian qua.
		Về điểm h khoản 4 Điều 8 quy định về “doanh nghiệp bảo hiểm được phép bán bảo hiểm tại Việt Nam” trên thực tế rất khó để xác định và chứng minh, và do đó có thể gây vướng mắc trong quá trình áp dụng và thực hiện quy định. Để tăng tính khả thi và giảm rủi ro tuân thủ, đề nghị sửa đổi quy định tại điểm h, Khoản 4, Điều 8, theo đó, xác định nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân dựa trên bản chất của sản phẩm bảo hiểm, cụ thể là bảo hiểm không bắt buộc và không có yếu tố tích lũy về phí bảo hiểm, không phân biệt sản phẩm đó được cung cấp bởi doanh nghiệp bảo hiểm nào.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nội dung như tại dự thảo Nghị định. Ngành kinh doanh bảo hiểm là ngành nghề kinh doanh có điều kiện theo quy định tại Luật Đầu tư và Luật Kinh doanh bảo hiểm, do đó phải được Nhà nước thực hiện cấp phép và điều kiện cấp phép cũng như kinh doanh đã được quy định cụ thể tại các Luật này.
		Về điểm i khoản 4 Điều 8 chưa có hướng dẫn cụ thể về khái niệm, cách hiểu và cách áp dụng đối với trường hợp “trả thay” tiền đào tạo này là như thế nào. Do chưa có hướng dẫn rõ ràng, quy định này có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất trên thực tế. Nếu không có hướng dẫn cụ thể, cơ quan thuế địa phương có thể diễn giải và áp dụng quy định theo hướng cứng nhắc, theo đó khoản chi đào tạo này chỉ được xem là thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân khi được người sử dụng lao động thực hiện việc “trả thay”, tức là: - Người sử dụng lao động thanh toán trực tiếp cho cơ sở đào tạo, thông qua hình thức thanh toán không dùng tiền mặt. - Hoá đơn thuế GTGT do cơ sở đào tạo phát hành cho Công ty,	Các nội dung này được kế thừa quy định hiện hành. Việc sử dụng hóa đơn, chứng từ sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về hóa đơn.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		kèm các chứng từ có liên quan, nếu có. Cách hiểu và áp dụng này có thể không phản ánh đầy đủ bản chất của khoản chi đào tạo, đồng thời làm phát sinh vướng mắc trong thực tiễn, đặc biệt trong các trường hợp người lao động thanh toán trước và được doanh nghiệp hoàn trả sau đó. Do đó, việc Dự thảo làm rõ nội hàm của khái niệm “trả thay” là cần thiết để đảm bảo tính thống nhất trong áp dụng, đồng thời giúp doanh nghiệp và người lao động xác định đúng nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân đối với khoản chi phí đào tạo nêu trên. Kiến nghị sửa đổi hoặc bổ sung quy định tại Điểm i, khoản 4, Điều 8 theo hướng bao quát cả trường hợp người sử dụng lao động hoàn trả lại cho người lao động trong tình huống người lao động đã thanh toán trước cho cơ sở đào tạo, thay vì chỉ giới hạn trường hợp người sử dụng lao động thanh toán trực tiếp cho cơ sở đào tạo. Ngoài ra, trên thực tế nhiều cơ sở đào tạo không phát hành hóa đơn GTGT mà chỉ lập phiếu thu. Do đó, đề nghị chấp nhận các chứng từ hợp lệ khác, bao gồm phiếu thu thông thường do cơ sở đào tạo lập (không bắt buộc phải là hoá đơn GTGT), thay cho Hóa đơn GTGT, làm căn cứ chứng minh khoản chi đào tạo, nhằm phù hợp hơn với thực tiễn hoạt động của các cơ sở đào tạo.	
	Thái Mạnh Cường (Email: cuong.thaimanh@gmail.com Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	Về nội dung điểm a khoản 2 <i>“a) <u>Tiền tham gia đề tài, dự án, đề án; tiền nhuận bút theo quy định của pháp luật về chế độ nhuận bút; tiền tham gia các hoạt động giảng dạy, tiền tham gia biểu diễn văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao; thu nhập nhận được từ hoạt động quản lý đại lý bảo hiểm;</u>”</i> 1. Đề nghị sửa cụm từ “<i>tiền tham gia đề tài, dự án, đề án</i>” thành “<i>thù lao thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i>”. Đảm bảo phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định 265/2025/NĐ-CP và có tính bao quát.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ n nội dung như tại dự thảo Nghị định. Tại Điều 35 dự thảo Nghị định đã quy định về miễn thuế với thu nhập từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		2. Trong trường hợp doanh nghiệp thuê giảng viên/chuyên gia có đăng ký kinh doanh từ bên ngoài về đào tạo cho nhân viên thì hoạt động giảng dạy/đào tạo này cần phải xếp vào thu nhập từ kinh doanh của giảng viên/chuyên gia. Chỉ trong trường hợp cơ sở đào tạo/doanh nghiệp trả tiền giảng dạy cho chính viên chức/người lao động của mình thì mới tính vào thu nhập từ tiền lương, tiền công. Đề nghị quy định rõ tiền tham gia hoạt động giảng dạy trong trường hợp nào là thu nhập từ kinh doanh, trong trường hợp nào là thu nhập tiền lương, tiền công. Cụ thể, đề xuất bổ sung như sau: “<i>tiền tham gia các hoạt động giảng dạy được trả bởi người sử dụng lao động cho người lao động</i>”.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định, lý do: Tại điểm c khoản 1 Điều 8 dự thảo Nghị định đã quy định: Thu nhập từ tiền lương, tiền công bao gồm tiền thù lao nhận được từ cung cấp dịch vụ của cá nhân không đăng ký kinh doanh, không đăng ký thuế cho hoạt động kinh doanh, kể cả có hay không có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề.
		Về nội dung điểm b khoản 2 “<i>b) Tiền nhận được từ tham gia <u>hiệp hội kinh doanh</u>, <u>hội đồng quản trị</u>, <u>ban kiểm soát</u>, <u>hội đồng quản lý</u>, <u>các hiệp hội</u>, <u>hội nghề nghiệp</u> và các tổ chức khác.</i>” Đề nghị thống nhất “<i>hiệp hội kinh doanh</i>”, “<i>hiệp hội</i>”, “<i>hội nghề nghiệp</i>” thành “<i>hội được thành lập theo quy định của pháp luật về tổ chức hội</i>” Nghị định 126/2024/NĐ-CP quy định về hội như sau: “<i>Điều 6. Tên gọi, biểu tượng, trụ sở, con dấu và tài khoản của hội</i> 1. <i>Hội có các tên gọi khác nhau: hội, hiệp hội, liên đoàn, liên minh, liên hiệp hội, tổng hội, câu lạc bộ và tên gọi khác theo quy định của pháp luật (sau đây gọi chung là hội) và đảm bảo điều kiện tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này.</i>”	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể tại điểm b, khoản 2 Điều 8 quy định như sau: b) Tiền nhận được từ tham gia hội đồng quản trị, ban kiểm soát, hội đồng quản lý, các hiệp hội, hội nghề nghiệp, các hội được thành lập theo quy định của pháp luật và các tổ chức khác;
		Về nội dung điểm d khoản 2 “<i>2. Tiền thù lao, các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền mà cá nhân nhận được từ tổ chức, cá nhân, bao gồm cả người sử dụng lao động chỉ trả dưới mọi hình thức:</i>	Tại điểm d khoản 2 Điều 8 dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể: d) Phí hội viên và các khoản chi phí dịch vụ khác phục vụ cho cá nhân để chăm sóc sức

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THẺ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		... d) <i>Phí hội viên và các khoản chi phí dịch vụ khác phục vụ cho cá nhân để chăm sóc sức khỏe, vui chơi, thể thao, giải trí, thẩm mỹ trừ trường hợp các dịch vụ này được sử dụng chung, <u>không ghi tên cá nhân và nhóm cá nhân sử dụng dịch vụ</u> thì không tính vào thu nhập chịu thuế.</i> Đề nghị bổ sung đoạn bôi đậm sau: “<i>không ghi tên cá nhân và nhóm cá nhân sử dụng dịch vụ tại hợp đồng, hóa đơn hoặc phiếu/thẻ hội viên</i>” Việc chỉ quy định “<i>không ghi tên</i>” một cách chung chung mà không nêu rõ tên hồ sơ, chứng từ cụ thể có thể dẫn tới cách hiểu và áp dụng khác nhau. Hiện nay, các doanh nghiệp thường tổ chức hoạt động du lịch/ngỉ mát hoặc ngày hội gia đình chung toàn bộ doanh nghiệp/chi nhánh – không chỉ cho một cá nhân/nhóm cá nhân cụ thể nào. Việc ghi danh sách người tham gia là cần thiết để thực hiện một số quy định về cấp phép/đăng ký lưu trú. Tuy nhiên, việc này lại trở thành căn cứ để nhiều đơn vị kiểm tra/kiểm toán loại khỏi chi phí được trừ. Điều này là không phù hợp với bản chất hoạt động.	khỏe, vui chơi, thể thao, giải trí, thẩm mỹ. Trường hợp các dịch vụ này được sử dụng chung, không ghi tên cá nhân hoặc nhóm cá nhân sử dụng tại phiếu hoặc thẻ hội viên thì không tính vào thu nhập chịu thuế;
		Về điểm k khoản 2: <i>“k) Các khoản thưởng bằng tiền hoặc không bằng tiền, bao gồm cả thưởng bằng chứng khoán, <u>thưởng từ cuộc thi, sự kiện do người sử dụng lao động tổ chức cho người lao động.</u>”</i> Đề nghị bổ sung như sau: “<i>...thưởng hoặc quà tặng từ cuộc thi, sự kiện do người sử dụng lao động tổ chức cho người lao động.</i>” Trong nhiều sự kiện, doanh nghiệp không thưởng mà tặng quà (bao gồm tặng quà bốc thăm) cho nhân viên. Thời gian vừa qua đã phát sinh nhiều vướng mắc trong việc xác định đây là thu nhập từ quà	Dự thảo Nghị định đã bao quát được nội dung góp ý, cụ thể: i) Các khoản thưởng bằng tiền hoặc không bằng tiền, bao gồm cả thưởng bằng chứng khoán, thưởng từ cuộc thi, sự kiện do người sử dụng lao động tổ chức cho người lao động. Đối với các khoản thưởng không bằng tiền, việc quy đổi được thực hiện theo Điều 17 của Nghị định này;

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tặng hay thu nhập từ tiền lương, tiền công.	
		Về điểm i khoản 4: <u>“i) Khoản chi người sử dụng lao động trả tiền thay tiền đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề cho người lao động phù hợp với công việc chuyên môn, nghiệp vụ của người lao động hoặc theo kế hoạch của người sử dụng lao động.”</u> Đề nghị sửa thành “i) Khoản trả thay khi chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp cho người lao động theo pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp” Thống nhất về pháp luật thuế TNDN (điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định 320/2025/NĐ-CP) và pháp luật về giáo dục nghề nghiệp.	Nội dung kế thừa quy định hiện hành và thực tế thực hiện cũng không phát sinh vướng mắc.
		Về điểm m khoản 4 <u>“m) Khoản tiền nhận được từ người sử dụng lao động chi đảm hiếu, hỉ cho bản thân và gia đình người lao động theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ...”</u> Đề nghị bổ sung “...chi đảm hiếu, hỉ cho bản thân và gia đình người lao động, chi khen thưởng con của người lao động có thành tích tốt trong học tập...” Về bản chất, đây là khoản tiền mà con của người lao động nhận được, là thu nhập quà tặng bằng tiền nên không chịu thuế TNCN. Tuy nhiên, do khoản chi này thuộc mục “Phần chi cho các khoản có tính chất phúc lợi trực tiếp cho người lao động” nên nhiều cơ quan thuế đã có quan điểm rằng phải tính vào thu nhập chịu thuế (Công văn 84810/CTHN-TTHT ngày 01/12/2023 và 23290/CTHN-TTHT ngày 23/04/2024 của Cục Thuế TP.Hà Nội)	Căn cứ bản chất của khoản thu nhập để xác định thu nhập chịu thuế. Trường hợp người lao động nhận được khoản lợi ích từ người sử dụng lao động mà không thuộc các khoản loại trừ thì phải tổng hợp vào thu nhập chịu thuế của cá nhân.
	Trần Diệp Hương (Vinhomes Smart City, Tây Mỗ, Hà	Điều 8, điểm 3i, trợ cấp thôi việc thường được công ty chi trả theo từng trường hợp nghỉ việc cụ thể với số tiền trợ cấp khác nhau. Vì	Nội dung góp ý chưa phân tích rõ cơ sở cụ thể của đề xuất.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Nội); email: trandiephuong2001@gmail.com; số điện thoại: 0934566222) - Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính phủ	vậy, việc quy định mức trợ cấp cụ thể trong quy chế tài chính, hợp đồng lao động (HĐLĐ) hay thỏa ước lao động rất khó khả thi khi áp dụng. Đề nghị ban soạn thảo bổ sung thêm “văn bản thỏa thuận thôi việc” vào những tài liệu được doanh nghiệp sử dụng khi trả trợ cấp thôi việc.	
Điều 9. Thu nhập từ đầu tư vốn			
	Hiệp hội ngân hàng Việt Nam (công văn 195/HHNH-PLNV ngày 14/4/2026)	Điểm b Khoản 3 Điều 9 Dự thảo quy định: “3. Thu nhập từ đầu tư vốn dưới các hình thức khác như: ...b) Thu nhập nhận được từ lãi trái phiếu, tín phiếu và các giấy tờ có giá khác do các tổ chức trong nước phát hành” + Tại Điều 4 Thông tư số 02/2025/TT-NHNN quy định: “<i>Chứng chỉ tiền gửi là một hình thức tiền gửi dưới dạng giấy tờ có giá và là bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ của TCTD, chi nhánh NHNg phát hành đối với người mua chứng chỉ tiền gửi trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều kiện khác.</i>” + Tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 111/2013/TT-BTC hướng dẫn thực hiện Luật thuế TNCN số 04/2007/QH12 quy định: “3. Thu nhập từ đầu tư vốn:...)Thu nhập nhận được từ lãi trái phiếu, tín phiếu và các giấy tờ có giá khác do các tổ chức trong nước phát hành, trừ thu nhập theo hướng dẫn tại tiết g.1 Điều 3”. Tại tiết g.1 Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC quy định: “Điều 3. Các khoản thu nhập được miễn thuế...g. 1 Lãi tiền gửi được miễn thuế theo quy định tại điểm này là thu nhập cá nhân nhận được từ lãi gửi Đồng Việt Nam...tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh nước ngoài dưới các hình thức: tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu và các hình thức nhận tiền gửi khác” + Tại Điều 24 Dự thảo Nghị định quy định miễn thuế TNCN đối	Nội dung tại dự thảo Nghị định đã thể hiện được nội dung góp ý, cụ thể tại điểm b khoản 3 Điều 9 quy định: b) Thu nhập nhận được từ lãi trái phiếu, tín phiếu và các giấy tờ có giá khác do các tổ chức trong nước phát hành là thu nhập từ đầu tư vốn.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		với khoản lãi tiền gửi cá nhân nhận được từ chứng chỉ tiền gửi. Như vậy Dự thảo Nghị định về cơ bản kế thừa các quy định hiện hành đang được áp dụng, tuy nhiên việc lược bỏ quy định loại trừ thu nhập từ lãi chứng chỉ tiền gửi khỏi thu nhập từ đầu tư vốn tại điểm b, khoản 3 Điều 9 Dự thảo có thể gây ra cách hiểu lãi từ chứng chỉ tiền gửi có thể vẫn bị tính là thu nhập từ đầu tư vốn và chịu thuế TNCN, do chứng chỉ tiền gửi cũng là giấy tờ có giá. Do đó, đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét, chỉnh sửa Dự thảo theo hướng "b) Thu nhập nhận được từ lãi trái phiếu, tín phiếu và các giấy tờ có giá khác do các tổ chức trong nước phát hành (trừ thu nhập theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 24);"	
Điều 10. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn			
	Bộ Tư pháp (công văn số 2643/BTP-PLDSKT ngày 22/4/2026)	Điều 10 dự thảo Nghị định quy định về thu nhập về chuyển nhượng vốn được xác định là thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: (i) Thu nhập từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức khác và chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán và (ii) Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; chuyển nhượng trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Qua rà soát pháp luật hiện hành về việc xác định thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập về chuyển nhượng vốn đã được áp dụng ổn định, xuyên suốt trong thời gian qua (Thông tư số	Tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. Cụ thể, tại dự thảo Nghị định quy định như sau: “Điều 10. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn Thu nhập từ chuyển nhượng vốn quy định tại khoản 4 Điều 3 của Luật Thuế thu nhập cá nhân bao gồm: 1. Thu nhập từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức khác. 2. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập từ chuyển nhượng cổ

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân). Điều 10 dự thảo Nghị định bổ sung thu nhập khi chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán là thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân so với quy định hiện hành. Quy định này tại dự thảo Nghị định sẽ tác động lớn, trực tiếp, ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp. Do đó, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát kỹ lưỡng nội dung quy định tại Điều 10 dự thảo Nghị định để đảm bảo tính hợp lý, khả thi và phù hợp với chủ trương, đường lối tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.	phiếu, quyền mua cổ phiếu; chuyển nhượng trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật Chứng khoán và Điều 121 của Luật Doanh nghiệp”.
	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS (công văn số 160/2026/CV-VPS ngày 03/4/2026)	Giữ nguyên và làm rõ quy định hiện hành: Tiếp tục phân loại chuyển nhượng cổ phần tại các Công ty cổ phần (bao gồm cả công ty đại chúng và chưa đại chúng) thuộc nhóm thu nhập từ “<i>chuyển nhượng chứng khoán</i>”, không phụ thuộc việc công ty đó có phải công ty đại chúng, có niêm yết và có đăng ký giao dịch hay không. Duy trì phương pháp tính thuế: Áp dụng thống nhất mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng từng lần đối với mọi giao dịch chuyển nhượng cổ phần. Lý do: Xét rằng, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần (CTCP) được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần (Điểm a Khoản 1 Điều 111 Luật Doanh nghiệp 2025). Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ	Tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định. Cụ thể, tại dự thảo Nghị định quy định như sau: “Điều 10. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn Thu nhập từ chuyển nhượng vốn quy định tại khoản 4 Điều 3 của Luật Thuế thu nhập cá nhân bao gồm: 1. Thu nhập từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp tác xã,

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó (Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp). Cổ phiếu là một loại chứng khoán (Điểm a Khoản 1 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019), không quy định cụ thể đã niêm yết trên sàn giao dịch tập trung hay chưa. Nên việc Dự thảo phân loại lại dựa trên tiêu chí “<i>mức độ thường xuyên của giao dịch</i>” để làm thay đổi bản chất tài sản là không đảm bảo tính thống nhất với Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Như vậy, hướng tiếp cận của Dự thảo đang dùng tiêu chí tình trạng pháp lý niêm yết/đăng ký giao dịch để thay đổi bản chất tài sản là cổ phần/cổ phiếu của công ty Cổ phần là chưa thật sự phù hợp. Ngoài ra, thực tiễn quản lý thuế trước đây đã chứng minh sự bất cập của phương pháp đánh thuế 20% trên chênh lệch giá. Đối với cổ phiếu chưa niêm yết, đặc biệt là các công ty khởi nghiệp (startup), trải qua nhiều vòng gọi vốn, chia tách, phát hành thêm, việc cá nhân lưu trữ và cơ quan thuế xác minh chính xác “<i>giá mua</i>” và “<i>chi phí hợp lý</i>” là cực kỳ phức tạp, tổn kém nguồn lực xã hội. Khi không thể chứng minh, nhà đầu tư phải chịu mức thuế ấn định 2% trên doanh thu, tức là tăng gấp 20 lần so với mức 0,1% hiện hành. Đây là một cú sốc lớn về chi phí tuân thủ, gây cản trở nghiêm trọng đến tính thanh khoản của thị trường vốn. Khi việc chứng minh gặp khó khăn hoặc nhằm mục đích giảm thiểu chi phí thuế, mức thuế suất quá cao hoặc có cách tính toán phụ thuộc vào việc kê khai của nhà đầu tư có thể vô tình thúc đẩy nhà đầu tư vận dụng nhiều biện pháp, kê khai không đúng giá trị giao dịch. Do đó, Chúng tôi đề xuất phân loại lại các khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần tại công ty cổ phần như bên để có thể áp dụng thống nhất cách tính toán, thuế suất là 0,1% trên giá trị giao dịch đối với mọi giao dịch chuyển nhượng cổ phần, cổ phiếu và chứng khoán khác từ đó tạo thuận lợi cho sự phát triển thị trường vốn, đảm	<i>liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức khác.</i> <i>2. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu; chuyển nhượng trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật Chứng khoán và Điều 121 của Luật Doanh nghiệp”.</i>

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		bảo nguồn thu thuế cho ngân sách nhà nước.	
	Công ty TNHH Tư vấn Thuế Deloitte Việt Nam	Đề nghị sửa khoản 1 Điều 10 như sau: <i>“Điều 10: Thu nhập từ chuyển nhượng vốn quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật thuế TNCN bao gồm:</i> <i>1. Thu nhập từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức khác và chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán.”</i> Theo quy định tại Dự thảo Nghị định, chúng tôi hiểu rằng thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, cũng như chuyển nhượng phần vốn tại các tổ chức không niêm yết, được áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế (giá chuyển nhượng trừ giá mua và chi phí hợp lý). Trường hợp không xác định được giá mua và chi phí, thuế suất 2% trên giá chuyển nhượng sẽ được áp dụng. Trong khi đó, đối với chuyển nhượng cổ phiếu và quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng/niêm yết, thuế suất hiện hành là 0,1% trên giá chuyển nhượng. Trên cơ sở đó, chúng tôi kính đề xuất cơ quan soạn thảo xem xét áp dụng thống nhất phương pháp tính thuế theo tỷ lệ trên giá chuyển nhượng (0,1%) đối với cả giao dịch chuyển nhượng cổ phần và cổ phiếu, không phân biệt tình trạng niêm yết/đại chúng, vì các lý do sau: 1. Đảm bảo tính nhất quán về bản chất giao dịch: Theo Khoản 1 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019, cổ phiếu là một	Nội dung này cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn thiện lại nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định như đã nêu ở mục trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu vốn của nhà đầu tư. Xét về bản chất kinh tế, cả giao dịch chuyển nhượng cổ phần (chưa niêm yết) và cổ phiếu (niêm yết) đều là chuyển nhượng quyền sở hữu vốn. Do đó, việc áp dụng các phương pháp tính thuế và mức thuế suất khác biệt đáng kể giữa hai loại giao dịch này có thể dẫn đến sự thiếu nhất quán trong chính sách thuế. 2. Nâng cao tính khả thi và giảm thiểu tranh chấp trong thực thi Việc áp dụng thuế suất 20% trên phần thu nhập tính thuế phụ thuộc vào việc xác định chính xác giá vốn và chi phí hợp lý. Trên thực tế, đối với các giao dịch không qua sàn hoặc có lịch sử chuyển nhượng phức tạp, việc xác định các yếu tố này thường gặp khó khăn do: - Thiếu chứng từ đầy đủ - Khác biệt trong cách hiểu về chi phí hợp lý - Biến động giá qua nhiều vòng đầu tư Điều này có thể dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất giữa người nộp thuế và cơ quan thuế. Ngược lại, phương pháp tính thuế theo tỷ lệ trên giá chuyển nhượng có ưu điểm: - Đơn giản, dễ áp dụng - Hạn chế phụ thuộc vào hồ sơ lịch sử - Giảm đáng kể rủi ro phát sinh tranh chấp. 3. Hạn chế hành vi điều chỉnh và tăng tính minh bạch thị trường Trong bối cảnh việc xác định giá vốn chưa đồng nhất, việc áp dụng thuế trên lợi nhuận có thể, trong một số trường hợp, tạo ra động cơ điều chỉnh giá vốn hoặc cấu trúc giao dịch nhằm giảm nghĩa vụ thuế. Việc áp dụng thống nhất thuế suất thấp trên giá chuyển nhượng sẽ:	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Giảm động cơ điều chỉnh kỹ thuật - Tăng tính minh bạch của giao dịch - Đảm bảo thu thuế trong mọi trường hợp (kể cả khi phát sinh lỗ hoặc không xác định được giá vốn). 4. Tác động dự kiến: - Đối với Ngân sách nhà nước: Phương pháp thu theo tỷ lệ trên giá chuyển nhượng giúp đảm bảo nguồn thu ổn định và liên tục, không phụ thuộc vào việc xác định lãi/lỗ. Đồng thời giảm chi phí quản lý và kiểm tra liên quan đến việc xác định giá vốn. - Đối với thị trường vốn: Tạo sự nhất quán giữa thị trường niêm yết và chưa niêm yết, giảm rào cản thuế đối với hoạt động đầu tư, đặc biệt trong các giao dịch private equity, startup, và hỗ trợ phát triển thị trường vốn theo hướng minh bạch và hiệu quả hơn. - Thúc đẩy tiếp cận nguồn vốn cho startups và doanh nghiệp đổi mới sáng tạo: Việc đơn giản hóa thủ tục kê khai và tuân thủ thuế sẽ góp phần giảm rào cản trong huy động vốn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp và khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt trong các giao dịch private equity và đầu tư mạo hiểm. Điều này phù hợp với định hướng chiến lược của Chính phủ trong việc khuyến khích đổi mới sáng tạo, phát triển công nghệ và xây dựng thị trường vốn minh bạch, hiệu quả cho cả doanh nghiệp niêm yết và chưa niêm yết. - Đối với tuân thủ thuế: Đơn giản hóa nghĩa vụ kê khai, đơn giản hóa nghĩa vụ kê khai và tăng mức độ tuân thủ tự nguyện. Trên cơ sở các phân tích nêu trên, chúng tôi kính đề xuất cơ quan soạn thảo xem xét: Áp dụng thống nhất mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng đối với tất cả các giao dịch chuyển nhượng cổ phần/cổ phiếu, không phân biệt tình trạng niêm yết, nhằm bảo đảm tính nhất quán và công bằng trong chính sách thuế.	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Hiệp hội ngân hàng Việt Nam (công văn 195/HHNH-PLNV ngày 14/4/2026)	Điều 10 Dự thảo quy định: “<i>Thu nhập từ chuyển nhượng vốn quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật thuế TNCN bao gồm: ...2. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; chuyển nhượng trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán.</i>” Cổ phiếu là chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán, không phân biệt là cổ phiếu của công ty đại chúng hay công ty không đại chúng, đã niêm yết hay chưa niêm yết. Do đó đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét, sửa đổi theo hướng: “...2. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; chuyển nhượng trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán”.	Nội dung này cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn thiện lại nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định như đã nêu ở mục trên.
	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Nguyên Ngọc (Tầng 15, tòa nhà Century - khu đô thị Times City, số 458 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Hà Nội); email: congtynguyennngoc.ketoan@gmail.com; số điện thoại: 0888275006 - Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính Phủ Trần Quốc Đạt (Đông Ngạc, Hà Nội); email: datquoctran.vn@gmail.com;	Đề xuất: Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 10, Dự thảo Nghị định như sau: “1. Thu nhập từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức khác và chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán. 2. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; chuyển nhượng trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của	Nội dung này cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn thiện lại nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định như đã nêu ở mục trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	số điện thoại: 0983198695 - Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính Phủ	<i>pháp luật về chứng khoán, thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp.”</i> Lý do: Đề xuất không áp dụng thuế suất 20% trên lợi nhuận đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần trong công ty không phải công ty đại chúng, tổ chức không phải là tổ chức niêm yết vì các lý do sau: (1) Khó xác định chính xác lợi nhuận, dẫn đến tăng nguy cơ trốn thuế, gian lận thuế: Giá vốn của cổ phiếu/vốn đầu tư thường khó xác định chính xác nếu giao dịch mua không qua sàn chứng khoán; không có hoá đơn, chứng từ hợp lệ; chuyển nhượng nhiều lần, giá thay đổi, thời gian kéo dài. Điều này gây khó khăn cho cả người nộp thuế và cơ quan thuế trong việc xác định nghĩa vụ thuế. Khi thuế suất cao và khó xác định giá vốn, người nộp thuế có thể khai khống chi phí vốn để giảm thuế; hoặc chuyển giá, lập hợp đồng giả, hoặc dùng tài khoản người khác để né thuế. Việc này gây thất thu ngân sách và làm méo mó thị trường. (2) Tạo thành sự phân biệt đối xử giữa các giao dịch có cùng bản chất kinh tế. Về nguyên tắc, việc chuyển nhượng vốn trong công ty đại chúng/niêm yết hay không đại chúng/không niêm yết đều là thu nhập từ chuyển nhượng vốn của các cổ đông, ngoài ra theo định nghĩa tại Luật chứng khoán thì khái niệm “<i>chứng khoán</i>” bao gồm cổ phiếu nói chung, không ràng buộc việc phải niêm yết/đại chúng hay không. Việc có sự khác biệt như vậy sẽ làm cho các doanh nghiệp chưa đại chúng/chưa niêm yết khó khăn trong việc huy động vốn, đi ngược lại với chủ trương khơi thông nguồn lực cho nền kinh tế của Nhà nước. (3) Tạo ra gánh nặng thuế quá cao, triệt tiêu động lực đầu tư: Thuế suất cao sẽ triệt tiêu lợi nhuận của nhà đầu tư nhỏ lẻ, kết quả làm giảm thanh khoản thị trường, nhà đầu tư rút vốn, thị trường kém hấp dẫn. Ngoài ra, đối với việc thu thuế 20% trên lợi nhuận cũng vô hình	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		chung tạo ra đối xử với các cá nhân như một mô hình doanh nghiệp (trong khi với doanh nghiệp sẽ có nhiều cơ chế giảm trừ, bù trừ thu nhập), từ đó dẫn đến sự thiếu công bằng và chưa phù hợp với thực tiễn phát triển. (4) Quy định hiện tại đã thực hiện ổn định trong nhiều năm, việc thay đổi quy định tại Dự thảo sẽ làm ảnh hưởng lớn đến kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp cũng như các phương án M&A của nhà đầu tư, đi ngược lại tinh thần của Nghị quyết 68-NQ/TW thúc đẩy kinh tế tư nhân, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.	
	Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)	Đề xuất sửa đổi khoản 2 Điều 10 như sau: <i>“Điều 10. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn</i> <i>Thu nhập từ chuyển nhượng vốn quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật thuế TNCN bao gồm:</i> ... <i>2. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; chuyển nhượng trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán.”</i> Lý do: Cổ phiếu là chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán, không phân biệt là cổ phiếu của công ty đại chúng hay công ty không đại chúng, đã niêm yết hay chưa niêm yết.	Nội dung này cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn thiện lại nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định như đã nêu ở mục trên.
	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (công văn số 0685/LĐTM-PC ngày 16/4/2026)	Khoản 1 Điều 10 Dự thảo quy định gộp chung thu nhập từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn góp trong công ty TNHH, công ty hợp danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức khác và chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ	Nội dung này cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn thiện lại nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định như đã nêu ở mục trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán. Theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Dự thảo, thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân cư trú theo quy định này được xác định bằng thu nhập tính thuế nhân với thuế suất 20% theo từng lần chuyển nhượng. Trong đó, thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn được xác định bằng giá chuyển nhượng trừ đi giá mua phần vốn chuyển nhượng và các khoản chi phí hợp lý liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Khoản 2 Điều 10 Dự thảo quy định thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; chuyển nhượng trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Với thu nhập này sẽ chịu 0,1% trên giá chuyển nhượng. Quy định trên cần được cân nhắc, xem xét ở các góc độ: - <i>Về tính thống nhất và hợp lý:</i> Theo Luật Doanh nghiệp, cổ phần tại công ty cổ phần (dù niêm yết hay chưa) đều có cùng bản chất pháp lý và tính chất tự do chuyển nhượng. Việc phân loại cổ phần chưa niêm yết vào khoản 1 (tính thuế 20% trên chênh lệch) và cổ phần niêm yết vào khoản 2 (tính thuế 0,1% trên doanh thu) tạo ra sự bất bình đẳng. Điều này vô hình trung tạo rào cản cho sự phát triển của các doanh nghiệp chưa đại chúng, làm giảm tính hấp dẫn của môi trường đầu tư khởi nghiệp. - <i>Về tính khả thi và nguy cơ những nhiễu:</i> Quy định tại khoản 1 Dự thảo sẽ ít tính khả thi. Để thu thuế 20% phải xác định được "giá vốn" và "chi phí hợp lý". Tuy nhiên, với cá nhân chuyển nhượng cổ phần nội bộ không qua sàn, chứng từ thường không đầy đủ hoặc dễ dàng bị dàn xếp. Điều này không chỉ gây khó khăn cho cơ quan thuế trong việc thanh tra, ấn định thuế mà còn tạo khe hở cho các hành vi gian	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		lận (như làm giả hợp đồng mua bán với giá vốn cao để triệt tiêu lợi nhuận). Từ những phân tích trên, <u>đề nghị</u>: - Bỏ cụm từ “chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán” tại khoản 1 Điều 10; - Bổ sung cụm từ “thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định của pháp luật” vào cuối của khoản 2 Điều 10.	
	Tập đoàn Vingroup (công văn số 219/2026/CV-VINGROUP ngày 16/4/2026)	Theo quy định tại Luật thuế TNCN số 109/2025/QH15, thu nhập từ chuyển nhượng vốn sẽ bao gồm (a) Thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn trong các tổ chức kinh tế; (b) Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán và (c) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới các hình thức khác. Căn cứ vào quy định hiện hành tại Khoản 4a, Điều 2 Thông tư 111/2013/TT-BTC thì mục (a), thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn trong các tổ chức kinh tế bao gồm: “Thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn (bao gồm cả công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên), công ty hợp danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức kinh tế, tổ chức khác”; trong khi đó, theo Khoản 1, Điều 10, Dự thảo thì mục (a) lại bao gồm: "Thu nhập từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức khác và chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán" Như vậy, theo nội dung tại Dự thảo, quy định đang bỏ sung thêm trường hợp chuyển nhượng cổ phần của	Nội dung này cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn thiện lại nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định như đã nêu ở mục trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		công ty không đại chúng/không niêm yết được coi là thu nhập từ chuyển nhượng phần vốn góp trong các tổ chức kinh tế; trong khi trường hợp này theo quy định hiện hành đang được xác định là thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, mục (b). Việc này sẽ dẫn đến những vướng mắc và bất cập dưới đây: Một là, khó khăn trong việc xác định lợi nhuận, gia tăng rủi ro thất thu và tranh chấp thuế. Về bản chất, cơ chế đánh thuế trên phần thu nhập chênh lệch chỉ có thể vận hành hiệu quả khi hệ thống xác định giá vốn, chi phí và dòng tiền được thiết lập đầy đủ, minh bạch và có khả năng kiểm chứng cao. Tuy nhiên, đối với các giao dịch chuyển nhượng cổ phần của cá nhân không qua thị trường tập trung, việc xác định giá vốn thường mang tính lịch sử, phân tán qua nhiều vòng chuyển nhượng, thiếu chứng từ chuẩn hóa và khó đối chiếu. Như vậy, kết quả không những không bảo đảm tính chính xác của nghĩa vụ thuế mà còn vô hình chung tạo ra động cơ (khách quan hoặc chủ quan) khai báo không trung thực, dẫn tới thu hẹp tính tuân thủ, cũng như gia tăng chi phí kiểm tra, thanh tra, phát sinh giải quyết tranh chấp, làm giảm hiệu quả quản lý thuế. Hai là, tạo phân biệt đối xử giữa các giao dịch có cùng bản chất. Theo quy định của pháp luật chứng khoán, cổ phiếu nói chung đều thuộc định nghĩa về “chứng khoán”, không gắn với điều kiện niêm yết như một tiêu chí để phân biệt bản chất giao dịch. Theo đó, cùng một khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, nhà đầu tư trong doanh nghiệp niêm yết chỉ chịu thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng, trong khi nhà đầu tư trong doanh nghiệp chưa niêm yết có thể phải chịu thuế lên tới 20% trên thu nhập. Sự chênh lệch đáng kể này không phản ánh sự khác biệt về bản chất kinh tế, mà chủ yếu xuất phát từ hình thức tổ chức thị trường, qua đó tạo ra sự phân biệt đối xử về thuế và làm méo mó quyết định đầu tư. Ngoài ra, quy định Dự thảo đặt cá nhân vào vị thế chịu thuế tương tự như một doanh nghiệp, khi áp	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		dụng phương pháp tính thuế trên lợi nhuận với mức thuế suất cao, trong khi không thiết lập đầy đủ các cơ chế tương ứng như đối với doanh nghiệp (doanh nghiệp sẽ có nhiều cơ chế giảm trừ, bù trừ thu nhập, chuyển lỗ). Ba là, làm gia tăng gánh nặng tuân thủ, chưa phù hợp với định hướng cải cách hành chính cũng như làm suy giảm động lực đầu tư và phát triển của thị trường vốn. So với cơ chế hiện hành (thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng vốn) đơn giản, dễ áp dụng và đã vận hành ổn định trong nhiều năm; phương án tại Dự thảo là sẽ là thay đổi trọng yếu, làm gia tăng đáng kể nghĩa vụ kê khai, lưu trữ hồ sơ và giải trình của người nộp thuế, đồng thời đặt ra yêu cầu quản lý phức tạp hơn đối với cơ quan thuế. Bên cạnh đó, khu vực doanh nghiệp chưa niêm yết lại chính là nơi tập trung phần lớn hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thu hút vốn đầu tư tư nhân. Việc áp dụng mức thuế cao và cơ chế tính thuế phức tạp đối với khu vực này sẽ trực tiếp làm giảm tỷ suất sinh lời kỳ vọng của nhà đầu tư, kéo theo sự suy giảm thanh khoản và khả năng huy động vốn của doanh nghiệp, qua đó cũng ảnh hưởng gián tiếp đến lộ trình đại chúng hóa hoặc niêm yết cổ phần của các doanh nghiệp này. Hệ quả là không những đi ngược lại với mục tiêu đề ra ban đầu khi xây dựng Dự thảo mà còn chưa phù hợp với chủ trương nhất quán của Đảng, Nhà nước về việc khơi thông nguồn lực xã hội, thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế, như đã được xác lập tại Nghị quyết 68-NQ/TW. <u>Đề xuất:</u> Từ những phân tích nêu trên, chúng tôi kiến nghị giữ nguyên quy định hiện hành, theo đó áp dụng thống nhất cơ chế thu thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần trong công ty cổ phần (không phân biệt tình trạng niêm yết đại chúng), được xác định đều là thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán và áp dụng thuế suất 0,1%	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trên giá chuyển nhượng.	
	Hiệp hội Bất động sản Thành phố Hồ Chí Minh (công văn số 33/2026/CV-HoREA ngày 22/4/2026)	Chính sách tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 “dự thảo Nghị định” quy định về “thuế thu nhập cá nhân” đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của “công ty không phải là công ty đại chúng” hoặc của “tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán” vẫn chưa thật thỏa đáng, chưa thật công bằng, chưa thật hợp lý hợp tình nên Hiệp hội đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 10 như sau: <i>“Điều 10. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn Thu nhập từ chuyển nhượng vốn quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân bao gồm:</i> <i>1. Thu nhập từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức khác và chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán.</i> <i>2. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; chuyển nhượng trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán.”</i> Lý do đề xuất: (1) Hiệp hội nhận thấy, khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Luật Chứng khoán 2025 đã giải thích “chứng khoán là tài sản” bao gồm nhiều loại “chứng khoán”, trong đó có “cổ phiếu”, mà “cổ phiếu là loại chứng	Nội dung này cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn thiện lại nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định như đã nêu ở mục trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		khoản xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành”, bao gồm “cổ phiếu” của các công ty cổ phần đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch hoặc “cổ phiếu” của các công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng hoặc tổ chức không phải là tổ chức niêm yết trên sàn chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên sàn Upcom. Do vậy, rất cần thiết bổ sung nội dung “thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng” hoặc “thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch” vào khoản 2 Điều 10 “dự thảo Nghị định” để được công nhận là thu nhập từ “chuyển nhượng chứng khoán” tương tự như thu nhập từ “chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch”, để vừa phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán 2025, vừa bảo đảm công bằng, không “phân biệt đối xử” đối với “thu nhập từ chuyển nhượng vốn” của các nhà đầu tư tại các công ty cổ phần đại chúng, tổ chức niêm yết trên sàn chứng khoán, tổ chức đăng ký giao dịch trên sàn Upcom với các nhà đầu tư tại các công ty không phải là công ty đại chúng hoặc tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, bởi lẽ hành vi “chuyển nhượng vốn” của các nhà đầu tư này đều có cùng bản chất như nhau. (2) Hiệp hội nhận thấy, khoản 1 Điều 10 “dự thảo Nghị định” quy định “thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch” cùng nhóm “thu nhập từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân” dẫn đến hệ quả là “thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn” được xác định “bằng thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất thuế suất 20%	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		theo từng lần chuyển nhượng”, trường hợp không xác định giá mua và các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng vốn thì “thuế thu nhập cá nhân được xác định bằng giá chuyển nhượng nhân (x) với thuế suất 2%” theo quy định tại khoản 1 Điều 53 “dự thảo Nghị định”, cao hơn 20 lần so với thuế suất 0,1% áp dụng đối với “thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán”. Do các “bắt cập” trên đây nên Hiệp hội đề xuất bổ sung quy định “thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch” vào khoản 2 Điều 10 “dự thảo Nghị định”, bởi lẽ đây cũng là thu nhập từ “chuyển nhượng chứng khoán” tương tự như thu nhập từ “chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch” theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Luật Chứng khoán 2025 để được áp dụng cách tính “thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán” quy định tại khoản 1 Điều 54 “dự thảo Nghị định” xác định “bằng giá chuyển nhượng nhân (x) với thuế suất 0,1% theo từng lần chuyển nhượng”. Hơn nữa trên thực tế, có không ít “công ty cổ phần đại chúng” vẫn chưa niêm yết trên sàn chứng khoán hoặc “công ty cổ phần” chưa đăng ký giao dịch trên sàn Upcom nhưng lại là các doanh nghiệp có năng lực, uy tín thương hiệu và quản trị doanh nghiệp theo các chuẩn mực kế toán, minh bạch nên việc chuyển nhượng cổ phần của các nhà đầu tư tại các doanh nghiệp này cần được áp dụng thuế suất 0,1% thuế thu nhập cá nhân như đối với “thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán” là công bằng và hợp lý hợp tình. (3) Hiệp hội nhận thấy, nếu nội dung khoản 1 Điều 10 “dự thảo Nghị định” không được sửa đổi thì sẽ dẫn đến hệ quả làm gia tăng gánh nặng tuân thủ, chưa phù hợp với định hướng cải cách thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ của người dân, doanh nghiệp, cũng	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		như làm suy giảm động lực đầu tư và phát triển của thị trường vốn nên Hiệp hội đề nghị tiếp tục áp dụng cơ chế hiện hành (thuế suất 0,1% theo giá chuyển nhượng) vì đơn giản, dễ áp dụng và đã vận hành ổn định trong nhiều năm để giữ ổn định chính sách này, bởi lẽ nếu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 và khoản 1 Điều 53 “dự thảo Nghị định” thì còn dẫn đến hệ quả làm gia tăng đáng kể nghĩa vụ kê khai, lưu trữ hồ sơ và giải trình của người nộp thuế, đồng thời đặt ra yêu cầu quản lý phức tạp hơn đối với cơ quan thuế. (4) Hiệp hội nhận thấy, bên cạnh đó, khu vực doanh nghiệp chưa niêm yết trên sàn chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên sàn Upcom lại chính là nơi tập trung phần lớn hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thu hút vốn đầu tư tư nhân, nên việc áp dụng mức thuế cao và cơ chế tính thuế phức tạp đối với khu vực này sẽ trực tiếp làm giảm tỷ suất sinh lời kỳ vọng của nhà đầu tư, kéo theo sự suy giảm thanh khoản và khả năng huy động vốn của doanh nghiệp, đi ngược lại với chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước về việc khơi thông nguồn lực xã hội, thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế đã được xác lập tại Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị. Do vậy, Hiệp hội đề nghị bổ sung nội dung “thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch” vào khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định, xác định đây cũng là “thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán” để bảo đảm công bằng và hợp lý hợp tình đối với các nhà đầu tư chuyển nhượng cổ phiếu tại các công ty cổ phần.	
	Hiệp hội bất động sản Việt Nam (công văn số 23/CV-HHBĐSVN ngày 17/4/2026)	Đề xuất: Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 10, Dự thảo Nghị định như sau: “1. Thu nhập từ chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp đồng hợp	Nội dung này cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn thiện lại nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định như đã nêu ở mục trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tác kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức khác và chuyển nhượng cổ phần của công ty không phải là công ty đại chúng, chuyển nhượng cổ phần của tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch theo quy định của pháp luật chứng khoán. 2. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; chuyển nhượng trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán, thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp." Lý do: Đề xuất không áp dụng thuế suất 20% trên lợi nhuận đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần trong công ty không phải công ty đại chúng, tổ chức không phải là tổ chức niêm yết vì các lý do sau: (1) Tạo phân biệt đối xử giữa các giao dịch có cùng bản chất. Theo quy định của pháp luật chứng khoán, cổ phiếu nói chung đều thuộc định nghĩa về "chứng khoán", không gắn với điều kiện niêm yết như một tiêu chí để phân biệt bản chất giao dịch. Theo đó, cùng một khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, nhà đầu tư trong doanh nghiệp niêm yết chỉ chịu thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng, trong khi nhà đầu tư trong doanh nghiệp chưa niêm yết có thể phải chịu thuế lên tới 20% trên thu nhập. Sự chênh lệch đáng kể này không phản ánh sự khác biệt về bản chất kinh tế, mà chủ yếu xuất phát từ hình thức tổ chức thị trường, qua đó tạo ra sự phân biệt đối xử về thuế và làm méo mó quyết định đầu tư. Ngoài ra, quy định Dự thảo đặt cá nhân vào vị thế chịu thuế tương tự như một doanh nghiệp, khi áp dụng phương pháp tính thuế trên lợi nhuận với mức thuế suất cao, trong khi không thiết lập đầy đủ các cơ chế tương ứng như đối với doanh nghiệp	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		(doanh nghiệp sẽ có nhiều cơ chế giảm trừ, bù trừ thu nhập, chuyển lỗ). (2) Khó khăn trong việc xác định lợi nhuận, gia tăng rủi ro thất thu tranh chấp thuế. Về bản chất, cơ chế đánh thuế trên phần thu nhập chênh lệch chỉ có thể vận hành hiệu quả khi hệ thống xác định giá vốn, chi phí và dòng tiền được thiết lập đầy đủ, minh bạch và có khả năng kiểm chứng. Tuy nhiên, đối với các giao dịch chuyển nhượng cổ phần của cá nhân không qua thị trường tập trung, việc xác định giá vốn thường mang tính lịch sử, phân tán qua nhiều vòng chuyển nhượng, thiếu chứng từ chuẩn hóa và khó đối chiếu. Như vậy, kết quả không những không bảo đảm chính xác của nghĩa vụ thuế mà còn vô hình chung tạo ra động cơ (khách quan hoặc chủ quan) khai báo không trung thực, dẫn tới thu hẹp tính tuân cũng như gia tăng chi phí kiểm tra, thanh tra, phát sinh giải quyết tranh chấp, làm giảm hiệu quả quản lý thuế. (3) Làm gia tăng gánh nặng tuân thủ, chưa phù hợp với định hướng cải cách hành chính cũng như làm suy giảm động lực đầu tư và phát triển của thị trường vốn. So với cơ chế hiện hành (thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng) vốn đơn giản, dễ áp dụng và đã vận hành ổn định trong nhiều năm, phương án tại Dự thảo sẽ làm gia tăng đáng kể nghĩa vụ kê khai, lưu trữ hồ sơ và giải trình của người nộp thuế, đồng thời đặt ra yêu cầu quản lý phức tạp hơn đối với cơ quan thuế. Bên cạnh đó, khu vực doanh nghiệp chưa niêm yết lại chính là nơi tập trung phần lớn hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thu hút vốn đầu tư tư nhân. Việc áp dụng mức thuế cao và cơ chế tính thuế phức tạp đối với khu vực này sẽ trực tiếp làm giảm tỷ suất sinh lời kỳ vọng của nhà đầu tư, kéo theo sự suy giảm thanh khoản và khả năng huy động vốn của doanh nghiệp. Hệ quả này đi ngược với chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước về việc khơi thông nguồn lực xã hội, thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trọng của nền kinh tế, như đã được xác lập tại Nghị quyết 68-NQ/TW.	
	Công ty Cổ phần Tư vấn EY Việt Nam (công văn số 2026/0428/EY-TNCN ngày 28/4/2026)	1. Theo định nghĩa tại Luật Chứng khoán, “2. <i>Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành</i>”. Do định nghĩa này không kèm theo điều kiện cổ phiếu có niêm yết hay đăng ký giao dịch hay không, có thể hiểu chuyển nhượng cổ phiếu là chuyển nhượng chứng khoán không phân biệt cổ phiếu của công ty đại chúng, công ty niêm yết hay công ty chưa niêm yết. 2. Việc thay đổi đột ngột quy định về phân loại thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng, tổ chức không phải là tổ chức niêm yết theo hướng tăng chi phí thuế cho các cá nhân thực hiện chuyển nhượng vốn đang chưa phù hợp với: - Bản chất pháp lý của cổ phần như nêu tại (1) - Chưa bám sát chủ trương phát triển kinh tế tư nhân tại Nghị quyết 68-NQ/TW năm 2025, cụ thể, hoàn thiện hệ thống pháp luật, xoá bỏ các rào cản tiếp cận thị trường đảm bảo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp - Giảm tính hấp dẫn của đầu tư cổ phần tư nhân - Gián đoạn vòng đời đầu tư – thoái vốn, là yếu tố then chốt để tái đầu tư và mở rộng quy mô doanh nghiệp - Không tạo động lực thúc đẩy niêm yết, mà ngược lại khiến nhà đầu tư và doanh nghiệp tìm đến các cấu trúc đầu tư thay thế (đầu tư gián tiếp), làm giảm tính minh bạch của thị trường trong nước dẫn tới nguy cơ làm suy yếu “đoạn giữa” của thị trường vốn, thay vì tạo lực đẩy để doanh nghiệp tiến tới niêm yết. 3. Cần đánh giá tác động của chính sách, không chỉ trên phương diện ngân sách mà cả tác động dài hạn tới phát triển kinh tế, tính phù	Nội dung này cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn thiện lại nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định như đã nêu ở mục trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hợp với mục tiêu chiến lược trong phát triển kinh tế tư nhân Theo quy định trong dự thảo, khi chuyển nhượng cổ phần của công ty cổ phần không phải là công ty đại chúng, tổ chức không phải là tổ chức niêm yết, thuế TNCN được xác định bằng (1) 20% trên lợi nhuận hoặc (2) 2% trên giá bán. Như vậy, thuế suất <i>tăng gấp 20 lần</i> trên giá chuyển nhượng. <i>Chúng tôi kiến nghị Bộ Tài Chính áp dụng mức thuế suất 0.1% đối với nhượng cổ phần tại công ty cổ phần, không phân biệt niêm yết hay chưa niêm yết.</i> Duy trì thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng, bảo đảm: - Đơn giản, dễ tuân thủ; - Phù hợp với giai đoạn phát triển hiện nay của thị trường vốn.	
	Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam (công văn số 18.26/CV-HHCK ngày 07/5/2026)	Về khoản 1 Điều 10 đề xuất giữ nguyên quy định về áp dụng thuế suất 20% hiện nay do phương án này mang lại lợi ích tối ưu hơn về thuế cho các cổ đông góp vốn trong những trường hợp giá chuyển nhượng không chênh lệch nhiều so với giá sổ sách.	Nội dung này cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn thiện lại nội dung quy định tại khoản 1 Điều 10 dự thảo Nghị định như đã nêu ở mục trên.
		Đề xuất sửa đổi khoản 2 Điều 10 như sau: <i>“Điều 10. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn</i> <i>Thu nhập từ chuyển nhượng vốn quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật thuế TNCN bao gồm:</i> ... <i>2. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu; chuyển nhượng trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán.”</i> Căn cứ đề xuất: Cổ phiếu là chứng khoán theo quy định của Luật Chứng khoán, không phân biệt là cổ phiếu của công ty đại chúng hay	Nội dung này cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn thiện lại nội dung quy định tại khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định như đã nêu ở mục trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		công ty không đại chúng, đã niêm yết hay chưa niêm yết. Đề xuất điều chỉnh như trên để giúp các giao dịch tái cấu trúc giảm bớt chi phí thuế vì chuyển nhượng chứng khoán chỉ chịu thuế suất 0,1% tính trên giá chuyển nhượng, còn chuyển nhượng vốn góp thì bị tính tối thiểu 2% trên giá chuyển nhượng hoặc 20% của lợi nhuận từ giao dịch”	
	3V Partner (chuyển đến theo công văn số 4313/VPCP-KTTH ngày 14/5/2026 của Văn phòng Chính phủ)	Mặc dù Luật thuế cá nhân liên quan đến chuyển nhượng vốn cổ phần doanh nghiệp tư nhân chưa niêm yết chỉ là một phần chính sách trong toàn bộ luật Thuế nhưng nếu đưa ra theo dự thảo Nghị định hướng dẫn năm 2026 sẽ gây ảnh hưởng lớn đến việc thu hút vốn đầu tư trung và dài hạn vào các doanh nghiệp tư nhân. Kiến nghị Chính Phủ xem xét lại và cân nhắc một số hướng sau: - Ngắn hạn: Lùi thời điểm hiệu lực hoặc ban hành giai đoạn chuyển tiếp (ít nhất 12 tháng) để thị trường, doanh nghiệp và nhà đầu tư có thời gian điều chỉnh chiến lược nguồn vốn và tuân thủ. - Áp thuế 2% trên tổng giá trị giao dịch, cũng là tăng 20 lần so với 0.1% hiện nay, tương xứng với mức 2% khi doanh nghiệp chuyển nhượng cổ phần nhưng vẫn cao hơn mức 0.1% của các doanh nghiệp niêm yết, qua đó vẫn thực hiện được mục tiêu khuyến khích doanh nghiệp niêm yết. Mức thuế suất này cân bằng được nhiều lợi ích và vẫn đảm bảo Việt Nam có mức thuế thu nhập chuyển nhượng hấp dẫn hơn so với Philippines, Indonesia và Thái Lan là những nước đang cạnh tranh với Việt Nam về việc thu hút nguồn vốn tư nhân quốc tế.	Nội dung này cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn thiện lại nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định như đã nêu ở mục trên.
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (công văn số 165/2026/MSN-CV ngày 22/5/2026)	Đề xuất giữ nguyên như quy định trước đây: chuyển nhượng chứng khoán bao gồm chuyển nhượng cổ phần trong các công ty cổ phần, không phân biệt giữa công ty cổ phần đại chúng hay chưa đại chúng.	Nội dung này cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn thiện lại nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 dự thảo Nghị định như đã nêu ở mục trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Không nên phân biệt chính sách thuế thu nhập cá nhân dựa trên tính đại chúng hay chưa đại chúng, mà nên phân biệt theo loại hình doanh nghiệp. Theo đó, mô hình công ty cổ phần là mô hình phù hợp cho việc mua đi bán lại nhiều lần, thường xuyên (mang tính chất đổi vốn); trong khi công ty TNHH phù hợp với tính ổn định, gắn bó giữa các thành viên. Việc phân biệt cổ phần chưa đại chúng/chưa niêm yết (tính 20% trên lợi nhuận) và cổ phần đại chúng/niêm yết (tính 0,1% trên giá bán) tạo ra sự bất bình đẳng lớn về nghĩa vụ thuế giữa các nhà đầu tư. Cho dù áp dụng mức thuế suất 2% trên giá bán cổ phần, mức thuế này vẫn cao hơn 20 lần so với chuyển nhượng cổ phần của công ty đã niêm yết. Nếu áp dụng mức thuế thu nhập cá nhân cao hơn cho chuyển nhượng cổ phần chưa niêm yết sẽ làm tăng chi phí vốn, thu hẹp kênh huy động vốn cổ phần cho doanh nghiệp vừa và nhỏ và doanh nghiệp khởi nghiệp, chưa phù hợp chủ trương thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Trong thực tế, các doanh nghiệp này thường chưa đủ điều kiện niêm yết (tiêu chuẩn rất cao) ở giai đoạn đầu do yêu cầu cao về vốn, hiệu quả hoạt động, cơ cấu cổ đông... Theo quan sát thực tiễn, hiện không có quốc gia nào trong khu vực phân biệt thuế dựa trên tính đại chúng hay chưa đại chúng.	
Điều 11. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản			
	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (công văn số 766-CV/KHXXH ngày 03/4/2026)	Khoản 5 Điều 11 của Dự thảo sử dụng thuật ngữ “ <i>ủy quyền chuyển nhượng bất động sản</i> ” kèm theo tiêu chí “ <i>người nhận ủy quyền chỉ nhận thù lao, không có đầy đủ nội dung của quyền sở hữu đối với bất động sản</i> ” là chưa bảo đảm tính chính xác và nhất quán về mặt pháp lý, từ đó tiềm ẩn nguy cơ dẫn đến cách hiểu và áp dụng không thống nhất	Dự thảo Nghị định tiếp tục kế thừa quy định hiện hành, quy định rõ thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản bao gồm cả hoạt động ủy quyền mà người nhận ủy quyền có đầy đủ nội dung của quyền sở

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trong thực tiễn. Trước hết, trong khuôn khổ của Bộ luật Dân sự 2015, không tồn tại một loại giao dịch độc lập mang tên “<i>ủy quyền chuyển nhượng bất động sản</i>”; về bản chất chỉ có hợp đồng ủy quyền và hợp đồng chuyển nhượng là hai thiết chế pháp lý tách biệt. Việc ghép hai khái niệm này thành một thuật ngữ mang tính mô tả nhưng lại được sử dụng như một căn cứ phân loại nghĩa vụ thuế là chưa chuẩn xác về kỹ thuật lập pháp. Bên cạnh đó, tiêu chí “<i>không có đầy đủ nội dung của quyền sở hữu</i>” là tiêu chí không phản ánh đúng bản chất của quan hệ đại diện, bởi lẽ theo lý luận dân sự, bên được ủy quyền có thể được trao quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt ở mức độ rất rộng nhưng vẫn không trở thành chủ sở hữu; do đó, việc dựa vào mức độ “<i>đầy đủ</i>” của các quyền này để phân định nghĩa vụ thuế là thiếu cơ sở pháp lý và không khả thi trong áp dụng. Quy định hiện tại cũng chưa làm rõ ranh giới giữa hai tình huống có bản chất hoàn toàn khác nhau: (i) ủy quyền hợp pháp, trong đó thu nhập chịu thuế chỉ là khoản thù lao từ dịch vụ ủy quyền; và (ii) giao dịch giả tạo nhằm che giấu việc chuyển nhượng bất động sản để trốn thuế, vốn phải được xử lý theo bản chất thực của giao dịch. Việc không phân định rõ hai trường hợp này vừa không đủ cơ sở để chống thất thu thuế, vừa làm gia tăng rủi ro pháp lý cho các giao dịch dân sự hợp pháp. <u>Đề xuất:</u> Đề nghị Ban soạn thảo rà soát và làm rõ lại quy định theo hướng: (i) chuẩn hóa thuật ngữ, tránh sử dụng khái niệm không có trong hệ thống pháp luật hiện hành; (ii) loại bỏ tiêu chí mang tính hình thức như “<i>đầy đủ nội dung quyền sở hữu</i>”; (iii) chuyển sang tiếp cận dựa trên bản chất kinh tế – pháp lý của giao dịch, thông qua các dấu hiệu như dòng tiền, quyền và nghĩa vụ	hữu đối với bất động sản theo quy định của pháp luật về dân sự (đối với các hình thức ủy quyền chuyển nhượng bất động sản mà người nhận ủy quyền chỉ nhận thù lao, không có đầy đủ nội dung của quyền sở hữu đối với bất động sản theo quy định của pháp luật về dân sự thì thực hiện nộp thuế từ tiền lương, tiền công đối với khoản thù lao nhận được). Theo đó, đề nghị giữ như dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thực tế của các bên, nhằm bảo đảm tính minh bạch, khả thi và hiệu quả của chính sách thuế.	
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (công văn số 1416/QNI-NVDPTC ngày 08/4/2026)	Đề nghị bỏ điểm c khoản 1 Điều 11: <i>“1. Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất; thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trong đó tài sản gắn liền với đất, bao gồm:</i> ... <i>c) Các tài sản là sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp gắn liền với đất”</i> Lý do: sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp thường thuộc diện được miễn hoặc ưu đãi thuế để khuyến khích phát triển. Việc đưa vào đối tượng chịu thuế thu nhập từ tài sản gắn liền với đất sẽ làm tăng gánh nặng tài chính cho NNT.	Nội dung này tại dự thảo Nghị định kế thừa quy định hiện hành, đã thực hiện ổn định trong thời gian qua và phù hợp với quy định của pháp luật liên quan. Theo đó, đề nghị giữ như dự thảo Nghị định gửi xin ý kiến.
Điều 12. Thu nhập từ trúng thưởng			
	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (công văn số 0685/LĐTM-PC ngày 16/4/2026)	<i>- Thu nhập từ trúng thưởng</i> Khoản 2 Điều 12 Dự thảo quy định thu nhập từ trúng thưởng là các khoản tiền hoặc hiện vật mà cá nhân nhận được bao gồm “trúng thưởng trong các hình thức khuyến mại khi tham gia mua bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Luật Thương mại”. Trong các hình thức khuyến mại quy định tại Luật Thương mại 2005 chỉ có khoản 6 Điều 92 Luật Thương mại sử dụng cụm từ “trúng thưởng”. Theo phản ánh của doanh nghiệp, trên thực tế, cơ quan thuế đã hướng dẫn hình thức tại khoản 5 Điều 92 Luật Thương mại (bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm phiếu dự thi cho khách hàng để chọn người trao thưởng theo thể lệ và giải thưởng đã công bố) cũng sẽ được tính vào thu nhập từ trúng thưởng (Công văn 3929/TCT-TNCN ngày 23/09/2015). Bên cạnh đó, cơ quan thuế cũng hướng dẫn không	Tại khoản 2 Điều 12 dự thảo Nghị định đã quy định: “ <i>Trúng thưởng trong các hình thức khuyến mại khi tham gia mua bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Luật Thương mại</i> ” là thu nhập chịu thuế. Ngoài ra, tại khoản 4 Điều 12 dự thảo Nghị định cũng đã quy định: “ <i>Trúng thưởng trong các trò chơi, cuộc thi có thưởng và các hình thức trúng thưởng khác, trừ trúng thưởng trong casino và khoản tiền thưởng quy định tại điểm i khoản 2 Điều 8 Nghị định này</i> ” là thu nhập chịu thuế. Quy định này đã bao quát được

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tính thuế thu nhập cá nhân với điều kiện “<i>không tổ chức thi hoặc bốc thăm trúng thưởng để chọn ra người được tặng quà</i>” (Công văn 2548/TCT-TNCN ngày 12/06 /2017). Để đảm bảo tính rõ ràng và tạo cách hiểu thống nhất, đề nghị quy định rõ ràng, cụ thể hơn về thu nhập từ trúng thưởng quy định tại khoản 2 Điều 12 Dự thảo. - <i>Thu nhập từ các hình thức khuyến mại khác</i> Dự thảo chưa có quy định đối với các khoản thu nhập từ quà tặng (bằng tiền hoặc bằng hiện vật) từ các hình thức khuyến mại khác trong Luật Thương mại (trừ thu nhập từ trúng thưởng quy định tại khoản 2 Điều 12, thu nhập từ thừa kế, quà tặng từ khoản 4 Điều 15). Điều này có thể khiến cho việc triển khai trên thực tế gặp lúng túng, doanh nghiệp phải xin hướng dẫn từ công văn của các cơ quan thuế. Đề nghị Dự thảo bổ sung quy định về vấn đề này.	các trường hợp phát sinh trên thực tiễn.
	Thái Mạnh Cường (Email: cuong.thaimanh@gmail.com Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	Khoản 2 Điều 12 dự thảo quy định: “2. <i>Trúng thưởng trong các hình thức khuyến mại khi tham gia mua bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Luật Thương mại.</i>” <u>Đề nghị bổ sung:</u> “2. <i>Trúng thưởng trong các hình thức khuyến mại khi tham gia mua bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Luật Thương mại (khoản 5, khoản 6 Điều 92 của Luật Thương mại và các hình thức tổ chức thi hoặc chương trình có tính may rủi để chọn ra người được tặng thưởng).</i>” Luật Thương mại không có quy định rõ hình thức khuyến mại nào làm phát sinh việc trúng thưởng. Chỉ có khoản 6 Điều 92 Luật Thương mại sử dụng cụm từ “<i>trúng thưởng</i>”. Tuy nhiên, trên thực tế, cơ quan thuế đã hướng dẫn hình thức tại khoản 5 Điều 92 cũng sẽ được tính vào thu nhập từ trúng thưởng (Công văn 3929/TCT-TNCN ngày 23/09/2015).	Nội dung góp ý này đã được cơ quan soạn thảo giải trình ở trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Bên cạnh đó, cơ quan thuế cũng hướng dẫn không tính thuế TNCN với điều kiện “ <i>không tổ chức thi hoặc bốc thăm trúng thưởng để chọn ra người được tặng quà</i> ” (Công văn 2548/TCT-TNCN ngày 12/06 /2017). Vì vậy, quy định này cần được hướng dẫn rõ ràng để thực hiện thống nhất.	
Điều 13. Thu nhập từ tiền bản quyền			
	Bộ Khoa học và Công nghệ (công văn số 2616/BKHCN-KHTC ngày 09/4/2026)	Điều 13 và khoản 2 Điều 59 Đề nghị rà soát, chỉnh sửa theo hướng bảo đảm thống nhất với quy định tại Điều 138 và Điều 139 Luật Sở hữu trí tuệ, việc khai thác quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện thông qua hai hình thức cơ bản là chuyển nhượng quyền sở hữu và chuyển quyền sử dụng, cụ thể: Khoản 1 Điều 13: “1. <i>Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng, chuyển quyền sử dụng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ theo định của pháp luật sở hữu trí tuệ.</i>” Khoản 2 Điều 59: “2. <i>Thu nhập tính thuế từ tiền bản quyền là phần thu vượt trên 20 triệu đồng theo hợp đồng mà người nộp thuế nhận được theo từng lần phát sinh không phụ thuộc vào số lần thanh toán hoặc số lần nhận tiền mà người nộp thuế nhận được. Trường hợp cùng là một đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ nhưng hợp đồng chuyển nhượng, chuyển quyền sử dụng thực hiện làm nhiều hợp đồng với cùng một đối tượng sử dụng thì thu nhập tính thuế là phần thu nhập vượt trên 20 triệu đồng tính trên tổng các hợp đồng chuyển giao, chuyển quyền sử dụng.</i>” Bên cạnh đó, đối với quy định tại khoản 2 Điều 13 dự thảo Nghị định về thu nhập từ tiền bản quyền, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu làm rõ nội dung “<i>thu nhập từ chuyển giao công nghệ</i>”. Lý do: Luật chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15 đã giải thích khái niệm chuyển giao	Nội dung này đã được cơ quan soạn thảo tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định. Cụ thể, tại Điều 13 và Điều 59 dự thảo Nghị định quy: “Điều 13. Thu nhập từ tiền bản quyền <i>Thu nhập từ tiền bản quyền quy định tại khoản 7 Điều 3 của Luật Thuế thu nhập cá nhân bao gồm: 1. Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng, chuyển quyền sử dụng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ....</i> Điều 59: “2. <i>Thu nhập tính thuế từ tiền bản quyền là phần thu vượt trên 20 triệu đồng theo hợp đồng mà người nộp thuế nhận được theo từng lần phát sinh không phụ thuộc vào số lần thanh toán hoặc số lần nhận tiền mà người nộp thuế nhận được. Trường hợp cùng là một đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ nhưng hợp đồng chuyển nhượng, chuyển quyền sử dụng thực hiện làm nhiều hợp đồng với cùng một đối tượng sử dụng</i>

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		công nghệ tại khoản 7 Điều 2, quy định về đối tượng chuyển giao công nghệ tại Điều 4 và phương thức chuyển giao công nghệ tại Điều 6.	<i>thì thu nhập tính thuế là phần thu nhập vượt trên 20 triệu đồng tính trên tổng các hợp đồng chuyển giao, chuyển quyền sử dụng.”</i>
Điều 14. Thu nhập từ nhượng quyền thương mại			
Điều 15. Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng			
	Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG	Về khoản 2 <i>“Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; chuyển nhượng trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán”</i> Ở các khoản 1,3,4, khoản thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là các danh từ được xác định như vốn góp trong công ty, bất động sản, ô tô, xe máy... Ở khoản 2, việc thêm cụm từ <i>“là thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu..., chuyển nhượng trái phiếu...”</i> dễ gây hiểu nhầm giữa thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng và thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu... <u>Đề xuất sửa đổi:</u> <i>“2. Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của công ty đại chúng, tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; chuyển nhượng trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán”</i>	Ban soạn thảo đã tiếp tiếp thu và thể hiện tại khoản 2 Điều 15 dự thảo Nghị định: <i>“2. Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu; trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là cổ phiếu của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật Chứng khoán và Điều 121 của Luật Doanh nghiệp”</i>.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 16. Thu nhập khác			
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (công văn số 2167/QNG-NVDTPC ngày 03/4/2026)	Tại Điều 16 dự thảo Nghị định quy định về Thu nhập khác: Đề xuất: Bổ sung thêm khoản “<i>Thu nhập từ chuyển nhượng vàng miếng</i>” Lý do: Để đồng nhất với quy định tại Khoản 10 Điều 3 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội.	Tại Khoản 10 Điều 3 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 có quy định: “<i>Chính phủ quy định ngưỡng giá trị vàng miếng chịu thuế, thời điểm áp dụng thu và điều chỉnh thuế suất thuế TNCN đối với chuyển nhượng vàng miếng phù hợp với lộ trình quản lý thị trường vàng</i>”. Quy định này đảm bảo Chính phủ có cơ sở pháp lý quyết định việc thu thuế và các nội dung cụ thể như ngưỡng chịu thuế, điều chỉnh thuế suất khi các điều kiện về quản lý thị trường vàng đáp ứng yêu cầu của công tác thu và quản lý thu. Do vậy, tại dự thảo Nghị định chưa quy định chi tiết về việc thu thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vàng miếng.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (công văn số 2278/THO-NVDTPC ngày 07/4/2026)	Tại điểm đ khoản 10 Điều 3 Luật Thuế TNCN 2025 có nêu thu nhập khác bao gồm: “<i>đ) Thu nhập từ chuyển nhượng vàng miếng.</i> <i>Chính phủ quy định ngưỡng giá trị vàng miếng chịu thuế, thời điểm áp dụng thu và điều chỉnh thuế suất thuế TNCN đối với chuyển nhượng vàng miếng phù hợp với lộ trình quản lý thị trường vàng.</i>” Tuy nhiên, tại Điều 16 Dự thảo không quy định thu nhập từ vàng miếng là thu nhập khác. Dự thảo Nghị định cho thấy chưa có điều khoản nào quy định chi tiết ngưỡng giá trị chịu thuế, thuế suất và cách tính thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vàng miếng theo đúng nhiệm vụ được giao tại điểm đ khoản 10 Điều 3 Luật Thuế	Nội dung này đã được cơ quan soạn thảo giải trình ở trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		TNCN số 109/2025/QH15. Do đó, để đảm bảo tránh lúng túng cho cơ quan thuế và người nộp thuế, đề nghị bổ sung 01 Điều khoản mới quy định về vấn đề này.	
	Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (công văn số 1506/NAN-NVDTPC ngày 07/4/2026)	Tại điểm đ khoản 10 Điều 3 Luật Thuế TNCN có quy định về thu nhập chịu thuế đối với trường hợp chuyển nhượng vàng miếng. Tuy nhiên, trong dự thảo Nghị định chưa có quy định liên quan đến nội dung này, đề nghị ban soạn thảo bổ sung nội dung này vào dự thảo Nghị định.	Nội dung này đã được cơ quan soạn thảo giải trình ở trên.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (công văn số 4819/UBND-KTTH ngày 10/4/2026)	Tại điểm đ khoản 10 Điều 3 của Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 quy định về thu nhập chịu thuế: “đ) <i>Thu nhập từ chuyển nhượng vàng miếng</i> ”. Tuy nhiên, tại Điều 16 dự thảo Nghị định chưa quy định chi tiết đối với thu nhập này, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định chi tiết về “ <i>Thu nhập từ chuyển nhượng vàng miếng</i> ” tại Điều 16 dự thảo Nghị định.	Nội dung này đã được cơ quan soạn thảo giải trình ở trên.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên (công văn số 1981/STC-QLNS ngày 06/4/2026)	Tại khoản 4 Điều 16 dự thảo Nghị định về thuế đối với Tài sản số: Việc xác định “ <i>giá vốn</i> ” (giá mua) đối với tài sản mã hóa rất phức tạp do tính biến động và sàn giao dịch phi tập trung, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung phương pháp tính thuế khoán đối với các trường hợp người nộp thuế không thể chứng minh được giá vốn mua vào ban đầu.	Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 và dự thảo Nghị định quy định thu thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng đối với tài sản số. Trong đó, khoản 4 Điều 16 dự thảo Nghị định quy định: “4. <i>Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản số bao gồm tài sản ảo, tài sản mã hóa và các tài sản số khác theo quy định của pháp luật về công nghiệp công nghệ số</i> ”. Đồng thời, tại khoản 2 Điều 62 dự thảo Nghị định quy định “2. <i>Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập khác của cá nhân cư trú quy định tại khoản 4 Điều 16 của Nghị định này được xác định bằng giá chuyển nhượng nhân (x)</i>

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			với thuế suất 0,1%”. Theo đó, đề nghị giữ như dự thảo Nghị định.
Điều 17. Quy đổi thu nhập chịu thuế			
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (công văn số 1785/BVHTTDL-PC ngày 06/4/2026)	Khoản 2 Điều 17 dự thảo quy định: “2. Thu nhập chịu thuế TNCN nhận được không bằng tiền phải được quy đổi ra tiền và tính theo Đồng Việt Nam theo giá trị giao dịch thông thường trên thị trường của sản phẩm, dịch vụ đó hoặc sản phẩm, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh thu nhập”, tuy nhiên, cần quy định đối với trường hợp sản phẩm, dịch vụ lần đầu xuất hiện, không xác định được sản phẩm cùng loại, tương đương hoặc không xác định được giá trị giao dịch thông thường.	Nội dung tại dự thảo Nghị định quy định thống nhất theo pháp luật về quản lý thuế.
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (công văn số 2897/NHNN-TCKT ngày 14/4/2026)	Điều 17 dự thảo Nghị định (và các nội dung liên quan tại dự thảo Tờ trình, Bản thuyết minh): quy định: “...Trường hợp cá nhân không mở tài khoản tại Việt Nam thì lấy theo tỷ giá trung tâm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm phát sinh thu nhập...”. Đề nghị xem xét không sử dụng tỷ giá trung tâm của NHNN để tính thu nhập chịu thuế. Lý do: (i) Tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ do NHNN công bố là tỷ giá điều hành của NHNN, tỷ giá giao dịch trên thị trường được xác định trong biên độ +/-5% so với tỷ giá trung tâm; (ii) NHNN không công bố tỷ giá hạch toán trong trường hợp hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước. Liên quan đến việc sử dụng tỷ giá làm căn cứ tính thuế, đề nghị cơ quan soạn thảo tham khảo một số văn bản quy phạm pháp luật hiện hành như (i) Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan sử dụng tỷ giá giao dịch trên thị trường để tính thuế	Nội dung này đã được cơ quan soạn thảo nghiên cứu và hoàn thiện lại khoản 1 Điều 17 dự thảo Nghị định theo hướng: 1. Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân nhận được bằng ngoại tệ phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản giao dịch hoặc nơi tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập mở tài khoản thực hiện chi trả thu nhập tại thời điểm phát sinh thu nhập. Trường hợp tổ chức, cá nhân không mở tài khoản tại Việt Nam thì lấy theo tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ hoặc tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam với một số ngoại tệ khác công bố trên trang điện tử của Ngân hàng Nhà nước

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		(khoản 5 Điều 21); (ii) Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sử dụng tỷ giá hạch toán trong trường hợp hạch toán thu, chi ngân sách nhà nước (khoản 3 Điều 23) .	Việt Nam tại thời điểm phát sinh thu nhập.
	Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (công văn số 1897/DAN-NVDTTPC ngày 08/4/2026)	Đề xuất bổ sung tại khoản 1: “<i>Thu nhập chịu thuế TNCN nhận được bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản giao dịch tại thời điểm phát sinh thu nhập. Trường hợp cá nhân không mở tài khoản tại Việt Nam thì lấy theo tỷ giá trung tâm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm phát sinh thu nhập.</i>” Đề nghị thay thế cụm từ “<i>tỷ giá trung tâm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</i>” bằng “<i>tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với Đô-la Mỹ, hoặc tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam với một số ngoại tệ khác công bố trên website chính thức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</i>”. Lý do: Theo Quyết định số 2730/QĐ-NHNN ngày 31/12/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với Đô-la Mỹ, tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam với một số ngoại tệ khác.	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể: 1. Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân nhận được bằng ngoại tệ phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản giao dịch hoặc nơi tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập mở tài khoản thực hiện chi trả thu nhập tại thời điểm phát sinh thu nhập. Trường hợp tổ chức, cá nhân không mở tài khoản tại Việt Nam thì lấy theo tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ hoặc tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam với một số ngoại tệ khác công bố trên trang điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm phát sinh thu nhập.
	Công ty TNHH Tư vấn Thuế Deloitte Việt Nam	Đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 17 như sau: “<i>Thu nhập chịu thuế TNCN nhận được bằng ngoại tệ phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản giao dịch hoặc nơi tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập mở tài khoản thực hiện chi trả thu nhập. Trường hợp cá nhân không mở tài khoản tại Việt Nam thì lấy theo tỷ giá trung tâm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm phát sinh thu nhập.</i>” Theo quy định tại Dự thảo Nghị định, chúng tôi hiểu rằng trong trường hợp cá nhân nhận thu nhập bằng ngoại tệ thông qua ngân hàng	Nội dung này đã được cơ quan soạn thảo giải trình ở trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thương mại nơi cá nhân mở tài khoản tại Việt Nam, tỷ giá quy đổi sang Đồng Việt Nam sẽ được xác định theo tỷ giá mua vào của chính ngân hàng đó. Tuy nhiên, trên thực tế, việc áp dụng tỷ giá quy đổi của ngân hàng nơi cá nhân mở tài khoản có thể phát sinh một số vướng mắc cho người nộp thuế, chủ yếu xuất phát từ hai nguyên nhân sau: 1. Các tổ chức, doanh nghiệp có nghĩa vụ thực hiện kê khai và khấu trừ thuế trước khi chi trả thu nhập, do đó thu nhập cần được quy đổi sang Đồng Việt Nam để xác định nghĩa vụ thuế và thực hiện khấu trừ trước khi chi trả. Theo đó, tồn tại sự chênh lệch về thời điểm xác định nghĩa vụ thuế và thời điểm thực chi trả, dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng tỷ giá tại thời điểm chi trả thực tế. 2. Mặc dù việc áp dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng nơi cá nhân mở tài khoản tại thời điểm nhận thu nhập có thể phản ánh sát với thu nhập thực nhận của cá nhân cho mục đích tính thuế, trên thực tế, đối với các tổ chức, doanh nghiệp có số lượng lớn người lao động nhận thu nhập bằng ngoại tệ, việc xác định và áp dụng tỷ giá tương ứng tại từng ngân hàng nơi mỗi cá nhân mở tài khoản trước khi thực hiện tính và khấu trừ thuế sẽ phát sinh nhiều vướng mắc trong quá trình thực hiện.	
	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (công văn số 0685/LĐTM-PC ngày 16/4/2026)	Khoản 1 Điều 17 Dự thảo quy định “thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân nhận được bằng ngoại tệ phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản giao dịch. Trường hợp cá nhân không mở tài khoản tại Việt Nam thì lấy theo tỷ giá trung tâm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm phát sinh thu nhập”. Theo quy định tại Thông tư 99/2025/TT-BTC, đối với hạch toán kế toán, tỷ giá sử dụng là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể: 1. Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân nhận được bằng ngoại tệ phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản giao dịch hoặc nơi tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập mở tài khoản thực hiện chi trả thu nhập tại thời điểm phát sinh thu nhập. Trường hợp tổ

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Việc thực hiện quy đổi với nhiều tỷ giá khác nhau sẽ gây ra khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân khi xác định thu nhập chịu thuế. <u>Đề nghị</u> điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều 17 theo hướng thống nhất với quy định tại Thông tư 99/2025/TT-BTC về quy đổi tỷ giá.	chức, cá nhân không mở tài khoản tại Việt Nam thì lấy theo tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ hoặc tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam với một số ngoại tệ khác công bố trên trang điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm phát sinh thu nhập.
	Công ty Cổ phần Tư vấn EY Việt Nam (công văn số 2026/0428/EY-TNCN ngày 28/4/2026)	Ngân hàng Nhà nước (NHNN) chỉ công bố tỷ giá trung tâm giữa USD và VND. Do đó, không có cơ sở để người nộp thuế xác định tỷ giá quy đổi thu nhập giữa các loại tiền tệ khác với VND Đề nghị sửa đổi: Đề nghị sửa đổi: Trường hợp cá nhân không mở tài khoản tại Việt Nam thì lấy theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh thu nhập, cụ thể như sau: Nếu cá nhân nhận thu nhập bằng USD: Quy đổi theo tỷ giá trung tâm của Ngân hàng nhà nước Việt Nam Nếu cá nhân nhận thu nhập bằng các ngoại tệ khác mà Ngân hàng nhà nước Việt Nam có công bố tỷ giá tính chéo để xác định trị giá tính thuế: quy đổi theo tỷ giá tính chéo để xác định trị giá tính thuế Đối với các ngoại tệ khác: sử dụng tỷ giá công bố tại https://www.xe.com/	Dự thảo Nghị định hoàn thiện như sau: Trường hợp tổ chức, cá nhân không mở tài khoản tại Việt Nam thì lấy theo tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với đô la Mỹ hoặc tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam với một số ngoại tệ khác công bố trên trang điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm phát sinh thu nhập.
		Về khoản 2 Điều 17 Chưa có quy định về việc xác định thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công trả bằng crypto từ các tổ chức nước ngoài, trong khi đây là hình thức trả lương xuất hiện ngày càng phổ biến, đặc biệt trong lĩnh vực IT, trò chơi điện tử, v.v... và cho nhóm cá nhân làm việc từ xa (remote), làm tự do (freelancer) <u>Đề xuất:</u>	Tại khoản 2 Điều 17 dự thảo Nghị định quy định: Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân nhận được không bằng tiền phải được quy đổi ra tiền và tính theo Đồng Việt Nam theo giá trị giao dịch thông thường trên thị trường của sản phẩm, dịch vụ đó hoặc sản phẩm, dịch vụ cùng loại

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Đề nghị bổ sung hướng dẫn xác định thu nhập chịu thuế trong trường hợp này	hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh thu nhập.
Điều 18. Thu nhập từ chuyển nhượng, nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản			
Điều 19. Thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở duy nhất của cá nhân			
	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (công văn số 398A/2026/CV-SSI.TGD ngày 03/4/2026)	Đề nghị bổ sung vào khoản 3 Điều 19: <i>“3. Nhà ở, quyền sử dụng đất ở duy nhất được miễn thuế do cá nhân chuyển nhượng bất động sản tự kê khai và chịu trách nhiệm. Trường hợp phát hiện kê khai không đúng sẽ bị xử lý truy thu thuế và phạt về hành vi vi phạm pháp luật thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Cơ quan đăng ký đất đai thực hiện xác nhận nhà ở duy nhất theo hồ sơ địa chính.”</i> Nhà ở, quyền sử dụng đất ở duy nhất được miễn thuế do cá nhân chuyển nhượng bất động sản tự kê khai và chịu trách nhiệm. Trường hợp phát hiện kê khai không đúng sẽ bị xử lý truy thu thuế và phạt về hành vi vi phạm pháp luật thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định, lý do; Việc cơ quan đăng ký đất đai thực hiện xác nhận nhà ở duy nhất theo hồ sơ địa chính theo pháp luật chuyên ngành.
Điều 20. Thu nhập từ giá trị quyền sử dụng đất của cá nhân được Nhà nước giao đất			
Điều 21. Thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường; sản xuất muối			
	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (công văn số	Tại điểm b khoản 2 Điều 21 dự thảo Nghị định: Đề nghị mở rộng phạm vi cư trú của cá nhân trực tiếp sản xuất rừng trồng từ "đơn vị	Việc mở rộng phạm vi theo đơn vị hành chính cấp tỉnh là quá rộng. Nội dung dự

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	3749/BNNMT-KHTC ngày 10/4/2026)	hành chính cấp xã hoặc đơn vị hành chính cấp xã giáp ranh" thành "trong phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh nơi có rừng sản xuất". Lý do: Hoạt động sản xuất cây trồng, rừng trồng thường ở vùng sâu, vùng xa, có nơi trải dài qua nhiều xã. Việc chỉ cho phép “xã giáp ranh” là quá hẹp so với thực tế và hạn chế khuyến khích đầu tư vào kinh tế rừng (thu hút nguồn lực từ người dân và hộ gia đình có năng lực tài chính đầu tư vào trồng rừng sản xuất).	thảo Nghị định cơ bản kế thừa quy định hiện hành chỉ thay đổi đơn vị hành chính cấp huyện thành đơn vị hành chính cấp xã theo đúng quy định về chính quyền địa phương 2 cấp.
	Bộ Công an (công văn số 6821/ANKT-TCĐT ngày 21/4/2026)	Về miễn thuế thu nhập từ nông nghiệp (Điều 21 - dự thảo Nghị định) bổ sung các điều kiện miễn thuế như: Yêu cầu về quyền sử dụng đất (có quyền sử dụng đất, quyền thuê đất, quyền sử dụng mặt nước...), điều kiện cư trú tại địa phương. Trong khi, tại khoản 4 Điều 4 - Luật Thuế TNCN chỉ quy định điều kiện miễn thuế đối với thu nhập từ sản xuất nông nghiệp theo tiêu chí chung, không đặt thêm điều kiện cụ thể. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát để bảo đảm không bổ sung thêm điều kiện làm hạn chế đối tượng được miễn thuế theo Luật; chỉ quy định theo hướng hướng dẫn cách xác định và không làm thay đổi nội dung Luật.	Nội dung kế thừa các quy định hiện hành đã được thực hiện ổn định trong thời gian qua, không phát sinh vướng mắc và chỉ bổ sung một số nội dung có liên quan để đảm bảo phù hợp với pháp luật về đất đai.
Điều 22. Thu nhập từ lợi tức cổ phần của thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, cá nhân là nông dân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp tham gia “Cánh đồng lớn”, trồng rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản			
	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (công văn số 3749/BNNMT-KHTC ngày 10/4/2026)	Tại Điều 22 dự thảo Nghị định: Việc bổ sung quy định miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ lợi tức cổ phần của thành viên HTX, liên hiệp HTX nông nghiệp, cá nhân là nông dân ký kết hợp đồng với doanh nghiệp tham gia “Cánh đồng lớn”, trồng rừng sản xuất, nuôi trồng thủy sản theo quy định của Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 là phù hợp, tuy nhiên, việc giải thích nghĩa của “Cánh đồng lớn” chưa được quy định cụ thể, đề nghị xem xét đưa vào định nghĩa ngay tại dự thảo Nghị định hoặc dẫn chiếu đến văn bản	Dự thảo Nghị định đã rà soát các quy định chuyên ngành và nội dung quy định đảm bảo phù hợp, khả thi.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		chuyên ngành (nếu có).	
Điều 23. Thu nhập từ chuyển đổi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao để sản xuất			
Điều 24. Thu nhập từ lãi trái phiếu chính phủ, lãi trái phiếu chính quyền địa phương, lãi tiền gửi tại tổ chức tín dụng, lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ			
	Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)	Đề xuất sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 24 như sau: “Điều 24. Thu nhập từ lãi trái phiếu chính phủ, lãi trái phiếu chính quyền địa phương, lãi tiền gửi tại tổ chức tín dụng, lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ “2. Miễn thuế thu nhập của cá nhân đối với khoản lãi tiền gửi cá nhân nhận được từ lãi gửi Đồng Việt Nam, vàng, ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng dưới các hình thức gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, gửi tiết kiệm, <u>chứng chỉ tiền gửi (bao gồm cả lãi nhận được từ chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi)</u>, kỳ phiếu, tín phiếu và các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi theo thỏa thuận.” Lý do: - Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế TNCN quy định: “Thu nhập được miễn thuế bao gồm: Thu nhập từ lãi trái phiếu chính phủ, lãi trái phiếu chính quyền địa phương, lãi tiền gửi tại TCTD, lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ”. - Khoản 27 Điều 4 Luật các TCTD quy định: “27. Nhận tiền gửi là hoạt động nhận tiền của tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, <u>phát hành chứng chỉ tiền gửi</u> và hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận cho tổ chức, cá nhân gửi tiền	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể: 2. Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với khoản lãi tiền gửi cá nhân nhận được từ lãi gửi Đồng Việt Nam, vàng, ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng dưới các hình thức gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi (bao gồm cả lãi nhận được từ chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi), kỳ phiếu, tín phiếu và các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi theo thỏa thuận.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		(sau đây gọi là người gửi tiền) ”. - Điều 4 Thông tư số 04/2025/TT-NHNN ngày 29/4/2025 quy định về phát hành chứng chỉ tiền gửi trong nước của TCTD, chi nhánh NHNg quy định: “<i>Chứng chỉ tiền gửi là một hình thức tiền gửi dưới dạng giấy tờ có giá và là bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành đối với người mua chứng chỉ tiền gửi trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều kiện khác.</i>” - Điều 12 Thông tư 04 quy định: “1. <i>Chứng chỉ tiền gửi được chuyển quyền sở hữu dưới các hình thức mua, bán, cho, tặng, trao đổi, thừa kế và các hình thức khác phù hợp với các quy định của pháp luật.</i>” Căn cứ quy định nêu trên, lãi tiền gửi nhận được từ chứng chỉ tiền gửi là thu nhập được miễn thuế và chứng chỉ tiền gửi được phép chuyển quyền sở hữu dưới các hình thức mua, bán, tặng, cho, thừa kế và các hình thức khác theo quy định pháp luật. Trong nghiệp vụ mua, bán, chuyển nhượng CCTG, về bản chất, giá chuyển nhượng CCTG là phần gốc của CCTG và một phần tiền lãi mà người mua ứng trả trước cho người bán tương ứng với số ngày nắm giữ CCTG của người bán. Khi đáo hạn thanh toán CCTG, người nắm giữ chứng chỉ tiền gửi cuối cùng sẽ nhận đầy đủ các gốc và lãi do ngân hàng phát hành chi trả. Như vậy, người nắm giữ CCTG đến hạn được hưởng phần còn lại của lãi tiền gửi (đã trừ đi lãi tiền gửi ứng trước cho người bán CCTG ở khâu trước). Theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Luật thuế TNCN thì phần lãi tiền gửi này được miễn thuế TNCN. Vì vậy, để đảm bảo phản ánh đúng bản chất nghiệp vụ liên quan đến chứng chỉ tiền gửi và tính công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, đề nghị BST xem xét, chỉnh sửa dự thảo Nghị định theo hướng xác định phần lãi nhận được từ chuyển nhượng	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		chứng chỉ tiền gửi là thu nhập được miễn thuế TNCN.	
	Hiệp hội ngân hàng Việt Nam (công văn 195/HHNH-PLNV ngày 14/4/2026)	- Khoản 2 Điều 24 Dự thảo quy định: “2. <i>Miễn thuế thu nhập của cá nhân đối với khoản lãi tiền gửi cá nhân nhận được từ lãi gửi Đồng Việt Nam, vàng, ngoại tệ tại các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các TCTD dưới các hình thức gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, gửi tiết kiệm, <u>chứng chỉ tiền gửi</u>, kỳ phiếu, tín phiếu và các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi theo thỏa thuận.</i>” + Các quy định hiện hành có liên quan: i) Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế TNCN quy định: “<i>Thu nhập được miễn thuế bao gồm: Thu nhập từ lãi trái phiếu chính phủ, lãi trái phiếu chính quyền địa phương, <u>lãi tiền gửi tại TCTD</u>, lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ</i>”; ii) Khoản 27 Điều 4 Luật các TCTD quy định: “27. <i>Nhận tiền gửi là hoạt động nhận tiền của tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi và hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận cho tổ chức, cá nhân gửi tiền (sau đây gọi là người gửi tiền)</i>”; iii) Điều 4 Thông tư số 04/2025/TT-NHNN quy định về phát hành chứng chỉ tiền gửi trong nước của TCTD, chi nhánh NHNg quy định: “<i>Chứng chỉ tiền gửi là một hình thức tiền gửi dưới dạng giấy tờ có giá và là bằng chứng xác nhận nghĩa vụ trả nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành đối với người mua chứng chỉ tiền gửi trong một thời hạn nhất định, điều kiện trả lãi và các điều kiện khác.</i>” Điều 12 Thông tư 04 quy định: “1. <i>Chứng chỉ tiền gửi được chuyển quyền sở hữu dưới các hình thức mua, bán, cho, tặng, trao</i>	Như đã giải trình phía trên, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>đổi, thừa kế và các hình thức khác phù hợp với các quy định của pháp luật. "</i> Căn cứ quy định nêu trên, <u><i>lãi tiền gửi nhận được từ chứng chỉ tiền gửi (CCTG) là thu nhập được miễn thuế và CCTG được phép chuyển quyền sở hữu</i></u> dưới các hình thức mua, bán, tặng, cho, thừa kế và các hình thức khác theo quy định pháp luật. + Trong nghiệp vụ mua, bán, chuyển nhượng CCTG, về bản chất, giá chuyển nhượng CCTG là phần gốc của CCTG và một phần tiền lãi mà người mua ứng trả trước cho người bán tương ứng với số ngày nắm giữ CCTG của người bán. Khi đáo hạn thanh toán CCTG, người nắm giữ CCTG cuối cùng sẽ nhận đầy đủ các gốc và lãi do ngân hàng phát hành chi trả. Như vậy, người nắm giữ CCTG đến hạn được hưởng phần còn lại của lãi tiền gửi (đã trừ đi lãi tiền gửi ứng trước cho người bán CCTG ở khâu trước). Theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Luật thuế TNCN thì phần lãi tiền gửi này được miễn thuế TNCN. Vì vậy, để đảm bảo phản ánh đúng bản chất nghiệp vụ liên quan đến CCTG và tính công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét, chỉnh sửa Dự thảo theo hướng xác định phần lãi nhận được từ chuyển nhượng CCTG là thu nhập được miễn thuế TNCN. Cụ thể: "<i>2. Miễn thuế thu nhập của cá nhân đối với ... <u>chứng chỉ tiền gửi (bao gồm cả lãi nhận được từ chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi)</u>, kỳ phiếu....</i>".	
	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (công văn số 0685/LĐTM-PC ngày 16/4/2026)	Khoản 2 Điều 24 Dự thảo quy định “. Miễn thuế thu nhập của cá nhân đối với khoản lãi tiền gửi cá nhân nhận được từ lãi gửi Đồng Việt Nam, vàng, ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng dưới các hình thức gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, gửi tiết kiệm, <u>chứng chỉ tiền gửi</u> , kỳ phiếu, tín phiếu và các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi	Như đã giải trình ở trên, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		cho người gửi theo thỏa thuận.”. Đề nghị bổ sung quy định miễn thuế đối với lãi nhận được từ chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi. Bởi vì, phần chênh lệch thu được khi bán chứng chỉ tiền gửi (CCTG) thực chất là phần <u>lãi tiền gửi</u> đã tích lũy theo thời gian. Việc bán CCTG chỉ là hiện thực hóa trước hạn phần lãi mà họ đã tích lũy từ thời điểm được phát hành/mua CCTG. Mặt khác, việc bán CCTG giúp cá nhân tránh được thiệt hại tài chính so với tất toán trước hạn tiền gửi có kỳ hạn/sổ tiết kiệm (thường bị tính lãi suất thấp, dù đã gửi tiền trong thời gian dài).	
	Thái Mạnh Cường (Email: cuong.thaimanh@gmail.com Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	Tại khoản 2 Điều 24 quy định: <i>“Điều 24. Thu nhập từ lãi trái phiếu chính phủ, lãi trái phiếu chính quyền địa phương, lãi tiền gửi tại tổ chức tín dụng, lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ</i> ... <i>2. Miễn thuế thu nhập của cá nhân đối với khoản lãi tiền gửi cá nhân nhận được từ lãi gửi Đồng Việt Nam, vàng, ngoại tệ tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng dưới các hình thức gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, gửi tiết kiệm, <u>chứng chỉ tiền gửi</u>, kỳ phiếu, tín phiếu và các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi theo thỏa thuận.”</i> <u>Đề nghị bổ sung như sau:</u> <i>“chứng chỉ tiền gửi (bao gồm cả lãi nhận được từ chuyển nhượng chứng chỉ tiền gửi)”</i> Về bản chất, phần chênh lệch thu được khi bán chứng chỉ tiền gửi (CCTG) thực chất là phần <u>lãi tiền gửi</u> đã tích lũy theo thời gian. Việc bán CCTG chỉ là hiện thực hóa trước hạn phần lãi mà họ đã tích lũy từ thời điểm được phát hành/mua CCTG. Bên cạnh đó, việc bán CCTG giúp cá nhân tránh được thiệt hại tài chính so với tất toán trước hạn tiền gửi có kỳ hạn/sổ tiết kiệm (thường	Như đã giải trình ở trên, cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và hoàn chỉnh dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		bị tính lãi suất thấp, dù đã gửi tiền trong thời gian dài).	
Điều 25. Thu nhập từ khiếu hỏi			
Điều 26. Tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép			
	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (công văn số 5018/DON-NVDTPC ngày 07/4/2026)	Dự thảo Nghị định quy định nội dung về Tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép được miễn thuế. Tại khoản 9 Điều 4 Nghị định 65/2013/NĐ-CP quy định thu nhập được miễn thuế: “9. Phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm trong giờ theo quy định của pháp luật.”. Hiện nay, tại khoản 9 Điều 4 Nghị định 65/2013/NĐ-CP quy định thu nhập được miễn thuế TNCN chỉ bao gồm phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm trong giờ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Dự thảo Nghị định đang mở rộng phạm vi miễn thuế, theo đó toàn bộ khoản tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ và tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép (trong phạm vi phù hợp quy định pháp luật về lao động) đều được miễn thuế; chỉ tính thuế đối với phần vượt mức quy định. Về bản chất chính sách, quy định tại Dự thảo là có lợi cho người lao động, góp phần tăng thu nhập thực nhận. Tuy nhiên, xét về nguyên tắc điều tiết thu nhập và đảm bảo công bằng thuế, quy định này là chưa thực sự hợp lý, do: Chưa phân biệt rõ giữa thu nhập mang tính bù đắp điều kiện lao động đặc thù (phần trả cao hơn) và thu nhập mang tính tiền lương thông thường; Có thể dẫn đến giảm nguồn thu	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Nội dung này đã được quy định tại Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		ngân sách và tạo chênh lệch về nghĩa vụ thuế giữa các nhóm lao động <u>Kiến nghị:</u> - Giữ nguyên nguyên tắc như quy định hiện hành tại Nghị định 65/2013/NĐ-CP, theo đó: Chỉ miễn thuế TNCN đối với phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc trong giờ theo quy định của pháp luật. - Đề xuất định hướng chính sách bổ sung: Mặc dù việc mở rộng miễn thuế đối với thu nhập từ làm thêm giờ là có lợi cho người lao động và doanh nghiệp, tuy nhiên để đảm bảo đúng mục tiêu an sinh và công bằng, đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét: Nói lỏng và mở rộng các khoản giảm trừ đối với Chi phí y tế; Chi phí giáo dục, đào tạo nâng cao trình độ. Đây là các khoản chi mang tính thiết yếu, trực tiếp nâng cao chất lượng cuộc sống và năng lực của người lao động và người phụ thuộc, phù hợp định hướng chính sách dài hạn hơn so với việc ưu đãi theo hình thức làm thêm giờ.	
	Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (công văn số 1897/DAN-NVDTPC ngày 08/4/2026)	Đề xuất chỉnh sửa khoản 1 thành: “1. Miễn thuế TNCN đối với phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm việc trong giờ và các khoản hỗ trợ thêm cho người lao động (đã được quy định cụ thể trong quy chế làm việc của đơn vị khi làm việc vào ban đêm) phù hợp với quy định về điều kiện và thời gian theo pháp luật về lao động.” Lý do: Để đảm bảo công bằng đối với người lao động làm việc ở ca ban ngày, ca hành chính nhưng cũng nhằm động viên, hỗ trợ cho người lao động làm việc vào ban đêm do tính chất đặc thù của công việc.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Nội dung này đã được quy định tại Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15
	Công ty TNHH Thuế và Tư	“Điều 26. Tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ,	Tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	vấn KPMG	<i>tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép</i> 1. Miễn thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ phù hợp với quy định về điều kiện và thời gian theo pháp luật về lao động. Tổ chức, cá nhân trả thu nhập phải lập bảng kê phản ánh rõ thời gian làm đêm, làm thêm giờ, khoản tiền lương làm đêm, làm thêm giờ đã trả cho người lao động. Bảng kê này được lưu tại đơn vị trả thu nhập và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan thuế.” - Dự thảo quy định: “<i>Miễn thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ phù hợp với quy định về điều kiện thời gian theo pháp luật về lao động</i>” nhưng không nêu rõ chỉ miễn phần trả cao hơn so với làm việc trong điều kiện bình thường hay miễn toàn bộ khoản tiền lương, tiền công cho thời gian làm đêm, làm thêm giờ. - Về yêu cầu “<i>lập bảng kê phản ánh rõ thời gian làm đêm, làm thêm giờ, khoản tiền lương làm đêm, làm thêm giờ đã trả cho người lao động</i>” có thể bị hiểu là: + Nếu không lập bảng kê theo đúng quy định thì không được áp dụng miễn thuế; + Bảng kê chỉ là một loại chứng từ phục vụ việc kiểm tra, thanh tra; tổ chức trả thu nhập vẫn có thể chứng minh bằng các tài liệu hợp pháp khác (bảng lương, bảng chấm công, hợp đồng lao động...) <u>Đề xuất:</u> - Đề nghị làm rõ phạm vi miễn thuế, ưu tiên theo pháp luật quy định tại Bộ luật Lao Động - Đối với chứng từ chứng minh, đề nghị bổ sung: “<i>Trường hợp không lập bảng kê riêng, tổ chức, cá nhân trả thu nhập có trách nhiệm chứng minh khoản tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ thông qua bảng lương, bảng chấm công, hợp đồng lao động</i>	định theo hướng: Miễn thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc phù hợp với quy định về điều kiện và thời gian theo pháp luật về lao động. Tổ chức trả thu nhập phải lập bảng kê phản ánh rõ thời gian làm đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc, khoản tiền lương làm đêm, làm thêm giờ đã trả cho người lao động. Bảng kê này được lưu tại tổ chức trả thu nhập và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan thuế. Trường hợp không lập bảng kê riêng, tổ chức trả thu nhập có trách nhiệm chứng minh khoản tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ tại nơi làm việc thông qua bảng lương, bảng chấm công, hợp đồng lao động và các tài liệu hợp pháp khác. 2. Miễn thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép phù hợp với quy định về điều kiện và mức tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép theo quy định tại khoản 3 Điều 113 Bộ luật Lao động, khoản 1 Điều 11 Luật Cán bộ công chức, khoản 1 Điều 14 Luật Viên chức.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		và các tài liệu hợp pháp khác.” Ngoài ra, về mức độ chi tiết của bảng kê, đề nghị soạn thảo hướng dẫn theo hướng linh hoạt, chỉ yêu cầu thể hiện rõ tổng số giờ làm đêm, làm thêm giờ và tổng số tiền tương ứng theo từng kỳ trả lương, tránh yêu cầu quá chi tiết đến từng ca/từng giờ nếu không thật sự cần thiết, để giảm bớt gánh nặng hành chính cho doanh nghiệp.	
		Về khoản 2 Điều 26: “2. Miễn thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép phù hợp với quy định về điều kiện và mức tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép theo pháp luật về lao động, pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.” Cụm từ “tiền lương, tiền công trả cho những ngày nghỉ phép theo quy định của pháp luật” có thể có các cách hiểu khác nhau: + Cách thứ nhất: Là tiền lương trả cho những ngày nghỉ hàng năm chưa nghỉ hoặc chưa nghỉ hết của NLĐ khi NLĐ thôi việc hoặc mất việc theo quy định tại khoản 3 Điều 113 Bộ Luật Lao động 2019. + Cách thứ hai: Là tiền lương trả cho những ngày nghỉ hàng năm chưa nghỉ hoặc chưa nghỉ hết của NLĐ, không phân biệt NLĐ có thuộc trường hợp thôi việc/mất việc hay vẫn tiếp tục làm việc (Công ty chỉ trả theo hướng có lợi cho NLĐ). + Cách thứ ba: NLĐ đã có kế hoạch nghỉ phép (lý do chính đáng theo yêu cầu công việc hoặc thỏa thuận với công ty...) thì toàn bộ tiền lương đi làm vào ngày nghỉ phép này (lẽ ra phải được nghỉ nhưng không nghỉ) được miễn thuế. <u>Đề xuất:</u> Đề nghị làm rõ các trường hợp tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép thuộc diện được miễn thuế và bổ sung chi tiết vào Khoản 2, Điều 26 của dự thảo Nghị định.	Nội dung này đã được cơ quan soạn thảo giải trình ở trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Công ty TNHH Tư vấn Thuế Deloitte Việt Nam	Đề nghị sửa đổi khoản 1 Điều 26: <i>“1. Miễn thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ phù hợp với quy định về điều kiện và thời gian theo pháp luật về lao động.</i> <i>Tổ chức, cá nhân trả thu nhập xác định thu nhập được miễn thuế đối với làm việc ban đêm, làm thêm giờ căn cứ vào tiền lương, tiền công thực trả tương ứng với thời gian làm việc ban đêm, làm thêm giờ.</i> <i>Đối với các trường hợp làm việc theo nhiều khung giờ, thu nhập được miễn thuế xác định tương ứng với thời gian thực tế làm việc ban đêm, làm thêm giờ, trên cơ sở phương pháp hợp lý và nhất quán.</i> <i>Việc xác định thu nhập được miễn thuế căn cứ vào hồ sơ, tài liệu do đơn vị trả thu nhập quản lý theo quy định và xuất trình khi cơ quan thuế yêu cầu.</i> <i>Tổ chức, cá nhân trả thu nhập phải lập bảng kê phản ánh rõ thời gian làm đêm, làm thêm giờ đã trả cho người lao động. Bảng kê này được lưu tại đơn vị trả thu nhập và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan thuế.”</i> Chúng tôi ghi nhận và đánh giá cao định hướng của Bộ Tài chính trong việc mở rộng phạm vi miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ làm việc ban đêm theo Luật Thuế TNCN 109/2025/QH15 và Dự thảo Nghị định hướng dẫn. Đây là một bước điều chỉnh tích cực, thể hiện sự quan tâm của Nhà nước trong việc hỗ trợ người lao động làm việc trong điều kiện đặc thù, đặc biệt tại các ngành nghề có yêu cầu vận hành ngoài giờ hành chính. Theo quy định của Bộ luật Lao động 2019, làm việc ban đêm được xác định trong khung thời gian từ 22 giờ đến 06 giờ sáng hôm sau, và người lao động được hưởng mức trả cao hơn so với làm việc ban ngày. Trước đây, chính sách thuế chỉ miễn đối với phần thu nhập tăng	Nội dung này đã được cơ quan soạn thảo giải trình nêu trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thêm do làm đêm; trong khi đó, quy định mới đã mở rộng phạm vi miễn thuế đối với toàn bộ tiền lương, tiền công phát sinh từ thời gian làm việc ban đêm. Từ góc độ thực tiễn triển khai, chúng tôi cho rằng cách tiếp cận mới mang ý nghĩa hỗ trợ tích cực. Tuy nhiên, để đảm bảo tính nhất quán và khả thi trong áp dụng, một số nội dung có thể cần được làm rõ thêm, cụ thể: - Về phạm vi áp dụng, cần có hướng dẫn rõ hơn đối với các trường hợp làm việc theo ca linh hoạt hoặc kết hợp nhiều khung giờ, nhằm đảm bảo việc xác định thu nhập được miễn thuế được thực hiện thống nhất giữa các doanh nghiệp. - Về phương pháp xác định thu nhập, trong trường hợp thiếu hướng dẫn cụ thể, có thể phát sinh cách hiểu và áp dụng khác nhau giữa người nộp thuế và cơ quan quản lý, đặc biệt đối với các mô hình lao động có tính chất vận hành liên tục. Với tinh thần hỗ trợ hoàn thiện chính sách theo hướng đơn giản, minh bạch và dễ thực thi, chúng tôi đề xuất cơ quan soạn thảo cân nhắc một số nội dung sau. <i>Thứ nhất, về phạm vi và cách xác định thu nhập được miễn thuế:</i> Chúng tôi hiểu rằng Dự thảo đã quy định nguyên tắc miễn thuế đối với thu nhập từ làm việc ban đêm và làm thêm giờ phù hợp với điều kiện và thời gian theo pháp luật lao động. Để hỗ trợ việc triển khai thống nhất trong thực tế, đối với các trường hợp làm việc theo nhiều khung giờ hoặc theo hình thức tổ chức lao động đặc thù, có thể cân nhắc cho phép doanh nghiệp xác định phần thu nhập được miễn thuế tương ứng với thời gian thực tế làm việc ban đêm, làm thêm giờ, trên cơ sở tiền lương thực trả, thay vì yêu cầu tách riêng từng cấu phần thu nhập. <i>Thứ hai, về hồ sơ và chứng từ:</i> Để đảm bảo tính khả thi và không làm phát sinh thêm thủ tục hành chính, có thể cho phép doanh nghiệp	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		sử dụng các tài liệu hiện hành làm căn cứ xác định, bao gồm: - Hợp đồng lao động / phụ lục hợp đồng (nếu có quy định về ca làm việc) - Quy chế nội bộ hoặc chính sách nhân sự - Bảng chấm công - Bảng lương mà không cần bổ sung thêm các loại hồ sơ hoặc biểu mẫu riêng. <i>Thứ ba, về hướng dẫn áp dụng:</i> Có thể cân nhắc bổ sung hướng dẫn mang tính nguyên tắc đối với các trường hợp làm việc theo nhiều khung giờ trong cùng một ngày hoặc theo lịch làm việc linh hoạt, nhằm đảm bảo cách hiểu và áp dụng thống nhất giữa các doanh nghiệp và cơ quan thuế, đồng thời hạn chế nhu cầu giải trình trong quá trình thanh tra, kiểm tra.	
	Công ty TNHH Canon Việt Nam	Dựa vào nội dung, doanh nghiệp có thể hiểu quy định theo 2 hướng sau: 1. Toàn bộ tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ phù hợp điều kiện, thời gian pháp luật lao động được miễn thuế. Phần chi trả vượt quy định sẽ chịu thuế TNCN. Ví dụ: - Lương làm việc ca đêm = 130% lương ngày thì toàn bộ 130% lương này sẽ được miễn thuế 2. Phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm trong giờ, và không vượt giới hạn theo PL về lao động được miễn thuế, phần chi trả vượt quá sẽ chịu thuế TNCN: Ví dụ: - Lương làm việc ca đêm = 130% lương ngày trong đó 100% lương ngày chịu thuế, 30% không chịu thuế	Nội dung này đã được cơ quan soạn thảo giải trình nêu trên. Căn cứ quy định tại khoản 8 Điều 4 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15, tại dự thảo Nghị định quy định: Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép phù hợp với quy định về điều kiện và mức tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép theo quy định tại khoản 3 Điều 113 Bộ luật Lao động, khoản 1 Điều 11 Luật Cán bộ công chức, khoản 1 Điều 14 Luật Viên chức.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Nếu DN trả cao hơn thì 130% chịu thuế TNCN Chúng tôi hiểu theo tinh thần của ban soạn thảo là miễn toàn bộ thuế cho toàn bộ lương làm đêm, làm thêm giờ, vì vậy, đề nghị sửa quy định rõ hơn để DN có thể dễ dàng áp dụng. Sửa quy định theo hướng rõ hơn: “1. Miễn thuế TNCN đối với toàn bộ tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ phù hợp với quy định về điều kiện và thời gian theo pháp luật về lao động...”	
	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (công văn số 0685/LĐTM-PC ngày 16/4/2026)	Khoản 2, khoản 3 Điều 26 Dự thảo quy định: “2. Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép phù hợp với quy định về điều kiện và mức tiền lương, tiền công trả cho <u>những ngày không nghỉ phép theo pháp luật về lao động</u>, pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức. 3. Trường hợp tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ, tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép vượt mức quy định của pháp luật thì <u>phần vượt mức quy định</u> tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân.”. Quy định về số ngày phép năm được quy định tại Điều 113 Bộ luật Lao động 2019. Tuy nhiên, Bộ luật Lao động khuyến khích người sử dụng lao động thỏa thuận các điều khoản về điều kiện làm việc tốt hơn cho người lao động trong đó có nghỉ phép. Thực tế, nhiều doanh nghiệp cung cấp cho người lao động số ngày nghỉ phép năm nhiều hơn so với quy định của luật lao động và sử dụng cho cả năm. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, đề nghị trường hợp chi trả tiền lương, tiền công cho những ngày không nghỉ phép thuộc phần phép năm doanh nghiệp tăng thêm cho người lao động (tăng thêm so với quy định tại Điều 113 Bộ luật lao động 2019) đã được quy định trong hợp đồng lao động/thỏa ước lao động tập thể/quy chế nội bộ sẽ không được tính vào thu nhập chịu thuế. Đồng thời, bỏ	Căn cứ quy định tại khoản 8 Điều 4 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15, tại dự thảo Nghị định quy định: Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép phù hợp với quy định về điều kiện và mức tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép theo quy định tại khoản 3 Điều 113 Bộ luật Lao động, khoản 1 Điều 11 Luật Cán bộ công chức, khoản 1 Điều 14 Luật Viên chức.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		sung quy định hướng dẫn cụ thể về cách xác định phần vượt với trường hợp vẫn áp dụng việc tính thuế đối với phần vượt mức để tránh khó khăn cho doanh nghiệp và người lao động khi thực hiện.	
	Hiệp hội thương mại Mỹ tại Việt Nam (công văn ngày 18/05/2026)	Về khoản 2 và khoản 3 Điều 26: Trên thực tế, nhiều doanh nghiệp đang áp dụng chính sách nghỉ phép năm cho người lao động với số ngày nghỉ phép năm cao hơn quy định tại Điều 113 Bộ luật lao động 2019. Tuy nhiên, Dự thảo Nghị định hiện chưa làm rõ việc trong trường hợp doanh nghiệp quy định số ngày nghỉ phép cao hơn mức nêu trên, thì tiền lương chi trả cho các ngày nghỉ phép chưa sử dụng có bị coi là “vượt mức” hay không. Trong khi đó, Bộ luật Lao động khuyến khích người sử dụng lao động áp dụng các chế độ có lợi hơn so cho người lao động so với mức tối thiểu theo luật định. Do đó tiền lương chi trả cho số ngày nghỉ phép năm cao hơn mức quy định tại pháp luật lao động không nên bị xem là “vượt mức”, miễn là việc xác định và chi trả các khoản này được thực hiện phù hợp, minh bạch và theo chính sách của doanh nghiệp. Đề nghị sửa đổi dự thảo theo hướng làm rõ rằng trong trường hợp doanh nghiệp quy định số ngày nghỉ phép năm cao hơn mức quy định tại pháp luật lao động, và nội dung này được ghi nhận hợp lệ trong quy chế nội bộ của doanh nghiệp hoặc thỏa ước lao động tập thể, hoặc hợp đồng lao động, hoặc phụ lục hợp đồng lao động, thì tiền lương chi trả tương ứng với số ngày nghỉ phép tăng thêm nhưng không được sử dụng không nên bị coi là khoản chi “vượt mức” để làm căn cứ tính thuế thu nhập cá nhân.	Việc xác định thời gian nghỉ phép theo quy định của pháp luật về lao động. Tại dự thảo Nghị định hoàn thiện như sau: Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép phù hợp với quy định về điều kiện và mức tiền lương, tiền công trả cho những ngày không nghỉ phép theo quy định tại khoản 3 Điều 113 Bộ luật Lao động, khoản 1 Điều 11 Luật Cán bộ công chức, khoản 1 Điều 14 Luật Viên chức.
Điều 27. Tiền lương hưu do Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả; thu nhập do quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, quỹ hưu trí tự nguyện chi trả			

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Công ty TNHH Tư vấn Thuế Deloitte Việt Nam	Đề nghị sửa đổi Điều 27 như sau: <i>“Điều 27:</i> 1. Miễn thuế TNCN đối với tiền lương hưu do Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả theo pháp luật về bảo hiểm xã hội, bao gồm cả trường hợp cá nhân sinh sống, làm việc tại Việt Nam nhận được thu nhập từ tiền lương hưu do nước ngoài chi trả. 2. Miễn thuế TNCN đối với thu nhập do quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, quỹ hưu trí tự nguyện chi trả, bao gồm cả các trường hợp chi trả định kỳ: hàng tháng, hàng quý..., chi trả một lần, chi trả trước, sau tuổi nghỉ hưu.” Chúng tôi hiểu rằng Dự thảo Nghị định hướng tới việc áp dụng miễn thuế đối với khoản thu nhập do quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung và quỹ hưu trí tự nguyện chi trả, không phụ thuộc vào hình thức chi trả: chi trả một lần hay định kỳ theo các thỏa thuận. Trên thực tế, khoản thu nhập này có thể được chi trả dưới nhiều hình thức khác nhau, bao gồm chi trả một lần hoặc theo các kỳ cố định như hàng tháng, hàng quý hoặc hàng năm. Do đó, nếu quy định chỉ giới hạn phạm vi miễn thuế đối với một số hình thức chi trả nhất định (ví dụ: chi trả một lần hoặc hàng tháng), điều này có thể gây khó khăn cho người nộp thuế trong việc xác định khả năng được miễn thuế đối với các trường hợp chi trả theo các kỳ khác. Chúng tôi đề xuất xem xét miễn thuế TNCN đối với thu nhập do quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, quỹ hưu trí tự nguyện chi trả, bao gồm cả trường hợp chi trả một lần, chi trả theo định kỳ: hàng tháng, hàng quý..., chi trả trước, sau tuổi nghỉ hưu.	Dự thảo Nghị định đã thể hiện được nội dung góp ý, cụ thể: “Điều 27. Tiền lương hưu do Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả; thu nhập do quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, quỹ hưu trí tự nguyện chi trả 1. Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với tiền lương hưu do Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả theo pháp luật về bảo hiểm xã hội, bao gồm cả trường hợp cá nhân sinh sống, làm việc tại Việt Nam nhận được thu nhập từ tiền lương hưu do nước ngoài chi trả. 2. Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập do quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, quỹ hưu trí tự nguyện chi trả, không phân biệt chi trả định kỳ, chi trả một lần, chi trả trước hay sau tuổi nghỉ hưu.”
Điều 28. Thu nhập từ học bổng			

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 29. Thu nhập từ bồi thường hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, tiền bồi thường tai nạn lao động, khoản bồi thường nhà nước và các khoản bồi thường khác			
	Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (công văn số 4819/UBND-KTTH ngày 10/4/2026)	Tại khoản 5 Điều 29 dự thảo Nghị định đề nghị bổ sung: <i>“5. Miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự.</i> <i>Căn cứ xác định khoản bồi thường được miễn thuế dựa trên bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc văn bản thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa các bên đã được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật.”</i> Lý do: Nội dung dự thảo Nghị định chưa quy định rõ căn cứ, hồ sơ để xác định khoản bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định của Bộ luật Dân sự thuộc diện được miễn thuế, trong khi các nội dung từ khoản 1 đến khoản 4 Điều 29 dự thảo Nghị định đã được hướng dẫn cụ thể, chi tiết.	Tiếp thu và thể hiện tại khoản 5 Điều 29 dự thảo Nghị định, cụ thể: 5. Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (bao gồm lãi chậm trả) theo quy định của Bộ luật Dân sự. Căn cứ xác định khoản bồi thường được miễn thuế dựa trên bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc văn bản thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa các bên đã được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật.
	Thái Mạnh Cường (Email: cuong.thaimanh@gmail.com Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	Tại dự thảo quy định: <i>“5. Miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ <u>bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng</u> theo quy định của Bộ luật Dân sự.”</i> <u>Đề nghị bổ sung như sau:</u> “5. Miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng (bao gồm lãi chậm trả) theo quy định của Bộ luật Dân sự.” Điều 357 Bộ luật Dân sự quy định <i>“1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.”</i> Bản chất của lãi chậm trả là bồi thường số tiền lãi về bên bị chậm trả đáng lẽ được hưởng trong thời gian chậm trả.	Nội dung này đã được giải trình ở trên

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 30. Thu nhập nhận được từ các tổ chức và quỹ từ thiện			
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (công văn số 1785/BVHTTDL-PC ngày 06/4/2026)	Khoản 1 đề nghị nghiên cứu, cân nhắc việc bổ sung tiêu chí cụ thể để xác định “<i>hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, khuyến học không vì mục tiêu lợi nhuận</i>” (như: có điều lệ hoạt động rõ ràng, thực hiện công khai, minh bạch tài chính, không phân chia lợi nhuận dưới bất kỳ hình thức nào...). Đề nghị nghiên cứu quy định rõ phạm vi thu nhập được miễn thuế, bao gồm tiền, hiện vật và các lợi ích hợp pháp khác mà cá nhân nhận được từ các tổ chức, quỹ từ thiện nhằm bảo đảm thuận lợi trong thực thi.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định tại dự thảo Nghị định, do quy định về “<i>không vì mục tiêu lợi nhuận</i>” thuộc sự điều chỉnh của pháp luật chuyên ngành. Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể: “2. Căn cứ xác định thu nhập được miễn thuế là văn bản hoặc quyết định trao khoản thu nhập của quỹ từ thiện và chứng từ chi tiền, hiện vật từ các tổ chức, quỹ từ thiện.”
Điều 31. Thu nhập nhận được từ nguồn viện trợ nước ngoài			
Điều 32. Thu nhập từ tiền lương, tiền công của thuyền viên là người Việt Nam			
Điều 33. Thu nhập từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp phục vụ hoạt động khai thác thủy sản xa bờ			
	Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (công văn số 3813/NBI-NVDTPC ngày 03/4/2026)	Đề nghị sửa thành: “<i>Điều 33. Thu nhập từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp phục vụ hoạt động khai thác thủy sản xa bờ</i> <i>Miễn thuế TNCN đối với thu nhập của cá nhân là chủ tàu, cá nhân có quyền sử dụng tàu và cá nhân làm việc trên tàu có được từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp phục vụ hoạt động khai</i>	Tiếp thu và hoàn thành tại dự thảo Nghị định, cụ thể: “Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập của cá nhân là chủ tàu, cá nhân có quyền sử dụng tàu và cá nhân làm việc trên tàu có được từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp phục vụ hoạt động khai thác thủy sản xa bờ theo

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>thác thủy sản xa bờ theo quy định về pháp luật hàng hải Việt Nam".</i>	quy định pháp luật về hàng hải Việt Nam."
Điều 34. Thu nhập từ chuyển nhượng chứng chỉ giảm phát thải, chuyển nhượng tín chỉ các bon; thu nhập từ tiền lãi trái phiếu xanh, chuyển nhượng trái phiếu xanh			
Điều 35. Thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo			
	Bộ Khoa học và Công nghệ (công văn số 2616/BKHCN-KHTC ngày 09/4/2026)	Điều 35 Đề nghị chỉnh sửa như sau: <i>"Điều 35. Thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i> <i>1. Miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</i> <i>2. Thu nhập của cá nhân từ tiền lương, tiền công thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xác định như sau:</i> <i>a) Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước</i> <i>Tiền lương, tiền công của cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước là khoản tiền thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.</i> <i>Khoản thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các cá nhân được xác định trên cơ sở nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, Nghị định số 268/2025/NĐ-CP của Chính phủ.</i> <i>b) Đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i>	Tiếp thu ý kiến tham gia, tại dự thảo Nghị định đã bổ sung các quy định cụ thể để xác định thu nhập từ tiền lương, tiền công thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		không sử dụng ngân sách nhà nước. <u>Phương án 1</u> (Không giới hạn mức tiền lương, tiền công của các cá nhân từ thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST không sử dụng ngân sách nhà nước) Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước là nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, được doanh nghiệp phê duyệt, triển khai bằng nguồn kinh phí hợp pháp của doanh nghiệp hoặc nguồn kinh phí hợp pháp của đơn vị phối hợp, không sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ. Việc xác định tiền lương, tiền công của cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST không sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định về xác định khoản chi của doanh nghiệp tài trợ cho chuyên gia, nhà khoa học, cá nhân thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP của Chính phủ thông qua nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do doanh nghiệp phê duyệt. Doanh nghiệp có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy trình nội bộ quy định việc quản lý các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý. Chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nhiệm vụ do mình phê duyệt với các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. <u>Phương án 2</u> (Giới hạn mức tiền lương, tiền công của các cá nhân từ thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST không sử dụng ngân sách nhà nước để công bằng với quy định về ngưỡng thù lao tối đa của các chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST sử dụng ngân	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>sách nhà nước theo pháp luật về KH,CN&ĐMST).</i> <i>Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước là nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, được doanh nghiệp phê duyệt, triển khai bằng nguồn kinh phí hợp pháp của doanh nghiệp hoặc của đơn vị phối hợp, không sử dụng kinh phí từ nguồn ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ.</i> <i>Mức chi đối với tiền lương, tiền công của các cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước làm căn cứ miễn thuế TNCN không vượt quá mức thù lao cho các chức danh tương ứng tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</i> <i>Doanh nghiệp có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy trình nội bộ quy định việc quản lý các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý. Chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nhiệm vụ do mình phê duyệt với các quy định về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.”</i> <i>Bộ Khoa học và Công nghệ đề xuất cơ quan soạn thảo nghiên cứu, ưu tiên phương án 1 (Không giới hạn mức tiền lương, tiền công của các cá nhân từ thực hiện nhiệm vụ KH,CN&ĐMST không sử dụng ngân sách nhà nước).</i> <i>Lý do: Phương án 1 phù hợp với quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Thuế TNCN. Cụ thể, Luật quy định thu nhập được miễn thuế là: “Thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.”, không phân biệt nguồn kinh phí (sử dụng NSNN hay không sử dụng NSNN).</i>	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Đồng thời, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định về hồ sơ xác định điều kiện để được miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. 1. Đối với nhiệm vụ không sử dụng ngân sách nhà nước, bao gồm: a. Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước do cơ quan thực hiện đánh giá cấp (Căn cứ theo Điều 64 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025). b. Quyết định phê duyệt hoặc Thuyết minh nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được phê duyệt. Hợp đồng thuê nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo; Biên bản bàn giao, nghiệm thu sản phẩm, thanh lý hợp đồng kèm theo các tài liệu, hóa đơn, chứng từ có liên quan.	
	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (công văn số 766-CV/KHXXH ngày 03/4/2026)	Hiện nay, chính sách miễn thuế TNCN hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được quy định cụ thể tại Điều 55 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: “<i>Cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; được ưu tiên trong bổ nhiệm, tuyển dụng, bố trí vị trí việc làm, thu nhập, thuế TNCN, lao động, nhà ở, xuất cảnh, nhập cảnh, cư trú và cấp giấy phép lao động</i>”. Điều 38 của Luật này cũng quy định bổ sung vào Điều 4 về các thu nhập được miễn thuế: “<i>Thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i>”. Khoản 17 Điều 4 Luật Thuế TNCN năm 2025 quy định rằng, thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc diện miễn thuế TNCN. Trong khi đó, Dự thảo quy định Điều 8 của dự thảo Nghị định hướng dẫn quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Thuế TNCN về hiệu thế	Tại Điều 35 dự thảo Nghị định đã quy định miễn thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tiếp thu ý kiến tham gia, tại dự thảo Nghị định đã bổ sung các quy định cụ thể để xác định thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nào là thu nhập từ tiền lương, tiền công, tại điểm a khoản 2 có quy định về “<i>tiền tham gia đề tài, dự án, đề án</i>”. Trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học xã hội, thu nhập của các nghiên cứu viên có được chủ yếu từ việc tham gia các đề tài/nhiệm vụ, dự án, đề án nghiên cứu. Vậy, nếu theo quy định này, tiền tham gia đề tài/nhiệm vụ, dự án, đề án có được hiểu là khoản thu nhập nằm trong phạm vi điều chỉnh của Điều 3 là thu nhập chịu thuế hay không? Tuy nhiên, Điều 35 dự thảo Nghị định quy định: “1. <i>Miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</i> 2. <i>Việc xác định nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo làm căn cứ miễn thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.</i>” Trên thực tế, tiền công từ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chủ yếu thực hiện thông qua việc tham gia đề tài/nhiệm vụ, dự án, đề án. Các quy định của dự thảo có một số nhược điểm sau: <i>Thứ nhất</i>, theo quy định tại Điều 3 của Luật Thuế TNCN, các khoản thu nhập từ tiền lương, tiền công, bao gồm tiền thù lao và các lợi ích dưới mọi hình thức, đều thuộc diện thu nhập chịu thuế. Trong bối cảnh đó, quy định tại Điều 8 Dự thảo Nghị định khi liệt kê “<i>tiền tham gia đề tài, dự án, đề án</i>” là một bộ phận của thu nhập từ tiền lương, tiền công về nguyên tắc đã khẳng định rõ đây là thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, sự xuất hiện đồng thời của quy định miễn thuế tại Điều 35 Dự thảo, cũng như tại khoản 17 Điều 4 của Luật Thuế TNCN, lại tạo ra một trạng thái chồng lấn, khi cùng một loại thu nhập có thể vừa thuộc diện chịu thuế, vừa thuộc diện được miễn thuế mà không có tiêu chí phân định rõ ràng. <i>Thứ hai</i>, thiếu tiêu chí cụ thể xác định một đề tài/nhiệm vụ, dự án là	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Vấn đề trở nên phức tạp hơn khi xét đến thực tiễn hoạt động nghiên cứu khoa học, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học xã hội, nơi thu nhập của các cá nhân chủ yếu phát sinh từ việc tham gia các đề tài/nhiệm vụ, dự án, đề án. Trong khi đó, không phải mọi đề tài/nhiệm vụ, dự án đều đương nhiên được coi là “<i>nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i>” theo nghĩa pháp lý. Tuy nhiên, dự thảo Nghị định lại không thiết lập bất kỳ tiêu chí cụ thể nào để phân biệt giữa các đề tài/nhiệm vụ, dự án thông thường và các nhiệm vụ khoa học, công nghệ đủ điều kiện được miễn thuế. Điều này dẫn đến nguy cơ: việc một khoản thu nhập có thuộc diện miễn thuế hay không phụ thuộc lớn vào cách diễn giải và xác nhận hành chính, thay vì dựa trên các tiêu chí pháp lý rõ ràng và có thể kiểm chứng. <i>Thứ ba</i>, việc dự thảo Nghị định dẫn chiếu toàn bộ việc xác định “<i>nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i>” sang pháp luật chuyên ngành, cụ thể là Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, cũng đặt ra một vấn đề về kỹ thuật lập pháp. Khái niệm “<i>nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i>” trong luật này được thiết kế với mục tiêu định hướng chính sách và có phạm vi rất rộng, mang tính bao quát các hoạt động phục vụ phát triển kinh tế – xã hội. Tuy nhiên, một khái niệm mang tính chính sách như vậy lại không phù hợp để sử dụng trực tiếp làm căn cứ áp dụng ưu đãi thuế, vốn đòi hỏi mức độ chính xác, cụ thể và khả năng dự đoán cao hơn. Việc thiếu các tiêu chí định lượng, cũng như cơ chế xác nhận rõ ràng (chẳng hạn: cấp phê duyệt, hình thức nghiệm thu, cơ quan có thẩm quyền xác nhận) khiến quy định khó có thể vận hành hiệu quả trong thực tiễn. <i>Thứ tư</i>, sự thiếu rõ ràng trong phân định phạm vi áp dụng còn làm phát sinh nguy cơ bị lợi dụng chính sách. Trong điều kiện khái niệm “<i>nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i>” được hiểu theo nghĩa rộng, các chủ thể có thể “<i>gắn nhãn</i>” hoạt động chuyên môn hoặc	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tư vấn thông thường thành hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm chuyển hóa thu nhập từ diện chịu thuế sang diện miễn thuế. Điều này không chỉ dẫn đến nguy cơ xói mòn cơ sở thuế mà còn làm suy giảm nguyên tắc công bằng trong hệ thống thuế TNCN, khi các cá nhân có cùng mức thu nhập nhưng khác cách thức tổ chức công việc lại phải chịu nghĩa vụ thuế khác nhau. Có thể thấy, hạn chế cơ bản của các quy định nêu trên nằm ở việc chưa thiết lập được một cơ chế phân định rõ ràng giữa thu nhập từ hoạt động nghiên cứu khoa học thực chất – đối tượng cần được ưu đãi – và các khoản thu nhập lao động thông thường được thể hiện dưới hình thức tham gia đề tài/nhiệm vụ, dự án. Việc sử dụng các khái niệm rộng của pháp luật khoa học và công nghệ làm căn cứ trực tiếp cho ưu đãi thuế, trong khi thiếu các tiêu chí pháp lý cụ thể và cơ chế kiểm soát tương ứng, đã làm phát sinh tình trạng chồng lấn, khó áp dụng và tiềm ẩn rủi ro bị lợi dụng. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải rà soát và hoàn thiện quy định theo hướng tăng cường tính minh bạch, khả thi và nhất quán của chính sách thuế. <i>Đề xuất:</i> Do tồn tại quy định không rõ ràng giữa quy định của dự thảo Nghị định với các quy định của Luật Thuế TNCN năm 2025, Luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 nói trên, đề nghị Ban soạn thảo cân nhắc sửa đổi, bổ sung, có hướng dẫn cụ thể cần thiết lập tiêu chí phân định cụ thể giữa “<i>đề tài, dự án, đề án</i>” thông thường và “<i>nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo</i>” mà các cá nhân hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.	
	Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG	Về Điều 35 và Điều 38 Đề nghị làm rõ việc miễn thuế đối với các khoản thu nhập này thực hiện như thế nào trong trường hợp người nộp thuế vừa có thu nhập miễn thuế tại Điều 35 và Điều 38, vừa có thu nhập chịu thuế từ	Tại dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể các khoản thu nhập chịu thuế không bao gồm các loại thu nhập được miễn thuế theo quy định tại mục 1 Chương III dự

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tiền lương tiền công từ nguồn khác: (i) Không đưa khoản thu nhập miễn thuế vào khi kê khai, tính thuế; hay (ii) Tính phân bổ ra số thuế được miễn như các khoản thu nhập quy định tại Điều 41 (khoản 4), Điều 42 (khoản 4)	thảo Nghị định này.
	Công ty Cổ phần Tư vấn EY Việt Nam (công văn số 2026/0428/EY-TNCN ngày 28/4/2026)	Về điểm b khoản 2 Điều 35 Chúng tôi cho rằng, việc xác định cá nhân đủ điều kiện được miễn thuế theo quy định này phải được xác định tại thời điểm có Quyết định phê duyệt dự án kèm theo danh sách nhân sự tham gia dự án do đơn vị thực hiện lập và các thông báo khi có sự thay đổi (kết thúc sớm hơn hoặc gia hạn) hoặc bổ sung nhân sự trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo. Quy định về giấy xác nhận kết quả thực hiện dự án thường chỉ có thể xin cấp khi kết thúc dự án. Như vậy, có 2 tình huống: - Cá nhân tham gia dự án chưa có giấy xác nhận thực hiện dự án có phải nộp thuế thu nhập cá nhân cho tới khi xin được giấy xác nhận hay không? - Cá nhân tạm thời không kê khai thuế TNCN và nộp thông báo tới cơ quan thuế về việc mình thuộc diện miễn thuế trong thời gian chờ Giấy xác nhận. Chúng tôi kiến nghị Bộ Tài Chính nghiên cứu kỹ về thời điểm xác định cá nhân đủ tiêu chuẩn miễn thuế và các giấy tờ chứng minh cần cung cấp theo hướng khả thi hơn. Cụ thể: - Sau khi Dự án và Danh sách nhân sự tham gia dự án được thống nhất, tổ chức/cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học gửi thông báo đến cơ quan thuế về danh sách chuyên gia dự kiến tham gia thực hiện nhiệm vụ, đủ điều kiện miễn và chưa phải nộp thuế TNCN; - Cơ quan thực hiện đánh giá cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện	Nội dung này Bộ Tài chính đã tiếp thu đầy đủ ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ và thể hiện tại dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nhiệm vụ khoa học công nghệ hàng năm hoặc theo tiến độ; Khi kết thúc, cơ quan thực hiện đánh giá cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ cho toàn bộ giai đoạn cá nhân tham gia.	
Điều 36. Thu nhập từ quyền tác giả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo			
Điều 37. Thu nhập của nhà đầu tư cá nhân, chuyên gia từ dự án khởi nghiệp sáng tạo, sáng lập viên cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân góp vốn vào quỹ đầu tư mạo hiểm			
	Bộ Khoa học và Công nghệ (công văn số 2616/BKHCN-KHTC ngày 09/4/2026)	Khoản 3 Điều 37 Đề nghị chỉnh sửa như sau: “3. Việc xác định dự án khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo là sáng lập viên doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; việc xác định quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.”	Tiếp thu ý kiến tham gia, tại dự thảo Nghị định đã hoàn thiện theo ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ.
	Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (công văn số 1897/DAN-NVDTTPC ngày 08/4/2026)	Điều 37 dự thảo Nghị định quy định về thu nhập của nhà đầu tư cá nhân, chuyên gia từ dự án khởi nghiệp sáng tạo, sáng lập viên của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, nhà đầu tư cá nhân góp vốn vào quỹ đầu tư mạo hiểm. Tuy nhiên tại Điều 38, Điều 39, Điều 43 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP quy định tiêu chí xác định, trình tự, thủ tục công nhận đối với các đối tượng là nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng	Tiếp thu ý kiến tham gia, tại dự thảo Nghị định đã hoàn thiện quy định này, đảm bảo phù hợp với quy định tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tạo, chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và cá nhân khởi nghiệp sáng tạo. Đề nghị dự thảo thống nhất đối tượng được miễn thuế TNCN với các đối tượng quy định tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ. Việc sử dụng thuật ngữ, xác định đối tượng trong dự thảo Nghị định hiện chưa thống nhất và chưa bám sát các khái niệm đã được quy định tại Nghị định số 268/2025/NĐ-CP. Điều này có thể gây khó khăn trong quá trình áp dụng, đặc biệt là khi đối chiếu để xác định đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm thuế.	
Điều 38. Thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn ODA không hoàn lại, chương trình, dự án phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam; cá nhân là người Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc Hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam; cá nhân tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc			
Điều 39. Thu nhập của chủ doanh nghiệp tư nhân, cá nhân là chủ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên			
Điều 40. Giảm thuế do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo			
Điều 41. Miễn thuế đối với cá nhân là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao			
	Bộ Khoa học và Công nghệ (công văn số 2616/BKH-CN-KHTC ngày 09/4/2026)	Khoản 2 Điều 41 Đề thống nhất với nội dung đã quy định tại khoản 2 Điều 5 Luật Thuế TNCN và khoản 1 Điều 41 dự thảo Nghị định, đề nghị xem xét, chỉnh sửa như sau:	Tiếp thu ý kiến tham gia, tại dự thảo Nghị định đã hoàn thiện các quy định cụ thể để xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		“2. Việc xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao hoạt động công nghiệp công nghệ số, dự án nghiên cứu và phát triển, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo làm căn cứ miễn thuế tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghiệp công nghệ số và pháp luật có liên quan a) Việc xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao thực hiện theo quy định tại các điều 5, 6, 7, 8, 9, 10 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số và quy định của pháp luật công nghiệp công nghệ số; b) Việc xác định hoạt động công nghiệp công nghệ số thực hiện theo Điều 13 Luật Công nghiệp công nghệ số và Điều 4 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số và quy định của pháp luật công nghiệp công nghệ số.”	
	Bộ Công an (công văn số 6821/ANKT-TCĐT ngày 21/4/2026)	Về quy định miễn thuế TNCN trong thời hạn 05 năm đối với một số đối tượng công nghiệp công nghệ số chất lượng cao và nhân lực công nghệ cao (Điều 41, Điều 42). Tuy nhiên, dự thảo Nghị định chưa làm rõ nguyên tắc xác định gián đoạn thu nhập. Đề nghị nghiên cứu, làm rõ thời gian xác định miễn thuế để đảm bảo khả thi trong thực tế triển khai thực hiện.	Tại dự thảo Nghị định đã có quy định nguyên tắc: Thời gian miễn thuế tính liên tục kể từ tháng phát sinh thu nhập được miễn thuế.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (công văn số 2278/THO-NVDTTPC ngày 07/4/2026)	Tại Điều 41 và 42 của Dự thảo Dự thảo chưa quy định rõ “<i>Thu nhập được miễn</i>” ở đây chỉ giới hạn trong phần thu nhập trực tiếp nhận được từ dự án công nghệ cao hay bao gồm cả các khoản phụ cấp, thưởng khác ngoài dự án của công ty chi trả. Việc dự thảo dùng cụm từ “<i>thu nhập của nhân lực</i>	Về nội dung này, Bộ Tài chính đã tiếp thu đầy đủ ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ và hoàn thiện lại dự thảo Nghị định

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>chất lượng cao” để làm căn cứ miễn thuế mà chưa giới hạn rõ phạm vi thu nhập. Doanh nghiệp trong năm có một chuyên gia có thể làm việc cùng lúc cho nhiều dự án của doanh nghiệp (bao gồm cả dự án công nghệ cao được ưu đãi và dự án thông thường). Vậy thu nhập của chuyên gia đó tính như thế nào?</i> Do đó, đề nghị bổ sung các quy định sau vào hai Điều này như sau: <i>“Thu nhập được miễn thuế chỉ bao gồm phần thu nhập từ tiền lương, tiền công tương ứng với thời gian và tỷ lệ đóng góp trực tiếp vào dự án công nghệ cao, công nghệ số đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.</i> <i>Khi thực hiện quyết toán thuế TNCN, tổ chức chi trả thu nhập có trách nhiệm hạch toán, tách riêng khoản thu nhập được miễn thuế quy định tại khoản 1 Điều này với các khoản thu nhập chịu thuế khác của cá nhân.</i> <i>Tổ chức chi trả và cá nhân người nộp thuế chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ xác định nhân lực công nghệ cao. Trường hợp cơ quan chức năng có thẩm quyền kiểm tra, phát hiện vi phạm hoặc rút, thu hồi giấy chứng nhận dự án công nghệ cao; cơ quan Thuế thực hiện truy thu số thuế đã được miễn, tiền chậm nộp và xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức chi trả hoặc cá nhân thực hiện kê khai, quyết toán thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.”</i> Lý do: Tổ chức chi trả bắt buộc phải xây dựng hệ thống thang bảng lương, chấm công và hạch toán kế toán rõ ràng ngay từ đầu năm để làm căn cứ cho cơ quan Thuế kiểm tra, đối chiếu. Việc quy định rõ phần thu nhập được miễn thuế trong trường hợp này giúp loại trừ triệt để các khoản phụ cấp, thưởng từ các hoạt động kinh doanh thương mại thông thường của doanh nghiệp. Tránh trường hợp NNT lợi dụng chính sách ưu đãi để trốn thuế TNCN.	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (công văn số 398A/2026/CV-SSI.TGD ngày 03/4/2026)	<u>Đề nghị bổ sung nội dung tại khoản 2 Điều 41:</u> Bổ sung quy định về cách xác định hoạt động đào tạo nhân lực công nghiệp công nghệ số và các dẫn chiếu liên quan; bổ sung quy định xác định khu công nghệ số tập trung và các dẫn chiếu khác liên quan. Lý do: Liệt kê đầy đủ để phù hợp với khoản 1 Điều 41 về các trường hợp được miễn thuế TNCN liên quan	Về nội dung này, Bộ Tài chính đã tiếp thu đầy đủ ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ và hoàn thiện lại dự thảo Nghị định
	Công ty TNHH Intel Products Việt Nam (công văn số 042026 ngày 16/4/2026) Hiệp hội Thương mại Mỹ tại Việt Nam (công văn ngày 20/4/2026 và công văn ngày 18/5/2026)	1. Về hồ sơ, trình tự và thủ tục miễn thuế theo Điều 41 Dự thảo Nghị định Qua nghiên cứu, Công ty nhận thấy Điều 41 Dự thảo Nghị định hiện chưa quy định cụ thể về hồ sơ, trình tự và thủ tục miễn thuế, đồng thời chưa có nội dung dẫn chiếu đến các quy định tương ứng của Luật Quản lý thuế. Theo quy định của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, hồ sơ miễn thuế cần có đầy đủ các thành phần hồ sơ kèm theo và được lập, nộp theo đúng trình tự pháp lý để cơ quan thuế có cơ sở tiếp nhận và xử lý. Để có thêm cơ sở trao đổi nhằm bảo đảm sự thống nhất trong nội dung của Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân 109/2025/QH15, Công ty xin được đối chiếu với Điều 38 của Dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Thuế thu nhập cá nhân số 108/2025/QH15 (Điều 38 Dự thảo Nghị định), áp dụng đối với một số trường hợp như chuyên gia nước ngoài thực hiện chương trình, dự án ODA không hoàn lại; cá nhân làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế; hoặc cá nhân tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc. Tại khoản 5 Điều 38 Dự thảo Nghị định đã quy định rõ: “<i>Hồ sơ, thủ tục miễn thuế thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế.</i>” Cách tiếp cận này cho thấy sự nhất quán với Luật Quản lý thuế, đồng thời tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho việc	Dự thảo Nghị định quy định về chính sách miễn thuế đối với nhân lực công nghệ số chất lượng cao, nhân lực công nghệ cao trên cơ sở quy định tại Luật thuế TNCN số 109/2025/QH15. Theo pháp luật về quản lý thuế thì cơ quan chi trả thu nhập, người nộp thuế có trách nhiệm tự tính, tự kê khai, tự nộp, tự chịu trách nhiệm về số thuế phải nộp, do vậy tại Điều 41, Điều 42 dự thảo Nghị định không quy định về hồ sơ, thủ tục trong trường hợp này (khác với quy định tại Điều 38 quy định hồ sơ, thủ tục áp dụng đối với cá nhân làm việc cho tổ chức nước ngoài hay chuyên gia nước ngoài phải thực hiện thủ tục để xác định hoàn thành nghĩa vụ thuế trước khi rời Việt Nam, các quy định này cơ bản kế thừa hiện hành và thực hiện không phát sinh vướng mắc). Việc xác định điều kiện, tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		triển khai trên thực tế. Trong khi đó, Điều 41 Dự thảo Nghị định hiện chưa có quy định tương tự, dẫn đến việc chưa làm rõ căn cứ áp dụng về hồ sơ và thủ tục miễn thuế. Từ góc độ thực tiễn triển khai tại doanh nghiệp, nội dung này có thể cần được nghiên cứu, bổ sung hoặc dẫn chiếu phù hợp, nhằm bảo đảm tính đồng bộ trong Dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân 109/2025/QH15 cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện chính sách miễn thuế thu nhập cá nhân đối với nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao. 2. Về xác định “nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao” Theo điểm a khoản 2 Điều 41 Dự thảo Nghị định, “Việc xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 353/2025/NĐ-CP.”. Khi đối chiếu với khoản 2 Điều 6 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, tiêu chí áp dụng đối với người Việt Nam được xác định trên cơ sở cá nhân đồng thời đáp ứng hai điều kiện, bao gồm: (i) tham gia trực tiếp vào hoạt động công nghiệp công nghệ số tại doanh nghiệp; và (ii) có thu nhập bình quân trong hai (02) năm gần nhất đạt tối thiểu năm (05) lần GDP bình quân đầu người. Từ góc độ triển khai thực tiễn, Công ty nhận thấy một số nội dung trong các tiêu chí nêu trên có thể phát sinh những cách hiểu khác nhau giữa doanh nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, cơ quan thuế tại địa phương và người nộp thuế, đặc biệt liên quan đến việc xác định thế nào là “tham gia trực tiếp” cũng như phạm vi được hiểu là “hoạt động công nghiệp công nghệ số tại doanh nghiệp”. Trên cơ sở các quy định hiện hành và thực tế hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, Công ty TNHH Intel Products Việt Nam xin phép được chia sẻ và trao đổi thêm một số vướng mắc cụ thể dưới	cao và nhân lực công nghệ cao thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Công nghệ cao và các văn bản quy định chi tiết các Luật này do Bộ KH&CN chủ trì xây dựng. Dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Thuế TNCN được hoàn thiện theo hướng dẫn chiếu theo pháp luật về công nghiệp công nghệ số và pháp luật về công nghệ cao. Vì vậy, đề nghị Tập đoàn Intel có ý kiến trực tiếp với Bộ KH&CN để được giải đáp.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đây, nhằm làm rõ các khái niệm nêu trên và hỗ trợ việc áp dụng chính sách được thống nhất, hiệu quả trong thực tiễn. (i) Về khái niệm “tham gia trực tiếp” Qua tìm hiểu, Công ty nhận thấy Nghị định số 353/2025/NĐ-CP hiện chưa có quy định hoặc giải thích cụ thể về khái niệm “tham gia trực tiếp”. Trong bối cảnh triển khai thực tiễn, điều này có thể dẫn đến những cách hiểu khác nhau, trong đó có khả năng cách hiểu bị thu hẹp theo hướng chỉ bao gồm các cá nhân trực tiếp thực hiện thao tác vật lý lên sản phẩm. Cách tiếp cận này, theo quan điểm của Công ty, có thể chưa phản ánh đầy đủ bản chất của hoạt động công nghiệp công nghệ số. Theo quy định tại Điều 13 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15, hoạt động công nghiệp công nghệ số trong lĩnh vực sản xuất phần cứng được xác định là một chuỗi hoạt động xuyên suốt, bao gồm nghiên cứu- phát triển - thiết kế - chế tạo - lắp ráp – thử nghiệm - kiểm thử - đóng gói và các công việc khác nhằm tạo ra sản phẩm phần cứng. Do đó, việc giới hạn khái niệm “tham gia trực tiếp” chỉ ở các khâu thao tác vật lý có thể chưa phù hợp với cách tiếp cận toàn diện mà Luật đã xác định. Từ thực tiễn ngành công nghiệp bán dẫn và sản xuất công nghệ cao trên thế giới, khái niệm “tham gia trực tiếp” thường được hiểu theo nghĩa rộng hơn, bao gồm không chỉ các vị trí trực tiếp thao tác vật lý trên dây chuyền sản xuất mà còn các chức danh kỹ thuật, quản lý, đảm bảo chất lượng, vận hành hệ thống, hỗ trợ sản xuất, đào tạo kỹ thuật và các vai trò liên quan khác. Đây là những vị trí tham gia trực tiếp vào từng công đoạn cụ thể theo phân công nhiệm vụ và chịu trách nhiệm đối với kết quả đầu ra của quá trình sản xuất. Cách hiểu này được xem là phù hợp với đặc thù của chuỗi sản xuất chip bán dẫn hiện đại, đồng thời tương thích với phạm vi hoạt động công nghiệp công nghệ số theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số hiện	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hành. Vì vậy, theo quan điểm của Công ty, sẽ là phù hợp và có lợi nếu Bộ Khoa học Công nghệ quy định và làm rõ cụ thể theo hướng xác định rằng khái niệm “tham gia trực tiếp” bao gồm cả các vị trí công việc liên quan đến lĩnh vực kỹ thuật, quản lý, bảo đảm/chất lượng, vận hành hệ thống, hỗ trợ sản xuất, đào tạo kỹ thuật và các vai trò liên quan khác. (ii) Về xác định hoạt động công nghiệp công nghệ số trong sản xuất phần cứng Theo quy định tại Điều 13 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 và Điều 4 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP, hoạt động sản xuất sản phẩm phần cứng công nghệ số được hiểu là bao gồm chuỗi các công đoạn từ nghiên cứu — phát triển — thiết kế — lắp ráp — kiểm thử - đóng gói. Tuy nhiên, hệ thống pháp luật hiện hành hiện chưa có quy định cụ thể về cơ quan có thẩm quyền xác nhận việc một quy trình sản xuất cụ thể của doanh nghiệp có thuộc phạm vi hoạt động công nghiệp công nghệ số hay không. Thực tiễn này có tác động nhất định đến các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực lắp ráp – kiểm thử đóng gói bán dẫn (OSAT), nơi quy trình sản xuất mang tính chuyên môn cao và được xây dựng, vận hành trên cơ sở các tiêu chuẩn toàn cầu của ngành bán dẫn. Trong trường hợp chưa có sự xác nhận thống nhất từ cơ quan có thẩm quyền về mặt chuyên ngành, việc áp dụng và diễn giải quy định có thể khác nhau giữa các cơ quan thuế địa phương, từ đó tiềm ẩn những khó khăn và rủi ro nhất định trong quá trình triển khai chính sách ưu đãi thuế. (iii) Vướng mắc thực tiễn tại doanh nghiệp OSAT (lắp ráp – kiểm thử – đóng gói bán dẫn) Trong thực tế hoạt động của doanh nghiệp OSAT, bao gồm nhà máy lắp ráp, kiểm thử và đóng gói bán dẫn của Tập đoàn Intel tại Việt	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Nam, quy trình sản xuất khép kín bao gồm ít nhất năm (05) công đoạn chính như sau: Chuẩn bị hệ thống – đào tạo – mua sắm – chạy thử: giai đoạn thiết lập điều kiện kỹ thuật – pháp lý – an toàn để dây chuyền có thể vận hành. Lắp ráp (Assembly): công đoạn cốt lõi hình thành chip bán dẫn (die attach, wire bonding, flip-chip, encapsulation...). Kiểm thử (Testing): đánh giá hiệu năng, độ tin cậy, khả năng thương mại hóa; không chỉ là kiểm lỗi mà là xác nhận tính đủ điều kiện vận hành. Kiểm tra chất lượng (Quality Verification): quyết định sản phẩm đạt/không đạt – là chủ thể trực tiếp của chu trình sản xuất theo chuẩn quốc tế. Đóng gói – giao hàng: hoàn thiện sản phẩm, gắn định danh truy xuất nguồn gốc, bảo đảm điều kiện thông quan, lưu thông pháp lý. Trong trường hợp hoạt động “lắp ráp – kiểm thử – đóng gói” chỉ được hiểu theo nghĩa hẹp là các thao tác trực tiếp trên sản phẩm, thì nhiều vị trí then chốt trong tổ chức sản xuất – như kỹ sư quy trình, kỹ sư chất lượng, kỹ sư chuỗi cung ứng, chuyên viên đào tạo kỹ thuật, chuyên viên quản trị vật tư, cũng như đội ngũ phụ trách an toàn, thiết bị và tuân thủ – có thể sẽ không được xem là lực lượng “tham gia trực tiếp” vào hoạt động sản xuất. Tuy nhiên, trên thực tế, các vị trí này đều là những cấu phần không thể tách rời của quy trình sản xuất chip bán dẫn theo mô hình OSAT được áp dụng rộng rãi trên phạm vi toàn cầu. Cách tiếp cận theo nghĩa hẹp như vậy có thể dẫn đến việc áp dụng chưa thống nhất giữa các địa phương, khi mỗi cơ quan thuế hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành có thể có cách hiểu khác nhau về phạm vi “trực tiếp tham gia” trong hoạt động công nghiệp công nghệ số. Đồng thời, cách hiểu này cũng chưa phản ánh đầy đủ bản chất kỹ thuật và	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đặc thù của ngành công nghệ số nói chung và ngành bán dẫn nói riêng, nơi nhiều vị trí kỹ sư và chuyên viên đảm nhiệm các công đoạn cốt lõi của quá trình sản xuất nhưng không trực tiếp thao tác lên từng sản phẩm cụ thể. Trong bối cảnh chưa có hướng dẫn thống nhất, việc triển khai chính sách ưu đãi đối với nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao có thể gặp những hạn chế nhất định, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả thu hút, phát triển và duy trì nguồn nhân lực trình độ cao, cũng như đến năng lực tham gia của Việt Nam trong chuỗi giá trị bán dẫn toàn cầu. 3. Về thẩm quyền xác nhận nhân lực đủ điều kiện miễn thuế Điều 41 Dự thảo Nghị định và Nghị định 353/2025/NĐ-CP hiện chưa làm rõ cơ quan có thẩm quyền xác nhận đối với nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao. Nội dung này có thể cần được xem xét bổ sung để bảo đảm sự phù hợp với quy định của Luật Quản lý thuế, theo đó hồ sơ miễn thuế cần có đầy đủ chứng từ, tài liệu hợp lệ do cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Trong trường hợp chưa xác định rõ thẩm quyền xác nhận, việc lập và xem xét hồ sơ miễn thuế có thể gặp những khó khăn nhất định trong quá trình tiếp nhận và giải quyết của cơ quan thuế. Do đó, việc hoàn thiện quy định theo hướng làm rõ nội dung nêu trên sẽ góp phần nâng cao tính khả thi và hiệu quả của chính sách khi triển khai trên thực tế. <u>KHUYẾN NGHỊ</u> Trên cơ sở các phân tích nêu trên, Công ty TNHH Intel Products Việt Nam trân trọng kiến nghị Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quan tâm xem xét, hoàn thiện quy định tại Điều 41 Dự thảo Nghị định theo các nội dung sau đây: Thứ nhất, đề nghị bổ sung quy định về hồ sơ, trình tự và thủ tục miễn thuế tại Điều 41 Dự thảo Nghị định theo hướng bảo đảm sự thống nhất với Điều 38 Dự thảo Nghị định. Theo đó, có thể xem xét quy định: “<i>Hồ sơ, thủ tục miễn thuế được thực hiện theo quy định của</i>	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>pháp luật về quản lý thuế, trên cơ sở văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đối với nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao.”</i> Việc bổ sung nội dung này sẽ tạo cơ sở pháp lý rõ ràng cho cả người nộp thuế và cơ quan thuế trong quá trình thực hiện, đồng thời góp phần hoàn thiện quy định về thủ tục, bảo đảm tính khả thi của chính sách trên thực tế. Thứ hai, đề nghị làm rõ trách nhiệm và thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc xác nhận đối tượng đủ điều kiện miễn thuế. Theo đó, Công ty kính đề xuất Bộ xem xét một trong các phương án sau: (i) Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp thực hiện việc xác nhận doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, đồng thời xác nhận hoặc ủy quyền cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xác nhận cá nhân đáp ứng tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao; hoặc (ii) Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện việc xác nhận doanh nghiệp công nghệ số, trên cơ sở đó giao doanh nghiệp căn cứ vào vị trí việc làm, chức năng, nhiệm vụ được phân công để xác nhận cá nhân đủ điều kiện được hưởng chính sách miễn thuế. Đề phương án này được triển khai thống nhất và minh bạch, Công ty kính đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hướng dẫn cụ thể, trong đó làm rõ các nội dung sau: Làm rõ khái niệm “tham gia trực tiếp” trong hoạt động công nghiệp công nghệ số, theo hướng phân ánh đầy đủ bản chất của quy trình sản xuất hiện đại, tránh cách hiểu thu hẹp chỉ giới hạn ở các vị từ trực tiếp thao tác vật lý lên sản phẩm. Đồng thời xác định hoặc ủy quyền cho cơ quan có thẩm quyền xác định các công đoạn trong quy trình sản xuất của doanh nghiệp được coi là “tham gia trực tiếp”, phù hợp với đặc thù chuỗi sản xuất công nghiệp công nghệ số, trong đó	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		việc “tham gia trực tiếp” được hiểu là tham gia vào từng công đoạn của quy trình theo chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm chuyên môn được phân công. Xem xét xác nhận toàn bộ quy trình sản xuất OSAT trong lĩnh vực bán dẫn, bao gồm các công đoạn như “chuẩn bị hệ thống – đào tạo – mua sắm – chạy thử”, “lắp ráp”, “kiểm thử”, “kiểm tra chất lượng”, “đóng gói – giao hàng”, là hoạt động công nghiệp công nghệ số theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15, đồng thời phù hợp với thông lệ quốc tế của ngành bán dẫn. Việc bổ sung thẩm quyền xác nhận và hướng dẫn cụ thể của Bộ Khoa học và Công nghệ sẽ tạo nền tảng pháp lý cần thiết, giúp doanh nghiệp có cơ sở rõ ràng và thống nhất trong việc xác nhận nhân lực đáp ứng điều kiện hưởng chính sách, đồng thời hỗ trợ cơ quan thuế có đầy đủ căn cứ để áp dụng việc miễn thuế một cách nhất quán, minh bạch, hạn chế những vướng mắc hoặc rủi ro có thể phát sinh trong quá trình kiểm tra, hậu kiểm. Trên cơ sở các hướng dẫn và xác nhận của Bộ Khoa học và Công nghệ, doanh nghiệp sẽ thuận lợi hơn trong việc xác định, rà soát và xác nhận các cá nhân thuộc diện nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao theo tiêu chí thống nhất; đồng thời cơ quan thuế cũng có cơ sở đầy đủ để tiếp nhận, xem xét và áp dụng chính sách miễn thuế theo đúng quy định của pháp luật, qua đó góp phần bảo đảm tính tuân thủ và tính khả thi trong thực tiễn triển khai. Công ty nhận thấy chính sách miễn thuế thu nhập cá nhân đối với nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao là một chủ trương có ý nghĩa quan trọng và mang tầm chiến lược, góp phần trực tiếp vào việc thu hút, phát triển và giữ chân đội ngũ chuyên gia, kỹ sư công nghệ cao, qua đó thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành công nghệ số và công nghiệp bán dẫn tại Việt Nam. Với mong muốn chính sách được triển khai đồng bộ, thống nhất	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		và hiệu quả, Công ty trân trọng đề nghị Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp xem xét, hoàn thiện quy định tại Điều 41 Dự thảo Nghị định theo hướng làm rõ hơn về hồ sơ, thẩm quyền và tiêu chí xác định đối tượng áp dụng, bảo đảm phù hợp với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp công nghệ cao và đúng với định hướng phát triển ngành công nghiệp công nghệ số của Nhà nước.	
	Hiệp hội thương mại Mỹ tại Việt Nam (công văn ngày 18/05/2026)	Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025 và Dự thảo hiện chưa có quy định, hướng dẫn rõ ràng về tiêu chí xác định thu nhập của nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao được miễn thuế theo Điều 5.2 Luật này và Điều 41 Dự thảo. Cụ thể, Luật này và Dự thảo chưa quy định rõ định nghĩa, tiêu chí, điều kiện hoặc cách thức xác định các dự án/hoạt động đủ điều kiện là “dự án hoạt động công nghiệp công nghệ số”, “dự án nghiên cứu và phát triển, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo”, “hoạt động đào tạo nhân lực công nghiệp công nghệ số”; đồng thời chưa có tiêu chí xác định phân thu nhập đủ điều kiện phát sinh từ các dự án/hoạt động nêu trên để làm căn cứ áp dụng chính sách miễn thuế. Điều này có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp và người lao động trong việc xác định thu nhập của nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao có được miễn thuế theo Điều 5.2 Luật Thuế thu nhập cá nhân 2025 và Dự thảo hay không, từ đó làm phát sinh rủi ro trong quá trình áp dụng trên thực tế. Ngoài ra, liên quan đến Điều 41.1 .a của Dự thảo, chúng tôi được biết rằng hiện chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định cụ thể danh mục các khu công nghệ số tập trung tại Việt Nam. Điều này cũng gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc xác định dự án hoạt động công nghiệp công nghệ số có nằm trong khu công nghệ số tập trung hay không, để làm căn cứ áp dụng chính sách miễn thuế theo	Dự thảo Nghị định quy định về chính sách miễn thuế đối với nhân lực công nghệ số chất lượng cao trên cơ sở quy định tại Luật thuế TNCN số 109/2025/QH15. Việc xác định điều kiện, tiêu chí nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao và nhân lực công nghệ cao thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Công nghiệp công nghệ số và các văn bản quy định chi tiết Luật này do Bộ KH&CN chủ trì xây dựng. Tại Nghị định số 353/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Công nghiệp công nghệ số và quy định của pháp luật công nghiệp công nghệ số đã quy định chi tiết các nội dung này. Theo đó, về nội dung này, dự thảo Nghị định thực hiện dẫn chiếu theo pháp luật về công nghiệp công nghệ số.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		quy định tại Dự thảo. Đề xuất bổ sung quy định và hướng dẫn cụ thể về tiêu chí, điều kiện, hoặc cách thức xác định các dự án hoạt động đủ điều kiện là “dự án hoạt động công nghiệp công nghệ số”, “dự án nghiên cứu và phát triển, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm, chip bán dẫn, hệ thống trí tuệ nhân tạo”, “hoạt động đào tạo nhân lực công nghiệp công nghệ số”, đồng thời làm rõ tiêu chí xác định thu nhập đủ điều kiện phát sinh từ các dự án hoạt động này và các điều kiện kèm theo (nếu có) để làm căn cứ áp dụng chính sách miễn thuế. Bên cạnh đó, đề nghị bổ sung quy định dẫn chiếu cụ thể đến (i) văn bản quy phạm pháp luật hoặc (ii) các văn bản khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành có quy định danh mục các khu công nghệ số tập trung tại Việt Nam, nhằm tạo cơ sở pháp lý rõ ràng và thống nhất cho việc áp dụng chính sách miễn thuế trên thực tế.	
Điều 42. Miễn thuế đối với cá nhân là nhân lực công nghệ cao			
	Bộ Khoa học và Công nghệ (công văn số 2616/BKH-CN-KHTC ngày 09/4/2026)	Khoản 2 Điều 42 Đề nghị chỉnh sửa điểm a khoản 2 Điều 42 như sau: “<i>a. Việc xác định nhân lực công nghệ cao thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật Công nghệ cao.</i>” Đồng thời, đề nghị bổ sung tiêu chí xác định nhân lực công nghệ cao như sau: “<i>Nhân lực công nghệ cao được xác định trên cơ sở kết hợp tiêu chí về trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn và kết quả hoạt động thực tiễn.</i> <i>1. Điều kiện chung</i> <i>a) Có trình độ từ đại học trở lên thuộc ngành, chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược;</i> <i>b) Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong hoạt</i>	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Việc xác định nhân lực công nghệ cao sẽ thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ cao.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>động nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, sản xuất hoặc thương mại hóa công nghệ cao, công nghệ chiến lược;</i> <i>c) Có hợp đồng lao động, hợp đồng chuyên gia hoặc quyết định tuyển dụng tại tổ chức hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược tại Việt Nam.</i> <i>2. Tiêu chí về trình độ đào tạo</i> <i>Nhân lực công nghệ cao phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:</i> <i>a) Tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc tương đương thuộc ngành phù hợp tại cơ sở giáo dục đại học nằm trong top 500 thế giới theo một trong các bảng xếp hạng quốc tế uy tín được công bố trong vòng 05 năm gần nhất;</i> <i>b) Tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên hoặc tương đương thuộc ngành công nghệ cao, công nghệ chiến lược tại cơ sở giáo dục đại học thuộc top 50 cơ sở giáo dục đại học hàng đầu trong nước theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;</i> <i>c) Có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ trong lĩnh vực phù hợp với công nghệ cao, công nghệ chiến lược;</i> <i>d) Trường hợp không đáp ứng các điểm a, b, c khoản này nhưng có kỹ năng đặc biệt, kinh nghiệm thực tiễn xuất sắc thì được xem xét theo tiêu chí quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.</i> <i>3. Tiêu chí về năng lực nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo</i> <i>Nhân lực công nghệ cao đáp ứng ít nhất một trong các tiêu chí sau:</i> <i>a) Có năng lực nghiên cứu chuyên sâu hoặc liên ngành, đề xuất và giải quyết các vấn đề khoa học, công nghệ;</i> <i>b) Có công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên tạp chí khoa học uy tín trong nước hoặc quốc tế;</i> <i>c) Có khả năng tổ chức, điều phối nhóm nghiên cứu, phát triển công nghệ;</i>	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		d) Có khả năng gắn kết hoạt động nghiên cứu khoa học với đào tạo, sản xuất và thương mại hóa công nghệ. 4. Tiêu chí về kết quả, sản phẩm khoa học và công nghệ Nhân lực công nghệ cao đáp ứng các tiêu chí sau: a) Trong thời hạn 05 năm gần nhất, có ít nhất 01 bài báo khoa học được công bố trên tạp chí thuộc nhóm Q1 theo Scopus hoặc Web of Science; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 đối tượng quyền sở hữu trí tuệ được bảo hộ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ được ứng dụng hoặc thương mại hóa; b) Là tác giả của sản phẩm nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo đã được ứng dụng thực tiễn hoặc thương mại hóa.” Ngày 27/3/2026, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Công văn số 1037/BKHCN-CN gửi Bộ Tài chính góp ý hồ sơ dự thảo Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công nghệ cao. Đến nay, Bộ chưa nhận được công văn phúc đáp. Đề nghị Bộ Tài chính sớm có ý kiến để Bộ hoàn thiện dự thảo, làm cơ sở dẫn chiếu trong Nghị định hướng dẫn Luật Thuế TNCN.	
	Công ty Cổ phần Tư vấn EY Việt Nam (công văn số 2026/0428/EY-TNCN ngày 28/4/2026)	Điều 16 Luật Công nghệ cao có quy định miễn thuế TNCN đối với cá nhân làm việc cho các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao và doanh nghiệp công nghệ chiến lược Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung: ”Việc xác định hoạt động nghiên cứu phát triển công nghệ cao hoặc công nghệ chiến lược thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên phát triển hoặc thuộc Danh mục công nghệ chiến lược hoặc Danh mục sản phẩm công nghệ chiến lược theo quy định tại Điều 11,	Nội dung này đã được giải trình ở trên. Cụ thể, dự thảo Nghị định quy định về chính sách miễn thuế đối với nhân lực công nghệ số chất lượng cao, nhân lực công nghệ cao trên cơ sở quy định tại Luật thuế TNCN số 109/2025/QH15. Việc xác định điều kiện, tiêu chí nhân lực công nghệ công nghệ số chất lượng cao và nhân lực công nghệ cao thuộc phạm vi

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>12 và Điều 16 Luật công nghệ cao và các văn bản hướng dẫn thi hành”.</i>	điều chỉnh của Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Công nghệ cao và các văn bản quy định chi tiết các Luật này do Bộ KH&CN chủ trì xây dựng. Dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Thuế TNCN được hoàn thiện theo hướng dẫn chiếu theo pháp luật về công nghiệp công nghệ số và pháp luật về công nghệ cao.
Điều 43. Miễn thuế TNCN đối với chuyển nhượng chứng chỉ quỹ mở			
	Bộ Khoa học và Công nghệ (công văn số 2616/BKH-CN-KHTC ngày 09/4/2026)	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định làm rõ trách nhiệm của các công ty quản lý quỹ trong việc theo dõi thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư làm căn cứ xác định điều kiện miễn thuế theo quy định về thời gian nắm giữ tối thiểu và nguyên tắc “mua trước - bán trước” (FIFO). Đồng thời, đề nghị bổ sung quy định cụ thể về cơ chế thực hiện miễn thuế, bao gồm việc xác định chủ thể thực hiện kê khai, khấu trừ và quyết toán thuế thay cho nhà đầu tư nhằm bảo đảm tính minh bạch và thống nhất trong áp dụng. Lý do: dự thảo Nghị định hiện mới quy định về điều kiện miễn thuế nhưng chưa làm rõ cơ chế tổ chức thực hiện, có thể dẫn đến vướng mắc trong quá trình triển khai trên thực tế.	Tại dự thảo Nghị định đã thể hiện được nội dung góp ý
Điều 44. Giảm thuế đối với lợi tức của nhà đầu tư được chia từ quỹ đầu tư chứng khoán, quỹ đầu tư bất động sản			
	Bộ Khoa học và Công nghệ (công văn số 2616/BKH-CN-	Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định làm rõ phương thức thực hiện chính sách giảm 50% thuế TNCN trong thời hạn quy định, cụ thể	Nội dung tại dự thảo Nghị định đã thể hiện được nội dung góp ý.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	KHTC ngày 09/4/2026)	là xác định rõ việc giảm thuế được thực hiện theo hình thức khấu trừ trực tiếp tại nguồn khi chi trả thu nhập hoặc thực hiện thông qua quyết toán thuế của cá nhân. Lý do: bảo đảm thống nhất với cơ chế khấu trừ thuế hiện hành, đồng thời tạo thuận lợi cho người nộp thuế và các tổ chức chi trả thu nhập trong quá trình thực hiện, tránh phát sinh cách hiểu và áp dụng khác nhau.	
Điều 45. Thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh			
	Bộ Tư pháp (công văn số 2643/BTP-PLDSKT ngày 22/4/2026)	Điều 45 dự thảo Nghị định là nội dung quy định chi tiết về căn cứ tính thuế đối với thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh được giao tại khoản 5 Điều 7 Luật số 109/2025/QH15. Tuy nhiên, nội dung tại khoản 1 Điều 45 dự thảo Nghị định không quy định về căn cứ tính thuế mà đang quy định về việc xác định người nộp thuế. Do đó, cần cân nhắc nội dung quy định tại khoản 1 Điều 45 dự thảo Nghị định để đảm bảo phù hợp với thẩm quyền được giao quy định chi tiết và tên gọi của chương IV của dự thảo Nghị định.	Tiếp thu ý kiến và thể hiện tại dự thảo Nghị định. Cá nhân cư trú có hoạt động sản xuất, kinh doanh thực hiện nộp thuế theo quy định tại Điều 7 của Luật TNCN số 109/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2026/QH16 và Nghị định số 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (công văn số 1455/KHH-NVDTPC ngày 01/4/2026)	Kiến nghị sửa khoản 2 Điều 45 thành: <i>“2. Cá nhân cư trú có hoạt động sản xuất, kinh doanh, bao gồm cả cá nhân đăng ký thành lập hộ kinh doanh hoặc người được các thành viên hộ gia đình ủy quyền làm người đại diện hộ kinh doanh có mức doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống được quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 không phải nộp thuế TNCN”</i> Lý do: tại khoản 1 Điều 7 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 quy định:	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể: 1. Cá nhân cư trú có hoạt động sản xuất, kinh doanh thực hiện nộp thuế theo quy định tại Điều 7 của Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 09/2026/QH16 và Nghị định số 68/2026/NĐ-CP quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và các văn bản

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>“Điều 7. Thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh</i> <i>1. Cá nhân cư trú có hoạt động sản xuất, kinh doanh có mức doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống không phải nộp thuế TNCN. Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh mức doanh thu không phải nộp thuế TNCN cho phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ.”</i> Trường hợp Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội điều chỉnh mức doanh thu không phải nộp thuế TNCN, không cần ban hành sửa đổi Nghị định cho phù hợp.	sửa đổi, bổ sung. 2. Thuế suất tính trên doanh thu tính thuế quy định tại khoản 3 Điều 7 của Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 được quy định chi tiết theo danh mục ngành nghề tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.
	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS (công văn số 160/2026/CV-VPS ngày 03/4/2026)	Đề xuất quy định rõ và chi tiết hơn các ngành nghề hoặc lĩnh vực trong danh mục <i>“Hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử. 4. phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 7 Luật Thuế TNCN”</i> để đảm bảo việc áp dụng thống nhất, đồng bộ. Ví dụ quy định cụ thể hơn với các thu nhập từ nền tảng số như Youtube, Facebook, ... Theo xu thế chung, thu nhập từ môi trường mạng, thông tin số trở nên phổ biến nhưng chưa có hướng dẫn chi tiết với lĩnh vực này. Việc Dự thảo quy định chi tiết thêm các thu nhập từ các hoạt động trên môi trường mạng, công nghệ là cần thiết và phù hợp với xu thế chung.	Việc xác định các ngành hoặc lĩnh vực trong danh mục <i>“Hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số”</i> thuộc pháp luật chuyên ngành liên quan.
	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (công văn số 0685/LĐTM-PC ngày 16/4/2026)	<i>a. Đối với lĩnh vực bảo hiểm</i> Khoản 3 Điều 45 Dự thảo quy định về thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ kinh doanh: <i>“Cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên mức doanh thu quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện nộp thuế theo quy định tại Điều 7 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 109/2025/QH15 và Điều 4,5 và điều 6 của Nghị Định số 68/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 03 năm 2026 của Chính Phủ quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.”.</i>	Về thuế đối với thu nhập từ kinh doanh dự thảo Nghị định thực hiện dẫn chiếu theo Nghị định số 68/2026/NĐ-CP để đảm bảo tránh mâu thuẫn, chồng chéo.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Khoản 5, Điều 4, Nghị định số 68/2026/NĐ-CP quy định hai phương pháp tính thuế là thuế suất nhân (x) doanh thu tính thuế và thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất. Trong đó, phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất áp dụng đối với cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 3 tỷ đồng và trường hợp cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu đồng đến 3 tỷ đồng lựa chọn Phương pháp này. Theo phản ánh, nếu phải áp dụng phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất thì doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH) sẽ gặp các khó khăn, vướng mắc sau: - Thứ nhất, khó khăn trong việc xác định và chứng minh “chi phí hợp lý”: + Để xác định thu nhập tính thuế theo phương pháp này, đại lý bảo hiểm/DNBH phải chứng minh chi phí, nhưng trên thực tế đại lý bảo hiểm rất khó có hóa đơn, chứng từ hợp lệ (văn phòng, đi lại, tiếp khách, quảng cáo cá nhân...); nhiều chi phí mang tính cá nhân và không đủ điều kiện khấu trừ thuế. + Chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể: chi phí nào được chấp nhận, mức khống chế chi phí ra sao, trách nhiệm kiểm tra, lưu trữ chứng từ thuộc về đại lý bảo hiểm hay DNBH. - Thứ hai, DNBH sẽ khó triển khai hàng loạt cho tất cả đại lý bảo hiểm vì số lượng đại lý bảo hiểm rất lớn, nhiều đại lý hoạt động bán thời gian, phân tán địa lý. Nếu áp dụng phương pháp thu nhập tính thuế nhân x thuế suất sẽ dẫn đến gánh nặng tuân thủ và chi phí quản lý cho DNBH (nhân sự, hệ thống, tư vấn thuế); Phát sinh rủi ro khi DNBH không kiểm soát được chi phí thực tế của đại lý bảo hiểm nhưng lại bị liên đới trách nhiệm khi khấu trừ/kê khai không chính xác. Trong khi đó, phương pháp thuế suất nhân (x) doanh thu tính thuế đơn giản, DNBH có thể khấu trừ, kê khai và nộp thay một cách minh bạch, thống nhất. Các DNBH đề xuất được kê khai, khấu trừ cho phần thu nhập của	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đại lý bảo hiểm có doanh thu năm trên 500 triệu trở lên (bao gồm cả thu nhập trên 3 tỷ đồng) theo công thức: thuế suất nhân (x) doanh thu tính thuế, trong đó: i) Mức thuế suất là 5%; ii) Doanh thu tính thuế là tất cả các khoản mà DNBH chi trả cho đại lý bảo hiểm phát sinh từ hoạt động đại lý bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng đại lý bảo hiểm. <i>b. Đối với lĩnh vực thương mại điện tử</i> <u>Đề nghị</u> bổ sung hướng dẫn xác định doanh thu đối với thu nhập từ kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử, không bao gồm các khoản người bán giảm giá cho người mua. Bởi vì, các khoản người bán giảm giá cho người mua là các khoản giảm trừ khỏi thu nhập của cá nhân nên cần được trừ ra khỏi doanh thu tính thuế của cá nhân kinh doanh, để đảm bảo công bằng và phù hợp với thực tiễn.	
	Thái Mạnh Cường (Email: cuong.thaimanh@gmail.com Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	Tại dự thảo quy định: <i>“3. Cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên mức doanh thu quy định tại khoản 2 Điều này thực hiện nộp thuế theo quy định tại Điều 7 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 và Điều 4, 5 và 6 của Nghị định số 68/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định về chính sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.”</i> <u>Đề nghị bổ sung</u> vào cuối điểm này hướng dẫn cho trường hợp cá nhân vừa có doanh thu từ cho thuê bất động sản, vừa có doanh thu từ kinh doanh khác: <i>“Trường hợp cá nhân vừa có doanh thu từ cho thuê bất động sản, vừa có doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh khác thì mức doanh thu không phải nộp thuế TNCN tại khoản 2 Điều này được xác định riêng cho hoạt động cho thuê bất động sản và hoạt động sản xuất, kinh doanh khác.”</i> Tại Điều 7 Luật Thuế TNCN chưa có quy định rõ ràng cho tình huống này, dẫn tới các cách hiểu và áp dụng khác nhau:	Về thuế đối với thu nhập từ kinh doanh, dự thảo Nghị định thực hiện dẫn chiếu theo Nghị định số 68/2026/NĐ-CP để đảm bảo tránh mâu thuẫn, chồng chéo.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		+ Cách 1: Từng hoạt động được trừ 500 triệu đồng khi tính thuế. + Cách 2: Phải tính tổng doanh thu các hoạt động trước khi trừ 500 triệu đồng.	
Điều 46. Thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công			
	Ngân hàng nhà nước Việt Nam (công văn số 2897/NHNN-TCKT ngày 14/4/2026)	Khoản 1 Điều 46: Điểm a khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị định quy định: “Đối với cá nhân cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập”. Đề nghị cân nhắc sự cần thiết của nội dung “không phân biệt nơi trả thu nhập” do tại khoản 1 Điều 46 dự thảo Nghị định đã dẫn chiếu đến khoản 2 Điều 6 Nghị định này.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định để đảm bảo rõ ràng trong thực hiện.
	Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG	Về điểm a khoản 2 Điều 46 - Về cá nhân cư trú tại Việt Nam nhưng làm việc tại nước ngoài Đoạn 3: “<i>Trường hợp cá nhân cư trú tại Việt Nam nhưng làm việc tại nước ngoài có thu nhập từ tiền lương, tiền công ở nước ngoài đã tham gia đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc theo quy định của quốc gia nơi cá nhân đóng các loại bảo hiểm này như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc thì được trừ các khoản phí bảo hiểm đó vào thu nhập chịu thuế khi xác định thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công.</i>” Trên thực tế, bên cạnh đối tượng cá nhân cư trú tại Việt Nam nhưng làm việc tại nước ngoài, đối tượng người nước ngoài tại Việt Nam làm việc tại Việt Nam hiện nay là phổ biến. Đối với đối tượng cá nhân cư trú tại Việt Nam nhưng làm việc tại Việt Nam, thu nhập của họ vẫn được công ty mẹ ở nước ngoài chi trả và tiếp tục tham gia đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc ở nước ngoài. Các khoản này cần	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể: a) Các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, khoản đóng góp bảo hiểm xã hội tự nguyện theo Luật Bảo hiểm xã hội, khoản đóng góp bảo hiểm y tế tự nguyện theo Luật Bảo hiểm y tế, khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ. Mức đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		được khấu trừ khỏi thu nhập chịu thuế theo nguyên tắc không phân biệt đối xử với cá nhân cư trú thuế Việt Nam làm việc tại Việt Nam hay nước ngoài. Việc quy định “<i>cá nhân cư trú tại Việt Nam nhưng làm việc tại nước ngoài</i>” dễ gây ra cách hiểu là việc khấu trừ khoản bảo hiểm tại nước ngoài chỉ áp dụng cho một số đối tượng hạn hẹp, không đúng với thực tiễn áp dụng từ trước tới nay. <u>Đề xuất sửa đổi:</u> “<i>Trường hợp cá nhân cư trú tại Việt Nam nhưng làm việc tại nước ngoài có thu nhập từ tiền lương, tiền công ở nước ngoài đã tham gia đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc theo quy định của quốc gia nơi cá nhân đóng các loại bảo hiểm này như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc thì được trừ các khoản phí bảo hiểm đó vào thu nhập chịu thuế khi xác định thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công.</i>” - Về các khoản đóng bảo hiểm: Các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ. Theo quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội/Luật Bảo hiểm y tế, ngoài đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội/bảo hiểm y tế bắt buộc, nhà nước khuyến khích các cá nhân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tự nguyện, đóng góp vào quỹ bảo hiểm xã hội/quỹ bảo hiểm y tế do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Đây là chính sách nhằm bao phủ an sinh xã hội cho các thành phần lao động tự do, không có hợp đồng lao động, giúp họ có lương hưu và bảo hiểm y tế khi về già. Trên thực tế, các trường hợp thường gặp có thể bao gồm các lao động Việt Nam ký	nhân thọ được trừ ra khỏi thu nhập khi xác định thu nhập tính thuế quy định tại điểm này tổng tối đa không quá 03 triệu đồng/tháng cho các hình thức tham gia bảo hiểm này, bao gồm cả số tiền do người sử dụng lao động đóng cho người lao động và cả số tiền do người lao động tự đóng (nếu có). Trường hợp cá nhân cư trú tại Việt Nam có thu nhập từ tiền lương, tiền công ở nước ngoài đã tham gia đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc theo quy định của quốc gia nơi cá nhân đóng các loại bảo hiểm này như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc thì được trừ các khoản phí bảo hiểm đó vào thu nhập chịu thuế khi xác định thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công. Khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện của năm nào được trừ vào thu nhập chịu thuế của năm đó. Căn cứ xác định thu nhập được trừ là

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hợp đồng trực tiếp với tổ chức nước ngoài, không có đơn vị chủ quản tại Việt Nam nên không thể tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc tại Việt Nam. Khoản này khác với khoản tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật BHXH hoặc bảo hiểm hưu trí tự nguyện do các công ty bảo hiểm/quỹ hưu trí thương mại vận hành. <u>Đề xuất làm rõ:</u> Các khoản đóng BHXH, BHYT tự nguyện vào quỹ BHXH/BHYT do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý có được trừ khỏi thu nhập chịu thuế không? Nếu có, đề xuất sửa đổi bổ sung: <i>a) Các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội, khoản đóng góp bảo hiểm xã hội tự nguyện theo Luật Bảo hiểm xã hội, khoản đóng góp bảo hiểm y tế tự nguyện theo Luật Bảo hiểm y tế, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ.</i> Đồng thời sửa đổi bổ sung điểm b khoản 4, Điều 46 ở phần công thức quy đổi thu nhập chịu thuế: <i>“Các khoản giảm trừ bao gồm: giảm trừ gia cảnh; giảm trừ đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, khoản đóng góp bảo hiểm xã hội tự nguyện theo Luật Bảo hiểm xã hội, khoản đóng góp bảo hiểm y tế tự nguyện theo Luật Bảo hiểm y tế, khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ không vượt quá mức quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo và các khoản giảm trừ khác quy định tại Điều 49 Nghị định này.</i>	bản chụp chứng từ nộp tiền (hoặc nộp phí) do tổ chức bảo hiểm, quỹ hưu trí bổ sung, doanh nghiệp bảo hiểm cấp và xác nhận của tổ chức trả thu nhập về số tiền bảo hiểm đã khấu trừ, đã nộp (trường hợp tổ chức trả thu nhập nộp thay).

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (công văn số 66/2026/CV-SSIAM.PC ngày 03/4/2026)	2. Thu nhập tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công là tổng thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 8 Nghị định này mà người nộp thuế nhận được trong kỳ tính thuế, trừ (-) các khoản dưới đây: Mức đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ được trừ ra khỏi thu nhập khi xác định thu nhập tính thuế quy định tại điểm này tối đa không quá 03 triệu đồng/tháng, bao gồm cả số tiền do người sử dụng lao động đóng cho người lao động và cả số tiền do người lao động tự đóng (nếu có), kể cả trường hợp tham gia nhiều quỹ. <u>Đề xuất</u> - Kiến nghị quy định tách biệt các khoản đóng góp và loại trừ “<i>bảo hiểm nhân thọ</i>” khỏi quy định này như sau: <i>“Mức đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội hoặc mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ được trừ ra khỏi thu nhập khi xác định thu nhập tính thuế quy định tại điểm này tối đa không quá 03 triệu đồng/tháng, bao gồm cả số tiền do người sử dụng lao động tự đóng (nếu có), kể cả trường hợp tham gia nhiều quỹ.”</i> - Đề nghị quy định rõ nếu NSDLĐ và NLĐ đóng góp gộp theo quý hoặc theo năm thì được miễn thuế và tính vào chi phí tương tự như đóng góp hàng tháng Lý do: Điểm đ khoản 4 Điều 10 Nghị định 320/2025/NĐ-CP quy định mức đóng góp được tính vào chi phí của doanh nghiệp là phần chi đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung hoặc quỹ có tính chất an sinh xã hội.... Điều 50 của dự thảo đã quy định khấu trừ thuế 10% đối với khoản tiền bảo hiểm nhân thọ nhận về. Do đó việc thu thuế TNCN đối với	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định, lý do: Tại Luật thuế TNCN số 109/2025/QH15 đã quy định cụ thể Cá nhân được trừ các khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ không vượt quá mức do Chính phủ quy định. Tại Nghị định số 320/2025/NĐ-CP cũng không quy định mức riêng cho từng loại bảo hiểm.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		khoản đóng góp ở đây không phù hợp với nguyên tắc tránh đánh thuế hai lần. Cơ chế đóng góp vào quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung có thể đóng góp hàng tháng/quý/năm. Do đó, đề xuất quy định rõ nếu đóng góp thì vẫn được miễn thuế	
	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS (công văn số 160/2026/CV-VPS ngày 03/4/2026)	Về điểm a khoản 2: <u>Đề xuất sửa đổi</u> điểm a khoản 2 Điều 46 Dự thảo như sau: <i>“a) Các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ.</i> <i>Mức đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, tham gia quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện (dưới các hình thức phù hợp với Điều lệ, bản cáo bạch của quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện), bảo hiểm nhân thọ được trừ ra khỏi thu nhập khi xác định thu nhập tính thuế quy định tại điểm này tối đa không quá 06 triệu đồng/tháng, bao gồm cả số tiền do người sử dụng lao động đóng cho người lao động và cả số tiền do người lao động tự đóng (nếu có), kể cả trường hợp tham gia nhiều quỹ.</i> <i>Trường hợp cá nhân cư trú tại Việt Nam nhưng làm việc tại nước ngoài có thu nhập từ tiền lương, tiền công ở nước ngoài đã tham gia đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc theo quy định của quốc gia nơi cá nhân đóng các loại bảo hiểm này như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc thì được trừ các khoản phí bảo hiểm đổ vào thu nhập chịu thuế khi xác định thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công.</i>	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Khoản đóng góp tham gia quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động nâng từ mức 01 triệu đồng/tháng/người hiện hành lên mức 03 triệu đồng/tháng/người (tăng thêm 02 triệu đồng) phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và biến động của các chỉ số kinh tế vĩ mô thời gian vừa qua cũng như dự kiến thời gian tới.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>Khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ của năm nào được trừ vào thu nhập chịu thuế của năm đó.</i> <i>Căn cứ xác định thu nhập được trừ là bản chụp chứng từ nộp tiền (hoặc nộp phí) do tổ chức bảo hiểm, quỹ hưu trí bổ sung, doanh nghiệp bảo hiểm cấp và xác nhận của tổ chức trả thu nhập về số tiền bảo hiểm đã khấu trừ, đã nộp (trường hợp tổ chức trả thu nhập nộp thay). ”</i> Lý do: - Đề xuất nâng lên 6 triệu/tháng để tăng sức hấp dẫn của Quỹ hưu trí, giảm bớt gánh nặng cho Quỹ bảo hiểm xã hội. Trường hợp tiếp thu đề xuất này cũng sẽ đảm bảo phù hợp hơn với hạn mức chi được trừ của doanh nghiệp trong việc doanh nghiệp cùng đóng góp với người lao động theo điểm d khoản 4 Điều 10 Nghị định 320/2025/NĐ-CP (cụ thể, doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ tối đa là 5 triệu đồng). - Đề xuất điều chỉnh thuật ngữ “<i>mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện</i>” thành “<i>tham gia quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện</i>” để thống nhất với pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.	
	Công ty TNHH Tư vấn Thuế Deloitte Việt Nam	Đề nghị sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 46: <i>“2. Thu nhập tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công là tổng thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 8 Nghị định này mà người nộp thuế nhận được trong kỳ tính thuế, trừ (-) các khoản dưới đây:</i> <i>a) Các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, khoản đóng góp tham gia bảo</i>	Nội dung này đã được cơ quan soạn thảo giải trình nêu trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ.</i> <i>Mức đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội, quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ được trừ ra khỏi thu nhập khi xác định thu nhập tính thuế quy định tại điểm này tối đa không quá 03 triệu đồng/tháng, bao gồm cả số tiền do người sử dụng lao động đóng cho người lao động và cả số tiền do người lao động tự đóng (nếu có), kể cả trường hợp tham gia nhiều quỹ.”</i> Theo quy định tại Điều 15, Thông tư 92/2015/TT-BTC: <i>“b) Các khoản đóng vào Quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện</i> <i>Mức đóng vào quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện được trừ ra khỏi thu nhập chịu thuế theo thực tế phát sinh nhưng tối đa không quá một (01) triệu đồng/tháng đối với người lao động tham gia các sản phẩm hưu trí tự nguyện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính bao gồm cả số tiền do người sử dụng lao động đóng cho người lao động và cả số tiền do người lao động tự đóng (nếu có), kể cả trường hợp tham gia nhiều quỹ. Căn cứ xác định thu nhập được trừ là bản chụp chứng từ nộp tiền (hoặc nộp phí) do quỹ hưu trí tự nguyện, doanh nghiệp bảo hiểm cấp.”</i> Tuy nhiên, theo quy định hiện hành tại Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 và nội dung Dự thảo Nghị định, các khoản được trừ khi xác định thu nhập tính thuế đã có sự điều chỉnh. Cụ thể, khoản đóng góp vào “quỹ hưu trí tự nguyện” không còn thuộc phạm vi được giảm trừ; thay vào đó, quy định chỉ còn ghi nhận các khoản “mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện”, đồng thời bổ sung thêm “khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội” và “mua bảo hiểm nhân thọ”. Trên thực tế, các tổ chức và cá nhân vẫn phát sinh các khoản đóng	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		góp vào quỹ hưu trí tự nguyện; theo quy định trước đây, các khoản này được giảm trừ với mức tối đa không quá 01 triệu đồng/tháng. Tuy nhiên, căn cứ theo quy định mới tại Luật số 109/2025/QH15 và Dự thảo Nghị định, có cơ sở để hiểu rằng các khoản đóng góp nêu trên sẽ không còn thuộc diện được giảm trừ khi xác định thu nhập tính thuế. Chúng tôi đề nghị Ban soạn thảo xem xét và làm rõ việc khoản đóng góp vào “quỹ hưu trí tự nguyện” theo quy định tại Luật số 109/2025/QH15 và Dự thảo Nghị định có còn thuộc diện được giảm trừ khi xác định thu nhập tính thuế TNCN hay không. Đồng thời, chúng tôi đề xuất cần nhắc tiếp tục cho phép giảm trừ đối với khoản đóng góp vào “quỹ hưu trí tự nguyện”, nhằm bảo đảm quyền lợi chính đáng của người lao động khi tham gia các chương trình hưu trí tự nguyện, qua đó góp phần đảm bảo an sinh xã hội, theo đó được áp dụng giảm trừ tương ứng với mức tối đa theo quy định tại Dự thảo Nghị định khi xác định thuế TNCN.	
		Đề nghị sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 46: <i>“b) Công thức xác định thu nhập làm căn cứ quy đối cụ thể như sau:</i> <i>Thu nhập làm căn cứ quy đối = Thu nhập thực nhận + Các khoản trả thay – Các khoản giảm trừ</i> <i>Trong đó:</i> <i>Thu nhập thực nhận là tiền lương, tiền công không bao gồm thuế mà người lao động nhận được hàng tháng (không bao gồm thu nhập được miễn thuế tại chương III và các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế tại Điều 8- khoản 4- chương II).”</i> Tại Dự thảo Nghị định, “thu nhập thực nhận” được xác định là tiền lương, tiền công không bao gồm thuế mà người lao động nhận được hàng tháng (không bao gồm thu nhập được miễn thuế).	Tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể: Thu nhập thực nhận là tiền lương, tiền công không bao gồm thuế mà người lao động nhận được hàng tháng, không bao gồm các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 8 của Nghị định này và thu nhập được miễn thuế quy định tại mục 1 Chương III của Nghị định này.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, khi áp dụng trong công thức xác định thu nhập làm căn cứ quy đổi, “thu nhập thực nhận” ngoài việc không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế, cũng cần được làm rõ là loại trừ cả các khoản thu nhập không tính vào thu nhập chịu thuế theo quy định tại một số khoản của Điều 8 Dự thảo Nghị định, nhằm bảo đảm cách hiểu và áp dụng thống nhất.	
	Hiệp hội thương mại Mỹ tại Việt Nam (công văn ngày 18/05/2026)	Dự thảo chưa đề cập rõ đến cá nhân nước ngoài là đối tượng cư trú thuế tại Việt Nam, có tham gia đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc ở nước ngoài. Chúng tôi kiến nghị mở rộng phạm vi áp dụng cho: • Cá nhân nước ngoài là đối tượng cư trú thuế tại Việt Nam; • Có đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc tại quốc gia của họ có bản chất tương tự Việt Nam. Điều này sẽ đảm bảo sự đối xử công bằng và phản ánh tính thực tiễn của việc luân chuyển lao động toàn cầu.	Tiếp thu ý kiến và thể hiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể: Trường hợp cá nhân cư trú tại Việt Nam có thu nhập từ tiền lương, tiền công ở nước ngoài đã tham gia đóng các khoản bảo hiểm bắt buộc theo quy định của quốc gia nơi cá nhân đóng các loại bảo hiểm này như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc thì được trừ các khoản phí bảo hiểm đó vào thu nhập chịu thuế khi xác định thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công. Khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành, nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, khoản đóng góp tham gia bảo hiểm hưu trí bổ sung theo Luật Bảo hiểm xã hội, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện của năm nào được trừ vào thu nhập chịu thuế của năm đó. Căn cứ xác định thu nhập được trừ là

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			bản chụp chứng từ nộp tiền (hoặc nộp phí) do tổ chức bảo hiểm, quỹ hưu trí bổ sung, doanh nghiệp bảo hiểm cấp và xác nhận của tổ chức trả thu nhập về số tiền bảo hiểm đã khấu trừ, đã nộp (trường hợp tổ chức trả thu nhập nộp thay).
	Thái Mạnh Cường (Email: cuong.thaimanh@gmail.com Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	Về nội dung “a) Thu nhập làm căn cứ quy đổi thành thu nhập tính thuế là thu nhập thực nhận (không bao gồm thu nhập được miễn thuế) cộng (+) <u>các khoản lợi ích do người sử dụng lao động trả thay cho người lao động (nếu có)</u> trừ (-) các khoản giảm trừ. Trường hợp người sử dụng lao động áp dụng <u>chính sách “tiền thuế giả định”, “tiền nhà giả định”</u> thì thu nhập làm căn cứ quy đổi thành thu nhập tính thuế không bao gồm “tiền thuế giả định”, “tiền nhà giả định”.[...] 1. Đề nghị chỉnh sửa như sau: “<u>cộng (+) các khoản lợi ích do người sử dụng lao động tổ chức, cá nhân trả thu nhập trả thay cho người lao động cá nhân nhận thu nhập (nếu có)</u>” Để bao quát các trường hợp trả thu nhập từ tiền lương, tiền công (không chỉ giới hạn ở mối quan hệ lao động). 2. Đề nghị làm rõ nội hàm, giải thích cụm từ “<u>chính sách “tiền thuế giả định”, “tiền nhà giả định”</u>” Để đảm bảo hiểu và thực hiện thống nhất khi đây không phải là chính sách phổ biến hoặc đã được quy định tại văn bản pháp luật khác.	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định và giải trình như đã giải trình ở trên. Nội dung này đã thực hiện ổn định thời gian qua từ Luật Thuế TNCN 2007, dự thảo Nghị định kế thừa quy định này.
	Khuong Nui Đình (Cầu Kiệu, Thành phố Hồ Chí Minh); email: KHUONGNUIDI@GOOGLE.COM; số điện thoại:	Dự thảo quy định mức ưu đãi thuế TNCN 3 triệu/tháng/người khi tham gia bảo hiểm hưu trí, bao gồm đóng của doanh nghiệp và người lao động. Nghị định 320/2025/CP quy định mức ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp 5 triệu đồng/tháng/người. Khi doanh nghiệp đóng 5 triệu thì người lao động được khấu trừ thuế TNCN 3 triệu nhưng phải	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Khoản đóng góp tham gia quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	0938940111 – Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính phủ	đóng thuế 2 triệu. Trong khi doanh nghiệp đóng BHXH cho nhân viên thì không phải chịu thuế. Kiến nghị nâng mức ưu đãi thuế lên 5 triệu như thuế thu nhập doanh nghiệp để không phải chịu thuế khi tham gia quỹ hưu trí. Cùng chung hệ thống quỹ hưu trí nguyên tắc BHXH và bảo hiểm hưu trí bổ sung phải được nhất quán mới khuyến khích được người tham gia.	nâng từ mức 01 triệu đồng/tháng/người hiện hành lên mức 03 triệu đồng/tháng/người (tăng thêm 02 triệu đồng) phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và biến động của các chỉ số kinh tế vĩ mô thời gian vừa qua cũng như dự kiến thời gian tới.
	Trần Diệp Hương (Vinhomes Smart City, Tây Mỗ, Hà Nội); email: trandiephuong2001@gmail.com; số điện thoại: 0934566222) - Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính phủ	Điều 46, điểm 3: thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm người sử dụng lao động trả tiền lương. Việc quy định thời điểm trả tiền lương gây rất nhiều khó khăn cho đơn vị khi tính thuế TNCN cho NNN. Ví dụ, NNN ký HĐLĐ tiền lương lương trước thuế (lương gross) bằng USD. Ngày 20 hàng tháng, đơn vị lấy tỉ giá trong ngày để tính thuế TNCN (tiền VND) và thu nhập thực nhận (tiền USD) cho NNN. Ngày cuối tháng, đơn vị trả tiền lương USD cho NNN. Khi tỉ giá ngày tính lương và ngày trả lương thay đổi thì tiền lương thực nhận (VND) của NNN cũng thay đổi, dẫn đến việc đơn vị phải tính lại số thuế TNCN, làm tăng chi phí tuân thủ. Đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu điều chỉnh thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm tính trả.	Nội dung dự thảo Nghị định đã thể hiện được ý kiến tham gia, cụ thể tại khoản 3 Điều 46 dự thảo Nghị định đã quy định: 3. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công là thời điểm người sử dụng lao động trả tiền lương, tiền công cho người nộp thuế hoặc thời điểm người nộp thuế nhận được thu nhập, kể cả các khoản lợi ích bằng tiền hoặc không bằng tiền, các khoản trợ cấp, phụ cấp và thu nhập khác quy định tại Điều 8 của Nghị định này trong kỳ tính thuế.
Điều 47. Giảm trừ gia cảnh			
	Bộ Công an (công văn số 6821/ANKT-TCĐT ngày 21/4/2026)	Tại khoản 4 Điều 47 quy định liệt kê các trường hợp giảm trừ gia cảnh và phải có xác nhận của người phụ thuộc có thể không bao quát hết các trường hợp trong thực tế và làm giới hạn phạm vi áp dụng so với Luật. Bên cạnh đó, yêu cầu phải có “xác nhận của người phụ thuộc” trong một số trường hợp (người chưa thành niên) là chưa phù hợp với chủ thể xác lập và khó khả thi trong thực tế. Tại khoản 5 Điều 47 quy định “tỷ lệ suy giảm lao động từ 81% trở lên...”. Trong khi	Tiếp thu ý kiến tham gia, cơ quan soạn thảo đã rà soát lại nội dung Điều 47 dự thảo Nghị định, đảm bảo phạm vi xác định người phụ thuộc phù hợp với quy định của Luật thuế TNCN số 109/2025/QH15. Đồng thời, việc quy định tỷ lệ suy giảm lao động để làm căn cứ xác định người

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Điều 10 - Luật Thuế TNCN không quy định ngưỡng cụ thể. Do đó, cần rà soát căn cứ pháp lý quy định nêu trên.	không có khả năng lao động là cần thiết, phù hợp với thẩm quyền của Chính phủ.
	Bộ Tư pháp (công văn số 2643/BTP-PLDSKT ngày 22/4/2026)	Điều 47 dự thảo Nghị định quy định về giảm trừ gia cảnh, Điều 48 dự thảo Nghị định quy định về nguyên tắc giảm trừ gia cảnh. Tuy nhiên, Luật số 109/2025/QH15 không giao Chính phủ quy định chi tiết về giảm trừ gia cảnh và nguyên tắc giảm trừ gia cảnh. Do đó, nội dung quy định tại Điều 47 và Điều 48 dự thảo Nghị định là không đúng thẩm quyền, không thống nhất với phạm vi được xác định tại Điều 1 dự thảo Nghị định. Đồng thời, Điều 47 dự thảo Nghị định giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: (i) mức thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả nguồn thu nhập để xác định mức thu nhập của người phụ thuộc (điểm a, b khoản 3) và (ii) hồ sơ xác định người phụ thuộc được giảm trừ gia cảnh (khoản 7). Tuy nhiên, Điều 10 Luật số 109/2025/QH15 không giao Chính phủ quy định chi tiết. Khoản 1 Điều 8 Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15 quy định việc phân cấp trong hệ thống cơ quan nhà nước là việc cơ quan, người có thẩm quyền giao cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật. Như vậy, quy định tại điểm a, b khoản 3 và khoản 7 Điều 47 dự thảo Nghị định là không phù hợp với khoản 1 Điều 8 Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15.	Tiếp thu ý kiến tham gia, cơ quan soạn thảo đã điều chỉnh lại tên gọi Nghị định và phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định để bao quát được các nội dung mà dự thảo Nghị định quy định. Việc giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả nguồn thu nhập để xác định mức thu nhập của người phụ thuộc đã được quy định tại Luật thuế TNCN số 109/2025/QH15.
		Điểm c khoản 2 Điều 47 dự thảo Nghị định quy định “Con (bao gồm con đẻ, con nuôi hợp pháp, con riêng của vợ, con riêng của chồng) từ 18 tuổi trở lên trong các trường hợp sau: người mất năng lực hành vi dân sự; người khuyết tật; người không có khả năng lao động” là người phụ thuộc mà người nộp thuế có nghĩa vụ nuôi dưỡng. Tuy nhiên, khoản 4 Điều 10 Luật số 109/2025/QH15 quy định “con là người mất năng lực hành vi dân sự, người khuyết tật, không có khả năng lao động” (không phân biệt độ tuổi) là người phụ thuộc mà	Tại điểm a khoản 2 Điều 47 dự thảo Nghị định đã quy định người phụ thuộc là con dưới 18 tuổi. Do vậy, tại khoản 2 Điều 47 dự thảo Nghị định chỉ quy định riêng cho trường hợp con từ 18 tuổi trở lên trong các trường hợp: người mất năng lực hành vi dân sự; người khuyết tật; người không có khả năng lao động để tránh trùng lặp và

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		người nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng. Do đó, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 47 dự thảo Nghị định không phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 10 Luật số 109/2025/QH15.	đảm bảo phù hợp với quy định của Luật.
	Bộ Xây dựng (công văn số 5960/BXD-KHTC ngày 22/4/2026)	Điểm c khoản 2, điểm a và điểm b khoản 3 giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể mức thu nhập bình quân làm căn cứ xác định người phụ thuộc để đảm bảo tính linh hoạt trong điều hành. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi chính đáng của người nộp thuế và tránh tình trạng mức thu nhập tại thông tư bị lạc hậu so với thực tế, đề nghị bổ sung nguyên tắc xác định ngay tại Điều này theo hướng mức thu nhập do Bộ trưởng quy định phải đảm bảo: phù hợp với biến động của chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và không thấp hơn mức chuẩn nghèo đa chiều khu vực thành thị hoặc mức lương tối thiểu vùng tại thời điểm áp dụng.	Nội dung giao Bộ Tài chính quy định mức thu nhập bình quân làm căn cứ xác định người phụ thuộc chỉ nhắc lại quy định của Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15.
		Điểm c khoản 3: đề nghị cân nhắc bỏ điều kiện phải thuộc “ <i>danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo</i> ” đối với cá nhân không nơi nương tựa để đảm bảo tính công bằng cho người nộp thuế thực tế đang gánh vác trách nhiệm an sinh xã hội đối với người thân già yếu, khuyết tật nhưng không nằm trong diện bình xét hộ nghèo của địa phương.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và thể hiện tại dự thảo Nghị định theo hướng: “2. Đối tượng và căn cứ xác định người phụ thuộc mà người nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng như sau: ... đ) Cá nhân khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế phải trực tiếp nuôi dưỡng, bao gồm: Anh ruột, chị ruột, em ruột của người nộp thuế; ông nội, bà nội; ông ngoại, bà ngoại; cô ruột, dì ruột, cậu ruột, chú ruột, bác ruột của người nộp thuế; cháu ruột của người nộp thuế; người phải trực tiếp nuôi dưỡng khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Người phụ thuộc quy định tại điểm này là cá nhân đang sống cùng người nộp thuế và người nộp thuế có nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định tại các điều 104, 105, 106 Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật liên quan khác. 3. Cá nhân được tính là người phụ thuộc theo hướng dẫn tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Đối với người trong độ tuổi lao động phải đáp ứng đồng thời các điều kiện sau: Không có khả năng lao động, không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá mức theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính; b) Đối với người ngoài độ tuổi lao động phải không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá mức theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”
		Khoản 4: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét sửa đổi, bổ sung như sau: “4. Các cá nhân khác không nơi nương tựa là người sống độc thân, không có <u>hoặc không</u> còn nhân thân hoặc còn nhân thân mà <u>nhân thân không có khả năng nuôi dưỡng có xác nhận của chính quyền địa phương</u> nhưng người nộp thuế đang phải trực tiếp nuôi	Nội dung quy định tại dự thảo Nghị định đã được cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh, đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật có liên quan.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>dưỡng...”</i> Lý do: để phù hợp với thực tế có những trường hợp người sống độc thân, có thân nhân nhưng thân nhân không đủ khả năng nuôi dưỡng mà do người nộp thuế chu cấp nuôi dưỡng.	
		Khoản 4: Đề nghị xem xét bỏ quy định bắt buộc người phụ thuộc phải “<i>sống cùng</i>” người nộp thuế, do không còn phù hợp với thực tiễn dịch chuyển lao động và xu hướng con cái đi làm xa gửi tiền nuôi dưỡng bố mẹ hiện nay. Đồng thời cần nghiên cứu bỏ quy định về “<i>giấy xác nhận chu cấp</i>” thay vào đó, cần xác lập cơ chế xác minh thông qua dữ liệu dân cư hoặc chứng từ giao dịch ngân hàng để đảm bảo tính khách quan, minh bạch và giảm bớt thủ tục hành chính rườm rà cho người nộp thuế.	Nội dung quy định tại dự thảo Nghị định đã được cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh, đảm bảo phù hợp với quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật có liên quan, trong đó đã bỏ quy định phải sống cùng người nộp thuế và giấy xác nhận chu cấp.
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế (công văn số 587/HUE-CNTK ngày 06/4/2026)	Đề nghị chỉnh lý nội dung quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 47 (trang 29, 30) dự thảo Nghị định, cụ thể: “3. <i>Cá nhân được tính là người phụ thuộc theo hướng dẫn tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau:</i> ... c) <i>Riêng cá nhân quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này và thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật nếu không sống cùng người nộp thuế.</i>” “4. <i>Các cá nhân khác không nơi nương tựa là người sống độc thân, không có hoặc không còn thân nhân mà người nộp thuế đang phải trực tiếp nuôi dưỡng quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều này bao gồm:</i>	Tiếp thu ý kiến tham gia, tại dự thảo Nghị định đã hoàn thiện theo hướng: người phụ thuộc quy định tại điểm này là cá nhân đang sống cùng người nộp thuế và người nộp thuế có nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định tại các điều 104, 105, 106 Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật liên quan khác, không mở rộng thêm đối tượng cấp dưỡng do Luật Thuế TNCN quy định về người phụ thuộc là các cá nhân khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế phải trực tiếp nuôi dưỡng.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		a) Anh ruột, chị ruột, em ruột của người nộp thuế; b) Ông nội, bà nội; ông ngoại, bà ngoại; cô ruột, dì ruột, cậu ruột, chú ruột, bác ruột của người nộp thuế; c) Cháu ruột của người nộp thuế bao gồm: con của anh ruột, chị ruột, em ruột; d) Người phải trực tiếp nuôi dưỡng khác theo quy định của pháp luật. <i>Các cá nhân quy định tại khoản này phải đáp ứng điều kiện người nộp thuế có nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định tại pháp luật hôn nhân và gia đình, đang sống cùng người nộp thuế hoặc được người nộp thuế chu cấp nuôi dưỡng với mức tối thiểu bằng mức giảm trừ cho người phụ thuộc và có xác nhận của người phụ thuộc”</i> Lý do: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 103, khoản 1 Điều 104, Điều 105, Điều 106 Luật hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 19/6/2014: “Điều 103. Quyền, nghĩa vụ giữa các thành viên khác của gia đình 1. Các thành viên gia đình có quyền, nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, tôn trọng nhau. Điều 104. Quyền, nghĩa vụ của ông bà nội, ông bà ngoại và cháu 1...trường hợp cháu chưa thành niên, cháu đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình mà không có người nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 105 của Luật này thì ông bà nội, ông bà ngoại có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu. 2....trường hợp ông bà nội, ông bà ngoại không có con để nuôi dưỡng mình thì cháu đã thành niên có nghĩa vụ nuôi dưỡng. Điều 105. Quyền, nghĩa vụ của anh, chị, em	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>Anh, chị, em...có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.</i> <i>Điều 106. Quyền, nghĩa vụ của cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột</i> <i>Cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột...có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau trong trường hợp người cần được nuôi dưỡng không còn cha, mẹ, con và những người được quy định tại Điều 104 và Điều 105 của Luật này hoặc còn nhưng những người này không có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng.”</i> Như vậy, các quy định tại chương VI Luật hôn nhân và gia đình nêu trên đã xác định rõ quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng giữa các thành viên trong gia đình. Do đó, đề nghị viện dẫn pháp luật hôn nhân và gia đình trong việc xác định người phụ thuộc trong trường hợp này, mục đích để nội dung quy định về thuế TNCN được chặt chẽ và đồng bộ với các văn bản pháp luật liên quan, phù hợp với thực tiễn phát sinh, đồng thời giúp công chức và người nộp thuế hiểu thống nhất khi triển khai áp dụng.	
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (công văn số 1416/QNI-NVDPTC ngày 08/4/2026)	Tại khoản 4 Điều 47 quy định về giảm trừ gia cảnh: đề nghị sửa đổi như sau: <i>“4. Các cá nhân khác không nơi nương tựa là người sống độc thân, không có hoặc không còn thân nhân mà người nộp thuế đang phải trực tiếp nuôi dưỡng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này bao gồm:</i> <i>a) Anh ruột, chị ruột, em ruột của người nộp thuế;</i> <i>b) Ông nội, bà nội; ông ngoại, bà ngoại; cô ruột, dì ruột, cậu ruột, chú ruột, bác ruột của người nộp thuế;</i> <i>c) Cháu ruột của người nộp thuế bao gồm: con của anh ruột, chị</i>	Dự thảo Nghị định đã hoàn thiện quy định về người phụ thuộc được giảm trừ gia cảnh như giải trình ở trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		ruột, em ruột; <i>d) Người phải trực tiếp nuôi dưỡng khác theo quy định của pháp luật.</i> <i>Các cá nhân quy định tại khoản này phải đang sống cùng người nộp thuế hoặc được người nộp thuế chu cấp nuôi dưỡng với mức tối thiểu bằng mức giảm trừ cho người phụ thuộc và có xác nhận của người phụ thuộc.”.</i> Lý do: trên thực tế, nhiều trường hợp người phụ thuộc là người mất năng lực hành vi dân sự, do vậy việc quy định có xác nhận của người phụ thuộc là không thực hiện được.	
	Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG	Về khoản 6 Người nộp thuế tự đăng ký số lượng người phụ thuộc kèm theo giấy tờ hợp pháp và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của việc đăng ký, thu nhập của người phụ thuộc. Theo quy định tại Thông tư 111, “<i>Trường hợp người nộp thuế thay đổi nơi làm việc, nơi kinh doanh thì thực hiện đăng ký và nộp hồ sơ chứng minh người phụ thuộc như trường hợp đăng ký người phụ thuộc lần đầu</i>”. Quy định này không được nêu tại dự thảo Nghị định, vậy có thể hiểu là thủ tục này được bãi bỏ không? Thực tế hiện nay, mã số thuế người phụ thuộc đã được đồng bộ hóa với mã căn cước công dân trên cơ sở dữ liệu quốc gia, đồng thời khi đăng ký người phụ thuộc thì dữ liệu này cũng được lưu trữ trên hệ thống thuế. Việc yêu cầu người nộp thuế thực hiện thủ tục đăng ký lại như lần đầu làm tăng thêm thủ tục hành chính khi người nộp thuế thay đổi đơn vị làm việc, bao gồm (i) báo giảm người phụ thuộc ở đơn vị cũ và (ii) nộp hồ sơ và đăng ký lại từ đầu ở đơn vị mới. Đề xuất bổ sung quy định để làm rõ: Khi người nộp thuế thay đổi nơi làm việc thì chỉ cần thông báo mã	Tại dự thảo Nghị định tiếp tục kế thừa quy định: Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin người phụ thuộc hoặc thay đổi nơi làm việc thì thực hiện đăng ký người phụ thuộc như trường hợp đăng ký người phụ thuộc lần đầu.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		số thuế của người phụ thuộc với đơn vị mới mà không phải thực hiện thủ tục đăng ký lại người phụ thuộc như lần đầu.	
	Công ty TNHH Tư vấn Thuế Deloitte Việt Nam	Đề nghị sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 47: “Điều 47: 3. Cá nhân được tính là người phụ thuộc theo hướng dẫn tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau: c) Riêng cá nhân quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này và thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật.” Tại Dự thảo Nghị định, để các cá nhân được xác định là người phụ thuộc thuộc nhóm “cá nhân khác không nơi nương tựa” mà người nộp thuế trực tiếp nuôi dưỡng, ngoài các điều kiện hiện hành như không có khả năng lao động (đối với người trong độ tuổi lao động) và không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn không vượt quá mức quy định, cá nhân đó còn phải thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật. Chúng tôi hiểu rằng, đây là một điều kiện mới so với quy định hiện hành, được đưa ra nhằm tăng cường kiểm soát và hạn chế các trường hợp lạm dụng chính sách giảm trừ gia cảnh đối với đối tượng “cá nhân khác” trong thực tế. Chúng tôi đề xuất Ban soạn thảo cân nhắc bỏ yêu cầu về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật để tạo điều kiện cho người nộp thuế áp dụng việc giảm trừ gia cảnh cho các nhóm đối tượng khác phù hợp. Mức thu nhập bình quân để xác định điều kiện của người phụ thuộc cần được tính toán phù hợp với tiêu chí xác định cũng như trách nhiệm nuôi dưỡng của người nộp thuế. Đây chính là cơ sở phù hợp và có tính thực tiễn hơn so với quy định về danh sách hộ nghèo và hộ	Dự thảo Nghị định đã hoàn thiện quy định về người phụ thuộc được giảm trừ gia cảnh như giải trình ở trên. Trong đó, quy định người phụ thuộc là các nhân khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế phải trực tiếp nuôi dưỡng là cá nhân đang sống cùng người nộp thuế và người nộp thuế có nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định tại các điều 104, 105, 106 Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật liên quan khác.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		cận nghèo.	
	VAMA - Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (công văn 041401/2026/VAMA ngày 14/4/2026)	Đề xuất: Cụ thể hóa quy định: "Mức giảm trừ gia cảnh sẽ được tự động điều chỉnh tăng tương ứng khi chỉ số CPI cộng dồn từ lần điều chỉnh gần nhất đạt từ 10% trở lên". Lý do: Tính kịp thời: Việc chờ sửa Luật thường mất 2-3 năm, khiến mức giảm trừ luôn bị "lạc hậu" so với giá cả thị trường. Cơ chế tự động điều chỉnh trong Nghị định sẽ giúp chính sách thuế linh hoạt, bảo vệ mức sống thực tế của người dân ngay khi có biến động kinh tế.	Tại khoản 2 Điều 10 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 đã quy định: “<i>Căn cứ biến động của giá cả, thu nhập, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức giảm trừ gia cảnh quy định tại khoản 1 Điều này phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ</i>”. Theo đó, đề nghị thực hiện theo quy định tại Luật thuế TNCN số 109/2025/QH15
	Hiệp hội ngân hàng Việt Nam (công văn 195/HHNH-PLNV ngày 14/4/2026)	Khoản 6 Điều 47 Dự thảo quy định: “ 6. Người nộp thuế tự đăng ký số lượng người phụ thuộc kèm theo giấy tờ hợp pháp và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của việc đăng ký, thu nhập của người phụ thuộc.” Đề giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp trong trường hợp cá nhân nghỉ việc nhưng không báo giảm người phụ thuộc cho doanh nghiệp chỉ trả thu nhập dẫn đến việc doanh nghiệp bị xác định kê khai và nộp thiếu thuế TNCN, đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung quy định miễn trừ trách nhiệm cho doanh nghiệp trong trường hợp cá nhân không cung cấp thông tin cho doanh nghiệp để báo giảm người phụ thuộc dẫn đến bị báo trùng người phụ thuộc và phát sinh thêm nghĩa vụ thuế TNCN.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nội dung như tại dự thảo Nghị định. Việc quy định miễn trừ trách nhiệm cho doanh nghiệp trong trường hợp cá nhân không cung cấp thông tin cho doanh nghiệp để báo giảm người phụ thuộc dẫn đến bị báo trùng người phụ thuộc và phát sinh thêm nghĩa vụ thuế TNCN do nội dung này thuộc lĩnh vực quản lý thuế.
	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (công văn số 0685/LĐTM-PC ngày 16/4/2026)	- Điểm a khoản 3 Điều 47 Dự thảo quy định, các cá nhân không có nơi nương tựa mà người nộp thuế phải trực tiếp nuôi dưỡng, phải “đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 47 và “thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật”. Trong trường hợp, người này sống cùng với người nộp thuế thì yêu cầu thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo là chưa hợp lý. Đề nghị	Tại dự thảo Nghị định quy định người phụ thuộc là các nhân khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế phải trực tiếp nuôi dưỡng là cá nhân đang sống cùng người nộp thuế và người nộp thuế có nghĩa

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		sửa đổi quy định trên theo hướng “thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật trong trường hợp không sống cùng với người nộp thuế”. - Đề nghị rà soát thuật ngữ tại khoản 4 Điều 47 Dự thảo để đảm bảo thống nhất với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, ví dụ: “chu cấp nuôi dưỡng”, Luật Hôn nhân và gia đình quy định là “cấp dưỡng”, “không còn thân nhân”, Luật Hôn nhân và Gia đình không có khái niệm “thân nhân”, vì vậy cần quy định cụ thể các đối tượng này.	vụ nuôi dưỡng theo quy định tại các điều 104, 105, 106 Luật Hôn nhân và gia đình và pháp luật liên quan khác, không mở rộng thêm đối tượng cấp dưỡng do Luật Thuế TNCN quy định về người phụ thuộc là các cá nhân khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế phải trực tiếp nuôi dưỡng. Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 quy định về Người phụ thuộc là người mà người nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng, không quy định trường hợp cấp dưỡng.
	Hiệp hội thương mại Mỹ tại Việt Nam (công văn ngày 18/05/2026)	Dự thảo chưa thống nhất cách hiểu về “độ tuổi lao động”, cụ thể là chưa làm rõ áp dụng từ đủ 15 tuổi hay từ đủ 18 tuổi, dẫn đến khả năng phát sinh cách hiểu và áp dụng không thống nhất trên thực tế. Ngoài ra, Dự thảo chưa quy định ngưỡng thu nhập cụ thể. Theo cách hiểu hiện tại, ngưỡng thu nhập được xác định theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, thực tế cho thấy tình trạng Nghị định phải chờ thông tư hướng dẫn gây khó khăn và bất cập trong việc áp dụng và thực thi pháp luật. Đảm bảo tính chắc chắn và hạn chế những khó khăn trong việc thực thi pháp luật, tránh tình trạng Nghị định phải chờ thông tư hướng dẫn, đồng thời tăng tính minh bạch và khả năng áp dụng thống nhất, kiến nghị: - Thống nhất định nghĩa “độ tuổi lao động” (15 hay 18 tuổi). - Quy định cụ thể ngưỡng thu nhập trong Nghị định.	Việc xác định độ tuổi lao động sẽ được thực hiện theo pháp luật về lao động. Pháp luật về thuế chỉ điều chỉnh các nội dung liên quan đến thuế không thực hiện quy định lại hoặc quy định khác so với pháp luật chuyên ngành, tránh gây vướng mắc trong quá trình thực thi chính sách thuế. Về ngưỡng thu nhập làm căn cứ xác định người phụ thuộc sẽ thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính do nội dung này đã được quy định tại Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Thái Mạnh Cường (Email: cuong.thaimanh@gmail.com Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	Về điểm c khoản 2 <i>“c) Con [...] đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, kể cả con từ 18 tuổi trở lên đang học bậc học phổ thông, không có thu nhập hoặc có thu nhập không vượt quá mức thu nhập quy định do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định;”</i> Đề nghị chỉnh sửa thành <i>“Con [...] từ 18 tuổi trở lên đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề được giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông tại cơ sở giáo dục theo quy định của pháp luật, kể cả con từ 18 tuổi trở lên đang học bậc học phổ thông, không có thu nhập hoặc có thu nhập không vượt quá mức thu nhập quy định do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định;”</i> Làm rõ trường hợp này chỉ áp dụng với con trên 18 tuổi (không áp dụng với con dưới 18 tuổi tại điểm a. Đảm bảo bao quát các trường hợp giáo dục, đào tạo theo Luật Giáo dục 2019, Luật Giáo dục đại học 2025, Luật Giáo dục nghề nghiệp 2025.	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể: c) Con (bao gồm con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật, con riêng của vợ, con riêng của chồng) đang học đại học, giáo dục nghề nghiệp, kể cả con từ 18 tuổi trở lên đang học bậc học phổ thông (tính cả trong thời gian chờ kết quả thi từ tháng 6 đến tháng 9 năm lớp 12), không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá mức thu nhập quy định do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định;
		Về điểm c khoản 3 <i>“c) Riêng cá nhân quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này và thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật.”</i> Đề nghị bổ sung như sau: <i>“...và thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của pháp luật trong trường hợp không sống cùng với người nộp thuế”</i>. Các đối tượng quy định tại điểm đ (anh chị em, ông bà...) có thể sống cùng với người nộp thuế, không phải là một hộ riêng. Vì vậy việc yêu cầu thuộc danh sách hộ nghèo, cận nghèo là chưa phù hợp.	Nội dung này đã được cơ quan soạn thảo nghiên cứu tiếp thu, giải trình ở trên.
		Về điểm d khoản 4	Nội dung này đã được cơ quan soạn

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		“4. Các cá nhân khác không nơi nương tựa là người sống độc thân, không có hoặc <u>không còn thân nhân</u> mà người nộp thuế đang phải trực tiếp nuôi dưỡng quy định điểm đ khoản 2 Điều này bao gồm: ... d) Người <u>phải trực tiếp nuôi dưỡng</u> theo quy định của pháp luật.” 1. Đề nghị sửa “<u>không còn thân nhân</u>” thành “không còn cha, mẹ hoặc con”. Luật Hôn nhân và gia đình không có khái niệm “thân nhân” mà chỉ có khái niệm “thành viên gia đình” và “người thân thích” với phạm vi rộng (bao gồm cả anh chị em, ông bà, cô dì chú bác và cháu). Do đó, nếu không còn “thân nhân” thì cũng không còn cá nhân có thể kê khai người đó làm người phụ thuộc. 2. Đề nghị sửa như sau: “phải có nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng”. Luật Hôn nhân và gia đình có quy định rõ ràng về <u>nghĩa vụ</u> nuôi dưỡng. Do đó, nên dùng từ “nghĩa vụ” để thống nhất với Luật này.	thảo nghiên cứu tiếp thu, giải trình ở trên.
		Về khoản 4 “4. Các cá nhân quy định tại khoản này phải đang sống cùng người nộp thuế, hoặc được người nộp thuế <u>chu cấp nuôi dưỡng</u> với mức tối thiểu bằng mức giảm trừ cho người phụ thuộc và <u>có xác nhận của người phụ thuộc</u>.” 1. Đề nghị sửa “<u>sống cùng người nộp thuế</u>” thành “sống cùng và được người nộp thuế nuôi dưỡng” và “<u>chu cấp nuôi dưỡng</u>” thành “<u>cấp dưỡng</u>” Điều 103-106 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ <u>nuôi dưỡng</u>. Điều 107-119 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ <u>cấp dưỡng</u>. Khi đã thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng thì không phát sinh việc cấp dưỡng bằng tiền. Về cơ bản, nghĩa vụ cấp dưỡng	Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 quy định về người phụ thuộc là người mà người nộp thuế có trách nhiệm nuôi dưỡng, không quy định trường hợp cấp dưỡng. Tại dự thảo Nghị định quy định người phụ thuộc là các nhân khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế phải trực tiếp nuôi dưỡng là cá nhân đang sống cùng người nộp thuế và người nộp thuế có nghĩa vụ nuôi dưỡng theo quy định tại các điều 104, 105, 106 Luật Hôn nhân và gia đình

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		chỉ phát sinh khi <u>không sống chung</u>. 2. Đề nghị sửa “<i>có xác nhận của người phụ thuộc</i>” thành “<i>có xác nhận của người phụ thuộc hoặc chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt cho người phụ thuộc</i>” Hiện nay, việc chuyển tiền qua ngân hàng là rất phổ biến. Khi đã có chứng từ chuyển tiền thì không nên yêu cầu xác nhận của NPT nữa. Hơn nữa, NPT chủ yếu là người thân nên việc có được giấy xác nhận thường là dễ dàng và không thể khẳng định có cấp dưỡng hay không. 3. Đề nghị sửa đổi cách diễn đạt để tránh hiểu nhầm: “<i>Các cá nhân quy định tại khoản này phải đáp ứng một trong các điều kiện sau: đang sống cùng...; được người nộp thuế...</i>” Trong câu có nhiều điều kiện khác nhau, vừa dùng “<i>hoặc</i>” và “<i>và</i>” nên dễ dẫn đến hiểu nhầm (Ví dụ đoạn “<i>và có xác nhận của người phụ thuộc</i>” có thể bị hiểu là áp dụng cho cả hai trường hợp). Do đó, cần có cách diễn đạt rõ ràng, phân cách bằng dấu chấm phẩy “<i>;</i>” để rõ ràng.	và pháp luật liên quan khác, không mở rộng thêm đối tượng cấp dưỡng do Luật Thuế TNCN quy định về người phụ thuộc là các cá nhân khác không nơi nương tựa mà người nộp thuế phải trực tiếp nuôi dưỡng.
	Nguyễn Văn Hùng (Email: nhung16062003@gmail.com, Tầng 18, Tòa tháp Hòa Bình, Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội)	Giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế có “<i>người phụ thuộc khác</i>” tại Điều 47 về Giảm trừ gia cảnh. Dự thảo Nghị định đề xuất thêm điều kiện với “<i>cá nhân khác</i>” (không phải bố mẹ, vợ chồng, con cái) phải thuộc hộ nghèo hoặc cận nghèo mới được tính giảm trừ. Cụ thể, thu nhập không vượt quá mức do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định (chưa có quy định bao nhiêu do chưa có Thông tư hướng dẫn); thuộc danh sách hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo theo quy định pháp luật; được người nộp thuế trực tiếp chu cấp, nuôi dưỡng với mức tối thiểu bằng mức giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc; có xác nhận theo quy định. (điểm c khoản 3 Điều 47).	Nội dung này đã được cơ quan soạn thảo nghiên cứu tiếp thu, giải trình ở trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Việc giao thẩm quyền quyết định mức ngưỡng này cho Bộ trưởng Tài chính là hợp lý, nhằm tạo điều kiện để tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và đưa ra con số phù hợp nhất với thực tiễn từng thời kỳ. Ban soạn thảo có thể cân nhắc tham chiếu mức lương cơ sở, hoặc mức lương tối thiểu làm căn cứ xác định ngưỡng thu nhập của người phụ thuộc. Cách làm này sẽ bảo đảm tính linh hoạt và phù hợp với chính sách tiền lương hiện hành. Khi lương cơ sở điều chỉnh tăng theo lộ trình, ngưỡng xác định người phụ thuộc cũng có thể tự động điều chỉnh tương ứng, tránh phải sửa đổi quá nhiều văn bản. Về “<i>người phụ thuộc khác</i>”, dự thảo bổ sung điều kiện phải thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo, đồng thời yêu cầu người nộp thuế chứng minh việc trực tiếp nuôi dưỡng với mức chi tối thiểu tương đương mức giảm trừ gia cảnh, những điều kiện chặt chẽ đang được nêu tại dự thảo Nghị định này sẽ gây khó khăn trong việc áp dụng trong thực tiễn bởi có những trường hợp thực tế khó khăn nhưng không còn nằm trong danh sách hộ nghèo. Việc đề xuất tham chiếu mức lương cơ sở hoặc mức lương tối thiểu để xác định ngưỡng thu nhập của “<i>người phụ thuộc khác</i>” là có cơ sở, vì các lý do sau: Thứ nhất, các chỉ số như mức lương cơ sở hoặc mức lương tối thiểu là những tham số kinh tế – xã hội đã được Nhà nước xác lập, có tính cập nhật và phản ánh tương đối sát mức sống tối thiểu của người dân. Do đó, việc sử dụng các chỉ số này làm căn cứ sẽ giúp bảo đảm tính khách quan, hợp lý khi xác định điều kiện giảm trừ gia cảnh. Thứ hai, cách tiếp cận này tạo cơ chế “<i>tự điều chỉnh</i>” theo thời gian. Khi Nhà nước điều chỉnh chính sách tiền lương, ngưỡng thu nhập của người phụ thuộc cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng mà không cần sửa đổi, bổ sung Nghị định hoặc văn bản hướng dẫn, qua đó giảm tải thủ tục lập pháp và bảo đảm tính ổn định của hệ thống pháp luật. Thứ ba, việc gắn với các chỉ số sẵn có giúp cơ quan thuế và người	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nộp thuế dễ áp dụng, dễ kiểm chứng, hạn chế cách hiểu khác nhau giữa các địa phương, từ đó nâng cao tính minh bạch và thống nhất trong thực thi. Thứ tư, đề xuất này vẫn phù hợp với việc giao thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết, nhưng đồng thời định hướng rõ phương pháp xác định, tránh tình trạng quy định mang tính định tính hoặc thiếu cơ sở tham chiếu cụ thể trong quá trình ban hành Thông tư hướng dẫn.	
Điều 48. Nguyên tắc giám trừ gia cảnh			
	Bộ Y tế (công văn số 2401/BYT-KHTC ngày 06/4/2026)	Về các khoản giảm trừ (Đối soát Điều 48, 49 dự thảo): Đề nghị xem xét bổ sung khoản giảm trừ đối với chi phí đào tạo liên tục (CME) của nhân viên y tế (có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ), tương tự như các khoản đóng bảo hiểm bắt buộc. Lý do: Theo quy định tại Điều 22 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023, việc cập nhật kiến thức y khoa liên tục là nghĩa vụ bắt buộc để duy trì giấy phép hành nghề. Đây là khoản chi phí cần thiết để duy trì điều kiện hành nghề, không phải chi tiêu mang tính tiêu dùng cá nhân, do đó cần được xem xét giảm trừ trước khi tính thuế. Bên cạnh đó, đặc thù đào tạo kéo dài và rủi ro nghề nghiệp cao của ngành y tế cũng đòi hỏi có chính sách thuế phù hợp nhằm bảo đảm tái sản xuất sức lao động.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Tại dự thảo Nghị định đã có quy định không tính vào thu nhập chịu thuế khoản trả thay khi chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp cho người lao động.
		Về hồ sơ chứng minh người phụ thuộc và Giám trừ y tế (Điều 48, 49 dự thảo): Đề nghị quy định việc chứng minh người phụ thuộc và các khoản giảm trừ liên quan đến chi phí y tế được thực hiện thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu điện tử, không yêu cầu nộp hồ sơ giấy. Lý do: Căn cứ định hướng tại Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về đẩy mạnh chuyển đổi số và quy định tại Điều 120 Luật	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và quy định tại dự thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định. Nội dung về thủ tục, hồ sơ xác định người phụ thuộc thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023, việc kết nối dữ liệu giữa cơ quan thuế với cơ sở y tế và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sẽ góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm phiền hà cho người dân khi thực hiện các quyền lợi về thuế.	
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (công văn số 2167/QNG-NVDTPC ngày 03/4/2026)	Tại điểm a và điểm đ khoản 2 Điều 48 dự thảo Nghị định quy định: “ 2. <i>Giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc</i> a) <i>Người nộp thuế được tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc nếu người nộp thuế đã đăng ký thuế và đăng ký người phụ thuộc. Thời hạn đăng ký người phụ thuộc trước ngày 31 tháng 12 của năm tính thuế và thực hiện ổn định cho các năm sau nếu không có thay đổi</i> ... đ) <i>Trường hợp người nộp thuế chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc trong năm tính thuế thì được tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng.</i>” <u>Đề xuất:</u> Gộp chung điểm đ và điểm a và bổ sung thêm nội dung như sau: “ 2. <i>Giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc</i> a) <i>Người nộp thuế được tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc nếu người nộp thuế đã đăng ký thuế và đăng ký người phụ thuộc. Thời hạn đăng ký người phụ thuộc trước ngày 31 tháng 12 của năm tính thuế và thực hiện ổn định cho các năm sau nếu không có thay đổi nghĩa vụ nuôi dưỡng. Trường hợp trong năm tính thuế, người nộp thuế chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc thì được tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng.</i> <i>Thủ tục liên quan đến đăng ký người phụ thuộc lần đầu được thực</i>	Dự thảo Nghị định đã thể hiện nội dung góp ý, cụ thể: a) Người nộp thuế được tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc nếu người nộp thuế đã đăng ký thuế và đăng ký người phụ thuộc. Thời hạn đăng ký người phụ thuộc cùng với hồ sơ chứng minh người phụ thuộc trước ngày 31 tháng 12 của năm tính thuế và thực hiện ổn định cho các năm sau nếu không có thay đổi. Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin người phụ thuộc hoặc thay đổi nơi làm việc thì thực hiện đăng ký người phụ thuộc như trường hợp đăng ký người phụ thuộc lần đầu; Trường hợp người nộp thuế chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc trong năm tính thuế thì được tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng. Riêng nội dung về thủ tục đăng ký người phụ thuộc thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về quản lý thuế.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>hiện theo văn bản hướng dẫn về đăng ký thuế. Trường hợp người nộp thuế thay đổi nơi làm việc thì thực hiện đăng ký và nộp hồ sơ chứng minh người phụ thuộc như trường hợp đăng ký người phụ thuộc lần đầu.”</i> Lý do: Tách riêng điểm đ Khoản 2 Điều 48 “<i>Trường hợp người nộp thuế chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc trong năm tính thuế thì được tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng</i>” để tạo nhầm lẫn cho người nộp thuế. Người nộp thuế ngộ nhận là chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc thì được tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng, NNT đăng ký lùi thời gian tính giảm trừ gia cảnh, dẫn đến khi thực hiện quyết toán thuế TNCN sẽ phát sinh số thuế nộp thêm sang có số thuế được hoàn. Do đó, đề xuất gộp chung điểm đ vào điểm a để khẳng định nội dung thời hạn đăng ký người phụ thuộc trước ngày 31 tháng 12 của năm tính thuế và người nộp thuế được tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng trong năm tính thuế. <u>Bổ sung thêm nội dung</u> “<i>Thu tục liên quan đến đăng ký người phụ thuộc lần đầu được thực hiện theo văn bản hướng dẫn về đăng ký thuế. Trường hợp người nộp thuế thay đổi nơi làm việc thì thực hiện đăng ký và nộp hồ sơ chứng minh người phụ thuộc như trường hợp đăng ký người phụ thuộc lần đầu.”</i> Lý do: cơ quan chi trả thu nhập lưu hồ sơ chứng minh người phụ thuộc, nên khi thay đổi nơi làm việc cá nhân phải nộp lại hồ sơ chứng minh người phụ thuộc cho cơ quan chi trả thu nhập mới lưu hồ sơ.	
	Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (công văn số 1897/DAN-NVDTTPC ngày 08/4/2026)	Tại điểm b khoản 1 Điều 48 có quy định rõ về nguyên tắc tính giảm trừ gia cảnh đối với bản thân người nộp thuế là người nước ngoài được xác định là cá nhân cư trú tại Việt Nam. Tuy nhiên tại khoản 2 Điều 48 không quy định rõ về người phụ thuộc của người	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể: c) Đối với người nước ngoài là cá nhân cư trú tại Việt Nam được tính giảm trừ cho bản thân từ tháng một hàng

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nước nước ngoài là cá nhân cư trú, điều này có thể dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau trong quá trình thực thi Nghị định. Đề xuất bổ sung: “<i>Đối với người nước ngoài là cá nhân cư trú tại Việt Nam được tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc từ tháng một hàng năm hoặc từ tháng đến Việt Nam trong trường hợp cá nhân lần đầu tiên có mặt tại Việt nam hoặc từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng đến tháng kết thúc hợp đồng lao động và rời Việt Nam trong năm tính thuế (được tính đủ theo tháng)</i>”	năm hoặc từ tháng đến Việt Nam trong trường hợp cá nhân lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam đến tháng kết thúc hợp đồng lao động và rời Việt Nam trong năm tính thuế (được tính đủ theo tháng).
	Thái Mạnh Cường (Email: cuong.thaimanh@gmail.com Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	Về điểm d khoản 2 “<i>đ) Trường hợp người nộp thuế chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc trong năm tính thuế thì được tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng.</i>” Đề nghị sửa thành: “<i>đ) Trường hợp người nộp thuế chưa tính giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc trong năm tính thuế thì được tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng khi quyết toán thuế năm và không phải khai bổ sung hồ sơ khai thuế tháng hoặc quý trong năm.</i>” Khoản 4 Điều 7 Nghị định 126 quy định: “<i>Trường hợp chưa nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm thì người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế của tháng, quý có sai, sót, đồng thời tổng hợp số liệu khai bổ sung vào hồ sơ khai quyết toán thuế năm.</i>” Như vậy, chưa tính giảm trừ có thể bị xem là sai, sót và cần khai bổ sung. Theo đó, cần có hướng dẫn rõ ràng không cần khai bổ sung trong tình huống này để giảm nghĩa vụ kê khai cho NNT.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nội dung như tại dự thảo Nghị định. Nội dung khai thuế thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế.
	Trần Diệp Hương (Vinhomes Smart City, Tây Mỗ, Hà	Điều 48, điểm 2c, d: việc mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ vào người nộp thuế trong năm tính thuế gây rất nhiều khó khăn	Nội dung tại dự thảo Nghị định kế thừa quy định hiện hành và được thực hiện ổn

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Nội); email: trandiephuong2001@gmail.com; số điện thoại: 0934566222) - Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính phủ	cho người nộp thuế và đơn vị. Ví dụ người nộp thuế (là vợ) đang đăng ký giảm trừ cho con. Trong năm, người nộp thuế ly hôn, tòa án xác định người chồng sẽ nuôi 1 con. Người vợ kết thúc giảm trừ nhưng người chồng không thể đăng ký giảm trừ trong năm do vướng quy định này. Đề nghị ban soạn thảo điều chỉnh theo hướng người nộp thuế tự thỏa thuận nhưng đảm bảo nguyên tắc mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ vào một người nộp thuế tại một thời điểm trong năm tính thuế.	định trong thời gian qua.
		 Điều 48, điểm 2đ: Bổ sung thêm trường hợp người nộp thuế giảm số người phụ thuộc trong năm. Thực tế tại thời điểm quyết toán thuế hàng năm, đơn vị sẽ yêu cầu người lao động rà soát người phụ thuộc. Lúc này sẽ có một số trường hợp người phụ thuộc không đủ điều kiện (ví dụ con kết thúc học đại học, bố, mẹ mất). Hoặc tại bất kỳ thời điểm nào trong năm khi người nộp thuế giảm người phụ thuộc mà quên không báo cho đơn vị. Khi thay đổi giảm người phụ thuộc như thế này, đơn vị cần phải điều chỉnh lại tờ khai thuế TNCN hàng tháng, người lao động nộp thêm tiền thuế và tiền chậm nộp. Việc này gây mất thời gian và chi phí tuân thủ cho đơn vị, nhiều hơn rất nhiều so với số tiền cá nhân phải nộp thêm do điều chỉnh giảm người phụ thuộc. Đề nghị ban soạn thảo bổ sung trường hợp giảm người phụ thuộc trong năm thì người nộp thuế sẽ điều chỉnh trong kỳ quyết toán thuế TNCN hàng năm.	 Dự thảo Nghị định đã thể hiện được nội dung góp ý.
Điều 49. Giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo và các khoản giảm trừ khác			
	Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam (công văn số	Về nguyên tắc, việc thiết kế mức giảm trừ đối với các khoản chi cho y tế và giáo dục – đào tạo cần được đặt trong tổng thể các mục tiêu của	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	766-CV/KHXX ngày 03/4/2026)	chính sách thuế TNCN, bao gồm bảo đảm công bằng, hỗ trợ người nộp thuế, duy trì tính bền vững ngân sách và nâng cao tính ổn định của hệ thống pháp luật. Liên quan đến vấn đề này, dự thảo đưa ra hai phương án lựa chọn chính sách: Phương án 1, với mức khấu trừ 20 triệu đồng/năm đối với chi phí y tế và 21 triệu đồng/năm đối với chi phí giáo dục – đào tạo, có ưu điểm nổi bật là phản ánh tương đối sát mức chi tiêu bình quân theo số liệu hiện hành. Cách tiếp cận này góp phần bảo đảm tính hợp lý và thận trọng về tài khóa, hạn chế tác động tiêu cực đến nguồn thu ngân sách nhà nước trong ngắn hạn. Đồng thời, việc quy định mức trần ở ngưỡng thấp hơn cũng có thể làm giảm động cơ lợi dụng chính sách thông qua việc hợp thức hóa chi phí. Tuy nhiên, hạn chế lớn của phương án này là thiếu tính dự báo và khả năng thích ứng với biến động kinh tế, đặc biệt trong bối cảnh chi phí y tế và giáo dục có xu hướng gia tăng theo thời gian. Điều này có thể dẫn đến việc chính sách nhanh chóng trở nên lạc hậu, làm giảm hiệu quả hỗ trợ người nộp thuế và buộc cơ quan nhà nước phải sửa đổi quy định trong thời gian ngắn, qua đó ảnh hưởng đến tính ổn định của hệ thống pháp luật thuế. Phương án 2 đề xuất nâng mức khấu trừ lên 23 triệu đồng/năm đối với chi phí y tế và 24 triệu đồng/năm đối với chi phí giáo dục – đào tạo, thể hiện cách tiếp cận có tính dự báo và linh hoạt hơn. Việc thiết kế mức trần cao hơn không chỉ phản ánh xu hướng gia tăng chi phí thực tế mà còn góp phần kéo dài vòng đời của chính sách, giảm tần suất phải điều chỉnh pháp luật. Đồng thời, phương án này phù hợp hơn với bản chất của các khoản chi cho y tế và giáo dục – đào tạo là những khoản chi thiết yếu, có ý nghĩa đầu tư cho vốn con người, từ đó góp phần nâng cao công bằng theo chiều dọc và giảm gánh nặng thực tế cho người lao động. Tuy nhiên, phương án này cũng đặt ra một số thách thức, bao gồm nguy cơ làm giảm thu ngân sách trong ngắn hạn và khả năng phát sinh hành vi lợi dụng chính sách nếu cơ chế kiểm soát không	và các hồ sơ có liên quan.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đủ chặt chẽ. Các khoản phí mà người nộp thuế được giảm trừ gia cảnh phải đáp ứng các điều kiện: có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật; riêng đối với khoản chi cho y tế phải có thêm Bảng kê chi phí khám bệnh, chữa bệnh sử dụng tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế; không được chi trả từ các nguồn khác kể cả từ nguồn tài trợ, hỗ trợ, trả thay của tổ chức, cá nhân, nguồn ngân sách Nhà nước, quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế... Đồng thời, tại dự thảo Nghị định cũng loại trừ việc áp dụng khoản giảm trừ cho y tế, giáo dục – đào tạo quy định tại Điều này trong trường hợp người nộp thuế đã áp dụng cơ chế giảm thuế đối với các khoản chi cho y tế quy định tại Điều 41 Nghị định này hoặc đối với các khoản chi cho y tế, giáo dục – đào tạo do người sử dụng lao động chi trả cho người lao động tại điểm b, g, i khoản 4 Điều 8 Nghị định này. Như vậy, có thể thấy, dự thảo Nghị định đã thiết kế các điều kiện kèm theo tương đối chặt chẽ, như yêu cầu về hóa đơn, chứng từ hợp pháp; loại trừ các khoản chi đã được chi trả từ bảo hiểm y tế, ngân sách nhà nước hoặc các nguồn hỗ trợ khác; đồng thời không cho phép áp dụng trùng lặp với các cơ chế ưu đãi thuế khác. Những quy định này có vai trò quan trọng trong việc hạn chế rủi ro gian lận và bảo đảm tính nhất quán của hệ thống pháp luật thuế, qua đó góp phần khắc phục đáng kể các nhược điểm tiềm ẩn của phương án có mức khấu trừ cao hơn. <i>Đề xuất:</i> Trên cơ sở so sánh các tiêu chí về công bằng, hiệu quả, tính ổn định và khả năng thực thi, có thể thấy <u>Phương án 2</u> là lựa chọn phù hợp hơn trong bối cảnh hiện nay. Phương án này không chỉ nâng cao hiệu quả hỗ trợ người nộp thuế mà còn thể hiện định hướng xây dựng chính sách thuế theo hướng chủ động, có tính dự báo và thích ứng với biến động kinh tế – xã hội. Tuy nhiên, để tối ưu hóa hiệu quả chính sách, cần xem xét bổ sung cơ chế điều chỉnh tự động mức giảm trừ theo các chỉ số kinh tế vĩ mô như chỉ số giá tiêu dùng hoặc mức chi tiêu	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		bình quân do cơ quan có thẩm quyền công bố. Bên cạnh đó, việc tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý hóa đơn, chứng từ và liên thông dữ liệu với các cơ sở y tế, giáo dục cũng là giải pháp cần thiết nhằm nâng cao hiệu quả kiểm soát và giảm thiểu rủi ro lợi dụng chính sách.	
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (công văn số 1785/BVHTTDL-PC ngày 06/4/2026)	Phương án 2	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.
	Bộ Y tế (công văn số 2401/BYT-KHTC ngày 06/4/2026)	Về các khoản giảm trừ (Đối soát Điều 48, 49 dự thảo): Đề nghị xem xét bổ sung khoản giảm trừ đối với chi phí đào tạo liên tục (CME) của nhân viên y tế (có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ), tương tự như các khoản đóng bảo hiểm bắt buộc. Lý do: Theo quy định tại Điều 22 Luật Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023, việc cập nhật kiến thức y khoa liên tục là nghĩa vụ bắt buộc để duy trì giấy phép hành nghề. Đây là khoản chi phí cần thiết để duy trì điều kiện hành nghề, không phải chi tiêu mang tính tiêu dùng cá nhân, do đó cần được xem xét giảm trừ trước khi tính thuế. Bên cạnh đó, đặc thù đào tạo kéo dài và rủi ro nghề nghiệp cao của ngành y tế cũng đòi hỏi có chính sách thuế phù hợp nhằm bảo đảm tái sản xuất sức lao động.	Dự thảo Luật đã bao quát nội dung góp ý.
		Về hồ sơ chứng minh người phụ thuộc và Giảm trừ y tế (Điều 48, 49 dự thảo): Đề nghị quy định việc chứng minh người phụ thuộc và các khoản giảm trừ liên quan đến chi phí y tế được thực hiện thông qua kết nối, chia sẻ dữ liệu điện tử, không yêu cầu nộp hồ sơ giấy. Lý do: Căn cứ định hướng tại Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về đẩy mạnh chuyển đổi số và quy định tại Điều 120 Luật	Tại dự thảo Nghị định đã thể hiện nội dung này. Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu điện tử theo pháp luật về quản lý thuế.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Khám bệnh, chữa bệnh năm 2023, việc kết nối dữ liệu giữa cơ quan thuế với cơ sở y tế và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư sẽ góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm phiền hà cho người dân khi thực hiện các quyền lợi về thuế.	
	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (công văn số 3749/BNMT-KHTC ngày 10/4/2026)	- Quy định về giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo và các khoản giảm trừ khác, đề nghị xem xét thực hiện theo Phương án 1: “2. Người nộp thuế là cá nhân cư trú được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công các khoản chi cho y tế, giáo dục – đào tạo của người nộp thuế và người phụ thuộc của người nộp thuế bao gồm: a) Các khoản chi cho khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế trong nước không quá 20 triệu đồng/năm, trừ các khoản chi cho các trường hợp quy định tại Điều 23 Luật Bảo hiểm y tế. b) Các khoản chi cho giáo dục - đào tạo tại cơ sở giáo dục - đào tạo trong nước không quá 21 triệu đồng/năm, cụ thể: Khoản tiền học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học theo quy định của pháp luật về giáo dục - đào tạo và các kỹ năng chuyên môn khác tại cơ sở giáo dục - đào tạo.”. Lý do: Để phù hợp với thực tế chi tiêu cho y tế, giáo dục - đào tạo bình quân theo kết quả điều tra mức sống dân cư trong giai đoạn vừa qua; đồng thời đảm bảo ngân sách nhà nước, giảm rủi ro gây tác động lớn đến ngân sách nhà nước. - Quy định về khoản chi cho y tế, giáo dục - đào tạo được trừ vào thu nhập trước khi tính thuế của cá nhân: Đề nghị xem xét thực hiện theo Phương án 2: “a) Các khoản chi cho khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế trong nước không quá 23 triệu đồng/năm, trừ các khoản chi cho các trường hợp quy định tại Điều 23 Luật Bảo hiểm y tế.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		b) Các khoản chi cho giáo dục - đào tạo tại cơ sở giáo dục – đào tạo trong nước không quá 24 triệu đồng/năm, cụ thể: Khoản tiền học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học theo quy định của pháp luật về giáo dục – đào tạo và các kỹ năng chuyên môn khác tại cơ sở giáo dục – đào tạo”. Lý do: Để đảm bảo phù hợp với mức chi tiêu bình quân và thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, đề nghị xem xét quy định các hồ sơ có liên quan để giảm trừ các khoản chi cho y tế, giáo dục - đào tạo của người phụ thuộc trong trường hợp người lao động ủy quyền cho người sử dụng lao động quyết toán thuế TNCN.	
	Ngân hàng nhà nước Việt Nam (công văn số 2897/NHNN-TCKT ngày 14/4/2026)	Khoản 2 Điều 49: Đề xuất lựa chọn “phương án 2” nhằm góp phần giảm nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế ở mức cao hơn, đảm bảo phù hợp với tốc độ tăng của giá dịch vụ y tế, giáo dục hiện nay.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.
	Bộ Xây dựng (công văn số 5960/BXD-KHTC ngày 22/4/2026)	Khoản 1: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét bổ sung quy định giảm trừ đối với những khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo trực tiếp từ người nộp thuế cho các cá nhân, hộ gia đình gặp khó khăn cần nhận trợ giúp trong trường hợp cung cấp đủ chứng từ chi hợp pháp của việc từ thiện, nhân đạo (sao kê ngân hàng, hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ, chứng từ hợp pháp khác), để khuyến khích hoạt động nhân đạo trong xã hội qua tổ chức và không qua tổ chức.	Dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15. Do vậy, đề nghị không mở rộng phạm vi đối với khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo không qua tổ chức.
		Khoản 2: đề nghị lựa chọn phương án 2 để phù hợp với mức chi tiêu bình quân hiện tại	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.
		Khoản 3: đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét điều chỉnh quy định về giảm trừ các khoản chi cho giáo dục - đào tạo theo hướng đưa ra mức khoán giảm trừ cho học phí giáo dục từ mầm non đến đại	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định do khoản chi này không chỉ giới hạn với

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		học tính trên từng người để thuận tiện trong quá trình triển khai áp dụng, giảm chi phí tuân thủ (lưu giữ, kiểm soát chứng từ, hóa đơn) vì các khoản chi này đã xác định rõ đối tượng chi, mục đích chi. Ngoài ra, đề nghị nghiên cứu, bổ sung nguyên tắc số hóa chứng từ và liên thông dữ liệu. Việc yêu cầu chứng từ giấy đối với các khoản chi y tế, giáo dục hoặc từ thiện hiện nay là chưa phù hợp với xu thế chuyển đổi số. Đề nghị quy định theo hướng cơ quan thuế chấp nhận xác nhận điện tử từ các tổ chức trung gian (ngân hàng, công thanh toán) để đơn giản hóa thủ tục quyết toán cho cá nhân.	người phụ thuộc mà còn cho cả người nộp thuế khi tham gia các chương trình giáo dục, đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ. Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu điện tử theo pháp luật về quản lý thuế.
	Bộ Công an (công văn số 6821/ANKT-TCĐT ngày 21/4/2026)	Làm rõ mức giảm trừ giáo dục và y tế cho một người nộp thuế hay tính cho một người phụ thuộc (khoản 2 Điều 49); Khoản 3 Điều 49 quy định về hoá đơn, chứng từ đối với các khoản chi phí mà người nộp thuế được giảm trừ quy định tại khoản 2 Điều 49. Tuy nhiên, việc tập hợp hoá đơn, chứng từ y tế, giáo dục, doanh nghiệp khó khăn khi tổng hợp chứng từ của toàn bộ người nộp thuế, người phụ thuộc tại đơn vị khi thực hiện quyết toán thuế TNCN. Vì vậy, cần quy định cụ thể hơn (chứng từ) vì thực tế hiện nay có một số trường học không có hoá đơn, phiếu thu đối với một số khoản chi.	Tại dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể: Người nộp thuế là cá nhân cư trú được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công các khoản chi cho y tế, giáo dục – đào tạo của người nộp thuế và người phụ thuộc của người nộp thuế. Mức quy định không quá 23 triệu đồng/năm đối với khoản chi cho y tế và 24 triệu đồng/năm đối với giáo dục – đào tạo là mức trừ tối đa vào thu nhập chịu thuế của người nộp thuế. Tại dự thảo Nghị định cũng đã quy định: Trường hợp trong kỳ tính thuế cá nhân có đề nghị giảm thuế do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo quy định tại Điều 40 Nghị định này hoặc có phát sinh các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo và các khoản giảm trừ khác quy định tại Điều 49 Nghị định này mà người nộp

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			thuế có yêu cầu thực hiện giảm trừ vào thu nhập trước khi tính thuế thì người nộp thuế phải tự quyết toán thuế. Quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu điện tử theo pháp luật về quản lý thuế.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (công văn số 1455/KHH-NVDTPC ngày 01/4/2026)	Thuế tỉnh Khánh Hòa lựa chọn <u>Phương án 2</u> : “2. Người nộp thuế là cá nhân cư trú được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công các khoản chi cho y tế, giáo dục – đào tạo của người nộp thuế và người phụ thuộc của người nộp thuế bao gồm: a) Các khoản chi cho khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế trong nước không quá 23 triệu đồng/năm, trừ các khoản chi cho các trường hợp quy định tại Điều 23 Luật Bảo hiểm y tế. b) Các khoản chi cho giáo dục – đào tạo tại cơ sở giáo dục – đào tạo trong nước không quá 24 triệu đồng / năm, cụ thể: Khoản tiền học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học theo quy định của pháp luật về giáo dục – đào tạo và các kỹ năng chuyên môn khác tại cơ sở giáo dục – đào tạo.” Lý do: Dự trù cho một số năm tiếp theo và đảm bảo phù hợp mức chi tiêu bình quân theo số liệu được cung cấp tại Bản so sánh, thuyết minh kèm theo. Chính sách này sẽ góp phần giảm chi phí y tế, giáo dục – đào tạo cho người nộp thuế, thể hiện sự hỗ trợ, chia sẻ của Nhà nước với người dân.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (công văn số 2167/QNG-NVDTPC ngày 03/4/2026)	Lựa chọn phương án 2 Lý do: phù hợp với biến động giá cả và chi phí sinh hoạt hiện nay, phù hợp với định hướng cải cách chính sách Thuế TNCN theo hướng giảm gánh nặng cho người lao động, đảm bảo nguyên tắc Thuế TNCN được xây dựng trên các nguyên tắc công bằng.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La (công văn số 417/SLA-NVDTPC ngày 03/4/2026)	Đề xuất: Phương án 2	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (công văn số 2278/THO-NVDTPC ngày 07/4/2026)	Giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo và các khoản giảm trừ khác lựa chọn Phương án 2, việc thiết lập mức trần giảm trừ (23 triệu/năm với y tế và 24 triệu/năm với giáo dục) là phù hợp với thực tiễn biến động của chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và sự gia tăng chi phí các dịch vụ thiết yếu hiện nay. Quy định cho phép giảm trừ các khoản chi này sẽ khuyến khích người dân có thói quen lấy hóa đơn điện tử khi sử dụng dịch vụ y tế, giáo dục; từ đó giúp cơ quan Thuế kiểm soát chặt chẽ và chống thất thu doanh thu đối với các cơ sở y tế, giáo dục tư nhân.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (công văn số 805/CMA-NVDTPC ngày 03/4/2026)	Phương án 2	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu (công văn số 660/LCH-NVDTPC ngày 03/4/2026)	Phương án 2	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên (công văn số 1981/STC-QLNS ngày 06/4/2026)	Phương án 2	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế (công văn số 587/HUE-CNTK ngày 06/4/2026)	Đối với quy định về mức giảm trừ đối với chi phí y tế và giáo dục tại Điều 49 (trang 32) dự thảo Nghị định: Kiến nghị lựa chọn Phương án 2 để phù hợp hơn với sự gia tăng chi phí y tế và giáo dục thực tế hiện nay. Đồng thời, nhằm đảm bảo	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		việc khả thi trong việc áp dụng Nghị định sau này, dự thảo nên quy định cơ chế trần giảm trừ theo tỷ lệ tham chiếu (ví dụ: gắn với mức lương cơ sở hoặc mức giảm trừ gia cảnh) để tránh việc quy định nhanh chóng bị lạc hậu do lạm phát thay vì con số tuyệt đối là (20 - 24 triệu đồng).	
	Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An (công văn số 1506/NAN-NVDTPC ngày 07/4/2026)	Phương án 2	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình (công văn số 3813/NBI-NVDTPC ngày 03/4/2026)	Phương án 2	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (công văn số 3529/BNI-NVDTPC ngày 06/4/2026)	Phương án 2	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (công văn số 5018/DON-NVDTPC ngày 07/4/2026)	Trên cơ sở đó, Thuế tỉnh Đồng Nai thống nhất với Phương án 2 do phù hợp hơn với mặt bằng chi phí hiện nay. Tuy nhiên, để đảm bảo rõ ràng và thuận lợi trong quá trình thực hiện, Thuế tỉnh <u>kiến nghị thêm một số nội dung sau</u>: - Đối với khoản chi khám bệnh, chữa bệnh: Cần quy định rõ khoản chi được tính giảm trừ là các khoản chi thực tế phát sinh tại các cơ sở y tế trong nước, thuộc phạm vi danh mục do bảo hiểm y tế chi trả, phần chi vượt mức bảo hiểm y tế chi trả được tính giảm trừ nhưng tối đa không quá 23 triệu đồng/người/năm (không bao gồm phần chi phí đã được ngân sách nhà nước hoặc bảo hiểm y tế hỗ trợ). - Đối với khoản chi giáo dục – đào tạo: Cần quy định rõ khoản chi được tính giảm trừ là các khoản chi theo quy định của pháp luật về	Tại dự thảo Nghị định đã thể hiện được ý kiến góp ý. Mức giảm trừ cho y tế, giáo dục thuộc thẩm quyền của Chính phủ và cần quy định cụ thể tại dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		giáo dục đào tạo sau khi trừ phần đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ nhưng tối đa không quá 24 triệu đồng/người/năm. - Bổ sung Quy định cơ chế điều chỉnh định kỳ mức giảm trừ theo biến động giá cả và mức sống của người dân. Việc hoàn thiện theo hướng nêu trên sẽ góp phần: Bảo đảm tính thực chất của chính sách giảm trừ; Tăng khả năng hỗ trợ người nộp thuế; Phù hợp với xu hướng quốc tế trong việc cho phép khấu trừ các chi phí thiết yếu như y tế, giáo dục khi tính thuế TNCN.	
	Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (công văn số 1721/HPH-NVDTTPC ngày 03/4/2026)	Thuế thành phố Hải Phòng nhất trí với Phương án 2. Tuy nhiên có một số ý kiến như sau: - Mức giảm trừ quy định tại khoản này áp dụng cho 1 người hay tất cả bao gồm cả bản thân và người phụ thuộc. Cụ thể, mức 23 triệu đồng/năm là 23 triệu/năm/người hay tổng tất cả chi phí khám chữa bệnh cho bản thân và người phụ thuộc là 23 triệu/năm. Nếu là tổng tất cả chi phí thì sẽ không công bằng giữa những người nộp thuế có cùng mức thu nhập nhưng có số người phụ thuộc khác nhau. Ví dụ, người phải nuôi 3 con lại có mức giảm trừ y tế bằng với người phải nuôi 1 con. Thuế thành phố Hải Phòng đề xuất Ban soạn thảo xem xét nội dung này do mục tiêu đưa khoản giảm trừ để thực hiện nguyên tắc “<i>công bằng</i>” và “<i>khả năng nộp thuế</i>”, có tính đến đặc thù, hoàn cảnh của người nộp thuế: người có thu nhập cao hơn thì nộp thuế nhiều hơn, người có thu nhập như nhau nhưng có hoàn cảnh khó khăn, nhiều người phụ thuộc thì nộp thuế ít hơn. - Đối với quy định “<i>kỹ năng chuyên môn khác tại cơ sở giáo dục-đào tạo</i>” Thuế thành phố Hải Phòng đề xuất Ban soạn thảo quy định rõ hơn về “<i>kỹ năng chuyên môn</i>” là các kỹ năng nào? Và “<i>cơ sở giáo dục-</i>	Dự thảo Nghị định đã thể hiện cụ thể. Việc tính toán mức này đã được giải trình đầy đủ tại Tờ trình và có dựa trên các số liệu được cung cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>đào tạo” cần đáp ứng các điều kiện gì? Để tránh trường hợp người nộp thuế lợi dụng chính sách, đồng thời tạo ra sự rõ ràng, minh bạch để người nộp thuế và cơ quan thuế thực hiện</i> - Thuế thành phố Hải Phòng đề xuất bổ sung điều kiện về “<i>chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thanh toán từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên theo pháp luật về thuế giá trị gia tăng</i>” để phù hợp với các quy định hiện hành. - Đề xuất Ban soạn thảo làm rõ “<i>thông tin của người nộp thuế hoặc người phụ thuộc của người nộp thuế</i>” là gồm những thông tin gì? Nếu không quy định rõ ràng có thể sẽ dẫn đến vướng mắc cho người nộp thuế và cơ quan thuế khi thực hiện.	
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (công văn số 1416/QNI-NVDPTC ngày 08/4/2026)	Lựa chọn phương án 2	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.
	Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (công văn số 1897/DAN-NVDTPC ngày 08/4/2026)	Đề xuất chọn phương án 2 và xem xét tăng mức giảm trừ các khoản chi cho giáo dục – đào tạo tại cơ sở giáo dục – đào tạo trong nước, đặc biệt đối với giáo dục đại học. Đồng thời quy định liên thông dữ liệu với hệ thống hóa đơn điện tử của bệnh viện và trường học và có cơ chế tự động đổ dữ liệu về so sánh tờ khai quyết toán của đơn vị để giảm áp lực lên cơ quan thuế khi kiểm tra.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng (công văn số 4819/UBND-KTTH ngày 10/4/2026)	Lựa chọn phương án 2	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.
	Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG	Quy định trong Dự thảo Luật chưa có hướng dẫn cụ thể về việc khoản đóng góp bắt buộc của người lao động vào Quỹ phòng, chống thiên tai được coi là khoản giảm trừ vào thu nhập chịu thuế của cá	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Luật

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nhân cư trú. Khoản này không nằm trong các khoản được quy định tại mục a, b, c của Điều 49, bao gồm: <i>a) Khoản đóng góp vào các tổ chức, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tàn tật, người già không nơi nương tựa;</i> <i>b) Khoản đóng góp vào các quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học;</i> <i>c) Khoản đóng góp vào các tổ chức có chức năng huy động tài trợ được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.</i> Bổ sung mục d vào điều 49: <i>d) Khoản đóng góp vào quỹ phòng chống thiên tai theo quy định của Luật phòng, chống thiên tai.</i> Căn cứ dựa trên Nghị định 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 về thành lập và quản lý quỹ phòng, chống thiên tai.	Thuế TNCN không quy định nội dung này.
	Công ty TNHH Tư vấn Thuế Deloitte Việt Nam	Chúng tôi đề nghị áp dụng Phương án 2, đồng thời đề nghị bổ sung nội dung sau: <i>“2. Người nộp thuế là cá nhân cư trú được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công các khoản chi cho y tế, giáo dục – đào tạo của người nộp thuế và người phụ thuộc của người nộp thuế bao gồm:</i> ... <i>Căn cứ biến động của giá cả, thu nhập, Chính Phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định hạn mức giảm trừ phù hợp với tình hình kinh tế- xã hội trong từng thời kỳ.”</i> Theo nội dung trình bày tại Tờ trình Dự thảo Nghị định, chúng tôi hiểu rằng mức giảm trừ đối với các khoản chi cho y tế, giáo dục – đào tạo được Bộ Tài chính đề xuất trên cơ sở tham chiếu số liệu của Cục	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Mức đề xuất tại dự thảo Nghị định đã được tính toán phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và chi tiêu cho y tế, giáo dục – đào tạo thời gian vừa qua cũng như dự kiến thời gian tới.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Thống kê về biến động chi tiêu bình quân trong các lĩnh vực này. Tuy nhiên, việc ấn định một mức cố định trong Nghị định, trong khi các yếu tố kinh tế - xã hội tác động đến chi phí y tế và giáo dục – đào tạo luôn biến động theo thời gian, có thể làm hạn chế tính linh hoạt của chính sách. Trên thực tế, cơ chế điều chỉnh các mức cố định trong Nghị định thường không theo kịp diễn biến của thị trường, dẫn đến nguy cơ các mức này không còn phản ánh sát thực tế khi điều kiện kinh tế - xã hội thay đổi. Chúng tôi đề xuất Bộ Tài chính cân nhắc áp dụng Phương án 2, đồng thời xem xét bổ sung cơ chế điều chỉnh mức trần khoản giảm trừ này theo biến động của giá cả, nhằm đảm bảo mức quy định luôn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và phản ánh kịp thời diễn biến thực tế của thị trường.	
	VAMA - Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (công văn 041401/2026/VAMA ngày 14/4/2026)	<u>Đề xuất về Giáo dục:</u> Áp dụng cơ chế khoán chi theo cấp học: Mầm non (21 triệu/năm); THCS (30 triệu/năm); THPT (40 triệu/năm); Đại học (50 triệu/năm). <u>Đề xuất về Y tế:</u> Không áp dụng mức trần 20 triệu đồng đối với các bệnh hiểm nghèo (theo danh mục Bộ Y tế); cho phép trừ theo chi phí thực tế sau bảo hiểm. <u>Lý do:</u> Đầu tư cho con người: Học phí đại học hiện nay theo cơ chế tự chủ rất cao, mức 21 triệu đồng không còn phản ánh đúng thực tế. Việc phân loại theo cấp học giúp chính sách thuế mang tính nhân văn, hỗ trợ thực chất cho việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao. An sinh xã hội: Đối với bệnh hiểm nghèo, chi phí điều trị là gánh nặng tài chính khủng khiếp. Việc không áp mức trần thể hiện sự chia sẻ của Nhà nước với người dân trong những hoàn cảnh ngặt nghèo nhất, phù hợp với nguyên lý "khả năng nộp thuế" (ability to pay).	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định, lý do: Mức đề xuất nêu trên đã được tính toán phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và chi tiêu cho y tế, giáo dục – đào tạo thời gian vừa qua cũng như dự kiến thời gian tới, không riêng cho giáo dục đại học. Tại dự thảo Nghị định đã cho phép cá nhân giảm trừ nghĩa vụ thuế khi mắc bệnh hiểm nghèo (Điều 40) và không tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân khi nhận được hỗ trợ cho việc khám bệnh, chữa bệnh hiểm nghèo (điểm b khoản 4 Điều 8).

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Hiệp hội ngân hàng Việt Nam (công văn 195/HHNH-PLNV ngày 14/4/2026)	Khoản 1 Điều 49 Dự thảo: theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định 78/2021/NĐ-CP (và các văn bản sửa đổi bổ sung): người lao động phải nộp theo quy định để đóng góp vào Quỹ phòng chống thiên tai cấp tỉnh nên việc đánh thuế trên khoản đóng góp này sẽ ảnh hưởng đến quyết định đóng góp tự nguyện của người lao động. Do đó đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung Dự thảo theo hướng: “....d) Các khoản đóng góp bắt buộc, tự nguyện vào các Quỹ phòng, chống thiên tai (cấp trung ương, cấp tỉnh) được thành lập theo pháp luật về phòng, chống thiên tai. Tổ chức, cơ sở và các quỹ quy định tại khoản này phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc công nhận, hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, khuyến học không vì mục tiêu lợi nhuận; cứu trợ hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai. Hồ sơ xác định khoản đóng góp quy định tại khoản này là chứng từ thu hợp pháp của tổ chức, cơ sở và các quỹ hoặc chứng từ chuyển khoản qua tổ chức tín dụng...”.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định, Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 không quy định nội dung này.
		Khoản 2, 3 Điều 49 Dự thảo quy định: “2.Người nộp thuế là cá nhân cư trú được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công các khoản chi cho y tế, giáo dục - đào tạo của người nộp thuế và người phụ thuộc của người nộp thuế. 3. Các khoản chi phí mà người nộp thuế được giảm trừ quy định tại khoản 2 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau: a) Có hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật...” Việc quy định số tiền được giảm trừ căn cứ theo hóa đơn chứng từ thực tế phát sinh là một thách thức rất lớn và không khả thi trong công tác vận hành thực tế đối với tổ chức có số lượng người lao động rất lớn, lên đến hàng chục nghìn lao động như các TCTD. Việc kiểm tra, đối chiếu từng hóa đơn, chứng từ chi cho y tế, giáo dục, đào tạo theo từng lần phát sinh của người lao động tại các tổ chức trên tiêu hao nhiều nguồn lực để xử lý. Bên cạnh đó, Nghị định chưa quy định	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định nội dung này do tại khoản 3 Điều 51 đã quy định trường hợp người nộp thuế có yêu cầu giảm trừ đối với nội dung này phải tự thực hiện quyết toán thuế.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		cụ thể khoản chi cho y tế có bao gồm khoản chi cho các loại thực phẩm chức năng không phải là thuốc điều trị không, khoản chi can thiệp chỉnh hình thẩm mỹ...không, hay khoản chi cho giáo dục, đào tạo có bao gồm chỉ cho khóa học kỹ năng ngắn hạn không? Việc chưa quy định phạm vi cụ thể về các khoản chi được giảm trừ dẫn đến nhiều cách hiểu trong thực tế triển khai. Do đó, đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét, quy định mức giảm trừ cho y tế, giáo dục đào tạo theo mức cố định như mức giảm trừ gia cảnh cho bản thân và người phụ thuộc, không yêu cầu cung cấp hồ sơ chứng từ.	
	Công ty TNHH Canon Việt Nam	1. Việc bổ sung chính sách giảm trừ cho các khoản chi về y tế và giáo dục là rất tốt và hữu ích đối với người nộp thuế. Tuy nhiên, việc quy định 1 mức duy nhất cho cả người nộp thuế và người phụ thuộc chưa đảm bảo bao phủ đủ mức chi thực tế: - Ở các khu vực đô thị, chi phí cho giáo dục thường cao hơn ở khu vực nông thôn, đặc biệt là các khu vực thiếu nhiều cơ sở giáo dục công lập, học sinh phải học tại các cơ sở giáo dục tư thục với chi phí cao - Hiện nay, nhiều thuốc chữa bệnh không nằm trong danh mục thuốc chữa bệnh được bảo hiểm chi trả, do đó, người dân phải mua thuốc từ các cửa hàng bên ngoài với chi phí cao. Vậy nên đối với những người bệnh dài ngày, người già thì chi phí này sẽ cao gấp nhiều lần và là gánh nặng về chi phí đối với người nộp thuế và người phụ thuộc. 2. Khi triển khai quy định này, Doanh nghiệp sẽ bị tăng khối lượng công việc lên nhiều lần do phải có bộ phận tiếp nhận, kiểm tra hóa đơn, chứng từ để thực hiện giảm trừ cho người lao động; đồng thời bị tăng không gian lưu trữ dữ liệu mềm và cứng từ những giấy tờ trên theo quy định về lưu trữ <u>Đề xuất:</u>	Việc áp dụng giảm trừ cho từng người hay tối đa cho một người nộp thuế đã được tính toán, phân tích cụ thể tại hồ sơ Nghị định. Tại dự thảo Nghị định cũng đã quy định: Trường hợp trong kỳ tính thuế cá nhân có đề nghị giảm thuế do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo quy định tại Điều 40 Nghị định này hoặc có phát sinh các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo và các khoản giảm trừ khác quy định tại Điều 49 Nghị định này mà người nộp thuế có yêu cầu thực hiện giảm trừ vào thu nhập trước khi tính thuế thì người nộp thuế phải tự quyết toán thuế.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		1. Đề xuất áp dụng giảm trừ cho từng người thay vì cả người nộp thuế và người phụ thuộc 2. Đề xuất ban soạn thảo nghiên cứu phương án để đơn giản hóa quy trình và thủ tục	
	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Nguyên Ngọc (Tầng 15, tòa nhà Century - khu đô thị Times City, số 458 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Hà Nội); email: congtynguyenngoc.ketuan@gmail.com; số điện thoại: 0888275006 – Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính Phủ Trần Quốc Đạt (Đông Ngạc, Hà Nội); email: datquoctran.vn@gmail.com; số điện thoại: 0983198695 - Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính Phủ	Đề xuất: Thực hiện theo Phương án 2. Lý do: Việc điều chỉnh tăng các giảm trừ đối với các khoản chi cho y tế - giáo dục là một vấn đề quan trọng nhằm đảm bảo sự công bằng, hợp lý và phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội hiện nay. Chúng tôi cho rằng Phương án 2 là phù hợp do (i) Phản ánh sát hơn tương quan giữa mức thu nhập và mặt bằng chi tiêu thực tế cho y tế, giáo dục của người dân và (ii) Góp phần giảm gánh nặng tài chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động – là lực lượng nòng cốt của nền kinh tế.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.
	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (công văn số 0685/LĐTM-PC ngày 16/4/2026)	- Khoản 2 Điều 49 Dự thảo đưa ra hai phương án về các định thu nhập từ tiền lương, tiền công các khoản chi cho y tế, giáo dục – đào tạo của người nộp thuế và người phụ thuộc được giảm trừ vào thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế. Phương án 1: khoản chi cho khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở y tế trong nước không quá 20 triệu đồng/năm. Khoản chi cho giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục – đào tạo trong nước không quá 21 triệu đồng/năm;	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Phương án 2: các mức tương ứng là 23 triệu đồng/năm và 24 triệu đồng/năm Phương án 2 là hợp lý bởi vì, phản ánh sát hơn tương quan giữa mức thu nhập và mặt bằng chi tiêu thực tế cho y tế, giáo dục của người dân và góp phần giảm gánh nặng tài chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động.	
	Hiệp hội bất động sản Việt Nam (công văn số 23/CV-HHBĐSVN ngày 17/4/2026)	Đề xuất: Thực hiện theo Phương án 2. Lý do: Việc điều chỉnh tăng các giảm trừ đối với các khoản chi cho y tế - giáo dục là một vấn đề quan trọng nhằm đảm bảo sự công bằng, hợp lý và phù hợp với tình hình kinh tế – xã hội hiện nay. Chúng tôi cho rằng Phương án 2 là phù hợp do (i) Phản ánh sát hơn tương quan giữa mức thu nhập và mặt bằng chi tiêu thực tế cho y tế, giáo dục của người dân và (ii) Góp phần giảm gánh nặng tài chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động – là lực lượng nòng cốt của nền kinh tế.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu ý kiến tham gia và hoàn thiện dự thảo Nghị định và các hồ sơ có liên quan.
	Hiệp hội thương mại Mỹ tại Việt Nam (công văn ngày 18/05/2026)	Chúng tôi hiểu rằng: (i) Toàn bộ các khoản chi do người sử dụng lao động chi trả liên quan đến chăm sóc sức khỏe (quy định tại Điều 8.2.d của Dự thảo), khoản tiền hỗ trợ cho việc khám bệnh, chữa bệnh hiểm nghèo cho bản thân người lao động và thân nhân của người lao động (quy định tại Điều 8.4.b của Dự thảo) và khoản chi tiền đào tạo cho người lao động (quy định tại Điều 8.4.i của Dự thảo) sẽ không chịu thuế thu nhập cá nhân, không áp dụng bất kỳ ngưỡng giá trị nào, và không phụ thuộc vào giá trị hay tần suất chi trả. Quy định này thể hiện chính sách khuyến khích nâng cao phúc lợi cho người lao động và phát triển nguồn nhân lực. (ii) Trong khi đó, các khoản chi cho y tế, giáo dục - đào tạo của bản thân người nộp thuế và người phụ thuộc khi xác định thuế thu	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Tại dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể đây là mức giảm trừ bổ sung cho người nộp thuế ngoài việc được áp dụng mức giảm trừ gia cảnh của bản thân ở mức 15,5 triệu đồng/tháng, mức giảm trừ cho người phụ thuộc của người nộp thuế ở mức 6,2 triệu đồng/người/tháng và trừ vào thu nhập chịu thuế các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc, các

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nhập cá nhân (theo Điều 49.2 của Dự thảo) lại chỉ được giảm trừ theo các mức trần cụ thể, thay vì được giảm trừ toàn bộ (100%) các khoản chi thực tế đã phát sinh và do chính người nộp thuế chi trả. Đề xuất bỏ quy định về ngưỡng giảm trừ tối đa, hoặc tăng ngưỡng giảm trừ tối đa so với mức đang được quy định tại Điều 49.2 của Dự thảo đối với chi phí chăm sóc sức khỏe và giáo dục/đào tạo do người lao động tự chi trả, đặc biệt trong các trường hợp đặc biệt (ví dụ: bệnh hiểm nghèo,...).	khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo theo quy định... Các khoản quy định tại khoản 2 Điều 8 là các khoản được chi trả bởi người sử dụng lao động cho người lao động mang tính chất tiền lương, tiền công. Các quy định tại khoản 4 Điều 8 là các khoản được chi trả bởi người sử dụng lao động cho người lao động mang tính chất tiền lương, tiền công nhưng không phải tính vào thu nhập từ tiền lương, tiền công của người lao động. Các khoản này là người lao động được nhận từ người sử dụng lao động không phải là các khoản giảm trừ như quy định tại khoản 2 Điều 49 là các khoản mà người lao động hay người nộp thuế phải bỏ tiền ra để chi tiêu cho y tế, giáo dục – đào tạo. Mức đề xuất nêu trên đã được tính toán phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và chi tiêu cho y tế, giáo dục – đào tạo thời gian vừa qua cũng như dự kiến thời gian tới. Tại dự thảo Nghị định đã cho phép cá nhân giảm trừ nghĩa vụ thuế khi mắc bệnh hiểm nghèo (Điều 40) và không tính vào thu nhập chịu thuế của cá nhân khi nhận được hỗ trợ cho việc khám bệnh, chữa bệnh hiểm nghèo (điểm b khoản 4 Điều 8).

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 10 của Luật phòng, chống thiên tai 2013 (sửa đổi) và Khoản 3 Điều 12 của Nghị định 78/2021/NĐ-CP (sửa đổi), khoản đóng góp phòng, chống thiên tai là khoản đóng góp bắt buộc đối với người lao động (cụ thể là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu trong điều kiện lao động bình thường theo quy định của pháp luật về lao động). Tuy nhiên hiện tại khoản đóng góp phòng, chống thiên tai chưa được quy định cụ thể thuộc danh mục các khoản được giảm trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân theo Dự thảo. Kiến nghị sửa đổi bổ sung Khoản 1 Điều 49, theo đó quy định rõ khoản đóng góp phòng, chống thiên tai của người lao động là khoản được giảm trừ khi tính thuế thu nhập cá nhân.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định do Luật Thuế TNCN không quy định nội dung này. Quy định tại khoản 1 Điều 49 là giảm trừ cho người nộp thuế đối với trường hợp thiên tai, hỏa hoạn, bất khả kháng... xảy ra làm ảnh hưởng tới khả năng nộp thuế của người nộp thuế. Không liên quan đến các khoản khoản đóng góp phòng, chống thiên tai của người lao động.
	Thái Mạnh Cường (Email: cuong.thaimanh@gmail.com Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	Về khoản 1 Điều 49 <i>“Hồ sơ xác định khoản đóng góp quy định tại khoản này là chứng từ thu hợp pháp của tổ chức, cơ sở và các quỹ hoặc chứng từ chuyển khoản qua tổ chức tín dụng.”</i> Đề nghị sửa <i>“chứng từ chuyển khoản”</i> thành <i>“chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt”</i> Đảm bảo bao quát các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt khác nhau.	Cơ quan soạn thảo đã tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định.
	Lê Duy Anh (Đống Đa, Hà Nội); email: d.a.leict@gmail.com; số điện thoại: 0977260890 – Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính phủ	- Làm rõ mức giảm trừ là tổng cho TẤT CẢ người phụ thuộc hay TRÊN 1 người phụ thuộc. Việc quy định mức trần mà không quan tâm đến số lượng người phụ thuộc là chưa hợp lý. Ví dụ: 1 người có 1 con đi học với 1 người có 3 con đi học mà quy định cùng trần 24 triệu/năm cho giáo dục là chưa hợp lý. Đề xuất: mức 47 triệu cần được áp dụng cho 1 người (bản thân người nộp thuế hoặc 1 người phụ thuộc). - Mức giảm trừ 24 triệu/năm (2 triệu/tháng cho tất cả người nộp	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Việc giảm trừ mức khác nhau cho từng đối tượng rất phức tạp và không khả thi, khó thực hiện cho người nộp thuế khi phải xác định mình ở mức nào, tăng chi phí tuân thủ thuế của người nộp thuế cũng như chi phí quản lý thuế của cơ quan thuế.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thuế và người phụ thuộc) cho giáo dục là quá thấp, chưa phản ánh đúng tinh thần của Nghị quyết 57. Cơ quan soạn thảo nên làm rõ cách tính ra mức giảm trừ này, rất khó để có nền khoa học công nghệ phát triển khi mức đầu tư cho giáo dục thấp như vậy. Đề xuất: Các chi phí cho giáo dục cần được giảm trừ theo thực tế cho người phụ thuộc là trẻ em đi học phổ thông, miễn là có hóa đơn chứng từ đầy đủ. Chi phí học đại học các lĩnh vực ưu tiên cũng nên được giảm trừ. Điều vô lý là chúng ta MIỄN THUẾ TNCN (TNCN) cho chuyên gia trong các lĩnh vực ưu tiên nhưng không giảm trừ HỌC PHÍ cho sinh viên đại học trong các lĩnh vực ưu tiên. - Mức giảm trừ 23 triệu/năm cho y tế là quá thấp, chưa có tính phân loại giữa dịch vụ y tế thông thường và chi phí chữa các bệnh nặng, cần điều trị lâu dài tốn kém (hiếm nghèo). “Thu thuế của người bệnh ung thư” là 1 ví dụ cho sự không hợp lý. Đề xuất: Chi phí y tế điều trị các bệnh mãn tính, hiếm nghèo cần được giảm trừ theo thực tế miễn là có đầy đủ hóa đơn chứng từ. Cơ quan quản lý cần đặt mình vào hoàn cảnh tuyệt vọng của những bệnh nhân bệnh hiếm nghèo và gia đình họ. - Đề xuất: Mở rộng cho chi phí giáo dục và y tế từ các nhà cung cấp NGOÀI VIỆT NAM, miễn là có đủ hóa đơn chứng từ. Nhu cầu giáo dục và khám chữa bệnh của người dân cần được tôn trọng nếu các cơ sở trong nước không đáp ứng được. Lợi ích cuối cùng vẫn được hưởng bởi con người và nền kinh tế Việt Nam (nguồn nhân lực chất lượng cao hơn và dân số khỏe mạnh hơn).	
	Hà Việt Giang (8/27 Đại Cồ Việt, Bạch Mai, Hà Nội); email: havietgiang@gmail.com; số điện thoại: 0975741348 –	Hiện nay, Thông tư 111/2013/TT-BTC (và các văn bản sửa đổi, bổ sung) quy định trường hợp không giảm trừ gia cảnh đối với người phụ thuộc quá tuổi lao động không có thu nhập hoặc có thu nhập bình quân tháng trong năm từ tất cả các nguồn thu nhập không vượt quá 1.000.000 đồng Căn cứ quy định hiện hành, người có lương hưu	Cơ quan soạn thảo sẽ nghiên cứu ý kiến tham gia này trong quá trình xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính phủ	không phải là người phụ thuộc được giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế. Vì phần lớn người hưởng lương hưu có thu nhập bình quân tháng trong năm trên 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, thực tế hiện nay mức hưởng lương hưu của nhiều người không cao, thấp hơn mức được giảm trừ gia cảnh trong trường hợp người phụ thuộc không có thu nhập (hoặc thu nhập dưới 1.000.000 đồng/tháng). Vì vậy, tôi đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu, bổ sung quy định về điều kiện giảm trừ, theo đó nếu người quá tuổi lao động có thu nhập (bao gồm lương hưu) thấp hơn mức giảm trừ gia cảnh thì người nộp thuế sẽ được giảm trừ thêm. Với đặc trưng của xã hội Việt Nam, người được hưởng lương hưu/người cao tuổi trong gia đình tham gia chăm sóc bản thân và con cháu, việc cho phép khấu trừ thuế đối với người quá tuổi lao động có thu nhập (lương hưu) thấp hơn mức giảm trừ sẽ tạo sự thay đổi trong xã hội, giúp người được hưởng lương hưu/người cao tuổi tự tin hơn. Đồng thời, thiết lập tư duy trong xã hội về việc "lượng hóa" các công việc trong gia đình (như chăm sóc con cháu).	
Điều 50. Khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay			
	Bộ Nông nghiệp và Môi trường (công văn số 3749/BNNMT-KHTC ngày 10/4/2026)	Đề nghị thuyết minh cơ sở tính toán cho đề xuất nâng mức thu nhập từ 2 triệu đồng/lần lên 3 triệu đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10%. Lý do: Tại dự thảo bảng so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị định chưa đưa ra cơ sở tính toán cho mức đề xuất mới; đồng thời cần tính toán đến đối với các trường hợp lao động thời vụ thuộc lĩnh vực lâm nghiệp (trồng rừng, khoán bảo vệ rừng...) việc quy định giữ lại 10% thuế với mức thu nhập thấp (3 triệu đồng/lần) gây khó khăn cho đời sống người dân và phát sinh thủ tục hành chính phức tạp cho cá nhân thực hiện quyết toán, hoàn thuế hằng năm.	Tiếp thu ý kiến và tại dự thảo Nghị định đề xuất nâng lên mức 5 triệu đồng/lần.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (công văn số 2897/NHNN-TCKT ngày 14/4/2026)	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định tại các khoản này, đảm bảo không trùng lặp về phạm vi.	Cơ quan chủ trì đã thực hiện rà soát quy định tại các khoản này để đảm bảo không trùng lặp.
	Bộ Xây dựng (công văn số 5960/BXD-KHTC ngày 22/4/2026)	Khoản 2 Điều 50 về Khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay tại dự thảo Nghị định đang quy định khấu trừ 10% trên thu nhập trước khi trả cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng hoặc ký hợp đồng lao động dưới 3 tháng mà mức thu nhập từ 3 triệu đồng/lần trở lên. Trong bối cảnh thu nhập và mặt bằng giá cả đã có nhiều thay đổi, mức 3 triệu đồng chưa phản ánh đầy đủ thực tế. Đối với nhóm lao động thời vụ, lao động tự do hoặc làm việc ngắn hạn, việc bị khấu trừ ngay từ đầu có thể tạo áp lực về dòng tiền, trong khi thủ tục hoàn thuế còn tương đối phức tạp. Do vậy, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét điều chỉnh giảm mức thuế suất hoặc nâng ngưỡng khấu trừ lên mức phù hợp với thực tế thu nhập hoặc thiết kế cơ chế linh hoạt đối với một số nhóm thu nhập thấp (đề xuất mức thuế suất không quá 5% và ngưỡng tính thuế từ 10 triệu đồng/lần trở lên).	Tiếp thu ý kiến và tại dự thảo Nghị định đề xuất nâng lên mức 5 triệu đồng/lần. Quy định tạm khấu trừ theo mức 10% đối với các khoản thu nhập vãng lai đã thực hiện ổn định, cuối năm cá nhân có yêu cầu vẫn có thể thực hiện quyết toán. Vì vậy, đề nghị giữ mức này như hiện hành.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (công văn số 2167/QNG-NVDTPC ngày 03/4/2026)	Tại khoản 2 Điều 50 và điểm b khoản 1 Điều 51 dự thảo Nghị định. Đề xuất: Giữ nguyên nội dung tại khoản 2 Điều 50 và loại bỏ điểm b khoản 1 Điều 51 của dự thảo. Lý do: Nhằm tạo sự công bằng trong việc thực hiện nghĩa vụ Thuế TNCN vì nhiều cá nhân có thu nhập cao, bậc thuế trên 10% thì khi trực tiếp quyết toán thuế với Cơ quan Thuế thường sẽ phát sinh số thuế nộp thêm nên việc cá nhân được ủy quyền cho tổ chức chi trả quyết toán thuế phần chi trả tại tổ chức là chưa phù hợp.	Tiếp thu và hoàn thiện dự thảo Nghị định theo hướng: Tổ chức, cá nhân trả tiền lương, tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng hoặc ký hợp đồng lao động dưới 3 tháng (bao gồm cả trường hợp trả tiền lương, thu nhập khác cho người lao động đã chấm dứt hợp đồng lao động) mà mức chi trả thu nhập từ 5 triệu đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế, khai và nộp số thuế đã khấu trừ của cá nhân theo tỷ lệ 10% trên thu nhập trước khi trả thu nhập cho cá nhân.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Trường hợp mức chi trả thu nhập dưới 5 triệu đồng/lần thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập được khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% nếu cá nhân có yêu cầu. Trường hợp cá nhân chỉ có duy nhất thu nhập thuộc đối tượng phải khấu trừ thuế theo tỷ lệ nêu trên nhưng ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế thì cá nhân có thu nhập làm cam kết (theo mẫu ban hành kèm theo văn bản hướng dẫn về quản lý thuế) gửi tổ chức trả thu nhập để tổ chức trả thu nhập làm căn cứ tạm thời chưa khấu trừ thuế TNCN. Căn cứ vào cam kết của người nhận thu nhập, tổ chức trả thu nhập không khấu trừ thuế. Kết thúc năm tính thuế, tổ chức trả thu nhập vẫn phải tổng hợp danh sách và thu nhập của những cá nhân chưa đến mức khấu trừ thuế theo mẫu ban hành kèm theo văn bản hướng dẫn về quản lý thuế) và nộp cho cơ quan thuế. Cá nhân làm cam kết phải chịu trách nhiệm về bản cam kết của mình, trường hợp phát hiện có sự gian lận sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật liên quan khác.
	Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (công văn số	Thuế thành phố Hải Phòng đề xuất sửa khoản 2 thành: “2. Tổ chức, cá nhân trả tiền lương, tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể: 2. Tổ chức, cá nhân trả tiền

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	1721/HPH-NVDTPC ngày 03/4/2026)	<i>cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động hoặc ký hợp đồng lao động dưới 3 tháng mà mức chi trả từ 3 triệu đồng trở lên/lần thanh toán thì phải khấu trừ thuế, nộp thay số thuế đã khấu trừ theo tỷ lệ 10% trên tổng số tiền trước khi trả cho cá nhân. ”</i>	lương, tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng hoặc ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng (bao gồm cả trường hợp trả tiền lương, thu nhập khác cho người lao động đã chấm dứt hợp đồng lao động) mà mức chi trả thu nhập từ 05 triệu đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế, khai và nộp số thuế đã khấu trừ của cá nhân theo tỷ lệ 10% trên thu nhập trước khi trả thu nhập cho cá nhân. Trường hợp mức chi trả thu nhập dưới 05 triệu đồng/lần thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập được khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% nếu cá nhân có yêu cầu. Trường hợp cá nhân chỉ có duy nhất thu nhập thuộc đối tượng phải khấu trừ thuế theo tỷ lệ nêu trên nhưng ước tính tổng mức thu nhập chịu thuế của cá nhân sau khi giảm trừ gia cảnh chưa đến mức phải nộp thuế thì cá nhân có thu nhập làm cam kết (theo mẫu ban hành kèm theo văn bản hướng dẫn về quản lý thuế) gửi tổ chức trả thu nhập để tổ chức trả thu nhập làm căn cứ tạm thời chưa khấu trừ thuế thu nhập cá nhân. Căn cứ vào cam kết của người nhận thu nhập, tổ chức trả thu nhập không khấu trừ thuế. Kết thúc năm tính thuế, tổ chức trả thu nhập vẫn phải tổng hợp danh sách và thu nhập của những cá nhân chưa đến mức

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			khấu trừ thuế theo mẫu ban hành kèm theo văn bản hướng dẫn về quản lý thuế) và nộp cho cơ quan thuế. Cá nhân làm cam kết phải chịu trách nhiệm về bản cam kết của mình, trường hợp phát hiện có sự gian lận sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật liên quan khác. Đối với cá nhân cư trú ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện khấu trừ thuế theo Biểu thuế lũy tiến từng phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, kể cả trường hợp cá nhân ký hợp đồng từ 03 tháng trở lên tại nhiều nơi.
	Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG	Dự thảo Nghị định chưa đưa ra hướng dẫn cụ thể về mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công chi trả cho các đối tượng: - Người nước ngoài là cá nhân cư trú và đã thực hiện Quyết toán về nước. Sau khi về nước, cá nhân không còn sang Việt Nam nhưng có nhận một số khoản thu nhập phát sinh cho công việc tại Việt Nam trong cùng năm đã thực hiện Quyết toán thuế - Cá nhân ký HĐLĐ trên 3 tháng (là cá nhân cư trú) với Công ty và có phát sinh các khoản thu nhập chi trả sau khi nghỉ việc. Hiện nay, các văn bản dưới luật/ nghị định có các hướng dẫn khác nhau đối với vấn đề này. Để tránh tình trạng áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan thuế và người nộp thuế, chúng tôi đề xuất cần quy định rõ thuế suất áp dụng cho hai trường hợp nêu tại nội dung này. Việc làm rõ này sẽ bảo đảm tính minh bạch, thống nhất trong	Nội dung này đã được cơ quan soạn thảo giải trình ở trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thực thi pháp luật, đồng thời giúp doanh nghiệp và cá nhân yên tâm tuân thủ, giảm thiểu rủi ro tranh chấp và xử phạt không đáng có cho người nộp thuế. <u>Đề xuất bổ sung quy định:</u> - Người nước ngoài là cá nhân cư trú và đã thực hiện Quyết toán về nước. Sau khi về nước, của cùng năm tính thuế đó, cá nhân không còn sang Việt Nam nhưng có nhận một số khoản thu nhập phát sinh cho công việc tại Việt Nam: thuế suất áp dụng cho các khoản thu nhập sau khi về nước và đã Quyết toán là 20%. - Các khoản thu nhập chi trả sau khi nghỉ việc cho cá nhân ký HĐLĐ trên 3 tháng & là cá nhân cư trú: thuế suất áp dụng cho các khoản thu nhập chi trả sau khi kết thúc HĐLĐ là 10%.	
		Về điểm a khoản 3 <i>“Trường hợp người lao động được thưởng bằng cổ phiếu thì chưa phải tính vào thu nhập từ tiền lương, tiền công khi nhận cổ phiếu thưởng. Khi nhận được thu nhập từ chuyển nhượng số cổ phiếu này, cá nhân phải nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công; đồng thời khi chuyển nhượng cá nhân phải thực hiện nộp thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn quy định tại Điều 53 Nghị định này hoặc thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán quy định tại Điều 54 Nghị định này.</i> <i>Căn cứ xác định thu nhập chịu thuế của cổ phiếu được thưởng quy định tại điểm này là giá trị thưởng ghi trên sổ sách kế toán của tổ chức trả thu nhập tại thời điểm trả thưởng hoặc số lượng cổ phiếu thực nhận nhân (x) với mệnh giá. Trường hợp giá chuyển nhượng cổ phiếu thấp hơn mệnh giá thì tính thuế TNCN đối với thu nhập từ cổ phiếu được thưởng tính theo giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng.</i> <i>Tổ chức quy định tại khoản 4 Điều 56 Nghị định này có trách</i>	Tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể: a) Trường hợp người lao động được thưởng bằng cổ phiếu hoặc mua cổ phiếu với giá ưu đãi theo kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) thì chưa phải tính vào thu nhập từ tiền lương, tiền công khi nhận cổ phiếu. Khi nhận được thu nhập từ chuyển nhượng số cổ phiếu này, cá nhân phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công; đồng thời khi chuyển nhượng cá nhân phải thực hiện nộp thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn quy định tại Điều 53 của Nghị định này hoặc thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán quy định tại Điều 54 của Nghị định này. Trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu cùng loại thì phải nộp thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công cho tới khi hết số cổ phiếu thưởng, cổ phiếu

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>nhiệm theo dõi riêng số cổ phiếu được thưởng của cá nhân và thực hiện việc khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay theo tỷ lệ 10% tương ứng với thu nhập chịu thuế từ cổ phiếu được thưởng của cá nhân.”</i> <u>Đề xuất</u> nghiên cứu để tiệm cận thông lệ quốc tế bằng cách xem xét các vấn đề liên quan đến thời điểm tính thuế, giá trị tính thuế như phân tích nêu trên. - Đề xuất bổ sung quy định kê khai, tính thuế đối với khoản thưởng bằng “<i>Quyền chọn mua cổ phiếu</i>” do người sử dụng lao động thưởng cho người lao động. - Đề xuất bổ sung hướng dẫn trong trường hợp áp dụng khấu trừ 10% (như dự thảo Nghị định) thì cá nhân có phải thực hiện quyết toán đối với phần thu nhập từ tiền lương, tiền công hay không. - Đề xuất bổ sung quy định kê khai, tính thuế đối với trường hợp cá nhân nhận thưởng bằng Cổ phiếu hoặc Quyền chọn cổ phiếu được phát hành từ các tổ chức không thuộc khoản 4 Điều 56 Dự thảo Nghị định (ví dụ trường hợp người lao động nước ngoài là cá nhân cư trú thuế tại Việt Nam có phát sinh thu nhập chịu thuế từ cổ phiếu thưởng được phát hành từ các tổ chức nước ngoài).	ESOP. Căn cứ xác định thu nhập chịu thuế của cổ phiếu thưởng quy định tại điểm này là số tiền chi cho người lao động ghi trên sổ sách kế toán của tổ chức trả thu nhập tại thời điểm thưởng. Trường hợp không xác định được số tiền chi cho người lao động ghi trên sổ sách kế toán của tổ chức trả thu nhập thì thu nhập chịu thuế được xác định bằng số lượng cổ phiếu thực nhận nhân (x) với mệnh giá, nếu giá chuyển nhượng cổ phiếu thấp hơn mệnh giá thì thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ cổ phiếu được thưởng tính theo giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng. Căn cứ xác định thu nhập chịu thuế của cổ phiếu ESOP quy định tại điểm này là số tiền chi cho người lao động ghi trên sổ sách kế toán của tổ chức trả thu nhập tại thời điểm phát hành cổ phiếu ESOP. Trường hợp không xác định được số tiền chi cho người lao động ghi trên sổ sách kế toán của tổ chức trả thu nhập thì thu nhập chịu thuế được xác định bằng số lượng cổ phiếu thực nhận nhân (x) với mệnh giá trừ (-) đi số tiền người lao động đã bỏ ra để mua cổ phiếu ESOP, nếu phát sinh chênh lệch âm thì cá nhân không phải nộp thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công đối với cổ phiếu ESOP.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			Cá nhân nhận cổ phiếu thưởng, cổ phiếu ESOP có trách nhiệm kê khai đầy đủ nguồn gốc và giá trị thực hưởng của cổ phiếu thưởng, cổ phiếu ESOP khi thực hiện lưu ký cổ phiếu tại công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản lưu ký. Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản lưu ký theo dõi riêng số cổ phiếu được thưởng, cổ phiếu ESOP của cá nhân và thực hiện việc khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay theo tỷ lệ 10% tương ứng với thu nhập chịu thuế từ cổ phiếu được thưởng, cổ phiếu ESOP của cá nhân.
		Về điểm b khoản 3 <u>Đề xuất</u> bổ sung quy định kê khai, tính thuế đối với trường hợp người sử dụng lao động là tổ chức ở nước ngoài (không có tư cách pháp nhân tại Việt Nam, không thể thực hiện nghĩa vụ kê khai và khấu trừ thuế cho nhân viên) mua cho người lao động bảo hiểm nhân thọ (không bao gồm bảo hiểm hưu trí bổ sung, bảo hiểm hưu trí tự nguyện), bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam được phép bán bảo hiểm tại Việt Nam.	Tại dự thảo Nghị định đã quy định nội dung này theo hướng kế thừa các quy định hiện hành.
	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS (công văn số 160/2026/CV-VPS ngày 03/4/2026)	Về khoản 2 Điều 50 đề xuất nâng lên 5 triệu/lần chi trả thu nhập để giảm thiểu các tờ khai, chứng từ với các thu nhập vắng lai. So với thu nhập tối thiểu hiện nay cũng như tình hình thực tế thị trường thì thu nhập vắng lai từ 3 triệu/lần trở lên vẫn rất nhiều.	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)	Đề xuất sửa đổi điểm b, khoản 3, Điều 50 như sau: <i>“Điều 50. Khấu trừ thuế</i> <i>3. Một số trường hợp cụ thể như sau:</i> ... <i>b) Trường hợp người sử dụng lao động mua cho người lao động bảo hiểm nhân thọ (không bao gồm bảo hiểm hưu trí tự nguyện), bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam trước ngày 01 tháng 1 năm 2026, người lao động chưa phải tính vào thu nhập chịu thuế khi người sử dụng lao động mua bảo hiểm. Đến thời điểm đáo hạn hợp đồng, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế theo tỷ lệ 10% trên khoản tiền phí tích lũy tương ứng với phần người sử dụng lao động mua cho người lao động từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trường hợp khoản phí tích lũy được trả nhiều lần thì tiền thuế được khấu trừ theo tỷ lệ 10% tương ứng với từng lần trả tiền phí tích lũy.”</i> Lý do: - Khi khoản phí bảo hiểm do người sử dụng lao động mua cho người lao động đã được tính vào thu nhập từ tiền lương, tiền công của người lao động căn cứ theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 8 dự thảo Nghị định thì từ ngày 1/1/2026, khoản tiền tích lũy về phí bảo hiểm là thu nhập sau thuế TNCN từ tiền lương, tiền công của người lao động. - Không có lý do để đánh thuế TNCN từ tiền lương, tiền công hai lần đối với cùng 1 khoản thu nhập. Nếu coi khoản tích lũy về phí BH là thu nhập từ đầu tư vốn thì thuế suất áp dụng tối đa cũng chỉ là 5%. - Quy định mới về thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công có hiệu lực từ 1/1/2026 nên chỉ có các khoản phí tích lũy từ ngày	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Khoản thu nhập này là thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân mà tại thời điểm doanh nghiệp đóng cho người lao động chưa tính thuế TNCN.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		1/7/2013 đến hết ngày 31/12/2025 mới thuộc diện khấu trừ thuế TNCN 10% trước khi trả cho người lao động. người lao động.	
	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (công văn số 398A/2026/CV-SSI.TGD ngày 03/4/2026)	Đề nghị sửa đổi khoản 3 Điều 50 như sau: “3. Một số trường hợp cụ thể như sau: a) Trường hợp người lao động được thưởng bằng cổ phiếu thì chưa phải tính vào thu nhập từ tiền lương, tiền công khi nhận cổ phiếu thưởng. Khi nhận được thu nhập từ chuyển nhượng số cổ phiếu này, cá nhân phải nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công; đồng thời khi chuyển nhượng cá nhân phải thực hiện nộp thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn theo quy định tại Điều 53 Nghị định này hoặc thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán quy định tại Điều 54 Nghị định này. Căn cứ xác định thu nhập chịu thuế của cổ phiếu được thưởng quy định tại điểm này là giá trị ghi trên sổ sách kế toán của tổ chức trả thu nhập tại thời điểm trao thưởng hoặc <u>số lượng cổ phiếu thực nhận nhân (x) với mệnh giá</u>. Trường hợp giá chuyển nhượng cổ phiếu thấp hơn mệnh giá thì tính thuế TNCN đối với thu nhập từ cổ phiếu được thưởng tính theo giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng. Tổ chức quy định tại khoản 4 Điều 56 Nghị định này có trách nhiệm theo dõi riêng số cổ phiếu được thưởng của cá nhân và thực hiện việc khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay theo tỷ lệ 10% tương ứng với thu nhập chịu thuế từ cổ phiếu được thưởng của cá nhân. Khoản 4 điều 56 Tổ chức khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay ... b) Đối với chứng khoán giao dịch thông qua hệ thống giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán thì tổ chức khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại	Tiếp thu để hoàn thiện tại dự thảo Nghị định như đã giải trình ở trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>nơi cá nhân mở tài khoản lưu ký, công ty quản lý quỹ nơi cá nhân ủy thác danh mục đầu tư.</i> <i>c) Đối với chứng khoán không thông qua hệ thống giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán thì tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay như sau:</i> <i>– Chứng khoán của công ty đại chúng đã đăng ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán thì tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay là công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản lưu ký chứng khoán;</i> <i>– Chứng khoán của công ty cổ phần chưa là công ty đại chúng nhưng tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền cho công ty chứng khoán quản lý danh sách cổ đông thì tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay là công ty chứng khoán được ủy quyền quản lý danh sách cổ đông.”</i> Lý do: Quy định rõ và nhất quán lại về: Về thời điểm xác định thu nhập và giá tính thuế từ chuyển nhượng cổ phiếu thưởng cho người lao động. - Quy định rõ trách nhiệm khấu trừ thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công đối với thu nhập từ cổ phiếu thưởng cho người lao động là trách nhiệm của người sử dụng lao động hoặc người lao động. Ví dụ: Tháng 1, cá nhân A mua 5.000 cổ phiếu XXX trên sàn. Tháng 2, Người sử dụng lao động là tổ chức XXX thưởng cổ phiếu cho người lao động A 2.000 cổ phiếu XXX, hạn chế chuyển nhượng 3 tháng. Tháng 5, tổ chức XXX phát hành cổ phiếu thưởng cho nhà đầu tư với tỷ lệ 1:1, tức là cá nhân A có tổng 14.000 cp (2000+5000)*2. Tháng 7, cá nhân A bán 2000 cổ phiếu. Vậy, lượng bán trên có coi là lượng bán cổ phiếu từ thưởng cho	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		người lao động? Nếu giá tính thuế là số lượng cổ phiếu thực nhận* mệnh giá thì số lượng phải tính thuế từ cổ phiếu thưởng cho người lao động ở đây là 2000 hay 4000? Ngoài ra, ví dụ trên thời điểm chuyển nhượng cổ phiếu thưởng không trùng với thời điểm trao thưởng. Việc quy định thời điểm tính thuế là thời điểm chuyển nhượng nhưng căn cứ xác định giá cổ phiếu là giá trị sổ sách tại thời điểm trao thưởng là không phù hợp. Chưa có quy định. Các nội dung quy định ở mục b và c tại điều 4 này chỉ phù hợp với thu nhập từ đầu tư vốn hoặc chuyển nhượng cổ phiếu, không phù hợp với thu nhập từ tiền lương tiền công.	
	VAMA - Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (công văn 041401/2026/VAMA ngày 14/4/2026)	Đề xuất: Nâng ngưỡng bắt đầu khấu trừ từ 3 triệu đồng lên 5 triệu đồng/lần chi trả. Lý do: Hiệu quả quản trị: Chi phí hành chính để cơ quan thuế quản lý và thực hiện hoàn thuế cho các đối tượng thu nhập thấp (nhưng vẫn bị khấu trừ 10%) thường cao hơn số tiền thuế thu được. Việc nâng ngưỡng này giúp tinh gọn bộ máy, giảm áp lực hồ sơ cho cả cơ quan thuế và người dân.	Tiếp thu tại dự thảo Nghị định.
	Hiệp hội ngân hàng Việt Nam (công văn 195/HHNH-PLNV ngày 14/4/2026)	Điểm a Khoản 3 Điều 50 Dự thảo quy định: “3a. ...<i>Tổ chức quy định tại khoản 4 điều 56 Nghị định này có trách nhiệm theo dõi riêng số cổ phiếu được thưởng cả cá nhân và thực hiện việc khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế theo tỷ lệ 10% tương ứng với thu nhập chịu thuế từ cổ phiếu được thưởng của cá nhân.</i>” Điều 55 Dự thảo quy định: “... 1b) <i>Cá nhân có thêm thu nhập ở nơi khác mà phần thu nhập này bình quân tháng trong năm không quá 15 triệu đồng đã được tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập thực</i>	Nội dung này đã được cơ quan soạn thảo nghiên cứu, tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>hiện tạm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo tỷ lệ 10% trên thu nhập quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định này nếu không có nhu cầu thì không phải quyết toán thuế đối với phần thu nhập này”</i> + Hiện nay ngân hàng gặp một số vướng mắc như sau: i) Cá nhân nhận cổ phiếu thưởng sẽ có thời gian hạn chế chuyển nhượng. Trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, khi chuyển nhượng cổ phiếu khác tương đương thì có tính là chuyển nhượng cổ phiếu thưởng ngay không? ii) Khi chuyển nhượng cổ phiếu thưởng thì công ty nơi cá nhân mở tài khoản lưu ký khấu trừ và khai nộp thuế thay theo tỷ lệ 10%, trường hợp này cá nhân có phải quyết toán với khoản thu nhập này nếu tổng mức thu nhập bình quân tháng trong năm không quá 15 triệu đồng hay chỉ phải quyết toán nếu cá nhân có nhu cầu hoặc tổng mức thu nhập đã khấu trừ vượt quá mức bình quân 15 triệu đồng/tháng? iii) Đối với khoản cổ phiếu thưởng các cá nhân đã nhận được từ trước thì thực hiện như thế nào? Đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét, bổ sung quy định cho trường hợp xử lý khấu trừ, khai thay và quyết toán thuế với cổ phiếu thưởng.	
		Điểm b Khoản 3 Điều 50 Dự thảo quy định: “3b) Trường hợp người sử dụng lao động mua cho người lao động bảo hiểm nhân thọ (không bao gồm bảo hiểm hưu trí tự nguyện), bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, người lao động chưa phải tính vào thu nhập chịu thuế khi người sử dụng lao động mua bảo hiểm. Đến thời điểm đáo hạn hợp đồng, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế theo tỷ lệ 10% trên khoản tiền phí tích lũy tương ứng với phần người sử dụng lao động mua cho người lao động từ ngày 01 tháng 7 năm 2013...” Khi khoản phí bảo hiểm do người sử dụng lao động mua cho	Nghiên cứu để hoàn thiện tại dự thảo Nghị định

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		người lao động <u>đã được tính vào thu nhập từ tiền lương, tiền công của người lao động căn cứ theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 8 dự thảo Nghị định thì từ ngày 1/1/2026, khoản tiền tích lũy về phí bảo hiểm là thu nhập sau thuế TNCN từ tiền lương, tiền công của người lao động</u>. Không có lý do để đánh thuế TNCN từ tiền lương, tiền công hai lần đối với cùng 1 khoản thu nhập. Nếu coi khoản tích lũy về phí BH là thu nhập từ đầu tư vốn thì thuế suất áp dụng tối đa cũng chỉ là 5%. Quy định mới về thuế TNCN đối với tiền lương, tiền công có hiệu lực từ 1/1/2026 nên chỉ có các khoản phí tích lũy từ ngày 1/7/2013 đến hết ngày 31/12/2025 mới thuộc diện khấu trừ thuế TNCN 10% trước khi trả cho người lao động. Do đó, đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét, sửa đổi Dự thảo theo hướng: "3b) Trường hợp người sử dụng lao động mua cho người lao động bảo hiểm nhân thọ (không bao gồm bảo hiểm hưu trí tự nguyện), bảo hiểm không bắt buộc khác có tích lũy về phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam <u>trước ngày 01 tháng 1 năm 2026, người lao động chưa phải tính vào thu nhập chịu thuế khi người sử dụng lao động mua bảo hiểm</u>. đến thời điểm đáo hạn hợp đồng, doanh nghiệp bảo hiểm <u>có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế theo tỷ lệ 10% trên khoản tiền phí tích lũy tương ứng với phần người sử dụng lao động mua cho người lao động từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025...</u>"	
	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (công văn số 0685/LĐTM-PC ngày 16/4/2026)	- Về thu nhập vắng lai Khoản 2 Điều 50 Dự thảo quy định “Tổ chức, cá nhân trả tiền lương, tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng hoặc ký hợp đồng lao động dưới 3 tháng mà mức thu nhập từ 3 triệu đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân theo tỷ lệ 10% trên thu nhập trước khi trả	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thu nhập cá nhân.”. Hiện nay, do không có căn cứ pháp lý, nhiều tổ chức trả nhập không thực hiện khấu trừ với thu nhập dưới 2 triệu đồng dù được cá nhân đề nghị, yêu cầu thực hiện. Điều này khiến cá nhân phải mất thêm thời gian quyết toán dù số tiền thu nhập vãng lai không nhiều. Nếu cá nhân có bất cứ khoản thu nhập vãng lai nào chưa được khấu trừ thuế thì đều không được ủy quyền quyết toán thuế năm. Do vậy, đề nghị bổ sung quy định, trường hợp mức thu nhập dưới 3 triệu đồng/lần thì có thể lựa chọn khấu trừ thuế, khai thuế thay theo thỏa thuận với cá nhân. - <i>Thu nhập từ thưởng cổ phiếu</i> Điểm a khoản 3 Điều 50 Dự thảo quy định: “Trường hợp người lao động được thưởng cổ phiếu thì chưa phải tính vào thu nhập từ tiền lương, tiền công khi nhận cổ phiếu thưởng. <u>Khi nhận được thu nhập từ chuyển nhượng số cổ phiếu này, cá nhân phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công</u>; đồng thời khi chuyển nhượng cá nhân phải thực hiện nộp thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn quy định tại Điều 53 Nghị định này hoặc thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán quy định tại Điều 54 Nghị định này.”. Đề nghị quy định rõ trường hợp người lao động được thưởng cổ phiếu theo “chương trình dành riêng cho người lao động” thì chưa phải tính vào thu nhập từ tiền lương, tiền công khi nhận cổ phiếu thưởng để phân biệt với trường hợp người lao động nhận cổ phiếu thưởng khi giao dịch chứng khoán. Bởi vì, sẽ có trường hợp người lao động là cổ đông hiện hữu của doanh nghiệp do mua cổ phiếu trên sàn chứng khoán và nhận được cổ phiếu thưởng như là các cổ đông khác. Trường hợp này, người lao động sẽ áp dụng quy định về đầu tư vốn.	
	Công ty Cổ phần Tư vấn EY Việt Nam (công văn số	Một số bất cập của việc tính thuế TNCN đối với tiền lương tiền công tại thời điểm chuyển nhượng cổ phiếu thưởng:	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Việc

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	2026/0428/EY-TNCN ngày 28/4/2026)	- Cá nhân phải trực tiếp kê khai thuế TNCN từ tiền lương, tiền công trong năm phát sinh chuyển nhượng cổ phiếu thưởng, vì thế không đủ điều kiện ủy quyền quyết toán và cần trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế (tăng thủ tục hành chính cho cá nhân và tăng thời gian xử lý hồ sơ cho cơ quan thuế) - Cơ quan thuế khó khăn trong việc phát hiện và truy thu thuế nếu cá nhân không tự giác tuân thủ quy định này (tăng thời gian cần thiết để quản lý hành thu). Đặc biệt trong trường hợp cổ phiếu phát hành tại nước ngoài hoặc cá nhân kết thúc nhiệm kỳ về nước và không còn làm tại doanh nghiệp trả cổ phiếu thưởng mà chưa chuyển nhượng cổ phiếu. Trên thế giới, hầu hết các quốc gia tính thuế thu nhập từ tiền lương, tiền công đối với cổ phiếu thưởng tại thời điểm cá nhân nhận được cổ phiếu thưởng (vesting). Chúng tôi đồng ý với phương pháp khấu trừ 10% trên thu nhập chịu thuế đối với cổ phiếu thưởng và cổ phiếu ESOP thực hiện lưu ký tại công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký. Nhưng đối với một số cổ phiếu được phát hành ở nước ngoài hoặc phát hành ở Việt Nam nhưng chưa thực hiện lưu ký, đề nghị xem xét thay đổi thời điểm tính thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công từ cổ phiếu thưởng là thời điểm cá nhân nhận được cổ phiếu thưởng.	xác định thu nhập chịu thuế tại thời điểm chuyển nhượng thống nhất giữa cổ phiếu phát hành trong nước và ngoài nước. Tại dự thảo Nghị định quy định cá nhân nhận được thu nhập do tổ chức nước ngoài không đăng ký thuế tại Việt Nam chỉ trả thì phải thực hiện kê khai, nộp thuế.
	Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam (công văn số 18.26/CV-HHCK ngày 07/5/2026)	Đề xuất 1: Giữ nguyên như tại hiện hành là Không đánh thuế tiền công tiền lương đối với trường hợp cá nhân mua cổ phiếu ESOP. Căn cứ đề xuất: (i) So sánh với quy định hiện hành: - Quy định cũ đối với thu nhập từ việc mua cổ phiếu với giá ưu đãi theo kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP): + Cá nhân sở hữu ESOP không phải nộp thuế thu nhập cá nhân từ	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định ý kiến. Nội dung này không phải là nội dung mới. Tại Luật Thuế TNCN 2007 cũng đã quy định thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân bao gồm các khoản lợi ích khác mà đối tượng nộp thuế nhận được bằng tiền hoặc không bằng tiền (điểm d khoản 2

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tiền lương, tiền công khi mua cổ phiếu ESOP, việc nộp thuế TNCN từ tiền lương, tiền công chỉ áp dụng với trường hợp "nhận thưởng bằng cổ phiếu". Cụ thể Khoản 11 Điều 26 Thông tư 111/2013/TT-BTC quy định: "11. Khai thuế từ tiền lương, tiền công đối với thu nhập từ thưởng bằng cổ phiếu. Cá nhân khi nhận thưởng bằng cổ phiếu từ đơn vị sử dụng lao động chưa phải nộp thuế từ tiền lương, tiền công. Khi cá nhân chuyển nhượng cổ phiếu thưởng thì khai thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu và thu nhập từ tiền lương, tiền công. + Thực hiện nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng ESOP bằng giá chuyển nhượng nhân (x) với thuế suất 0,1% theo từng lần chuyển nhượng. (Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). - Quy định tại Dự thảo Nghị định: Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 50 Dự thảo Nghị định, cá nhân mua cổ phiếu ESOP phải thực hiện đồng thời 02 nghĩa vụ thuế sau: + Thứ nhất, phải nộp thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công khi thực hiện chuyển nhượng cổ phiếu ESOP. Công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký theo dõi riêng số cổ phiếu được thưởng, cổ phiếu ESOP của cá nhân và thực hiện việc khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay theo tỷ lệ 10% chênh lệch giá chuyển nhượng (Điểm mới bổ sung). Đến cuối năm thực hiện quyết toán thuế, căn cứ vào thu nhập từ tiền công, tiền lương, hóa đơn nộp thuế từ công ty chứng khoán khấu trừ thuế thay, đơn vị sử dụng lao động sẽ xác định mức thuế thu nhập cá nhân phải nộp. Theo đó, tại doanh nghiệp phát hành sẽ có trường hợp, người lao động phải chịu mức thuế từ tiền công, tiền lương là 35%. + Thứ hai, nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng ESOP bằng giá chuyển nhượng nhân (x) với thuế suất 0,1%	Điều 3 Luật Thuế TNCN 2007). Tại các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Thuế TNCN trước đây đã quy định việc xác định thu nhập chịu thuế đối với cổ phiếu thưởng (khoản 11 Điều 26 Thông tư số 111/2013/TT-BTC). Về bản chất cổ phiếu ESOP cũng là một hình thức cổ phiếu thưởng/lợi ích mà người lao động nhận được từ tổ chức sử dụng lao động. Với cổ phiếu thưởng người lao động không phải bỏ tiền ra mua, còn với cổ phiếu ESOP người lao động được mua với giá ưu đãi. Trong quá trình thực hiện, Bộ Tài chính thấy rằng cần phải quy định cụ thể hơn đối với cổ phiếu ESOP để đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế vì hai loại hình cổ phiếu thưởng và cổ phiếu ESOP có bản chất tương đồng đều là thưởng cho cá nhân, tuy nhiên cũng có một số điểm khác biệt nhất định trong việc xác định giá và cách thức thực hiện quyền của cá nhân. Quy định này tại dự thảo Nghị định đảm bảo thống nhất với quy định liên quan đến quy định về xác định thu nhập chịu thuế đối với trường hợp người lao động được thưởng bằng cổ phiếu và trường hợp trả cổ tức bằng cổ phiếu. Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu với giá ưu đãi cho người lao động thì người lao động phải bỏ

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		theo từng lần chuyển nhượng theo quy định tại Điều 54 dự thảo Nghị định về Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán. (Kế thừa quy định cũ). (ii) Mục đích của phát hành ESOP đối với doanh nghiệp là để gắn lợi ích nhân viên với kết quả kinh doanh và giữ chân người tài, người có cống hiến với doanh nghiệp; người lao động sẽ có cơ hội được trở thành cổ đông, được quyền hưởng lợi từ cổ phiếu và tăng sự gắn bó lâu dài với tổ chức -> Do đó, việc quy định như tại Dự thảo Nghị định tác động rất tiêu cực đến người lao động, đặc biệt là các chính sách giữ chân lao động chất lượng cao tại các doanh nghiệp.	tiền ra mua và đây được xem như là một khoản đầu tư của người lao động nên cũng cần quy định mức điều tiết phù hợp.
		Đề xuất 2: Ở vai trò công ty chứng khoán, đề xuất bổ sung quy định làm rõ thêm trong trường hợp Dự thảo thông qua thu thuế ESOP: (i) Công ty chứng khoán cần nhận được các thông tin đầy đủ về các lần chi trả ESOP để thực hiện vai trò theo dõi và khấu trừ theo dự thảo. Do vậy, đề xuất làm rõ trách nhiệm của từng bên TCPH, VSD, TVLK (Công ty chứng khoán) trong việc phối hợp và cung cấp thông tin cho công ty chứng khoán. Dự thảo đang giao cho cá nhân phải chịu trách nhiệm về việc thông báo này, tuy nhiên có thể chưa phù hợp vì không phải cá nhân nào cũng hiểu rõ về quy trình lưu ký. (ii) Nghị định dự kiến có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/07/2026. Trên cơ sở đó, công ty chứng khoán đề xuất lùi thời điểm áp dụng nghĩa vụ thuế đối với cổ phiếu ESOP đến ngày 01/07/2027, đồng thời chỉ áp dụng đối với các cổ phiếu được ghi nhận là cổ phiếu ESOP phát sinh kể từ thời điểm này. Việc giãn thời gian áp dụng nghĩa vụ thuế thêm 01 năm là cần thiết nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người lao động có đủ thời gian chuẩn bị, rà soát và điều chỉnh các chính sách nhân sự, tiền lương và đãi ngộ phù hợp với quy định mới; đồng thời hạn chế các tác động đột ngột đến thu nhập của người lao	Tiếp thu ý kiến và thể hiện tại dự thảo Nghị định. Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định ý kiến do đây là khoản lợi ích từ tiền lương, tiền công của người lao động. Tại dự thảo Nghị định cũng đã có quy định cá nhân chưa phải tính thuế khi nhận cổ phiếu ESOP, khi chuyển nhượng số cổ phiếu này mới phải nộp thuế.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		động, đặc biệt là nhóm lao động phổ thông và trung cấp – đối tượng chiếm tỷ trọng đáng kể trong các chương trình ESOP hiện nay. Đề xuất này góp phần bảo đảm mục tiêu an sinh xã hội, ổn định tâm lý người lao động, cũng như hỗ trợ doanh nghiệp duy trì vai trò của ESOP như một công cụ khuyến khích, gắn kết và giữ chân nguồn nhân lực trong bối cảnh kinh tế còn nhiều biến động." (iii) Đề xuất bổ sung quy định hướng dẫn về mẫu kê khai khi Công ty chứng khoán thực hiện khấu trừ thu nhập này. (iv) Đề xuất bổ sung cách xác định giá vốn (giá mua) của ESOP trong trường hợp NLD được nhận nhiều lần ESOP với giá vốn khác nhau, cụ thể, giá mua được xác định là giá mua trung bình của các lần mua ESOP, điểm này tạo sự đồng nhất với nguyên tắc xác định giá vốn đang áp dụng cho cổ phiếu thường.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định ý kiến do đây là nội dung thuộc lĩnh vực quản lý thuế. Tại dự thảo Nghị định cũng đã quy định cụ thể giá tính thuế đối với cổ phiếu ESOP để đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế.
	Thái Mạnh Cường (Email: cuong.thaimanh@gmail.com Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	Về khoản 2 <i>"2. Tổ chức, cá nhân trả tiền lương, tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng hoặc ký hợp đồng lao động dưới 3 tháng mà mức thu nhập từ 3 triệu đồng/lần trở lên thì phải khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân theo tỷ lệ 10% trên thu nhập trước khi trả TNCN."</i> 1. Đề nghị bổ sung: <i>"không ký hợp đồng hoặc ký hợp đồng lao động dưới 3 tháng (bao gồm trường hợp trả tiền lương, thu nhập khác cho người lao động đã chấm dứt hợp đồng lao động)..."</i> Quy định rõ ràng để xử lý vướng mắc về các khoản tiền lương, thu nhập trả cho người lao động đã nghỉ việc trong thời gian qua. 2. Đề nghị bổ sung: <i>"Trường hợp mức thu nhập dưới 3 triệu đồng/lần thì có thể lựa chọn khấu trừ thuế, khai thuế thay theo thỏa"</i>	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>thuận với cá nhân”</i> Nếu cá nhân có bất cứ khoản thu nhập vãng lai nào chưa được khấu trừ thuế thì đều không được ủy quyền quyết toán thuế năm. Hiện nay, do không có căn cứ pháp lý, nhiều tổ chức trả nhập không thực hiện khấu trừ với thu nhập dưới 2 triệu đồng dù được cá nhân đề nghị, yêu cầu thực hiện. Điều này khiến cá nhân phải mất thêm thời gian quyết toán dù số tiền thu nhập vãng lai không nhiều.	
		Về điểm a khoản 3 <i>“a) Trường hợp người lao động được thưởng cổ phiếu thì chưa phải tính vào thu nhập từ tiền lương, tiền công khi nhận cổ phiếu thưởng. <u>Khi nhận được thu nhập từ chuyển nhượng số cổ phiếu này, cá nhân phải nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công; đồng thời khi chuyển nhượng cá nhân phải thực hiện nộp thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn quy định tại Điều 53 Nghị định này hoặc thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán quy định tại Điều 54 Nghị định này.</u>”</i> <u>Đề xuất:</u> 1. Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung: <i>“Trường hợp người lao động được thưởng cổ phiếu theo chương trình dành riêng cho người lao động thì chưa phải tính vào thu nhập từ tiền lương, tiền công khi nhận cổ phiếu thưởng.”</i> Trường hợp người lao động là cổ đông hiện hữu của doanh nghiệp do mua cổ phiếu trên sàn chứng khoán và nhận được cổ phiếu thưởng như là cổ đông khác thì áp dụng quy định về đầu tư vốn – không áp dụng quy định này để tránh phức tạp trong theo dõi, khấu trừ thuế. 2. Đề nghị chỉnh sửa, bổ sung: <i>“Khi nhận được thu nhập từ chuyển nhượng số cổ phiếu này, cá nhân phải nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công khi quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế (không tính vào thu nhập chịu thuế của người lao động kê</i>	Tại dự thảo Nghị định đã thể hiện nội dung này.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>khai tại tổ chức thương cổ phiếu)...”.</i> Tổ chức thương cổ phiếu không biết được thời điểm chuyển nhượng của cá nhân nên không có cơ sở tính vào thu nhập tính thuế trong kỳ.	
	Trần Diệp Hương (Vinhomes Smart City, Tây Mỗ, Hà Nội); email: trandiephuong2001@gmail.com; số điện thoại: 0934566222) - Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính phủ	Điều 50, điểm 2: Việc quy định không ký hợp đồng hoặc ký HĐLĐ dưới 3 tháng gây rất nhiều khó khăn khi thực hiện. Cụ thể như sau: Trường hợp 1: người lao động chấm dứt HĐLĐ trong tháng. Đơn vị đã trả lương đến ngày làm việc cuối cùng, thuế được tính theo biểu thuế lũy tiến từng phần. Sang tháng sau, đơn vị trả tiền ngày phép còn thừa, tiền làm thêm giờ của tháng trước và tiền thưởng. Theo quy định này thì tất cả các khoản này sẽ chịu thuế 10% do người lao động tại thời điểm này được coi là cá nhân không có hợp đồng. Việc bị tính thuế 10% trên thu nhập (ở đây là tiền ngày phép còn thừa và tiền làm thêm giờ) sẽ gây thiệt thòi cho người lao động vì đáng lẽ khoản thu nhập này không bị tính thuế. Trên tờ khai quyết toán thuế (QTT) TNCN, phần thu nhập trước khi chấm dứt HĐLĐ sẽ kê khai trên bảng kê 05-1 còn thu nhập sau khi chấm dứt HĐLĐ sẽ kê khai trên bảng kê 05-2. Chỉ tiêu 19 trên tờ khai 05/QTT (tổng số cá nhân khấu trừ thuế) sẽ tự động tính là 2 người trong khi thực chất đây chỉ là 1 cá nhân. Trường hợp 2: Người lao động ký HĐLĐ dưới 3 tháng. Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội, người lao động ký HĐLĐ từ đủ 1 tháng trở lên đều phải tham gia BHXH bắt buộc. Như vậy, khi kê khai QTT cho người lao động này, đơn vị sẽ phải tách thành 2 phần, trong đó bảng kê 05-1 sẽ chỉ kê khai tiền BHXH còn bảng kê 05-2 sẽ kê khai thu nhập chịu thuế và thuế TNCN đã khấu trừ. Chỉ tiêu 19 trên tờ khai 05/QTT (tổng số cá nhân khấu trừ thuế) sẽ tự động tính là 2 người trong khi thực chất đây chỉ là 1 cá nhân. Đề nghị ban soạn thảo điều chỉnh nội dung từ “cá nhân không ký	Tiếp thu ý kiến và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định như đã giải trình phía trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hợp đồng hoặc hợp đồng lao động dưới 3 tháng” thành “cá nhân ký hợp đồng dịch vụ”. Khái niệm hợp đồng dịch vụ rất rõ ràng và dễ áp dụng. Ví dụ đơn vị mời 1 chuyên gia đến phát biểu và trả tiền công cho chuyên gia đó. Tiền công sẽ được tính 10% trên thu nhập, thu nhập của chuyên gia sẽ kê khai trên bảng kê 05-2. Còn các nhân viên thuộc trường hợp 1, 2 như ví dụ trên sẽ được tính thuế TNCN theo biểu lũy tiến từng phần trong suốt quá trình làm việc và sau khi chấm dứt HĐLĐ; thu nhập của họ sẽ kê khai trên bảng kê 05-1.	
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (công văn số 165/2026/MSN-CV ngày 22/5/2026)	Xem xét khoản thuế TNCN đối với trường hợp thưởng bằng cổ phiếu hoặc mua cổ phiếu với giá ưu đãi (ESOP) là một khoản thu nhập khác, không phải thu nhập từ tiền lương, tiền công và nộp thuế 10% trên thu nhập chịu thuế thông qua Công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký mà không cần phải thực hiện quyết toán lại. Bản chất của việc phát hành và mua cổ phần/cổ phiếu (bao gồm phát hành ESOP cho người lao động) là đầu tư, góp vốn, không phải tiền lương, tiền công. Theo quy định tại Dự thảo Nghị định, thời điểm xác định thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân đối với cổ phiếu thưởng, cổ phiếu ESOP là thời điểm chuyển nhượng. Đối với nhiều người lao động, cổ phiếu ESOP thường được người lao động nắm giữ trong thời gian dài như một kênh đầu tư dài hạn và việc chuyển nhượng có thể diễn ra khi người lao động đã nghỉ việc ở công ty hoặc thậm chí đã nghỉ hưu hoặc khi đã không còn đi làm (nghỉ hưu sớm hoặc buộc chuyển đổi sang kinh doanh dưới làn sóng cắt giảm nhân sự toàn cầu). Vì vậy, việc phải quyết toán lại thuế thu nhập cá nhân cho thu nhập từ tiền lương, tiền công theo biểu thuế lũy tiến trong khi đã nghỉ hưu, không còn đi làm và chỉ có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu này là không phù hợp.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Nội dung này không phải là nội dung mới. Tại Luật Thuế TNCN 2007 cũng đã quy định thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân bao gồm các khoản lợi ích khác mà đối tượng nộp thuế nhận được bằng tiền hoặc không bằng tiền (điểm d khoản 2 Điều 3 Luật Thuế TNCN 2007). Tại các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật Thuế TNCN trước đây đã quy định việc xác định thu nhập chịu thuế đối với cổ phiếu thưởng (khoản 11 Điều 26 Thông tư số 111/2013/TT-BTC). Về bản chất cổ phiếu ESOP cũng là một hình thức cổ phiếu thưởng/lợi ích mà người lao động nhận được từ tổ chức sử dụng lao động. Với cổ phiếu thưởng người lao động không phải bỏ tiền ra mua, còn với cổ phiếu ESOP người lao động được mua với giá ưu đãi. Trong quá trình thực hiện, Bộ Tài chính thấy rằng cần phải quy

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Trong trường hợp người lao động thực hiện việc chuyển nhượng cổ phiếu thưởng, cổ phiếu ESOP trước khi nghỉ hưu, việc áp dụng tính thuế một lần theo mức 10% trên thu nhập chịu thuế như trên cũng giúp giảm thủ tục hành chính và áp lực giải quyết hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân trực tiếp của từng cá nhân đến Cơ quan thuế hàng năm.	định cụ thể hơn đối với cổ phiếu ESOP để đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế vì hai loại hình cổ phiếu thưởng và cổ phiếu ESOP có bản chất tương đồng đều là thưởng cho cá nhân, tuy nhiên cũng có một số điểm khác biệt nhất định trong việc xác định giá và cách thức thực hiện quyền của cá nhân. Quy định này tại dự thảo Nghị định đảm bảo thống nhất với quy định liên quan đến quy định về xác định thu nhập chịu thuế đối với trường hợp người lao động được thưởng bằng cổ phiếu và trường hợp trả cổ tức bằng cổ phiếu. Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu với giá ưu đãi cho người lao động thì người lao động phải bỏ tiền ra mua và đây được xem như là một khoản đầu tư của người lao động nên cũng cần quy định mức điều tiết phù hợp.
		Căn cứ xác định thu nhập chịu thuế của cổ phiếu ESOP là số lượng cổ phiếu thực nhận được chuyển nhượng nhân (x) với mệnh giá trừ (-) đi số tiền người lao động đã bỏ ra để mua cổ phiếu ESOP. (Bổ sung) Trường hợp giá chuyển nhượng thấp hơn mệnh giá thì Thu nhập chịu thuế xác định bằng số tiền chuyển nhượng trừ đi số tiền người lao động bỏ ra mua cổ phiếu. Trường hợp giá chuyển nhượng cổ phiếu thấp hơn số tiền người lao động đã bỏ ra để mua cổ phiếu ESOP, cá nhân không phát sinh thu nhập thì không phải nộp thuế thu nhập cá nhân cũng như không phải thực hiện quyết toán lại thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền	Tại dự thảo Nghị định đã thể hiện được nội dung góp ý.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		công đối với cổ phiếu ESOP. Lý do đề xuất: Giá cổ phiếu tại thời điểm chuyển nhượng mang bản chất của hoạt động đầu tư và đã chịu thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng chứng khoán. Ngoài ra, cách xác định này cũng thống nhất với căn cứ xác định thu nhập chịu thuế của cổ phiếu thưởng. Việc bổ sung trường hợp giá chuyển nhượng thấp hơn mệnh giá giúp quy định đầy đủ các tình huống có thể phát sinh và sát thực tế hơn. Trường hợp cá nhân được xác định là không có thu nhập từ tiền lương, tiền công khi chuyển nhượng cổ phiếu ESOP, việc bổ sung quy định về việc không phải quyết toán lại thuế Thu nhập cá nhân trong trường hợp này sẽ giúp việc thực hiện Nghị định được rõ ràng, đồng thời giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính và giảm áp lực giải quyết hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân trực tiếp của từng cá nhân đến Cơ quan thuế hàng năm.	
		Đề xuất bỏ cụm “số tiền chi cho người lao động ghi trên sổ sách kế toán của tổ chức trả thu nhập tại thời điểm thưởng hoặc” trong dự thảo Nghị định. Đề xuất bỏ cụm “thu nhập từ chuyển nhượng vốn quy định tại Điều 53 Nghị định này hoặc” trong Dự thảo Nghị định. Việc lược bỏ các cụm từ nêu trên giúp quy định rõ ràng hơn, tránh cách hiểu không thống nhất và phù hợp với phân định nghĩa về chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán trong Dự thảo Nghị định.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ như tại dự thảo Nghị định để đảm bảo đồng nhất giữa pháp luật trước đây đã được thực hiện ổn định với thu nhập của cá nhân nhận được từ được thưởng bằng cổ phiếu. Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 51. Quyết toán thuế			
	Ngân hàng nhà nước Việt Nam (công văn số 2897/NHNN-TCKT ngày 14/4/2026)	Điểm b khoản 2 Điều 51 về trường hợp được ủy quyền cho tổ chức chi trả quyết toán thuế thay, đề nghị xem xét sửa lại thành: “Chỉ có một nguồn thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại một tổ chức và có nguồn thu nhập khác đã thực hiện tạm khấu trừ thuế quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc có <u>thu nhập khác được miễn thuế, không tính vào thu nhập chịu thuế</u> ” để bao quát các khoản tiền lương, tiền công của người lao động quy định tại Dự thảo Nghị định.	Dự thảo Nghị định đã thể hiện được ý kiến tham gia tại các quy định liên quan đến thu nhập từ tiền lương, tiền công.
	Bộ Xây dựng (công văn số 5960/BXD-KHTC ngày 22/4/2026)	Khoản 4 Điều 51 dự thảo Nghị định đang quy định: “ <i>Hồ sơ, thủ tục quyết toán thuế, ủy quyền quyết toán thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế</i> ”. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu bổ sung hướng dẫn cụ thể hoặc dẫn chiếu rõ hơn về hồ sơ, thủ tục quyết toán và ủy quyền quyết toán, nhằm đảm bảo tính thống nhất và tạo thuận lợi cho người nộp thuế trong quá trình tra cứu và thực hiện quy định.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định do nội dung về hồ sơ, thủ tục đã được quy định cụ thể tại pháp luật quản lý thuế.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (công văn số 2278/THO-NVDTPC ngày 07/4/2026)	Vướng mắc: Quy định gộp chung yêu cầu “ <i>phải tự đi quyết toán thuế</i> ” đối với nhóm giảm trừ thiên tai, từ thiện và nhóm “ <i>giảm trừ khác</i> ” (chi phí y tế, giáo dục) là thiếu linh hoạt và sẽ gây quá tải cho hệ thống Thuế. Đặc thù của chi phí y tế, giáo dục là phát sinh mang tính phổ rộng (gần như người lao động nào cũng có hóa đơn học phí cho con hoặc tiền khám bệnh). Nếu hàng triệu người lao động phải tự làm thủ tục hoàn/quyết toán thuế cá nhân, điều này đi ngược lại định hướng cải cách, cắt giảm thủ tục hành chính và gây tốn kém chi phí tuân thủ cho toàn xã hội. Đề giảm thủ tục hành chính cho cơ quan thuế và người nộp thuế đề nghị sửa đổi, bổ sung như sau:	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định, lý do: Cơ quan chi trả thu nhập không kiểm soát được chi tiêu của cá nhân và không có trách nhiệm xác định tính chính xác của hồ sơ của cá nhân, nếu quy định cơ quan chi trả phải quyết toán cho cá nhân trong trường hợp này cũng khó khả thi, nhất là cơ quan chi trả thu nhập không có cơ chế liên thông với các cơ quan nhà nước để xác định chi phí y tế, giáo dục – đào tạo. Trường hợp cá nhân tự quyết toán thuế,

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		“ Điều 51 Quyết toán thuế ... 3) Trường hợp trong kỳ tính thuế cá nhân có đề nghị giảm thuế do thiên tai, hỏa hoạn, bệnh hiểm nghèo quy định tại Điều 40 của Nghị định này hoặc có phát sinh các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo mà người nộp thuế có nhu cầu thực hiện giảm trừ vào thu nhập trước khi tính thuế thì người nộp thuế phải tự đi quyết toán thuế. Trường hợp trong kỳ tính thuế cá nhân có đề nghị giảm thuế đối với các khoản giảm trừ khác theo quy định tại Điều 49 Nghị định này mà người nộp thuế có nhu cầu thực hiện giảm trừ vào thu nhập thì người nộp thuế được lựa chọn có thể ủy quyền cho tổ chức chi trả quyết toán thay nếu tại thời điểm quyết toán người nộp thuế đang làm việc và chỉ có duy nhất một nguồn thu nhập tại tổ chức đó (người nộp thuế ủy quyền phải nộp hồ sơ, hóa đơn, chứng từ chứng minh lưu tại tổ chức) hoặc tự đi quyết toán thuế.” Lý do: Với hệ thống hóa đơn điện tử hiện nay, cơ quan Thuế có thể kiểm tra việc kê khai giảm trừ y tế, giáo dục qua dữ liệu lớn của doanh nghiệp nộp lên, không nhất thiết phải buộc cá nhân đến trực tiếp cơ quan Thuế làm thủ tục hành chính.	pháp luật quản lý thuế cũng đã hoàn thiện quy trình, thủ tục để đảm bảo đơn giản cho người nộp thuế, nhất là cơ chế khai thác, chia sẻ dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia, chia sẻ dữ liệu với cơ sở y tế.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh (công văn số 1416/QNI-NVDPTC ngày 08/4/2026)	Tại điểm a khoản 1 Điều 51 quy định về quyết toán thuế: đề nghị sửa đổi như sau: “1 Tổ chức, cá nhân trả thu nhập; cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm quyết toán thuế theo năm, trừ các trường hợp sau: a) Cá nhân có số thuế phải nộp nhỏ hơn số thuế đã tạm nộp trong kỳ tính thuế mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ sau”.	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Lý do: vì thuế TNCN là khoản thuế nộp theo tháng hoặc quý. Khi tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập cho người nộp thuế phải thực hiện khấu trừ và nộp vào NSNN, không phải là khoản tạm nộp.	
	Công ty TNHH Tư vấn Thuế Deloitte Việt Nam	Đề nghị lược bỏ nội dung khoản 3 Điều 51, vì những lý do sau: Theo quy định tại Dự thảo Nghị định, chúng tôi hiểu rằng trong trường hợp cá nhân phát sinh các khoản giảm trừ liên quan đến chi phí y tế, giáo dục – đào tạo theo Điều 49, cá nhân sẽ không được ủy quyền quyết toán thuế thông qua tổ chức chi trả thu nhập mà phải trực tiếp thực hiện quyết toán với cơ quan thuế. Chúng tôi nhận thấy rằng cách tiếp cận này có thể nhằm mục đích tăng cường trách nhiệm của cá nhân đối với việc kê khai các khoản giảm trừ, đồng thời giảm bớt gánh nặng cho tổ chức chi trả thu nhập trong việc rà soát và lưu trữ hồ sơ liên quan. Tuy nhiên, xét từ mục tiêu ban đầu của việc bổ sung khoản giảm trừ này vào Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 là nhằm hỗ trợ và giảm nhẹ nghĩa vụ thuế cho người nộp thuế, việc yêu cầu cá nhân tự thực hiện quyết toán có thể phần nào chưa thực sự phù hợp với tinh thần này. Trên thực tế, quy định này có thể phát sinh thêm một số vướng mắc như sau: 1. Nhiều cá nhân, đặc biệt là người lao động phổ thông hoặc không có chuyên môn về thuế, có thể gặp khó khăn trong việc tự thực hiện quyết toán, dẫn đến rủi ro kê khai sai hoặc không đầy đủ, qua đó làm giảm hiệu quả thực tế của chính sách hỗ trợ. 2. Tâm lý e ngại thủ tục hành chính có thể khiến một bộ phận người nộp thuế không thực hiện quyết toán để hưởng giảm trừ, từ đó làm giảm mức độ tiếp cận và thụ hưởng chính sách trên thực tế. 3. Dự kiến quy định này có thể dẫn đến sự gia tăng đáng kể số lượng hồ sơ quyết toán thuế do cá nhân trực tiếp thực hiện, qua đó tạo thêm áp lực và gia tăng khối lượng công việc cho cơ quan thuế trong	Việc ủy quyền cho cơ quan chi trả thu nhập quyết toán thuế trong trường hợp này có thể gây phản ứng từ cơ quan chi trả thu nhập về trách nhiệm kiểm soát hồ sơ, chứng từ cá nhân chi cho khoản y tế, giáo dục – đào tạo. Đây là chính sách mới nên cũng cần thời gian để thực hiện và có đánh giá tác động cụ thể để tiếp tục hoàn thiện.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		quá trình tiếp nhận, xử lý và quản lý hồ sơ. Chúng tôi đề xuất Ban soạn thảo cần nhắc cho phép cá nhân được ủy quyền quyết toán thuế thông qua tổ chức chi trả thu nhập đối với các khoản giảm trừ nêu trên. Việc ủy quyền này có thể đi kèm với các điều kiện phù hợp, như yêu cầu cá nhân cam kết về tính chính xác, đầy đủ của thông tin kê khai, đồng thời chịu trách nhiệm trong việc lưu trữ và cung cấp hồ sơ, chứng từ liên quan khi cơ quan thuế yêu cầu, nhằm đảm bảo tính tuân thủ và minh bạch. Bên cạnh đó, để tăng cường hiệu quả quản lý, chúng tôi đề xuất có thể xem xét: (i) ban hành mẫu cam kết/ủy quyền thống nhất áp dụng cho các trường hợp này; (ii) quy định rõ trách nhiệm phân định giữa cá nhân và tổ chức chi trả thu nhập trong quá trình kê khai, quyết toán; và (iii) nghiên cứu lộ trình áp dụng các giải pháp số hóa (ví dụ: tích hợp, đối soát dữ liệu chứng từ trên hệ thống thuế điện tử) nhằm giảm thiểu rủi ro sai sót và tối ưu hóa quy trình thực hiện.	
	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (công văn số 0685/LĐTM-PC ngày 16/4/2026)	Điểm a khoản 2 Điều 51 Dự thảo quy định: “Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, người nộp thuế được ủy quyền cho tổ chức chi trả thu nhập quyết toán thuế thay trong trường hợp sau: a) Chỉ có một nguồn thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại một tổ chức;”. Để đảm bảo thống nhất với điểm d khoản 6 Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP đề nghị bổ sung vào điểm a như sau: “a) <u>Chỉ có một nguồn thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại một tổ chức (bao gồm cả trường hợp người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tổ chức cũ và tổ chức mới trong cùng một pháp nhân hoặc một tập đoàn kinh tế, tổng công ty theo Luật Doanh nghiệp)</u>”.	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể: a) Chỉ có một nguồn thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại một tổ chức, kể cả trường hợp người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tổ chức cũ và tổ chức mới trong cùng một hệ thống;

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Hiệp hội kinh doanh chứng khoán Việt Nam (công văn số 18.26/CV-HHCK ngày 07/5/2026)	Đề xuất bổ sung quy định hướng dẫn việc quyết toán thuế của cá nhân đối với phần thu nhập từ tiền lương, tiền công trong trường hợp đã áp dụng khấu trừ thuế 10% theo điểm a Khoản 3 Điều 50 Dự thảo Nghị định trong trường hợp Dự thảo thông qua việc thu thuế ESOP.	Tại dự thảo Nghị định đã quy định cá nhân chưa phải nộp thuế TNCN khi nhận cổ phiếu ESOP, khi chuyển nhượng số cổ phiếu này cá nhân mới phải nộp thuế từ tiền lương, tiền công. Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại nơi cá nhân mở tài khoản lưu ký theo dõi riêng số cổ phiếu ESOP của cá nhân và thực hiện việc khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay theo tỷ lệ 10% tương ứng với thu nhập chịu thuế từ cổ phiếu ESOP của cá nhân. Việc quyết toán thuế thực hiện theo quy định tại Điều 51 dự thảo Nghị định.
	Hiệp hội thương mại Mỹ tại Việt Nam (công văn ngày 18/05/2026)	Dự thảo chưa quy định rõ điều kiện “cá nhân thực tế đang làm việc cho tổ chức vào thời điểm tổ chức thực hiện quyết toán thuế”. Việc thiếu hướng dẫn cụ thể này có thể gây vướng mắc trong quá trình áp dụng và thực hiện, đặc biệt đối với trường hợp người lao động trong năm chỉ có một nguồn thu nhập từ tiền lương, tiền công tại Công ty nhưng đã chấm dứt hợp đồng lao động trước thời điểm Công ty thực hiện quyết toán thuế. Để đảm bảo phù hợp với thực tiễn quản lý và giảm rủi ro trong quá trình áp dụng, kiến nghị Dự thảo quy định rõ ngoài điều kiện chỉ có một nguồn thu nhập từ tiền lương tiền công, cá nhân phải đang làm việc tại tổ chức chi trả thu nhập tại thời điểm tổ chức thực hiện quyết toán thay.	Đây là nội dung kế thừa quy định hiện hành, không phát sinh vướng mắc trong quá trình thi hành pháp luật trước đây. Vướng mắc mà Hiệp hội nêu đã được quy định cụ thể và hướng dẫn chi tiết tại Điều 50 dự thảo Nghị định.
	Thái Mạnh Cường (Email: cuong.thaimanh@gmail.com)	Về điểm a khoản 2 “2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, người nộp thuế	Tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể: a) Chỉ có một nguồn thu nhập

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	<i>được ủy quyền cho tổ chức chỉ trả thu nhập quyết toán thuế thay trong trường hợp sau:</i> <i>a) Chỉ có một nguồn thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại một tổ chức;”</i> <i>Đề nghị bổ sung vào điểm a như sau: “a) Chỉ có một nguồn thu nhập từ tiền lương, tiền công phát sinh tại một tổ chức (bao gồm cả trường hợp người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tổ chức cũ và tổ chức mới trong cùng một pháp nhân hoặc một tập đoàn kinh tế, tổng công ty theo Luật Doanh nghiệp)”</i> <i>Đảm bảo đồng bộ với điểm d khoản 6 Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP, tránh trường hợp ưu tiên thực hiện theo Nghị định mới (văn bản ban hành sau) dẫn tới không được áp dụng quy định này, tạo ra khó khăn cho việc quyết toán thuế của NLĐ.</i>	từ tiền lương, tiền công phát sinh tại một tổ chức, kể cả trường hợp người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới do tổ chức cũ thực hiện sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp hoặc tổ chức cũ và tổ chức mới trong cùng một hệ thống;
		Về khoản 2 <i>“2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, người nộp thuế được ủy quyền cho tổ chức chỉ trả thu nhập quyết toán thuế thay trong trường hợp sau:”</i> <i>Đề nghị bổ sung vào khoản này:</i> <i>“Cá nhân sau khi đã ủy quyền quyết toán thuế, tổ chức trả thu nhập đã thực hiện quyết toán thuế thay cho cá nhân, nếu phát hiện cá nhân thuộc diện trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế thì tổ chức trả thu nhập không điều chỉnh lại quyết toán thuế TNCN của tổ chức trả thu nhập, chỉ cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân theo số quyết toán.”</i> <i>Nội dung này đã được hướng dẫn trong một số công văn của Tổng cục Thuế (nay là Cục Thuế) nhưng chưa được chính thức đưa vào văn bản quy phạm pháp luật để tạo cơ sở pháp lý chính thức cho doanh</i>	Nội dung thuộc phạm vi pháp luật về quản lý thuế.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nghiệp thực hiện.	
	Trần Diệp Hương (Vinhomes Smart City, Tây Mỗ, Hà Nội); email: trandiephuong2001@gmail.com; số điện thoại: 0934566222) - Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính phủ	Điều 51: Mục tiêu của Nghị định khi xây dựng phải đặt tầm nhìn trong 10-20 năm tới thậm chí nhiều hơn. Các nước trong khu vực Đông Nam Á như Thái Lan, Malaysia, Singapore đã có quy định về việc cá nhân phải tự quyết toán thuế cho mình rồi. Hiện nay, ứng dụng e-tax mobile đã được nâng cấp và hỗ trợ rất nhiều cho người nộp thuế. Vì vậy, Nghị định nên xây dựng theo hướng dần dần cá nhân sẽ tự quyết toán thuế cho thu nhập của mình thông qua ứng dụng e-tax mobile hoặc dịch vụ công thuế điện tử mà không cần ủy quyền cho tổ chức chi trả thu nhập nữa. Lúc này, người nộp thuế sẽ tăng tính tuân thủ thuế lên khi họ phải có trách nhiệm phải hoàn thành nghĩa vụ thuế trong năm. Còn đơn vị sẽ chỉ tổng hợp thu nhập chịu thuế theo đúng tờ khai thuế 12 tháng trong năm, tiết kiệm được rất nhiều thời gian (như thu thập giấy ủy quyền QTT, rà soát người phụ thuộc, kê khai lại tờ khai thuế trong năm nếu có thay đổi giảm người phụ thuộc tính số thuế phải nộp, bù trừ số thuế thừa/thiếu, xuất chứng từ khấu trừ thuế).	Nội dung kiến nghị thuộc phạm vi của quản lý thuế.
Điều 52. Thuế TNCN đối với thu nhập từ đầu tư vốn			
	Thái Mạnh Cường (Email: cuong.thaimanh@gmail.com Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	Tại dự thảo quy định: <i>“4. Đối với trường hợp cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cá nhân là cổ đông hiện hữu nhận thưởng bằng cổ phiếu thì cá nhân chưa phải nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ đầu tư vốn khi nhận cổ phiếu.”</i> Đề nghị bổ sung, làm rõ như sau: <i>“4. Đối với trường hợp cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cá nhân là cổ đông hiện hữu nhận thưởng bằng cổ phiếu (trừ trường hợp tại khoản 3 Điều 50 Nghị định này) thì cá nhân chưa phải nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ đầu tư vốn khi</i>	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể: 4. Đối với trường hợp cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cá nhân là cổ đông hiện hữu nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu thì cá nhân chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn khi nhận cổ phiếu. Khi chuyển nhượng số cổ phiếu này, cá nhân phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn mà tại thời điểm nhận

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>nhận cổ phiếu.”</i> Loại trừ trường hợp cổ phiếu thưởng theo chương trình dành riêng cho NLĐ được thực hiện theo quy định riêng.	cổ tức bằng cổ phiếu, nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu cá nhân chưa nộp thuế; đồng thời cá nhân thực hiện nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn hoặc thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán theo quy định. Trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu cùng loại thì phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với cổ tức nhận bằng cổ phiếu cho tới khi hết số cổ phiếu nhận thay cổ tức. Thu nhập tính thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn đối với trường hợp cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, cổ đông hiện hữu nhận cổ phiếu phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu là giá trị cổ tức ghi trên sổ sách kế toán hoặc số lượng cổ phiếu thực nhận nhân (x) với mệnh giá của cổ phiếu đó. Trường hợp giá chuyển nhượng cổ phiếu thấp hơn mệnh giá tại thời điểm chuyển nhượng thì tính thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động đầu tư vốn theo giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng.
Điều 53. Thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn			
	Bộ Xây dựng (công văn số 5960/BXD-KHTC ngày 22/4/2026)	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xem xét điều chỉnh giảm mức thuế suất tính thuế, đề xuất là 10% tại dự thảo quy định thuế suất 20% đây là mức thuế suất khá cao so với mặt bằng chung khu vực, có thể ảnh hưởng đến động lực đầu tư, khởi nghiệp, sáng tạo, tạo rào cản	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định do nội dung này đã được quy định tại Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trong kinh doanh vốn. Ngoài ra, đề nghị bổ sung nguyên tắc xác định giá chuyển nhượng trong các trường hợp đặc thù như tái cấu trúc doanh nghiệp hoặc chuyển nhượng vốn kèm theo nghĩa vụ nợ.	Tại khoản 6 Điều 53 dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể.
	Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (công văn số 1721/HPH-NVDTTPC ngày 03/4/2026)	Thuế thành phố Hải Phòng đề xuất bổ sung khoản 4 Điều 53 điều kiện về <i>“chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thanh toán từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên theo pháp luật về thuế giá trị gia tăng”</i> để phù hợp với các quy định hiện hành.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định để tạo điều kiện cho người nộp thuế
	Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (công văn số 66/2026/CV-SSIAM.PC ngày 03/4/2026)	Tại dự thảo quy định: <i>“6. Cá nhân góp vốn bằng phần vốn góp chưa phải nộp thuế từ chuyển nhượng vốn khi góp vốn. Khi chuyển nhượng vốn, rút vốn, giải thể doanh nghiệp thì cá nhân phải nộp thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn đối với phần vốn góp mà tại thời điểm góp vốn cá nhân chưa phải nộp thuế; đồng thời cá nhân thực hiện nộp thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn hoặc thu nhập từ đầu tư vốn (nếu có) theo quy định”</i> Đề nghị quy định rõ các trường hợp góp vốn bằng bất động sản vào quỹ bất động sản, góp vốn bằng danh mục chứng khoán cơ cấu vào quỹ ETF, góp vốn bằng tài sản vào quỹ đầu tư chứng khoán không bị tính thuế khi góp vốn vì đây là các hoạt động góp vốn thông thường, khi nhà đầu tư chuyển nhượng chứng chỉ quỹ đã phải chịu thuế chuyển nhượng chứng khoán rồi	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định, lý do: Việc góp vốn bằng bất động sản không phân biệt cá nhân góp vốn vào doanh nghiệp hay góp vốn vào các quỹ.
	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Nguyên Ngọc (Tầng 15, tòa nhà Century - khu đô thị Times City, số 458 phố Minh Khai, phường Vĩnh	Đề xuất: - Sửa đổi Khoản 5, Điều 53 như sau: <i>“5. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm giao dịch hoàn thành hoặc thời điểm làm thủ tục thay đổi danh sách thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại</i>	Tiếp thu và hoàn thiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể: 5. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm giao dịch hoàn thành theo quy định của pháp luật hoặc thời điểm làm thủ tục thay đổi danh sách

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Tuy, Hà Nội); email: congtynguyenngoc.ketoan@gmail.com; số điện thoại: 0888275006 - Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính Phủ Trần Quốc Đạt (Đông Ngạc, Hà Nội); email: datquoctran.vn@gmail.com; số điện thoại: 0983198695 - Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính Phủ	<i>khoản 6 Điều này”</i> Lý do: Quy định thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm “ <i>giao dịch hoàn thành</i> ” là khá chung chung. Do đó, đề xuất này nhằm làm rõ thời điểm xác định thu nhập tính thuế và kê khai thuế của người nộp thuế.	thành viên góp vốn, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.
	Hiệp hội bất động sản Việt Nam (công văn số 23/CV-HHBĐSVN ngày 17/4/2026)	- Sửa đổi Khoản 5, Điều 53 như sau: “5. <i>Thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm giao dịch hoàn thành hoặc thời điểm ban hành Sổ đăng ký cổ đông/ danh sách thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này</i>” - Sửa đổi Khoản 3, Điều 54 như sau: “3. <i>Thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm giao dịch hoàn thành hoặc ban hành Sổ đăng ký cổ đông/ danh sách thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản Điều này.</i>” Lý do: Quy định thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm “<i>giao dịch hoàn thành</i>” là khá chung chung. Do đó, đề xuất này nhằm làm thời điểm xác định thu nhập tính thuế và kê khai thuế của người nộp thuế. Quy định về thời điểm ban hành Sổ đăng ký cổ đông/ danh sách thành viên góp vốn là đúng với Luật Doanh nghiệp quy định về cổ đông, thành viên góp vốn.	Dự thảo Nghị định quy định: Thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm giao dịch hoàn thành theo quy định của pháp luật hoặc thời điểm làm thủ tục thay đổi danh sách thành viên góp vốn. Nội dung này đã bao quát được ý kiến góp ý.
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (công văn số 165/2026/MSN-CV ngày	Đối với thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng vốn (tức chuyển nhượng vốn trong công ty TNHH), đề xuất áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế; trường hợp không xác định được giá mua thì	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ như tại dự thảo Nghị định do thuế suất đã được quy định tại Luật Thuế TNCN số

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	22/5/2026)	áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng, tương tự chuyển nhượng chứng khoán. Lý do đề xuất: Đảm bảo tính công bằng và không phân biệt đối xử khi tính thuế giữa các loại hình doanh nghiệp trong trường hợp xác định thu nhập tính thuế dựa trên giá chuyển nhượng: 0.1%. Việc quy định cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn phải chịu thuế ở mức 2% trên giá chuyển nhượng trong trường hợp không xác định được giá mua, đồng nghĩa với việc cá nhân đầu tư vào công ty TNHH phải đóng thuế cao hơn cá nhân đầu tư vào công ty cổ phần gấp 20 lần. Việc áp dụng chung mức 0,1% trong trường hợp này vừa hợp lý, vừa đơn giản hóa thủ tục và hạn chế phân biệt đối xử về thuế.	109/2025/QH15.
Điều 54. Thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán			
	Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng Nguyên Ngọc (Tầng 15, tòa nhà Century - khu đô thị Times City, số 458 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Hà Nội); email: congtynguyennngoc.ketoan@gmail.com; số điện thoại: 0888275006 - Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính Phủ Trần Quốc Đạt (Đông Ngạc, Hà Nội); email: datquoctran.vn@gmail.com; số điện thoại: 0983198695 -	Đề xuất: - Sửa đổi Khoản 3, Điều 54 như sau: <i>“3. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm giao dịch hoàn thành hoặc thời điểm làm thủ tục thay đổi danh sách cổ đông theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.”</i> Lý do: Quy định thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm <i>“giao dịch hoàn thành”</i> là khá chung chung. Do đó, đề xuất này nhằm làm rõ thời điểm xác định thu nhập tính thuế và kê khai thuế của người nộp thuế.	Dự thảo Nghị định quy định: Thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm giao dịch hoàn thành theo quy định của pháp luật hoặc thời điểm làm thủ tục thay đổi danh sách thành viên góp vốn. Theo đó, nội dung này đã bao quát được vấn đề mà ý kiến góp ý nêu.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính Phủ		
Điều 55. Khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay đối với thu nhập từ đầu tư vốn			
Điều 56. Khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán			
	Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (công văn số 66/2026/CV-SSIAM.PC ngày 03/4/2026)	Tại dự thảo quy định: <i>“3. Đối với các trường hợp góp vốn bằng phần vốn góp, góp vốn bằng chứng khoán thì tổ chức nhận vốn góp có trách nhiệm khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn khi cá nhân chuyển nhượng vốn, rút vốn, giải thể doanh nghiệp. Trường hợp tổ chức khai thuế thay, nộp thuế thay đã giải thể, phá sản mà chưa thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân thì cá nhân có trách nhiệm khai thuế, nộp thuế theo quy định”</i> <u>Đề xuất:</u> Đề nghị loại trừ trường hợp góp vốn vào quỹ ETF, quỹ đầu tư bất động sản. Lý do: Trường hợp nhà đầu tư góp vốn vào quỹ ETF, quỹ đầu tư bất động sản thì tổ chức nhận vốn góp là Quỹ, nhưng sau đó Quỹ niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và nhà đầu tư có thể chuyển nhượng hết trên sở giao dịch chứng khoán. Do đó, tổ chức nhận vốn góp (Quỹ không thể khai thuế, nộp thuế thay cho nhà đầu tư).	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định, lý do: Việc góp vốn bằng bất động sản không phân biệt cá nhân góp vốn vào doanh nghiệp hay góp vốn vào các quỹ.
Điều 57. Thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản			
	Ngân hàng nhà nước Việt	Điểm b khoản 6 Điều 57:	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Nam (công văn số 2897/NHNN-TCKT ngày 14/4/2026)	(i) Đề nghị bổ sung chủ thể thực hiện thủ tục phát mại, bán bất động sản đối với tổ chức mua bán, xử lý nợ theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng nhằm đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 196 Luật Các tổ chức tín dụng. Đồng thời, cần nhắc không sử dụng cụm từ “<i>phát mại</i>” và rà soát quy định tại Bộ luật dân sự để quy định phù hợp. (ii) Khoản 2 Điều 200 Luật TCTD quy định: “2. <i>Trừ các khoản án phí, thuế, lệ phí trực tiếp liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo quy định tại Điều 199 của Luật này, bên nhận bảo đảm, bên nhận chuyển nhượng không phải nộp thay hoặc thực hiện nghĩa vụ thuế, lệ phí, phí khác của bên bảo đảm từ số tiền chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu khi thực hiện thủ tục đăng ký, thay đổi quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đó...</i>” Do vậy, đề nghị chỉnh sửa cụm từ “<i>thực hiện khai thuế, nộp thuế TNCN thay cho cá nhân</i>” thành “<i>thực hiện khai thuế, nộp thuế TNCN liên quan đến việc chuyển nhượng tài sản bảo đảm thay cho cá nhân</i>” để đảm bảo phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 Điều 199 Luật Các tổ chức tín dụng.	Nội dung kế thừa quy định hiện hành, dự thảo Nghị định đã thay thế cụm từ “<i>phát mại, bán bất động sản</i>” thành “<i>xử lý tài sản bảo đảm</i>”. Nội dung tại dự thảo Nghị định đã bao quát được nội dung góp ý.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa (công văn số 1455/KHH-NVDTPC ngày 01/4/2026)	“Điều 57. Thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản 6. Một số trường hợp cụ thể như sau: a) Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản (bao gồm cả hoạt động ủy quyền mà người nhận ủy quyền có đầy đủ nội dung của quyền sở hữu đối với bất động sản theo quy định của pháp luật về dân sự), người nộp thuế là cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản. Trường hợp có nhiều cá nhân cùng đứng tên sở hữu bất động sản thì một cá nhân đại diện là người nộp thuế đối với toàn bộ hoạt động chuyển nhượng bất động sản khi được các cá nhân có quyền sở	Tại dự thảo Nghị định kế thừa quy định hiện hành: cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản nộp thuế khi ủy quyền chuyển nhượng bất động sản cho cá nhân khác, và cá nhân nhận ủy quyền khi chuyển nhượng cho cá nhân khác cũng phải nộp thuế từ chuyển nhượng bất động sản trong trường hợp người nhận ủy quyền có đầy đủ nội dung của quyền sở hữu đối với bất động sản theo quy định của pháp

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>hữu, quyền sử dụng bất động sản ủy quyền;</i> <i>Trường hợp ủy quyền mà người nhận ủy quyền có đầy đủ nội dung của quyền sở hữu đối với bất động sản theo quy định của pháp luật về dân sự, khi cá nhân nhận ủy quyền thực hiện chuyển nhượng bất động sản thì người nộp thuế là cá nhân nhận ủy quyền”</i> Theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 57 dự thảo Nghị định, trường hợp ủy quyền mà người nhận ủy quyền <u>có đầy đủ nội dung của quyền sở hữu đối với bất động sản theo quy định</u> của pháp luật về dân sự, khi cá nhân nhận ủy quyền thực hiện chuyển nhượng bất động sản thì người nộp thuế là cá nhân nhận ủy quyền. Theo đó, cá nhân có quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản có phải thực hiện kê khai, nộp thuế chuyển nhượng bất động sản khi cá nhân nhận ủy quyền thực hiện chuyển nhượng bất động sản hay không? Đề nghị bổ sung nêu rõ quy định thực hiện vướng mắc nêu trên và quy định đối với hình thức ủy quyền chuyển nhượng bất động sản mà người nhận ủy quyền chỉ nhận thù lao, không có đầy đủ nội dung của quyền sở hữu đối với bất động sản theo quy định của pháp luật về dân sự.	luật về dân sự. Đối với các hình thức ủy quyền chuyển nhượng bất động sản mà người nhận ủy quyền chỉ nhận thù lao, không có đầy đủ nội dung của quyền sở hữu đối với bất động sản theo quy định của pháp luật về dân sự thì thực hiện nộp thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh (công văn số 3529/BNI-NVDTPC ngày 06/4/2026)	Đề nghị sửa đổi khoản 2 thành: <i>“Đối với trường hợp chuyển nhượng bất động sản là quyền sử dụng đất mà trên hợp đồng không khi giá đất hoặc giá đất trên hợp đồng chuyển nhượng thấp hơn bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất (nếu có) theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm xác định thu nhập tính thuế thì giá chuyển nhượng đất là giá đất theo bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất (nếu có) theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm xác định thu nhập tính thuế”.</i> Đề nghị sửa điểm a khoản 3 thành: <i>“Phần giá trị quyền sử dụng đất xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này nếu trên hợp đồng không khi giá đất hoặc giá đất trên hợp</i>	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Tại Điều 159 và Điều 247 Luật Đất đai số 31/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 43/2024/QH15 quy định Bảng giá đất được áp dụng để tính thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân (nội dung này có hiệu lực từ 01/8/2024). Tuy nhiên, tại khoản 3 Điều 29 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 đã quy định các nội dung sửa đổi tại Luật

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đồng chuyển nhượng thấp hơn bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất (nếu có) theo quy định của pháp luật về đất đai. ” - Lý do đề nghị sửa đổi nội dung giá chuyển nhượng đất là giá đất theo bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất (nếu có) theo quy định của pháp luật về đất đai: + Theo quy định của Luật đất đai hiện hành, Bảng giá đất được UBND cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hằng năm, không còn quy định bảng giá đất ổn định trong 05 năm để đảm bảo sát với giá thị trường. Mặt khác, khi xây dựng xác định bảng giá đất năm sau có sử dụng thông tin, dữ liệu chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế theo hợp đồng phát sinh năm trước nên dữ liệu làm căn cứ xây dựng bảng giá sẽ sát thực tế hơn. + Thông tư số 67/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2022/TT-BTC ngày 28/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 10/2022/NĐ-CP ngày 15/01/2022 của Chính phủ quy định về Lệ phí trước bạ đã bãi bỏ nội dung <i>"Trường hợp giá đất tại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất cao hơn giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành thì giá tính lệ phí trước bạ đối với đất là giá tại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất. Trường hợp giá đất tại hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất thấp hơn giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành thì giá tính lệ phí trước bạ đối với đất là giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ."</i>. Theo đó, từ 01/7/2025 giá tính lệ phí trước bạ đối với chuyển quyền sử dụng đất không xác định theo hợp đồng mà xác định theo Bảng giá do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật về đất đai tại thời điểm kê khai lệ phí trước bạ. Việc sửa đổi dự thảo Nghị định hướng dẫn thuế TNCN như nêu trên sẽ đồng bộ với quy định về giá tính Lệ phí trước bạ hiện	Đất đai số 31/2024/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 có hiệu lực thi hành. Tại Nghị quyết số 254/2025/QH15 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai cũng không có quy định áp dụng Bảng giá đất để tính thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất. Tại Điều 14 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 quy định thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng bất động được xác định bằng giá chuyển nhượng nhân (x) với thuế suất 2% và giao Chính phủ quy định chi tiết. Theo đó, quy định như dự thảo Nghị định là phù hợp, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách trong trường hợp giá theo hợp đồng chuyển nhượng cao hơn giá xác định theo Bảng giá đất hoặc hệ số điều chỉnh (nếu có).

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hành. + Việc sửa đổi nội dung giá chuyển nhượng đất là giá đất theo bảng giá đất sẽ giúp đơn giản thủ tục hành chính; dễ thực hiện và tạo được sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp; chính sách dễ hiểu và áp dụng, tránh rủi ro cho cơ quan Thuế trong thực hiện, đồng thời tránh tiêu cực, những nhiễu trong quá trình xử lý hồ sơ.	
	Hiệp hội ngân hàng Việt Nam (công văn 195/HHNH-PLNV ngày 14/4/2026)	Điều 57 dự thảo quy định: “6b.) <i>Trường hợp cá nhân có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà nhưng đem thế chấp, bảo lãnh vay vốn hoặc thanh toán tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; đến hết thời hạn trả nợ, cá nhân không có khả năng trả nợ thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài làm thủ tục phát mại, bán bất động sản đó đồng thời thực hiện khai thuế, nộp thuế TNCN thay cho cá nhân trước khi thực hiện thanh quyết toán các khoản nợ của cá nhân;</i>” Điều này chưa phù hợp theo quy định tại với Điểm g Khoản 2 Điều 40 Luật quản lý thuế 2025 quy định trách nhiệm kê khai và nộp thay của bên nhận bảo đảm hoặc người mua theo thỏa thuận dân sự với trường hợp bán tài sản bảo đảm để thanh lý nợ; tại Điểm 1, Khoản 3, Điều 40 quy định trách nhiệm kê khai và nộp thay của tổ chức bán đấu giá khi thực hiện bán tài sản bảo đảm để xử lý nghĩa vụ của người nộp thuế. Đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét, sửa đổi theo hướng: “<i>Trường hợp cá nhân có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà nhưng đem thế chấp, bảo lãnh vay vốn hoặc thanh toán tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; đến hết thời hạn trả nợ, cá nhân không có khả năng trả nợ thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài làm thủ tục phát mại, bán bất động sản đó. Việc thực hiện khai thuế, nộp thuế TNCN thay cho cá nhân được thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 22 của Luật quản lý thuế.</i>”	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định, lý do: nội dung này chỉ quy định nguyên tắc, về thủ tục thực hiện thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Quản lý thuế, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Thuế TNCN. Nội dung cũng đã được lấy ý kiến của Cục Thuế - Bộ Tài chính là đơn vị chủ trì xây dựng Luật Quản lý thuế.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Thái Mạnh Cường (Email: cuong.thaimanh@gmail.com Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	Về điểm b khoản 6 <i>“b) Trường hợp cá nhân có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà nhưng đem thế chấp, bảo lãnh vay vốn hoặc thanh toán tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; ...”</i> Đề nghị sửa thành <i>“b) Trường hợp cá nhân có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà nhưng đem thế chấp, bảo lãnh vay vốn hoặc thanh toán được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; ...”</i> Điều 292 Bộ luật Dân sự (BLDS) quy định nhiều biện pháp bảo đảm khác nhau (không chỉ thế chấp, bảo lãnh). Điều 295 BLDS quy định về tài sản bảo đảm. Điều 8 Nghị định 21/2021/NĐ-CP quy định về <i>“Tài sản dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ”</i>. Chương XII Luật TCTD quy định về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm.	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định, cụ thể: c) Trường hợp cá nhân có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà nhưng được dùng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; đến hết thời hạn trả nợ, cá nhân không có khả năng trả nợ thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài làm thủ tục xử lý tài sản bảo đảm đó đồng thời thực hiện khai thuế, nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho cá nhân trước khi thực hiện thanh quyết toán các khoản nợ của cá nhân;
Điều 58. Thuế TNCN đối với thu nhập từ trúng thưởng			
	Ngân hàng nhà nước Việt Nam (công văn số 2897/NHNN-TCKT ngày 14/4/2026)	Khoản 2 Điều 58 Dự thảo quy định: <i>“Thu nhập chịu thuế từ trúng thưởng là phần giá trị tài sản thừa kế, quà tặng vượt trên 20 triệu đồng...”</i>. Đề nghị rà soát lại nội dung này để đảm bảo thống nhất khoản thu nhập chịu thuế.	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định
	Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La (công văn số 417/SLA-NVDTPC ngày 03/4/2026)	Tại Khoản 2 Điều 58: Thuế TNCN đối với thu nhập từ trúng thưởng <i>“2. Thu nhập tính thuế từ trúng thưởng là phần giá trị tài sản thừa kế, quà tặng vượt trên 20 triệu đồng mà người nộp thuế nhận được theo từng lần phát sinh không phụ thuộc vào số lần nhận tiền thưởng.”</i>	Tiếp thu nội dung này tại dự thảo Nghị định

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- <u>Đề xuất</u> : Thay thế cụm từ: “<i>tài sản thừa kế, quà tặng</i>” bằng cụm từ “<i>giá trị trúng thưởng</i>” - Đề xuất quy định rõ hơn nội dung Khoản 2 Điều 58: Để làm rõ nội dung dự thảo đang quy định từng lần phát sinh là tính theo từng lần trúng thưởng hay tính theo ngày và đang có quan điểm “<i>trường hợp trong cùng một ngày người nộp thuế trúng nhiều giải thưởng mà mỗi giải thưởng nhận được chưa vượt quá 20 triệu đồng thì không phải nộp thuế TNCN</i>” - Nội dung Khoản 2 Điều 58 sau khi sửa đổi, bổ sung: “<i>2. Thu nhập tính thuế từ trúng thưởng là phần giá trị trúng thưởng vượt trên 20 triệu đồng mà người nộp thuế nhận được theo từng lần phát sinh không phụ thuộc vào số lần nhận thưởng...</i>”	
Điều 59. Thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền bản quyền			
	Bộ Khoa học và Công nghệ (công văn số 2616/BKHCN-KHTC ngày 09/4/2026)	1. Khoản 1 Điều 59 Đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định phân tách giữa “<i>thu nhập từ tiền bản quyền</i>” và “<i>phí dịch vụ tư vấn kỹ thuật</i>” đi kèm trong các hợp đồng để đảm bảo mức thuế suất được áp chính xác cho phần “<i>thu nhập từ tiền bản quyền</i>”. Lý do: Việc phân tách nhằm để bảo đảm áp dụng đúng bản chất thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật thuế TNCN, đồng thời hạn chế vướng mắc trong quá trình thực hiện. 2. Điều 13 và khoản 2 Điều 59 Đề nghị rà soát, chỉnh sửa theo hướng bảo đảm thống nhất với quy định tại Điều 138 và Điều 139 Luật Sở hữu trí tuệ, việc khai thác quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện thông qua hai hình thức cơ bản là chuyển nhượng quyền sở hữu và chuyển quyền sử dụng, cụ thể: Khoản 1 Điều 13: “<i>1. Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng, chuyển quyền sử dụng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ theo</i>	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định, căn cứ bản chất của khoản thu nhập để xác định thu nhập chịu thuế. Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>định của pháp luật sở hữu trí tuệ.”</i> Khoản 2 Điều 59: “2. <i>Thu nhập tính thuế từ tiền bản quyền là phần thu vượt trên 20 triệu đồng theo hợp đồng mà người nộp thuế nhận được theo từng lần phát sinh không phụ thuộc vào số lần thanh toán hoặc số lần nhận tiền mà người nộp thuế nhận được. Trường hợp cùng là một đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ nhưng hợp đồng chuyển nhượng, chuyển quyền sử dụng thực hiện làm nhiều hợp đồng với cùng một đối tượng sử dụng thì thu nhập tính thuế là phần thu nhập vượt trên 20 triệu đồng tính trên tổng các hợp đồng chuyển giao, chuyển quyền sử dụng.</i>” Bên cạnh đó, đối với quy định tại khoản 2 Điều 13 dự thảo Nghị định về thu nhập từ tiền bản quyền, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu làm rõ nội dung “<i>thu nhập từ chuyển giao công nghệ</i>”. Lý do: Luật chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14, sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 115/2025/QH15 đã giải thích khái niệm chuyển giao công nghệ tại khoản 7 Điều 2, quy định về đối tượng chuyển giao công nghệ tại Điều 4 và phương thức chuyển giao công nghệ tại Điều 6.	
	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (công văn số 0685/LĐTM-PC ngày 16/4/2026)	Khoản 2 Điều 59 Dự thảo quy định “<i>Thu nhập tính thuế từ tiền bản quyền là phần thu nhập vượt trên 20 triệu đồng theo hợp đồng, không phụ thuộc vào số lần thanh toán; trường hợp cùng một đối tượng quyền sở hữu trí tuệ nhưng thực hiện nhiều hợp đồng thì tính trên tổng các hợp đồng.</i>”. Khái niệm “cùng một đối tượng quyền sở hữu trí tuệ” là chưa rõ, có thể dẫn tới việc cộng gộp thu nhập trong các trường hợp bản chất là các giao dịch độc lập theo giai đoạn hoặc theo phạm vi ủy quyền. Để đảm bảo tính rõ ràng, đề nghị làm rõ tiêu chí xác định “cùng một đối tượng quyền sở hữu trí tuệ” và nguyên tắc cộng gộp thu nhập trong trường hợp nhiều hợp đồng, đặc biệt đối với các hợp đồng ký	Nội dung dự thảo kế thừa quy định hiện hành, trong đó trường hợp cùng một đối tượng sở hữu trí tuệ nhưng thực hiện <u>nhiều hợp đồng với cùng một đối tượng sử dụng</u> thì thu nhập tính thuế là phần vượt trên 20 triệu đồng tính trên tổng các hợp đồng để tránh trường hợp chia nhỏ thành các hợp đồng theo từng giai đoạn.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		theo từng giai đoạn, từng phạm vi sử dụng hoặc từng thời kỳ khai thác. Khoản 3 Điều 59 Dự thảo quy định: “Thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm tổ chức, cá nhân trả tiền bản quyền cho người nộp thuế.”. Trong thực tế, tiền bản quyền thường được chi trả nhiều lần theo doanh thu khai thác hoặc theo giai đoạn. Nếu không làm rõ, có thể phát sinh cách hiểu và áp dụng không thống nhất về thời điểm tính thuế, gây khó khăn cho người nộp thuế và cơ quan thuế. Đề nghị quy định rõ thời điểm xác định thu nhập trong trường hợp trả tiền bản quyền nhiều lần hoặc trả theo tiến độ, doanh thu khai thác, để bảo đảm thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều này.	
Điều 60. Thuế TNCN đối với thu nhập từ nhượng quyền thương mại			
Điều 61. Thuế TNCN đối với thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng			
Điều 62. Thuế TNCN đối với thu nhập khác			
	Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (công văn số 2167/QNG-NVDTPC ngày 03/4/2026)	Tại Điều 62 dự thảo Nghị định quy định về Thuế TNCN đối với thu nhập khác: Đề xuất: Bổ sung thêm quy định về “Thuế TNCN đối với thu nhập từ vàng miếng”. Lý do: Đảm bảo đúng tinh thần tại Thông báo số 211/TB-VPTW ngày 30/5/2025 có nêu: “Nghiên cứu, áp dụng thuế đối với giao dịch mua bán vàng để nâng cao tính minh bạch thị trường, khả năng theo	Tại Khoản 10 Điều 3 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 có quy định: “<i>Chính phủ quy định ngưỡng giá trị vàng miếng chịu thuế, thời điểm áp dụng thu và điều chỉnh thuế suất thuế TNCN đối với chuyển nhượng vàng miếng phù hợp với lộ trình quản lý thị trường vàng</i>”. Quy định này đảm bảo Chính phủ có cơ

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>dôi thị trường của cơ quan quản lý và hạn chế mua bán vàng vì mục đích đầu cơ”.</i>	sở pháp lý quyết định việc thu thuế và các nội dung cụ thể như ngưỡng chịu thuế, điều chỉnh thuế suất <u>khi các điều kiện về quản lý thị trường vàng đáp ứng yêu cầu của công tác thu và quản lý thu</u> . Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước cũng đang phối hợp với các Bộ, ngành xây dựng Đề án thành lập sàn giao dịch vàng để báo cáo Chính phủ. Sau khi Đề án này được Chính phủ thông qua thì các Bộ, ngành mới có căn cứ hoàn thiện các quy định có liên quan đến việc quản lý thị trường vàng. Khi có các quy định này thì mới có căn cứ trình Chính phủ về việc áp dụng chính sách thuế TNCN đối với hoạt động chuyển nhượng vàng của cá nhân. Do vậy, tại dự thảo Nghị định chưa quy định chi tiết về việc thu thuế đối với hoạt động chuyển nhượng vàng miếng.
	Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa (công văn số 2278/THO-NVDTPC ngày 07/4/2026)	Tại khoản 1 Điều 62 quy định <i>“Điều 62. Thuế TNCN đối với thu nhập khác</i> 1. <i>Thuế TNCN đối với thu nhập khác của cá nhân cư trú quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 16 Nghị định này được xác định bằng thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất 5%. Trong đó, thu nhập tính thuế là phần thu nhập vượt trên 20 triệu đồng mà người nộp thuế nhận được theo từng lần chuyển nhượng.</i> <i>Đối với thu nhập từ chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá, thu nhập tính thuế là phần vượt trên 20 triệu đồng của giá chuyển nhượng (bao gồm cả xe gắn với biển số trúng đấu giá) trừ (-) đi giá</i>	Về nội dung 1: Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Mức thuế suất đã quy định cụ thể tại Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15. Về nội dung 2: Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ như tại dự thảo Nghị định. Luật Thuế TNCN đã quy định cụ thể mức thuế suất đối với chuyển nhượng biển số xe

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>trị còn lại của xe theo giá tính lệ phí trước bạ tại thời điểm chuyển nhượng.</i> - Vương mặc 1: Dự thảo đang đưa tín chỉ các-bon vào chung các tính thuế 5% đối với phần doanh thu vượt 20 triệu đồng/lần (giống như trúng thưởng hay quà tặng). Điều này chưa phù hợp với thực tiễn. Bản chất của tín chỉ các-bon là một loại hàng hóa, tài sản giao dịch mang tính thương mại và đầu tư. Trên thực tế, cá nhân sở hữu tín chỉ các-bon (ví dụ: các chủ rừng, hộ gia đình tham gia dự án giảm phát thải, hoặc nhà đầu tư) chủ yếu thực hiện chuyển nhượng cho các tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu bù đắp phát thải thông qua hợp đồng kinh tế hoặc trên sàn giao dịch tập trung. Việc áp dụng Điều 62 hiện tại sẽ dẫn đến vướng mắc: Ví dụ với hợp đồng trị giá 01 tỷ đồng, nếu áp dụng thuế suất 5% phần vượt 20 triệu, cá nhân phải nộp thuế $(1 \text{ tỷ} - 20 \text{ triệu}) \times 5\% = 49 \text{ triệu đồng}$. Đây là mức khá cao so với vốn đầu tư ban đầu, đi ngược lại chủ trương khuyến khích phát triển thị trường tín chỉ các-bon của Nhà nước. Do mức thuế 5% cao, doanh nghiệp mua và cá nhân bán hoàn toàn có động cơ thông đồng “chia nhỏ” khối lượng chuyển nhượng thành hàng loạt hợp đồng có giá trị dưới 20 triệu đồng/lần để lách luật, dẫn đến thất thu toàn bộ nghĩa vụ thuế. Do đó, đề xuất chuyển nhóm tài sản này sang áp dụng tỷ lệ % trên tổng giá trị chuyển nhượng từng lần (tương tự như chuyển nhượng chứng khoán) nhằm bao quát nguồn thu, chống hành vi chia nhỏ hợp đồng và phù hợp với chủ trương khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia, phát triển thị trường tín chỉ các-bon của Nhà nước. - Vương mặc 2: Ví dụ: Một cá nhân tham gia đấu giá nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 500 triệu đồng để sở hữu biển số; mua một chiếc xe ô tô mới với giá 1 tỷ đồng. Sau một thời gian sử dụng, cá nhân chuyển nhượng	trúng đấu giá. Mức thuế suất tính trên giá chuyển nhượng vượt 20 triệu đồng và không được trừ chi phí.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		lại cả xe và biển số với giá 1,6 tỷ đồng. Tại thời điểm chuyển nhượng, giá trị còn lại của chiếc xe (khấu hao theo quy định lệ phí trước bạ) là 900 triệu đồng. Về bản chất Tiền lãi thực tế nhận được = Giá chuyển nhượng cả xe và biển - Giá trị xe còn lại - Số tiền gốc mua biển số = 1.600 triệu đồng - 900 triệu đồng - 500 triệu đồng = 200 triệu đồng. Nếu áp dụng tính thuế theo đúng khoản 1 Điều 62 Dự thảo: Thu nhập tính thuế (phần vượt 20 triệu đồng) = (1.600 triệu – 900 triệu - 20 triệu đồng) = 680 triệu đồng. Số thuế TNCN phải nộp: 680 triệu đồng× 5% = 34 triệu đồng. Theo đó, cá nhân chỉ phát sinh thu nhập thực tế là 200 triệu đồng, nhưng theo Dự thảo, cơ quan Thuế lại phải ấn định thu nhập tính thuế lên tới 680 triệu đồng. Điều này đồng nghĩa với việc cơ quan quản lý Nhà nước đang thu thuế TNCN trên cả khoản tiền gốc 480 triệu đồng mà người dân đã nộp vào Ngân sách trước đó để trúng đấu giá biển số. Quy định này đi ngược lại nguyên lý cơ bản của thuế thu nhập (chỉ điều tiết trên phần giá trị tăng thêm), điều này có thể gây bức xúc cho người dân và sẽ phát sinh khiếu nại, khiếu kiện phức tạp trong quá trình thực thi. Do đó, đề nghị sửa đổi đoạn 2 khoản 1 Điều 62 Dự thảo như sau: <i>“Đối với thu nhập từ chuyển nhượng biển số xe trúng đấu giá, thu nhập tính thuế là phần vượt trên 20 triệu đồng của giá chuyển nhượng (bao gồm cả xe gắn với biển số trúng đấu giá) trừ (-) đi giá trị còn lại của xe theo giá tính lệ phí trước bạ tại thời điểm chuyển nhượng và trừ (-) đi số tiền trúng đấu giá biển số xe mà cá nhân đã nộp vào ngân sách nhà nước có chứng từ hợp pháp.”</i>	
	Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (công văn số 1721/HPH-NVDTTPC ngày	Tại điểm đ khoản 10 Điều 3 Luật Thuế TNCN năm 2025 quy định về các khoản thu nhập khác chịu thuế:	Nội dung này cơ quan soạn thảo đã giải trình ở trên.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	03/4/2026)	“đ) Thu nhập từ chuyển nhượng vàng miếng. Chính phủ quy định ngưỡng giá trị vàng miếng chịu thuế, thời điểm áp dụng thu và điều chỉnh thuế suất thuế TNCN đối với chuyển nhượng vàng miếng phù hợp với lộ trình quản lý thị trường vàng. ” Tuy nhiên tại Dự thảo Nghị định chưa có hướng dẫn về nội dung này.	
Điều 63. Thuế TNCN đối với thu nhập từ kinh doanh			
Điều 64. Thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công			
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (công văn số 1785/BVHTTDL-PC ngày 06/4/2026)	Tại khoản 1 và 2 Điều 64 quy định: “Điều 64. Thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công 1. Thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định bằng tổng số tiền lương, tiền công mà cá nhân nhận được do thực hiện công việc tại Việt Nam nhân (x) với thuế suất 20%. 2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú được xác định như đối với thu nhập chịu thuế TNCN từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú.” Qua đối chiếu quy định tại các điều 8 và 9 Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật) cho thấy: Tại khoản 1 Điều 8 Luật quy định “1. Thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú được xác định bằng thu nhập tính thuế quy định tại khoản 2 Điều này, không phân biệt nơi trả thu nhập, nhân (x) với thuế suất tại Biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Điều 9 của Luật này”. Theo quy định tại Điều 8 và 9 Luật Thuế TNCN, thuế suất được	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Thuế suất đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân không cư trú đã quy định tại Luật Thuế TNCN. Tại khoản 2 Điều 64 dự thảo Luật chỉ dẫn chiếu về cách xác định thu nhập tương tự như đối với cá nhân cư trú.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		áp dụng lũy tiến từ 5% đến 35%, vì vậy việc quy định áp dụng thuế suất 20% tại khoản 1 và 2 Điều 8 dự thảo Nghị định là chưa phù hợp với Luật Thuế TNCN. Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, chỉnh sửa.	
	Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG	Áp dụng công thức phân bổ thu nhập toàn cầu chia cho 365 ngày, cá nhân người nước ngoài không cư trú dù chỉ đến VN trong một vài ngày ở thời điểm đầu năm vẫn phải đợi đến cuối năm có đủ thu nhập 12 tháng để tính phân bổ xác định thu nhập phát sinh tại VN cho mục đích kê khai thuế. Việc áp dụng 1 công thức phân bổ chung cho tất cả cá nhân người nước ngoài, có thời gian đến VN với thời gian và mục đích khác nhau là chưa phù hợp. <u>Đề xuất</u> bổ sung quy định: - Đối với các trường hợp cá nhân người nước ngoài hiện diện tại Việt Nam đủ 12 tháng thì tính phân bổ thu nhập toàn cầu của 12 tháng. Trường hợp sang VN giai đoạn nào thì tính phân bổ thu nhập toàn cầu tương ứng của giai đoạn đó - Miễn thuế với thu nhập phát sinh tại Việt Nam của người nước ngoài là cá nhân không cư trú hiện diện tại Việt Nam dưới 30 ngày/năm	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định. Nội dung này kế thừa quy định hiện hành và đã thực hiện ổn định trong giai đoạn vừa qua.
	Trần Diệp Hương (Vinhomes Smart City, Tây Mỗ, Hà Nội); email: trandiephuong2001@gmail.com; số điện thoại: 0934566222) - Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính phủ	Điều 64: Như đã trình bày ở Điều 4, điểm 1, việc xác định cá nhân không cư trú dựa vào sự hiện diện của cá nhân ở Việt Nam trong năm tính thuế là chưa đầy đủ. Sau đại dịch COVID-19, khái niệm làm việc từ xa, làm việc ở nhà trở nên rất phổ biến. Một người nước ngoài ngồi tại nước của họ có thể làm việc cho Việt Nam mà không cần phải hiện diện ở Việt Nam. Như vậy, với cùng 1 công việc ở Việt Nam như nhau, người hiện diện ở Việt Nam sẽ tính thuế lũy tiến từng phần cho cá nhân cư trú còn người ngồi tại nước của họ thì tính thuế 20% cho	Nội dung dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể đối với trường hợp này tại các khoản 3,4,5 Điều 64.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		cá nhân không cư trú. Điều này là không đồng nhất trong cách tính thuế vì thu nhập là không thay đổi. Một ví dụ nữa là người nước ngoài đang tính thuế lũy tiến từng phần từ đầu năm. Đến tháng 3, họ hết thời hạn làm việc ở Việt Nam và trở về nước. Lúc này, người nước ngoài trở thành cá nhân không cư trú tại Việt Nam. Hệ quả là đơn vị phải làm điều chỉnh tờ khai thuế tháng 1, 2, 3 và nộp thêm thuế, chậm nộp (nếu có) trong khi thu nhập của họ không thay đổi. Đề nghị ban soạn thảo nghiên cứu sửa đổi theo hướng cá nhân cư trú hay không cư trú nếu ký hợp đồng lao động thì đều áp dụng biểu thuế lũy tiến từng phần, chỉ có cá nhân không cư trú ký Hợp đồng dịch vụ sẽ tính thuế 20% (đồng nhất với Điều 50 điểm 2 là cá nhân cư trú ký hợp đồng dịch vụ sẽ khấu trừ thuế 10%).	
Điều 65. Thuế TNCN đối với thu nhập từ đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản, tiền bản quyền, nhượng quyền thương mại, nhận thừa kế, quà tặng, thu nhập khác của cá nhân không cư trú			
	Trần Diệp Hương (Vinhomes Smart City, Tây Mỗ, Hà Nội); email: trandiephuong2001@gmail.com; số điện thoại: 0934566222) - Gửi qua Cổng thông tin điện tử Chính phủ	Điều 66, điểm 1a: đối với cá nhân phải thực hiện quyết toán thuế vất năm, từ năm thứ 2 cách xác định số thuế phải nộp của năm tính thuế thứ 2 chưa đúng, dẫn đến nhiều trường hợp phát sinh thiếu/thừa thuế mặc dù thu nhập của cá nhân luôn ở trên mức đóng thuế 35%. Theo dự thảo và các nghị định hợp nhất, kỳ quyết toán thuế thứ hai sẽ thực hiện quyết toán thuế theo năm dương lịch và được trừ đi số thuế đã đóng trùng của kỳ quyết toán thuế năm đầu tiên đồng thời giữ nguyên thu nhập chịu thuế thực tế của thời gian đóng trùng để tính số thuế phải nộp. Quy tắc quyết toán thuế này dẫn tới trường hợp số thuế phải nộp cho năm thứ hai có thể bị thiếu hoặc thừa khi thu nhập chịu thuế trung bình của năm quyết toán thuế đầu tiên nhỏ hơn hoặc lớn hơn thu nhập chịu thuế thực tế của thời gian đóng trùng. Đề nghị Ban soạn thảo xem xét áp dụng việc trừ đồng thời thu nhập chịu thuế trung bình và thuế trung bình của thời gian đóng trùng khi thực hiện quyết toán thuế năm thứ hai.	Dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể nội dung này tại Điều 66.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 66. Kỳ tính thuế			
	Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La (công văn số 417/SLA- NVDTPC ngày 03/4/2026)	Tại Điểm a Khoản 1 Điều 66: Kỳ tính thuế - <u>Đề xuất</u>: Bổ sung nội dung: “<i>bao gồm cả trường hợp cơ quan chi trả có năm tài chính khác năm dương lịch khi thực hiện quyết toán thay cho cá nhân có thu nhập từ tiền lương tiền công thì kỳ tính thuế TNCN theo năm dương lịch</i>” - Điểm a Khoản 1 Điều 66 sau khi bổ sung: “<i>a) Kỳ tính thuế theo năm dương lịch đối với thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân, bao gồm cả trường hợp cơ quan chi trả có năm tài chính khác năm dương lịch khi thực hiện quyết toán thay cho cá nhân có thu nhập từ tiền lương tiền công thì kỳ tính thuế TNCN theo năm dương lịch</i>”	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nội dung như tại dự thảo Nghị định. Dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể: Kỳ tính thuế theo năm dương lịch đối với thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân
	Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG	Về điểm a khoản 1 Dự thảo Nghị định chưa đề cập trường hợp xác định năm tính thuế đối với cá nhân đến từ các quốc gia/vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam như ở các văn bản hướng dẫn Luật thuế TNCN trước. Chúng tôi đề xuất kế thừa quy định tại luật cũ để đảm bảo thống nhất về một chính sách đã được làm rõ, tránh trường hợp phải bổ sung quy định như trong thời gian trước đây. Bổ sung vào cuối điểm a khoản 1 Điều 66: “<i>Đối với cá nhân là công dân của quốc gia, vùng lãnh thổ đã ký kết Hiệp định với Việt Nam về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và là cá nhân cư trú tại Việt Nam thì nghĩa vụ thuế TNCN được tính từ tháng đến Việt Nam trong trường hợp cá nhân lần đầu tiên có mặt tại Việt Nam đến tháng kết thúc hợp đồng lao động và rời Việt Nam (được tính đủ theo tháng) không phải thực hiện các thủ tục xác nhận lãnh sự để được thực hiện không thu thuế trùng hai lần theo Hiệp định tránh</i>	Nội dung liên quan theo pháp luật hướng dẫn thực hiện Hiệp định thuế.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>đánh thuế trùng giữa hai quốc gia.”</i>	
	Công ty Cổ phần Tư vấn EY Việt Nam (công văn số 2026/0428/EY-TNCN ngày 28/4/2026)	Về điểm a khoản 1 Điều 66 Quy định về việc quyết toán thuế cho giai đoạn 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên đến Việt Nam có những bất cập trên thực tế, tiêu biểu như sau như sau: 1) Sau khi áp dụng công thức xác định số thuế tính trùng được trừ, với cùng mức thu nhập, nghĩa vụ thuế phát sinh có thể khác nhau, phụ thuộc thời điểm chi trả thu nhập. Vui lòng tham khảo ví dụ 1 đính kèm. 2) Không xác định được tình trạng cư trú của năm dương lịch thứ 2 nếu cá nhân có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày nhưng tính tổng 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam là từ 183 ngày trở lên, và có mặt ở Việt Nam dưới 183 ngày trong năm dương lịch thứ 2. <i>Ví dụ: Cá nhân lần đầu đến Việt Nam vào 10/05/2025 và lần cuối rời Việt Nam ngày 20/06/2026. Cá nhân có mặt tại Việt Nam trên 183 ngày trong giai đoạn từ 10/05/2025 đến 09/05/2026 và có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày trong giai đoạn từ 01/01/2026 đến 20/06/2026. Theo đó, cá nhân là cá nhân cư trú trong năm tính thuế từ 10/05/2025 đến 09/05/2026 và là cá nhân không cư trú trong năm tính thuế từ 01/01/2026 đến 20/06/2026. Như vậy, cuối cùng, cá nhân sẽ được coi là cá nhân cư trú hay không cư trú cho giai đoạn từ 01/01/2026 đến 09/05/2026?</i> 3) Bất cập trong việc kê khai và tính thuế đối với trường hợp kỳ tính thuế lẻ tháng. Cụ thể, trong ví dụ nêu trên, năm tính thuế đầu tiên là từ 10/05/2025 đến 09/05/2026. Nếu trong tháng 05/2026, cá nhân nhận thu nhập vào ngày 05/05/2026 và ngày 28/05/2026, thu nhập được tính vào năm tính thuế đầu tiên chỉ nên là thu nhập nhận được tại	Dự thảo Nghị định đã quy định số thuế tính trùng tính theo tháng. Đồng thời, cũng đã quy định về trường hợp này cá nhân có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày trong năm dương lịch đầu tiên và năm dương lịch thứ 2 nhưng từ 183 ngày trở lên trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam. Ngoài ra, việc xác định 183 ngày kể từ <u>ngày</u> đầu tiên có mặt tại Việt Nam đã quy định tại Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		ngày 05/05/2026 (do ngày 28/05/2026 nằm ngoài năm tính thuế). Khi đó sẽ phát sinh việc theo dõi và phân bổ thuế phức tạp để xác định nghĩa vụ thuế của giai đoạn trùng. <u>Đề xuất:</u> - Đề xuất xác định số thuế tính trùng được trừ của năm tính thuế thứ 2 căn cứ tổng nghĩa vụ thuế của các tháng trong giai đoạn trùng. - Đề xuất bổ sung hướng dẫn xác định tình trạng cư trú và năm tính thuế trong trường hợp cá nhân có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày trong năm dương lịch đầu tiên và năm dương lịch thứ 2 nhưng từ 183 ngày trở lên trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam. - Đề xuất bổ sung quy định kỳ tính thuế chẵn tháng. <i>“Trường hợp trong 01 năm dương lịch, cá nhân có mặt tại Việt Nam dưới 183 ngày nhưng tính trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam là từ 183 ngày trở lên thì kỳ tính thuế đầu tiên được xác định là 12 tháng liên tục kể từ ngày tháng đầu tiên có mặt tại Việt Nam. Từ năm thứ hai, thì kỳ tính thuế căn cứ theo năm dương lịch nếu cá nhân đáp ứng điều kiện là cá nhân cư trú trong năm dương lịch và việc xác định số thuế còn phải nộp trong năm tính thuế thứ 2 cụ thể như sau:</i> $\text{Số thuế còn phải nộp năm tính thuế thứ 2} = \text{Số thuế phải nộp của năm tính thuế thứ 2} - \text{Số thuế tính trùng được trừ}$ <i>Trong đó:</i> $\text{Số thuế phải nộp của năm tính thuế thứ 2} = \text{Thu nhập tính thuế của năm tính thuế thứ 2} \times \text{Thuế suất thuế thu nhập cá nhân theo Biểu lũy tiến từng phần}$	

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>Số thuế tính trùng được trừ bằng tổng nghĩa vụ thuế của các tháng trong giai đoạn trùng.</i>	
	Hiệp hội thương mại Mỹ tại Việt Nam (công văn ngày 18/05/2026)	Phương pháp xác định “số thuế tính trùng được trừ” theo công thức phân bổ bình quân số thuế phải nộp của năm tính thuế thứ nhất cho 12 tháng có thể chưa phản ánh đúng bản chất của thuế thu nhập cá nhân là sắc thuế lũy tiến từng phần, đặc biệt trong trường hợp cá nhân có thu nhập biến động hoặc phát sinh khoản thu nhập đột biến/bất thường theo từng thời điểm trong năm. Do đó, cùng một mức thu nhập cả năm nhưng nghĩa vụ thuế có thể khác biệt đáng kể tùy thuộc vào thời điểm phát sinh khoản thu nhập, dẫn đến kết quả quyết toán không hợp lý. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu lại cơ chế xác định “số thuế tính trùng được trừ” theo hướng gắn với phần thu nhập thực tế phát sinh trong giai đoạn bị tính trùng, thay vì phân bổ cơ học số thuế của năm tính thuế thứ nhất theo tháng, nhằm bảo đảm phản ánh đúng bản chất của thuế lũy tiến từng phần và hạn chế chênh lệch nghĩa vụ thuế do yếu tố thời điểm chi trả thu nhập.	Nội dung này kế thừa quy định hiện hành. Thuế TNCN đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công có kỳ tính thuế theo năm nên việc phân bổ cho 12 tháng để xác định số thuế tính trùng là phù hợp.
Điều 67. Khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay			
	Ngân hàng nhà nước Việt Nam (công văn số 2897/NHNN-TCKT ngày 14/4/2026)	Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát quy định tại các khoản này, đảm bảo không trùng lặp về phạm vi.	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định.
	Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG	Về khoản 5: <i>“Trường hợp cá nhân nhận được thu nhập do cá nhân khác chi trả mà cá nhân chi trả chưa thực hiện khấu trừ thuế, cá nhân nhận được thu nhập do tổ chức nước ngoài không đăng ký thuế tại Việt</i>	Tại dự thảo Nghị định đã hoàn thiện theo hướng trường hợp khoản thu nhập này được tổ chức Việt Nam hoàn trả chi phí cho tổ chức nước ngoài thì tổ chức

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>Nam chi trả và các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này thì cá nhân nhận thu nhập phải thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và quy định tại Nghị định này.”</i> Trên thực tế việc người nước ngoài làm việc tại VN nhưng vẫn nhận một hoặc toàn phần thu nhập từ công ty mẹ ở nước ngoài là rất phổ biến. Bên cạnh đó, giữa công ty mẹ ở nước ngoài và công ty con tại VN thường áp dụng cơ chế hoàn trả chi phí tiền lương tiền công: công ty mẹ ứng chi trả trước một hoặc toàn phần thu nhập cho người lao động nước ngoài, sau đó công ty con tại Việt Nam sẽ hoàn trả lại tương ứng và hạch toán vào chi phí lao động của công ty con tại Việt Nam. Theo quy định tại Luật thuế TNCN, nguyên tắc kê khai dựa trên mối quan hệ chi trả thu nhập, nghĩa là phần thu nhập được chi trả tại nước ngoài thì cá nhân sẽ kê khai trên tờ khai cá nhân. Luật Thuế TNCN không điều chỉnh vấn đề doanh nghiệp nào gánh chịu chi phí tiền lương, mà chỉ điều chỉnh nghĩa vụ kê khai dựa vào đơn vị chi trả thu nhập. Tuy nhiên, trên thực tiễn áp dụng, một số cơ quan thuế địa phương có cách diễn giải rằng phần thu nhập trả tại nước ngoài mà bên công ty VN hoàn trả lại là chi phí của bên VN, cho nên công ty VN phải thực hiện khấu trừ và kê khai phần thu nhập này dưới tờ khai thuế TNCN của công ty tại Việt Nam, thay vì cá nhân tự kê khai. Cách hiểu này đã dẫn tới tình huống một số doanh nghiệp và cá nhân bị truy thu thuế và xử phạt với lý do “<i>kê khai sai</i>”, mặc dù cách kê khai thực hiện trước đó hoàn toàn phù hợp với quy định gốc của Luật Thuế TNCN. Để tránh tình trạng áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan thuế và người nộp thuế, chúng tôi đề xuất cần quy định rõ việc kê khai thu nhập từ nước ngoài phải dựa trên quan hệ chi trả thu nhập, không dựa vào việc doanh nghiệp nào gánh chịu chi phí. Việc làm rõ	Việt Nam có trách nhiệm khấu trừ thuế.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		này sẽ bảo đảm tính minh bạch, thống nhất trong thực thi pháp luật, đồng thời giúp doanh nghiệp và cá nhân yên tâm tuân thủ, giảm thiểu rủi ro tranh chấp và xử phạt không đáng có cho người nộp thuế. <u>Đề xuất</u> sửa đổi nội dung khoản 5 Điều 67 để làm rõ việc kê khai trong trường hợp hoàn trả chi phí của bên Việt Nam: <i>“5. Trường hợp cá nhân nhận được thu nhập do cá nhân khác chi trả mà cá nhân chi trả chưa thực hiện khấu trừ thuế, cá nhân nhận được thu nhập do tổ chức nước ngoài không đăng ký thuế tại Việt Nam chi trả (bao gồm cả trường hợp khoản thu nhập này được tổ chức Việt Nam hoàn trả chi phí cho tổ chức nước ngoài) và các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này thì cá nhân nhận thu nhập phải thực hiện kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và quy định tại Nghị định này.”</i>	
	Thái Mạnh Cường (Email: cuong.thaimanh@gmail.com Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	<u>Đề nghị</u> bổ sung một điểm vào khoản 4 Điều này: <i>“Tiền lương, tiền công, tiền thù lao, tiền chi khác cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng hoặc ký hợp đồng lao động dưới 3 tháng mà mức thu nhập dưới 3 triệu đồng/lần mà không có thỏa thuận về việc khấu trừ thuế theo quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định này”</i> Đảm bảo bao quát các trường hợp không khấu trừ.	Dự thảo Nghị định hoàn thiện đã bao quát trường hợp này tại khoản 2 Điều 50 dự thảo Nghị định.
Điều 68. Quyết toán thuế, hoàn thuế			
	Bộ Xây dựng (công văn số 5960/BXD-KHHC ngày 22/4/2026)	Đề nghị bổ sung hướng dẫn cụ thể, chi tiết về công tác quyết toán thuế TNCN năm đối với các tổ chức, đơn vị thực hiện sáp nhập, hợp nhất hay giải thể.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định do nội dung này quy định thuộc lĩnh vực quản lý thuế.
	Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI (công văn số	Đề nghị làm rõ trường hợp đã nộp thuế TNCN cho khoản NSDLĐ đóng góp cho NLĐ vào quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung, nhưng sau đó	Tại dự thảo Nghị định đã quy định cụ thể. Đây là thỏa thuận giữa doanh nghiệp

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	66/2026/CV-SSIAM.PC ngày 03/4/2026)	NLĐ không đủ điều kiện để được nhận khoản đóng góp và thu nhập này, thì NLĐ sẽ thực hiện quyết toán và hoàn lại khoản thuế đã đóng góp như thế nào. Nghị Định 85/2026/N-CP bảo hiểm hưu trí bổ sung có quy định về điều kiện để NLĐ được hưởng phần đóng góp của NSDLĐ.	và người lao động, theo đó trường hợp cá nhân bị thu hồi quyền lợi thì doanh nghiệp có trách nhiệm về phần thuế mà cá nhân đã nộp (nếu có).
Điều 69. Hiệu lực thi hành			
	Bộ Y tế (công văn số 2401/BYT-KHTC ngày 06/4/2026)	Về điều khoản thi hành và chuyển tiếp (Điều 69, 70): Đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể về quyết toán thuế TNCN đối với năm tài chính 2026 (giai đoạn chuyển tiếp khi Luật số 109/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/7/2026). Lý do: Việc bổ sung hướng dẫn cụ thể sẽ bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện, tạo thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong việc khấu trừ, kê khai và quyết toán thuế cho người lao động khi chính sách có sự thay đổi trong năm.	Theo quy định của Luật Thuế TNCN, chỉ thu nhập từ kinh doanh và thu nhập từ tiền lương, tiền công là thu nhập phải quyết toán thuế. Tại Điều 29 Luật Thuế TNCN quy định các thu nhập liên quan đến thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026. Do chưa đến thời hạn quyết toán nên không cần thiết phải có điều khoản chuyển tiếp.
	Bộ Công an (công văn số 6821/ANKT-TCĐT ngày 21/4/2026)	Đề nghị quy định cụ thể điểm b, điểm c khoản 2 Điều 69 - dự thảo Nghị định đối với điều, khoản, điểm sẽ bị thay thế tại Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế và tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế để đảm bảo rõ ràng, thống nhất trong triển khai thực hiện.	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định.
	Bộ Tư pháp (công văn số 2643/BTP-PLDSKT ngày 22/4/2026)	Đề nghị xác định rõ các điều khoản hết hiệu lực tại Nghị định số 91/2014/NĐ-CP và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP được quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 69 dự thảo Nghị định để đảm bảo quá trình tổ chức thi hành pháp luật được thống nhất, thuận lợi.	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Đề nghị chỉnh lý quy định tại khoản 1, 2 Điều 70 dự thảo Nghị định về trách nhiệm ban hành văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 4 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật là Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ).	Tiếp thu ý kiến và thể hiện tại dự thảo Nghị định
	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (công văn số 0685/LĐTM-PC ngày 16/4/2026)	Nghị định dự kiến ban hành giữa năm 2026 với rất nhiều thay đổi về định mức (như vãng lai tăng từ 2tr lên 3tr, ăn ca, trúng thưởng). Nếu không có điều khoản chuyển tiếp, các doanh nghiệp sẽ phải khai bổ sung hồi tố lại toàn bộ 6 tháng đầu năm, gây quá tải và phát sinh tiền chậm nộp. <u>Đề nghị</u> bổ sung quy định chuyển tiếp theo hướng, các khoản đã kê khai tính thuế từ 01/01/2026 đến ngày Nghị định có hiệu lực theo luật cũ thì không phải nộp lại hồ sơ khai thuế các tháng/quý, mà chỉ thực hiện điều chỉnh vào hồ sơ khai quyết toán thuế năm 2026.	Tiếp thu ý kiến và thể hiện tại dự thảo Nghị định tại điều khoản chuyển tiếp.
	Thái Mạnh Cường (Email: cuong.thaimanh@gmail.com Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội)	Đề nghị bổ sung quy định chuyển tiếp: <i>“Trường hợp từ ngày 01/01/2026 đến ngày có hiệu lực của Nghị định này, tổ chức, cá nhân đã tính thuế đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công theo các văn bản quy định tại khoản 2 Điều này và văn bản hướng dẫn chi tiết thì không phải khai bổ sung hồ sơ khai thuế các tháng/quý trong thời gian này, chỉ điều chỉnh trong hồ sơ khai quyết toán thuế năm 2026.”</i> Trong 6 tháng đầu năm, do chưa có Nghị định, các doanh nghiệp buộc phải áp dụng các quy định cũ để khai thuế với nhiều nội dung có thay đổi như mức thu nhập vãng lai tăng từ 2 triệu lên 3 triệu, mức tiền trúng thưởng và quà tặng tăng từ 10 triệu lên 20 triệu, tiền đóng bảo hiểm nhân thọ tăng từ 1 triệu lên 3 triệu, tiền ăn ca từ không bị giới hạn giảm còn 1,2 triệu,...	Tiếp thu ý kiến và thể hiện tại dự thảo Nghị định tại điều khoản chuyển tiếp.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Bên cạnh đó, còn có nhiều thay đổi về xác định người phụ thuộc, các khoản thu nhập miễn thuế,... Do đó, nếu phải áp dụng Nghị định này cho cả 6 tháng đầu năm thì các cơ quan, doanh nghiệp phải kê khai, bổ sung hồ sơ khai thuế, có thể phát sinh tiền chậm nộp lớn, ảnh hưởng lớn đến hoạt động của các cơ quan, doanh nghiệp.	
Điều 70. Trách nhiệm thi hành			
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (công văn số 1785/BVHTTDL-PC ngày 06/4/2026)	Dự thảo Nghị định có hiệu lực thi hành từ 01/7/2026, do đó đề nghị bổ sung 01 điều quy định về chuyển tiếp để tạo điều kiện thuận lợi trong việc áp dụng thuế cho các đối tượng có liên quan.	Tiếp thu ý kiến và thể hiện tại dự thảo Nghị định tại điều khoản chuyển tiếp.
	Bộ Y tế (công văn số 2401/BYT-KHTC ngày 06/4/2026)	Về điều khoản thi hành và chuyển tiếp (Điều 69, 70): Đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn cụ thể về quyết toán thuế TNCN đối với năm tài chính 2026 (giai đoạn chuyển tiếp khi Luật số 109/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/7/2026). Lý do: Việc bổ sung hướng dẫn cụ thể sẽ bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện, tạo thuận lợi cho các cơ quan, đơn vị trong việc khấu trừ, kê khai và quyết toán thuế cho người lao động khi chính sách có sự thay đổi trong năm.	Dự thảo Nghị định quy định về việc áp dụng đối với tiền lương tiền công và thu nhập từ kinh doanh áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026.
	Bộ Khoa học và Công nghệ (công văn số 2616/BKHCN-KHTC ngày 09/4/2026)	Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh quy định tại khoản 2 Điều 70 theo hướng lược bỏ các nội dung tại điểm a, điểm b và điểm c nhằm bảo đảm thống nhất với các nội dung đã được đề xuất chỉnh sửa tại Điều 35, khoản 2 Điều 41 và Điều 42 của dự thảo Nghị định, cụ thể: Nội dung tại điểm a về việc giao Bộ Khoa học và Công nghệ “<i>quy định nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại khoản 17</i>	Tiếp thu và thể hiện tại dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>Điều 4 Luật Thuế TNCN</i>” đã được nghiên cứu, đề xuất cụ thể tại Điều 35 của dự thảo Nghị định theo ý kiến của Bộ. Nội dung tại điểm b về việc giao Bộ Khoa học và Công nghệ “<i>quy định khái niệm và điều kiện đối với cá nhân là nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao</i>” đã được quy định đầy đủ tại pháp luật chuyên ngành. Theo đó, khái niệm nhân lực công nghiệp công nghệ số đã được quy định tại khoản 4 Điều 3 Luật Công nghiệp công nghệ số; tiêu chí xác định nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao đã được quy định cụ thể tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP; đồng thời, các hoạt động công nghiệp công nghệ số cũng đã được quy định tại Điều 13 Luật Công nghiệp công nghệ số và Điều 4 Nghị định số 353/2025/NĐ-CP. Nội dung tại điểm c về việc giao Bộ Khoa học và Công nghệ “<i>quy định khái niệm, điều kiện cá nhân là nhân lực công nghệ cao tại khoản 3 Điều 5 Luật Thuế TNCN</i>” đã được nghiên cứu, đề xuất cụ thể tại khoản 2 Điều 42 của dự thảo Nghị định theo ý kiến của Bộ.	
Ý kiến chung			
	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (công văn số 1785/BVHTTDL-PC ngày 06/4/2026)	Đề nghị bổ sung quy định hoặc hướng dẫn về việc áp dụng, triển khai thực hiện miễn thuế TNCN theo Khoản 4 Điều 7 Nghị quyết 197/2025/QH15: “<i>Thu nhập từ công tác xây dựng pháp luật theo quy định tại Nghị quyết này được miễn thuế TNCN và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước.</i>”. Lý do: Mặc dù Nghị quyết 197/2025/QH15 có quy định nguyên tắc ưu tiên áp dụng, việc triển khai trên thực tế vẫn cần được thực hiện thông qua các quy trình quản lý thuế theo quy định của pháp luật về thuế TNCN. Do đó, việc có hướng dẫn cụ thể là cần thiết để các cơ quan, tổ chức có cơ sở thực hiện thống nhất trong các khâu như khâu trừ, kê khai và quyết toán thuế TNCN.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định do tại khoản 4 Điều 29 Luật Thuế TNCN quy định: “ <i>4. Trường hợp có quy định khác nhau về ưu đãi thuế giữa Luật này với Luật Thủ đô, nghị quyết của Quốc hội và giải pháp quy định tại điểm h khoản 8 Điều 10 của Luật Tổ chức Chính phủ thì áp dụng theo Luật Thủ đô, nghị quyết của Quốc hội và giải pháp quy định tại điểm h khoản 8 Điều 10 của Luật Tổ chức Chính</i>

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<i>phủ. Trường hợp quy định tại Luật này ưu đãi hơn thì người nộp thuế được lựa chọn áp dụng mức ưu đãi có lợi nhất.”. Như vậy, trường hợp Nghị quyết 197/2025/QH15 có quy định nội dung khác đối với Luật Thuế TNCN thì áp dụng theo Nghị quyết 197/2025/QH15.</i>
	Bộ Tư pháp (công văn số 2643/BTP-PLDSKT ngày 22/4/2026)	Một số quy định tại dự thảo Nghị định quy định hồ sơ, thủ tục để giải quyết các thủ tục liên quan đến thuế thu nhập cá nhân (miễn thuế, quyết toán thuế, khấu trừ thuế, khai thuế thay, nộp thuế thay thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế (khoản 3 Điều 18, khoản 4 Điều 19, khoản 5 Điều 38, khoản 4 Điều 51, khoản 5 Điều 55, khoản 6 Điều 56, khoản 3 Điều 67, khoản 3 Điều 68) là không phù hợp với thẩm quyền được giao tại Luật số 109/2025/QH15 (Luật số 109/2025/QH15 không giao Chính phủ quy định chi tiết về hồ sơ, thủ tục). Do đó, cần rà soát, bỏ các quy định nêu trên để đảm bảo phù hợp với phạm vi được Luật giao quy định chi tiết.	Tại Điều 6 Luật Thuế TNCN số 109/2025/NĐ-CP quy định: Căn cứ quy định của Luật này, Chính phủ quy định về kỳ tính thuế theo năm đối với thu nhập từ kinh doanh, thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân cư trú, kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh đối với các khoản thu nhập khác của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; thời điểm xác định thu nhập tính thuế; quyết toán thuế; hoàn thuế đối với trường hợp cá nhân có số thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp hoặc chưa đến mức phải nộp; trách nhiệm khấu trừ, khai thay, nộp thay cho người nộp thuế phù hợp với quy định của Luật Quản lý thuế. Theo đó, dự thảo Nghị định đã hoàn thiện phạm vi điều chỉnh để quy định về biện pháp để tổ chức và hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNCN.
		Đối với các nội dung khác của dự thảo Nghị định chủ yếu là vấn đề kinh tế - tài chính nên dự thảo Nghị định cần được lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, các chuyên gia và cơ	Dự thảo Nghị định đã được lấy ý kiến rộng rãi, được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Tài chính

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		quan, tổ chức có liên quan; đồng thời cần rà soát dự thảo Nghị định đảm bảo kỹ thuật soạn thảo theo đúng quy định tại Chương V Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).	và đã được rà soát, đảm bảo kỹ thuật soạn thảo theo đúng quy định tại Chương V Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật
	Ủy ban nhân dân thành phố Huế (công văn số 587/HUE-CNTK ngày 06/4/2026)	1. Đề nghị xóa gạch ngang dưới tên Nghị định cho phù hợp với mẫu 01 phụ lục III, ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025, 2. Đề nghị chỉnh lý các điểm của khoản 3 dự thảo Nghị định theo đúng thứ tự chữ cái tiếng Việt (trang 6) cho phù hợp với điểm b mục 2 phần III của phụ lục I kèm theo Nghị định 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025, cụ thể: “ ... <i>d) Phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với những ngành, nghề hoặc công việc ở nơi làm việc có yếu tố độc hại, nguy hiểm;</i> <i>đ) Phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực;</i> <i>e)... ”.</i>	Tiếp thu tại dự thảo Nghị định
	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (công văn số 0685/LĐTM-PC ngày 16/4/2026)	Pháp luật về thuế thu nhập cá nhân hiện đang chưa có cơ chế ưu đãi đối với việc chuyển giao công nghệ, bản quyền phần mềm, chi phí đào tạo nâng cao kỹ năng số (AI, Big Data, Blockchain) hay cơ chế thử nghiệm công nghệ (Sandbox). Điều này là chưa đồng bộ với chính sách của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. <u>Đề nghị</u> bổ sung hướng dẫn chi tiết miễn thuế (hoặc thuế suất 0%) đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ và bản quyền phần mềm. Thu nhập từ các dự án đổi mới sáng tạo (sáng kiến) không phải chịu thuế thu nhập cá nhân. Quy định rõ chi phí cử nhân sự đi đào tạo kỹ năng công nghệ cao không tính vào thu nhập chịu thuế của	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định tại Luật Thuế TNCN số 109/2025/NĐ-CP không quy định ưu đãi cho những nội dung này.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		người lao động. Có cơ chế hướng dẫn áp dụng ưu đãi thuế thu nhập cá nhân đặc biệt cho nhân sự tham gia các dự án thí điểm công nghệ (Sandbox).	
	Hiệp hội bất động sản Việt Nam (công văn số 23/CV-HHBĐSVN ngày 17/4/2026)	Đề xuất: Bổ sung hướng dẫn xác định doanh thu đối với thu nhập từ kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử, không bao gồm các khoản người bán giảm giá cho người mua. Lý do: Các khoản mà người bán giảm giá cho người mua là các khoản giảm trừ khỏi thu nhập của cá nhân nên cần được trừ ra khỏi Doanh thu tính thuế của cá nhân kinh doanh, để đảm bảo công bằng và phù hợp với thực tiễn.	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định do nội dung quy định này thuộc quy định tại Nghị định số 68/2026/NĐ-CP.
	Nguyễn Văn Hùng (Email: nhung16062003@gmail.com, Tầng 18, Tòa tháp Hòa Bình, Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội)	1. Về kỹ thuật trình bày căn cứ ban hành Đề nghị Ban soạn thảo rà soát, hoàn thiện cho phù hợp với quy định tại điểm d khoản 1 mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP (khi trình bày tên văn bản quy phạm pháp luật trong phần căn cứ cần đảm bảo các thành tố: tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản, tên cơ quan ban hành và tên gọi của văn bản), ví dụ phần căn cứ ban hành Nghị định cần bổ sung thêm: <i>Căn cứ Luật Thuế TNCN số 109/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Thuế TNCN);</i> <i>Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15);</i>	Tiếp thu tại hồ sơ dự thảo Nghị định.
		2. Có cần thiết ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định hay không? Đề nghị Ban soạn thảo đánh giá kỹ tác động về thủ tục hành chính, trình tự hồ sơ, thủ tục kèm theo Nghị định để xem xét có cần thiết ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định hay không, bởi vì hiện tại trong	Cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên nội dung như tại dự thảo Nghị định tại hồ sơ dự thảo do tại Quyết định số 2835/QĐ-TTg ngày 31/12/2026 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục và phân

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Dự thảo Nghị định đang đề cập rất chung chung, như: Khoản 3 Điều 18; Khoản 4 Điều 19... tại Dự thảo đang đề cập Hồ sơ, thủ tục miễn thuế thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế. Quy định dẫn chiếu một cách chung chung như vậy có thể dẫn đến một số hệ quả thực tiễn như sau: Thứ nhất, pháp luật về quản lý thuế hiện hành (đặc biệt là các văn bản như Luật Quản lý thuế 2019 và 2025 vừa được Quốc hội thông qua ngày 10/12/2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành) quy định khá rộng, bao trùm nhiều loại nghĩa vụ và thủ tục khác nhau. Nếu không có hướng dẫn cụ thể áp dụng cho trường hợp hồ sơ, thủ tục theo Nghị định này, cơ quan thuế và người nộp thuế có thể hiểu và áp dụng không thống nhất, dẫn đến rủi ro phát sinh tranh chấp hoặc kéo dài thời gian xử lý hồ sơ. Thứ hai, việc thiếu quy định chi tiết về thành phần hồ sơ, trình tự, thời hạn giải quyết, cũng như cơ chế phối hợp giữa các cơ quan liên quan có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Trong bối cảnh người nộp thuế (đặc biệt là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài hoặc các giao dịch phức tạp) cần sự rõ ràng để lập kế hoạch thuế, quy định chung chung sẽ gây khó khăn trong việc dự báo và thực hiện. Thứ ba, trên thực tế áp dụng, các cơ quan Thuế địa phương có thể ban hành hướng dẫn nội bộ khác nhau để “<i>lấp khoảng trống</i>” của quy định, từ đó làm phát sinh tình trạng không thống nhất giữa các địa phương, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư và nguyên tắc minh bạch, công bằng trong quản lý thuế. Thứ tư, trong trường hợp Nghị định là văn bản quy định chính sách mới hoặc có yếu tố kỹ thuật cao, việc thiếu Thông tư hướng dẫn chi tiết có thể khiến chính sách chậm đi vào cuộc sống hoặc bị áp dụng sai lệch so với mục tiêu ban đầu của Ban soạn thảo. Do đó, đề nghị Ban soạn thảo: - Rà soát và cân nhắc bổ sung quy định chi tiết ngay trong Nghị	cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 10, tại số thứ tự 27 đã giao Bộ Tài chính ban hành theo thẩm quyền Thông tư hướng dẫn Luật Thuế TNCN và Nghị định này.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		định về hồ sơ, trình tự, thủ tục miễn thuế; hoặc - Trường hợp không thể quy định đầy đủ tại Nghị định, cần xác định rõ phạm vi nội dung giao Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn, bảo đảm tính cụ thể, minh bạch và khả thi khi triển khai thực hiện.	
		3. Tên gọi Nghị định tại Dự thảo Nghị định: Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNCN. Việc đề xuất sửa đổi tên gọi Nghị định là cần thiết, xuất phát từ các cơ sở sau: Thứ nhất, tên gọi hiện tại “Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế TNCN” chưa phản ánh đầy đủ phạm vi điều chỉnh của văn bản. Trên thực tế, nội dung Dự thảo không chỉ dừng lại ở việc “quy định chi tiết” mà còn bao gồm các quy định mang tính tổ chức thực hiện, phối hợp giữa các cơ quan, bộ, ngành và quy trình áp dụng pháp luật trong thực tiễn. Thứ hai, theo thông lệ xây dựng pháp luật và phù hợp với tinh thần của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 (đã được sửa đổi, bổ sung), đối với các Nghị định có chứa cả nội dung quy định chi tiết và nội dung hướng dẫn thi hành, tên gọi cần thể hiện đầy đủ hai chức năng này nhằm bảo đảm tính minh bạch, thống nhất giữa tên gọi và nội dung văn bản. Thứ ba, việc bổ sung cụm từ “và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành” sẽ tạo cơ sở pháp lý rõ ràng hơn cho các quy định liên quan đến trình tự, thủ tục, hồ sơ, cũng như trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong quá trình triển khai. Điều này góp phần hạn chế cách hiểu rằng Nghị định chỉ mang tính “diễn giải luật”, từ đó tránh khoảng trống pháp lý trong tổ chức thực hiện. Thứ tư, tên gọi đầy đủ, bao quát hơn cũng giúp giảm nhu cầu phải	Tiếp thu ý kiến và thể hiện tại dự thảo Nghị định và các tài liệu có liên quan, trong đó, đã điều chỉnh tên gọi định và phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị định.

ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý/ THAM VẤN/PHẢN BIỆN	NỘI DUNG GÓP Ý/ THAM VẤN/ PHẢN BIỆN	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		ban hành thêm nhiều văn bản hướng dẫn dưới luật (như Thông tư), qua đó góp phần đơn giản hóa hệ thống pháp luật, nâng cao tính ổn định và khả thi trong áp dụng. Vì các lý do nêu trên, việc sửa đổi tên gọi như đề xuất là phù hợp, bảo đảm phản ánh đúng tính chất, phạm vi và vai trò của Nghị định trong hệ thống pháp luật.	